

Nigel Richardson

**THANG
DAY**



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Nigel Richardson

Nguyễn Tuệ Đan dịch

THANG DAY



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

ebook©vctvegroup

11-08-2018

Tưởng nhớ hai người, vừa là bạn vừa là cha của tôi

Christopher Gilbert

1950 - 2004

&

Tim Petter

1959 - 2006

CHƯƠNG 1

Tôi đứng trước vòng rào ngăn chuồng sói, chẳng mấy chốc sau một con sói xuất hiện, đi dọc theo dãy hàng rào. Thoạt đầu, nó trông rất lóng ngóng. Đầu nó cúi thấp và những cái chân màu trắng, gầy khăng khiu, di chuyển cứng nhắc ngược ngệ. Nhưng đó chỉ là sự đánh lừa. Con sói chỉ phô bày ra chừng năm phần trăm khả năng của nó. Phần còn lại được nó giấu kín cho tới khi cần thiết. Chẳng mấy chốc sau, con sói tỏ ra khoái tôi hơn. Khi tiến đến gần, nó ngẩng cao đầu lên, phóng đến với điệu bộ mạnh mẽ và nhanh thoăn thoắt. Lông nó dày và xoáy rợn lên giữa màu trắng và nâu, như bọt cà phê sữa.

Nó như đang cười. Hoác mồm thở hỗn hển, lưỡi cuộn lại như một lát thịt đỏ lè nằm giữa những chiếc răng hàm dưới nhọn sắc như dao găm. Nhưng nó không cười. Loài sói không cười với loài người. Thông thường chúng không thèm nhìn đến chúng ta, bởi vì đối với sói thì loài người thật chán ngắt. Chúng ta quá đông, trông giống y chang như nhau, và làm những chuyện cũng y chang như nhau, như đứng lại quan sát chúng, búng tay, rồi giả giọng gầm gừ. Rồi chúng ta bỏ đi, trở lại với đời sống con người, cái đời sống mà chẳng hề gọi lên cho một con sói một chút gì ganh tỵ thêm muốn.

Nhưng tôi không làm những điều đó. Tôi đứng yên tập trung, cố trò chuyện với nó bằng tâm trí mình. Và con sói ngó tôi. Phải thừa nhận rằng nó tỏ ra không khoái gì tôi hơn là tôi khoái một miếng giấy gói kẹo vắt trên via hè. Nhưng tuy nhiên, trong một tích tắc nó ngó vào tôi. Đôi mắt màu vàng khói của nó rục lên như thể có một đám lửa cháy rùng rục bên trong, một đốm lửa nằm ngay trung tâm của cái đầu sói. Đôi mắt đó truyền đạt mọi chuyện. Tôi không thể kể với bạn chính xác điều gì vì đó là những ý-nghĩ-

loài-sói, và chúng không dịch ra thành những ý nghĩ của loài người một cách rõ ràng, nhưng tôi cảm nhận được chúng.

Nhiều lúc những ý-nghĩ-loài-sói xoa dịu tôi và nhiều lúc chúng lại chọc giận tôi. Hôm đó chúng lại xoa dịu tôi. Tôi cần sự xoa dịu. Mới chỉ mười phút trước, tôi đục một thẳng nhóc tươi bời và cảm giác đó vẫn còn bùng bùng rạo rức trên năm đấm của tôi. Nay, không phải một mình tôi đục nó đâu. Tôi không có ý nói rằng mấy thẳng bạn của tôi, Vernon Crottall và Barry Lunc, cũng có dính vào. Tôi muốn nói rằng có một điều gì đó từ bên trong chiếm ngự hoàn toàn con người tôi và khiến tôi làm chuyện đó dẫu rằng mình không muốn chút nào. Chuyện như thế này chưa bao giờ xảy ra với tôi và nó thật kinh khủng.

Má biết chuyện, nhưng má cũng không biết cóc khô gì cả. Bà thấy bản mặt sưng vù của tôi, và vết máu khô trên lỗ mũi mà tôi không để ý, rồi vội vã kết luận trật lất rằng tôi là nạn nhân của một trận tấn công ngẫu nhiên và vô cố của một trong hàng trăm thẳng vô lại xỏ môi đeo vòng mà bà thấy đầy trong vùng Lock. Thậm chí, thật là khôi hài khi má còn thấy hài lòng, vì nó là một lý do nữa để dời nhà đi khỏi London.

Má nói: “Mình không thể dọn đi sớm, nếu con muốn biết thì vậy đó. Con sẽ thích sống ở miền quê, cưng à, má hứa đó. Mình sẽ thoát khỏi mọi thứ chuyện điên rồ này.” Bà không biết rằng cái điên rồ đó chính là bản thân tôi.

Con đường Regent's Canal, nằm giữa Camden Lock và công viên Regent's, một buổi chiều tháng bảy. Vern, Barry và tôi mang mấy lon nước táo xuống đó. Thật vậy, có rất nhiều thẳng quái cà rớn loanh quanh, các mụ cái bang tóc búi, mấy thẳng từng từng mang dao gấp hiệu Stanley sau túi quần, nhưng chúng tôi không ngại, chúng tôi là dân Camden mà. Chúng tôi đang ngồi trên băng ghế chỗ các chiếc thuyền hẹp và dài neo lại. Chiếc đậu ngay trước mặt của chúng tôi có tên Bilbo Baggins, nó thiệt là sến, vẽ đầy hoa lá màu mè quanh mấy cái cửa sổ. Các bức màn đều hạ xuống trừ một cửa sổ có một khe hở nhỏ mà có thể nhìn vào nếu bạn đến gần và quỳ xuống vừa tầm. Vern nói rằng có thể có một nàng nào đó trên thuyền đang cởi đồ. Hẳn thách tôi đến ngắm thử nhưng tôi không làm. Chúng tôi tiếp tục ngắm

thiên hạ đi ngang trên con đường bên bờ kênh và cười nhạo những kẻ vô công rồi nghề. Như gã "mã vạch" – gã hói đầu cố che giấu đi bằng cách chải những sợi tóc mỏng phủ lên chỗ hói – đi ngang qua, rồi tới một đám ngồi lê đôi mách - những mẹ đàn bà mặc áo núc mặc quần tất chật căng, miệng phì phèo thuốc lá mà Vern gọi là đám đờng ung thư.

Và tôi thầm nghĩ Barry và Vern thật là sung độ. Trước đây, khi gặp nhau chúng tôi thường ngoéo cánh tay và ngón tay lại với nhau, rồi siết thật mạnh, cụng trán nhau côm cốp và cau mày lại. Chúng tôi học cú đố của các cầu thủ Arsenal ăn mừng một bàn thắng mới.

Má có một điều kỳ cục: bà không thích Barry nhưng lại nghĩ tốt cho Vern. Có lần ba rầy rà với bà về chuyện đó. Lần đó là sau khi bà nói bà không muốn tôi đi dự tiệc ở nhà của Barry vì má của hắn không có mặt ở đó, mà chỉ có anh của hắn cai quản cả bọn nhóc tí mười hai tuổi với nhau.

Ba nói: “Hãy trung thực nào Clare, em chỉ cố viện lý do. Em không thích thằng nhóc đó, và chỉ có vậy thôi.”

Má đáp: “Không phải em không thích nó. Em chỉ không tin tưởng thằng anh của nó lãnh lấy trách nhiệm thôi.”

Ba hỏi: “Tại sao không nào? Này nhóc, thằng đó mấy tuổi rồi?” (Nhóc là cách ba gọi khi ông không gọi tên cúng cơm của tôi. Gọi như vậy thì đỡ hơn là Mong, cái tên mà nhiều lúc Vern và mấy thằng nhóc khác gọi tôi, hay là Đầu Cá Trê vì dải tai tôi ngắn ngủn.)

Tôi đáp: “Chừng hai mươi.”

Ba nói: “Ba thấy vậy là đủ lớn để giữ được mười thằng cu quậy.”

Tôi nói: “Hoan hô ba.” Ba rất biết cách chơi quậy.

Má hỏi: “Hai mươi tuổi đầu rồi mà nó ở nhà làm gì?”

Ba đáp: “Vì nó không kham nổi tiền thuê nhà mắc như quỳ trong vùng thủ đô gạo châu củi quế của mình đây nè.”

Má nói: “Vì nó nhập băng và hút xách, rồi dạy tội nhỏ những trò nguy hiểm trên mấy chiếc xe đạp leo núi của chúng. Nó lêu lổng trên mấy chiếc xe đạp làm gì vào cái tuổi đó chứ?”

Nói cho biết nghen, má quả là dân bảo thủ.

Ba hỏi: “À, còn má của Barry thì sao đây trong khi mình bàn chuyện này chứ?”

Má hỏi: “Bả thì sao?”

“Clare nè, thiệt ra là em thích Vernon Crottall vì má nó là bác sĩ ở vùng Highgate và ba nó làm ngành báo chí, và em không thích Barry, cái họ quý gì...”

Tôi nói: “Lunc.”

“Ừ, họ Lunc, vì nhà nó không có cha và má nó là... bả làm gì hả nhóc?”

“Làm nhân viên lễ tân cho hội đồng quận Camden.”

Tôi suýt nói ra một điều, may mà tôi không muốn mách lẻo về bạn bè. Nhưng điểm quan trọng là, giá mà má biết thằng Vern quậy cỡ thế nào, và bà mẹ cứ toang toác toang toác và ông bố phóng-viên-nước-ngoài chuyên-mặc-áo-giáp-trên-tivi của nó. Chính thằng Vern bắt tôi liếm một lon bia đã bỏ trong ngăn đá tủ lạnh. Chính thằng Vern chôm cái ly giấy đầy tiền xu của một tay giang hồ bằng cái gậy chơi bóng chày ở bên ngoài tàu điện Chalk Farm. Chính thằng Vern hút xì-ke năm mười ba tuổi, và chôm tiền trong ví của má nó và bao cao su trong bao đựng laptop của ba nó, và cố dụ tôi và thằng Barry đi với nó để bốc một em điểm đứng đường sau khu nhà ga King's Cross. Và chính thằng Vern cho rằng việc nện te tua một thằng nhóc tình cờ đi ngang qua khi chúng tôi ngồi chơi trên băng ghế uống nước táo cạnh bên bờ kênh buổi chiều hôm đó là thật là cừ, và tôi nhìn mông lung vào khoảng không tưởng tượng mấy chiến hữu của mình ngẫu ra sao, và tôi sẽ nhớ chúng như thế nào khi chúng tôi dọn nhà khỏi London.

Tôi biết thằng nhóc đó. Nó hơi mát dây, trước đây thường la cà quanh vùng Camden Lock, lúc nào cũng đứng đó gật gù, mặc dù nhiều khi được trả chừng 5 pao một ngày cho việc đứng đưa tờ quảng cáo cho một tiệm xăm mình và xỏ kim tên là The Damage Done. Tôi nhớ ra nó vì một vài tuần trước nó khạc đờm lên giày tôi. Cố tình. Tôi đang đứng chờ ở một hàng bán thức ăn để lấy cái đĩa giấy đựng cá viên và mì, thì phạch một cái, một sợi dây góm ghiếc lơ lửng trong không khí làm cho chiếc giày của tôi và miệng

của hắn nổi lại với nhau trong một giây bằng một cây cầu treo bằng đờm vàng khè. Hắn ngó cục đờm, gật gù đầu với nó, rồi nói: “Đồ ngu mà bảnh tềng.” rồi bỏ đi.

Trường của tôi không bảnh chút nào. Nó là một trường phổ thông, mặc dù không cùng kiểu phổ thông như của thằng Khắc Đờm. Trong trường tôi có rất nhiều cha mẹ của học sinh giống như cha mẹ tôi: kha khá nhưng không phải dân giàu có nứt vách. Giàu có nứt vách thì phải có một ông bố luôn mặc vét lái xe Bentley và gửi bạn đến học ở một trường danh giá, ở đó người ta mặc những bộ đồng phục mà cả ba trăm năm rồi vẫn chưa thay đổi. Mấy ông bố giàu không mặc áo choàng da và đi giày giả da báo đế cao su hiệu George Cox, mua ở tiệm Doc Marten ngay góc phố khu xe điện Camden. Ngẫu nhiên ba má tôi trông cũng khá, hay dù sao thì ba tôi cũng khá. Nhưng thằng Khắc Đờm vẫn ghét tôi, hay những người giống tôi. Và tôi ghét thằng Khắc Đờm, không chỉ vì hắn nhổ toẹt lên giày tôi mà thôi (má tôi phải bỏ nó vào máy giặt để giặt, rồi nó bị phai màu đi nên bà phải bỏ luôn chiếc kia vào cho chúng cân bằng với nhau.) nhưng vì hắn làm tôi trông giống một thằng hèn không dám làm gì lại hắn cả. Tôi thừa nhận có lẽ là tôi hơi xin: tôi uống gần hết một lon rượu táo Strongbow. Nhưng tôi cũng thấy thằng này đang đi tà tà theo con đường dọc bờ kênh từ hướng Camden Lock tới. Hắn cúi thấp đầu, bước từng bước ngắn làm hắn trông giống như một tay thiếu năng trí tuệ. Tôi thúc cùi chỏ Vern ra hiệu để cùng cười chọc quê hắn. Rồi tôi nhận ra hắn, thằng Khắc Đờm. Tôi đưa tay ra, một tay đặt lên cánh tay của Vern, tay kia lên tay của Barry để chúng biết là có chuyện rồi và tôi muốn chúng im lặng. Rồi chúng tôi nhìn thằng Khắc Đờm đi ngang qua chúng tôi. Rồi tôi rú lên những âm thanh lai tạp, tiếng gừ gừ, tiếng của các loài tinh tinh/bò cái/heo mà người ta gào rú lên để ám chỉ chứng tâm thần của ai đó: kheeeet kheeet, eeéecc eeèec... Tôi nghĩ không có chuyện gì lớn. Thằng Khắc Đờm cứ cắm cúi bước. Vern hỏi: “Thằng nào vậy?”, tôi đáp: “Lát nữa tao nói cho biết.”

Nhưng rồi thằng Khắc Đờm đứng lại. Ban đầu hắn không quay lại, hắn dừng bước nhưng mắt vẫn nhìn về phía trước, về hướng công viên, đầu hắn

gật gù nhè nhẹ. Tôi nghĩ, cứ thật, có chuyện rồi. Rồi tôi nghĩ, nhưng mình sẽ ổn mà. Tôi có hai đồng minh Vern và Barry mà, phải không nào?

Thằng Khắc Đờm quay người rồi bước trở lại cho đến khi đứng trước băng ghế. Hắn vẫn cúi gằm, như thể đang tìm một vật nhỏ xíu nào đó đánh rơi trong bùn (bộ óc của hắn, chẳng hạn). Hắn không nhìn vào mắt ai nhưng nói, mặt vẫn cúi gằm: “Thằng nào rú lên vậy?” Trong những tình huống khác thì điều này sẽ rất buồn cười, bởi vì giọng của hắn rất giống với tiếng của các loài tinh tinh/bò cái/heo mà hắn đang bực mình phàn nàn. Nhưng tôi không cười, Vern và Barry cũng vậy. Thật ra, Vern và Barry đang nhích người trên băng ghế, xích xa tôi ra, để chỉ chừa mình tôi lại ở chính giữa. Và rõ ràng đó là kẻ đã gào rú lên.

Tôi cũng muốn xích ra bên trái hay bên phải để không phải ngồi lại đó một mình. Tôi cảm thấy mình thật ngu ngốc và ngồi trơ ra ở đó, không nói lời nào, thằng Khắc Đờm đứng ngay trước mặt tôi, cũng không nói lời nào, cũng không ngó vào tôi, mà chỉ gục gặt đầu như thể có một con vít trên cổ bị lỏng. Thật là một khoảng khắc lúng túng và ngu xuẩn mà chẳng bao lâu sau lại kéo dài ra thành nhiều khoảng khắc lúng túng và ngu xuẩn, và tôi hiểu rằng sau đó Vern và Barry sẽ làm khó tôi vì chuyện này, vì tự mình gây thành chuyện mà không thể giải quyết cho xong, vì gào rú lên mà không biết giải quyết làm sao.

Tôi nhìn đôi giày của thằng Khắc Đờm, tôi thấy buồn vì chúng trông thật thô kệch xấu xí và tôi biết người ta bán chúng trong những cái thùng để bên ngoài các tiệm giày trên phố chỉ với giá chừng bảy pao một đôi. Trên đường, một người đi ngang qua sau lưng thằng Khắc Đờm. Tôi mong đó là một tay người lớn hống hách nào đó khoái chọc mũi xen vào bảo cả bọn biến đi, rồi tôi và Vern và Barry có thể chuồn ra công viên đứng ngoài chuồng sói tìm sự di chuyển, tìm một ánh mắt màu vàng của chúng lóe lên gợi cho tôi nhớ đến những viên cẩm thạch theo một cũ mà người ta có thể mua ở khu Lock.

Nhưng người kia cứ bước đi bỏ chúng tôi lại.

Rồi thằng Khắc Đờm chơi một cú chiến nhất của hắn. Phạch. Hắn không cần nhìn hay nhắm gì cả, hắn chỉ nhấc càm lên và phun ra ngọn lửa làm

bằng đờm vàng khè và dãi nhớt như trong phim kinh dị. Có thể hẳn là một thằng khùng nhưng hẳn quả là một thằng khạc đờm thuộc cỡ đẳng cấp thế giới. Lần này bãi đờm không rơi trúng giày tôi. Mà nó ngự xuống ngay trên đầu tôi, ngay chóc. Nhưng tôi không phản ứng. Trong đầu thì tôi đang chạy vòng vòng tóe khói và một ngọn đèn xanh chớp tắt kẹt trong đầu, gào lên “Tởm quá!” và “Đồ khốn nạn” và “Giết”. Nhưng bên ngoài thì tôi êm ru.

Thằng Khạc Đờm quay bỏ đi về phía công viên. Có lẽ hẳn đã quên chuyện vừa xảy ra rồi. Có lẽ óc hẳn vận hành chậm quá mức là chậm, như óc của một con khủng long, đó là lý do vì sao hẳn mất quá lâu để ngừng bước và quay lại với tôi sau khi tôi gào rú những âm thanh mà giờ đây ước gì tôi đã không gào, bởi vì tôi đang trong thế không thể thắng và tôi biết Vern và Quái thú sẽ không để tôi dễ dàng quên chuyện này đi.

Có lẽ chẳng bao giờ.

Barry bật cười rộ lên như phát khùng, có nghĩa là hẳn không thể tin được chuyện vừa thấy. Tôi cảm thấy cục đờm chảy xuống mái tóc và trong một thoáng tích tắc tôi nghĩ là mình sẽ ói. Tôi tìm được miếng giấy vệ sinh cũ trong túi và rón rén cố lau cục đờm đi để mấy thằng bạn mình không nhìn thấy. Nhưng Vern thấy rồi. Hẳn nói: “Đừng để nó dây vào tao, chắc chắn là nó dính si-đa rồi.” Rồi hẳn đẩy tay tôi, nói: “Chơi đi.”

“Cái gì?”

“Uýnh nó đi. Nó dọt kìa. Động nó bò càng cho tao. Đẩy nó xuống kênh luôn. Cái gì cũng chơi.”

“Không. Nó không đáng đâu.”

Vern nổi giận. “Mày giỡn hả.”

Barry nói: “Bỏ qua đi, Vern. Nếu nó muốn vậy...”

Vern nói: “Vậy thì tao chơi nó.” Rồi hẳn đứng dậy. “Mày muốn tao chơi nó, phải không?”

Tôi đáp: “Không. Nghe tao nè. Thôi quên nó đi, nghen? Thằng này nó từng. Nó không hiểu nó làm gì đâu.”

Vern nói: “Nó đang chuồn kìa.” Hắn chỉ xuống con đường, ngoài xa cái bóng của thằng Khắc Đờm vẫn hiện rõ khi hắn bước đi dưới cây cầu. Vern nổi điên. “Tất nhiên là nó hiểu chuyện nó làm chứ. Nó không vô tình phun đờm lên đầu mày, phải không? Phải tính sổ với thằng này thôi.”

Tôi nói: “Thôi về Lock đi. Bớt giận đi mà. Về coi mấy cái đĩa CD. Tao sẽ mua cho mày một cái CD. Hay đĩa hát kiểu xưa. Mày có máy quay đĩa phải không?”

Chuyện lẽ ra kết thúc ở đây, ba thằng quay về Lock bỏ tiền mua đĩa nhạc. Nhưng rồi Vern bình phẩm và nêu lên vấn đề làm thay đổi mọi chuyện.

Hắn hỏi: “Có phải vì ba mày không?”

Ba đã chết hồi giữa mùa Đông. Đã gần năm tháng trôi qua rồi, Vern và Barry chưa bao giờ nhắc gì đến cái chết của ba, kể từ sau ngày chuyện đó xảy ra. Tôi hỏi: “Mày nói cái gì vậy?” Tôi không nổi giận ngay lúc đó.

Cảm giác tê dại thì nhiều hơn.

Vern không bỏ qua chuyện đó. Hắn hỏi tiếp: “Có phải vì ba mày chết mà mày chết nhất không? Có phải vì ba mày chết mà tao thấy mày không phải là thằng bạn chơi chung của mình nữa, cái thằng sinh sự rồi không xử được vì mọi chuyện đột nhiên trở thành một thằng thiếu năng trí tuệ, mày đó, thằng thiếu năng đầu cá trê?”

Giờ thì tôi thật sự nổi giận. Tôi nói: “Mẹ kiếp, dẹp đi, Vern.” và vụt chạy. Tôi chạy một phần là để hắn và Barry không nhận ra tôi đang khóc. Phần khác là vì đột nhiên tôi muốn nhìn những con sói trong sở thú ở công viên Regent’s hơn bất cứ điều gì khác. Điều đó có nghĩa là tôi phải chạy về phía cái công viên. Có nghĩa là tôi rượt theo sau thằng Khắc Đờm. Tôi không suy nghĩ mạch lạc chút nào.

Vern và Barry chạy theo tôi. Vern theo kịp tôi trước và vỗ vào lưng tôi trong lúc hai đứa đang chạy. Hắn nói: “Chơi nó luôn, phải không?” Hắn không hiểu được chuyện tôi đang làm, lý do vì sao tôi chạy. Tôi không chủ ý đập thằng Khắc Đờm. Nhưng giờ thì tôi mới có ý định đó. Tôi phải đập, cho dù đó không phải là điều tôi muốn làm. Đời sống thật là quái đản, người ta thường làm những chuyện mà họ không muốn làm chút nào. Như việc dọn

nhà đến một ngôi làng buồn hiu buồn hắt ở miền quê, hay tấn công từ sau lưng một thằng nhóc đáng thương có bộ óc của loài khủng long.

Tôi không tin được nhưng quả là thằng Khắc Đờm không quay lại khi nghe tiếng chân chúng tôi trên con đường lầy. Tôi chỉ thấy lưng hăn, chiếc áo khoác kiểu phi công căng ngang lưng hăn, và tôi tự hỏi mình làm cái gì với nó đây. Hai bên, phải và trái, Vern và Barry giống như một đội hộ tống xe mô-tô. Nhưng chính tôi, nhà chính khách đi giữa, mới là kẻ thực hiện công việc.

Thậm chí khi tôi chạy ngay sau lưng thằng Khắc Đờm, với tay ra là chạm vào vai hăn, thậm chí ngay đến lúc đó tôi vẫn không biết mình sắp sửa làm gì đây. Rồi tôi thấy đầu hăn di chuyển, vai hăn xoay qua, và tôi làm ngay, làm cái hành động ngu xuẩn hăn là trông thật thảm hại nếu giả dụ như bị một máy camera quan sát ghi hình được; cái hành động là nguyên nhân làm cho tôi chao đảo trong nhiều tuần sau đó. Tôi gần như lao vào lưng hăn với hai cùi chỏ giương lên nhưng không trúng lắm vì người hăn khi đó lại quay lại. Hai cùi chỏ trượt qua hăn làm tôi chuệnh choạng suýt ngã nhưng gượng lại được. Thằng Khắc Đờm chúi xuống như dự tính của tôi, nhưng chỉ trong một thoáng thôi. Tôi nhảy lên nhảy xuống như đang nhảy theo nhịp một sợi dây vô hình trong lúc nhìn hăn lặn cù dưới bùn. Rồi hăn bật dậy được.

Hăn không hề nhìn tôi, hay không nhìn tôi bằng mắt, nhưng hăn biết tôi đang đứng ở đâu. Hăn lao vào và tôi không biết tránh đi đâu hết. Tôi không chạy, tôi không hèn đến như vậy, ít ra khi có Vern và Barry bên cạnh, nhưng tôi không biết phải làm sao để chặn hăn lại. Hăn là một con khủng long bị tác động bởi thuốc kích thích.

Tôi giơ tay lên che mặt nhưng hăn không tấn công tôi bằng nắm đấm. Hăn đưa một cánh tay ra và khi lao vào ngực tôi thì quàng tay quanh cổ, ghì đầu tôi xuống khóa chặt trong nách. Trong nháy mắt, tôi chìm vào một thế giới nách-và-áo-khoác-phi-công xa lạ, tối hù và sặc mùi nách không tắm và áo quần để quá lâu trong máy giặt. Phần trên của thân thể tôi bị khóa chặt. Tôi không thở nổi huống hồ gì nói. Nước mũi chảy ra, và mắt tôi lồi ra.

Một thứ tiếng u u vang lên trong đôi tai bị bịt kín của tôi.

Rồi Khắc Đờm dấm vào mặt tôi bằng năm tay còn lại. Bốp bốp. Hai cái. Sức nóng mãnh liệt bùng lên trên mũi tôi, cơn đau nổ tanh tách trong tai tôi. Tôi vặn người xoay lại, chồm lên, kéo giật lại. Tôi không nhúc nhích được một tẹo nào. Đầu tôi bưng bưng cháy. Đôi tai tôi như cá gai mắc câu. Tôi càng giẫy giụa chúng càng bị kẹt trong gọng khóa của đôi tay Khắc Đờm. Thử tưởng tượng nếu tôi có hai dái tai ngon lành như những người khác (trừ má – đó là người mà tôi có đôi dái tai di truyền giống y chang) thì tôi vẫn kẹt dưới đó, trong nách của Khắc Đờm.

Nhưng Đội Hiệp Sĩ Cứu Khốn Phò Nguy^[1] đang tiến tới. Một cuộc ẩu đả loạn xạ đang xảy ra bên trên và bên dưới tôi, những cánh tay đập loạn xạ và chân thì hồng lên khỏi bùn, rồi đột nhiên đôi tai tôi được buông ra. Cứ như là nổi lên khỏi mặt nước trong hồ bơi vậy. Tôi có thể nghe, tôi có thể nhận biết được.

Vern và Barry kèm hai bên thằng Khắc Đờm và lôi hẳn ra khỏi tôi. Chúng đang la lên những tiếng không rõ lời, như là “Ôi, giờ nè, ngó ngó, meee..., quất, saaát, ui dà dà...” rồi cả người tôi vùng thoát ra được. Cái đầu cảm thấy như được bơm phồng lên thật to. Hai tai nhức, nước mắt chảy, và trong ánh mắt mờ mờ, là thằng Khắc Đờm. Vern và Barry giữ chặt hai cánh tay. Hẳn cúi gục mặt đứng ngay trước mặt tôi, một con khủng long bị tóm. Tất cả chúng tôi thở hổn hển. Vern nói: “Chơi đi.”

“Cái...?” Miệng tôi khô đắng, tôi không nói nên lời rõ ràng.

“Thịt nó đi. Lên gối. Chặt nó. Chơi kiểu gì cũng được. Nhưng làm đi, Trời ơi, tụi tao không kẹt nó cả ngày được đâu.”

Tôi ngó qua trái, rồi phải. Không có ai quanh đây cả. Tôi nhìn lại thằng Khắc Đờm. Và ngay lúc đó, sâu thẳm trong tôi, một cái gì đó vụt bật ra.

* * *

Không kể lại chi tiết làm gì, nhưng tôi đã làm theo lời thằng Vern. Tôi đập thằng Khắc Đờm. Tôi động nó thê thảm cho tới nỗi Vern và Barry phải la lên

bảo tôi dừng tay. Nhưng tôi không dừng, và chúng nó phải ôm ghì lấy tôi để ngăn lại. Rồi một bà trong căn nhà ở đằng xa bên kia con kênh la lên là bà gọi cảnh sát, và sau cùng thì tôi dừng tay. Tôi không biết thằng Khắc Đờm lết nổi không sau trận đòn của tôi.

Tôi nghĩ hai thằng bạn mình đang cùng chạy với tôi, nhưng khi tôi chạy chậm lại và ngó lui thì không thấy chúng đâu cả. Lúc này tôi đã đến cái công viên. Tim tôi run rẩy và chao đảo giống như con chim bị thương mà có lần tôi ử trong tay. Tôi cố gọi di động cho Vern. Hắn không bắt máy. Tôi không hiểu nổi chuyện gì đã xảy ra, chúng đã đi đâu mất rồi. Tôi lo về những điều chúng nghĩ về mình. Có lẽ chúng chủ tâm chuồn khỏi tôi, không muốn quan hệ gì với một thằng điên. Tôi có phải là một thằng điên không?

Tôi đứng bên ngoài chuồng sói, chẳng mấy chốc con sói đó đến rọi chiếu sự bình tĩnh vào lại trong tôi bằng đôi mắt của nó. Tôi dúm hai nắm đấm run giật đau nhức vào sâu trong túi và điều chỉnh nhịp thở của mình theo nhịp thở chậm của con sói. Làm sao để giải thích những điều con sói nói với tôi trong hôm đó? Những điều như: đừng lo lắng quá, làm một điều xấu xa không biến mày thành một kẻ xấu đâu. Ai cũng thỉnh thoảng làm điều xấu. Mày chỉ tình cờ làm điều xấu của mày trong hôm nay. Và thế nào đi nữa, thì mày có một lời biện hộ rất hay vì đây không phải là lúc dễ dàng trong cuộc đời của mày. Không phải thằng nhóc mười lăm tuổi nào cũng có ông bố chết queo bỏ nó mồ côi trên cõi đời này.

Bình tĩnh nào, bình tĩnh nào, như ba thường nói như vậy. Tôi hít một hơi thật sâu và nhắm mắt lại. Khi tôi mở mắt ra, con sói đã đi xuống hang mất, xong việc.

Sự bình an kéo dài cho tới khi tôi rời công viên để cuộc bộ về Gloucester Crescent. Rồi thực tế lại ào về trong đầu tôi và bay vòng vòng trong đó như một đàn chim hoảng loạn. Tôi đã nện thằng Khắc Đờm máu me như thế nào rồi? Có thể hắn mắc chứng hen suyễn lại bị thêm trận đòn quá xá nên ngum rồi chẳng. Có chuyện rồi. Có ai báo cho cảnh sát chưa? Nếu vẫn còn sống thì liệu hắn có thể mô tả rõ ràng với cảnh sát ba đứa đã nện hắn te tua trên con đường cạnh bờ kè đó không? Còn người đàn bà trong căn nhà phía bên

kia con kên thì sao? Bà ta có nhìn rõ không ta? Vern và Barry đã biến đi đâu rồi? Có thể chính tụi nó tới cảnh sát tố cáo tôi vì tôi là một thằng điên không kiểm chế nổi. Còn máy quay phim an ninh thì sao? Người ta đặt nó khắp mọi nơi. Chắc là nó đã quay được tôi rồi. Tôi hình dung thấy mình trên chương trình Theo dấu Tội ác, một đoạn phim mờ mờ quay cảnh một thằng nhóc đập một thằng khác tơi tả và theo sau là một lời yêu cầu hãy đến khai báo nếu bạn nhận ra kẻ hành hung. (Có phân nửa dân số của Camden Town và Chalk Farm đến khai báo ngay.) Tôi định kể lại với má chuyện vừa xảy ra, chuyện tôi đã làm. Tôi cũng sẽ không chối tội. Ngay cả việc thằng Khắc Đờm khạc vào tôi thì cũng không biện hộ được cho chuyện tôi đã làm. Cho dù Vern mới là thằng bày trò quậy. Tôi sẽ kể với bà mọi chuyện để bà biết con mình là một thằng có máu điên. Nhưng má không cho tôi có cơ hội làm điều đó. Khi tôi mở cửa trước thì bà ở trong hành lang, lom khom trước cái tủ chè đặt bên dưới cầu thang. Ở đó có một cái thùng và một cái túi, bà đang chuyển đồ từ trong thùng qua cái túi. Tôi biết ngay đó là đồ của ba vì bà đang sụt sịt khóc.

“Xin lỗi con.” Má nói như thể khóc là một tội to. Bà lấy mu bàn tay chùi mũi và khụt khịt một tiếng lớn. “Con sao rồi, có chuyện gì vui không?” Rồi bà căng thẳng lên, ngó tôi chăm chăm. Tôi không biết mặt mũi mình như thế nào, không biết mình có một vết máu khô chạy xuống từ một lỗ mũi, mặt tôi đỏ và sưng lên, khớp ngón tay thì trầy trụa rướm máu. “Ôi, cục cưng ơi,” bà rên lên. Lúc đó tôi ghét mình thậm tệ. Tôi không phải là cục cưng, tôi là một thằng điên.

Má đứng dậy, chạy đến ôm tôi, xiết tôi vào lòng thật chặt như thằng Khắc Đờm. Bà thơm mũi những ngăn tủ đựng các áo kimono bằng lụa của bà. Cả hai má con tôi không nói năng gì, rồi tôi hiểu ra cái khoảnh khắc mà tôi có thể kể cho bà nghe mọi chuyện đã xảy ra đã qua mất rồi. Gọi nó là một ý-nghĩ-loài-sói, nhưng tôi biết khoảnh khắc đúng - cái khoảnh khắc duy nhất - đã trôi qua mất rồi. Nước mắt của má làm ướt sũng áo tôi. “Ôi, cục cưng ơi,” bà lại kêu lên, rồi hơi thở của bà làm nhôn nhột những sợi lông trên cổ tôi. Rồi má đẩy tôi ra, nắm lấy cánh tay, nhìn vào mắt tôi. “Đứa nào đánh con vậy?”

Tôi nhìn lảng đi. “Một thằng nhóc thôi mà. Con nện nó lại rồi.” Tôi đưa cho bà xem những khớp ngón tay dính máu của mình, rồi bà lại ôm chầm lấy tôi, vì tôi đã dũng cảm. (Trời đất!)

Bà đưa tôi xuống phòng tắm ở tầng dưới, lấy khăn vải chùi máu trên mũi cho tôi, và đó là lúc tôi thấy tình trạng của mình, rồi má nói về chuyện chúng tôi sẽ dọn nhà trong nay mai, chuyện tôi sẽ thích sống ở miền quê và chuyện London không phải là nơi đàn hoàng đế nuôi dưỡng con cái. Tôi không nói năng gì nhưng má không nghĩ rằng chuyện đó có gì bất thường. Nếu bạn vô cớ bị một thằng đầu gấu to con hơn, mạnh hơn đánh, thì bạn đâu muốn kể lể gì nhiều, phải không nào?

Sáng hôm sau tôi thức giấc vì có ai đó đang đập cửa trước ầm ầm, tiếng đập cửa mạnh đến nỗi làm cho cửa sổ phòng ngủ của tôi rung chuyển cho dù đây là tầng ba. Tôi nhớ ngay lại chuyện xảy ra ngày hôm trước. Sau đó là sợ hãi vì tiếng đập cửa. Đó là cách cảnh sát thường làm. Chấn chấn là có một tay cầm búa phá cửa đứng ngay đằng trước, và khoảng chừng hai mươi tay khác đứng sắp hàng theo đội hình chống bạo loạn, sẵn sàng ulla vào nhà lục soát tìm thằng điên vị thành niên, kẻ đã hành hung một đứa hen suyễn đang cần chăm sóc đặc biệt cho đến chết trên con đường bờ kênh gần Camden Lock chiều hôm trước.

Tôi nhảy xuống giường và đến bên cửa sổ. Nhưng không có chiếc xe cảnh sát nào đậu dọc phố, mà chỉ có một chiếc xe gắn máy của một công ty chuyển hàng hóa đậu ngay bên ngoài cửa nhà tôi. Và trong bếp dưới lầu, một nhân viên chuyển hàng mặc áo da đang nhâm nhi cà phê trong một cái vại của đội bóng Arsenal, trong lúc má ký những giấy tờ luật pháp liên quan đến di chúc của ba cần được chuyển lại ngay cho luật sư.

Tôi mua tờ Camden New Journal và tờ Hampstead and Highgate Express để tìm xem chúng có đăng chuyện đó lên không. Chẳng có gì cả. Sau ba ngày nhận tin cả tin viết lẫn tin nói thì tôi liên lạc được với Vern. Hẳn cho biết hiện đang ở Suffolk một tuần, trong ngôi nhà nghỉ ở vùng quê của cha mẹ hẳn. Chúng tôi không nói về chuyện đã xảy ra. Giọng hẳn có vẻ khác lạ, như thể hẳn không muốn trò chuyện với tôi. Tôi biết lúc đó tôi trông rất quái

đàn. Ví dụ, một con sói sẽ thối lui ngay nếu nó gặp tôi. Nhưng cái vẻ quái đản đó không dính dáng gì đến vụ tôi đập thẳng Khắc Đờm, mà là cánh cửa tôi đã mở chính con người mình ra, trong khoảnh khắc điên rồ cạnh con kênh. Chừng đó đã quá tệ rồi, nhưng ngoài ra còn chuyện khác nữa. Ba chết đi, má con tôi không có lựa chọn nào khác ngoài việc phải sống tiện tặn lại. Hai má con tôi sắp dời nhà khỏi Camden, khỏi London, và chuyện đó chẳng khác gì việc nhận án tử hình. Nếu Vern và Barry chẳng bao giờ gặp tôi nữa, chuyện đó có thể lắm, thì không khác gì tôi đã tiêu tùng. Vì thế tôi không chỉ là một kẻ nguy hiểm chuyên hành hung mảy thẳng mọi không có khả năng chống trả, mà tôi còn bệnh hoạn vô phương cứu chữa. Hèn gì Vern ngại trò chuyện với tôi.

Trước khi Vern cúp máy thì tôi hỏi: “Khi nhà tao dọn về quê thì tụi mày có xuống chơi, ở lại với tao vài ngày không, mày với thằng Quái thú Mash kia? Tao sẽ rầu thú ruột ở dưới đó mất.”

“Ừa, để xem sao.” Tôi dịch câu trả lời này thành: Đừng hòng, Jose.

Chuyện tôi bị đánh bầm dập (nghĩa là câu chuyện được thuật lại theo kiểu của má) làm cho má đẩy mạnh mọi sắp đặt chuẩn bị để dọn nhà đi. Má nói nó là giọt nước cuối cùng làm tràn ly, nếu không thật quá cần thiết thì bà không muốn ở lại London thêm một giây nào nữa. Căn nhà ở Gloucester Crescent đã có giá 1,5 triệu pao trên thị trường, nhưng má nói chúng tôi gặp may nếu thấy được năm chục ngàn trong số tiền đó sau khi trả xong hết những món nợ của ba. Trong lúc đó chúng tôi có một chỗ ngụ sẵn sàng để dọn vào ở vì ông bà ngoại, cả hai người cùng qua đời trong năm ngoái, để lại cho má một căn nhà vườn trong cái làng cũ xì. Ngẫu nhiên căn nhà này cũng là nơi má lớn lên từ thời bà còn thắt tóc bím (tôi có thấy bằng chứng chuyện đó) và đóng vai khúc giữa của một con rết trong một vở kịch câm diễn ở hội trường của làng.

Vào hôm trước khi hai má con tôi rời Gloucester Crescent mãi mãi, tôi gọi cho Vern và Barry báo cho chúng biết rằng sau hôm nay tôi sẽ không còn ở đây nữa và rủ chúng gặp mặt lần cuối. Chúng tôi không gặp nhau kể từ vụ choảng nhau với thằng Khắc Đờm.

Chúng tôi gặp nhau bên ngoài tiệm bán băng đĩa trên đường Inverness rồi cuộc bộ xuống dọc con kênh dẫn đến công viên. Chúng tôi đi ngang qua băng ghế mà chúng tôi đã ngồi, chúng tôi đi ngang qua chỗ sự việc xảy ra. Nhưng cả bọn không nhắc một lời nào về cái ngày tôi nổi cơn điên. Thật sự thì chúng tôi không nói được. Cứ như là tôi đang nằm hấp hối và chúng nó ngồi cạnh mà không biết nói gì, chỉ ngó ra ngoài cửa sổ bệnh viện và mong sao mình đang ở bất cứ một nơi nào khác ngoại trừ nơi đó, ngó thẳng nhóc từng là một đứa bạn nhưng không còn là bạn nữa, sắp sửa chầu ông địa cái búp.

Chúng tôi đứng bên ngoài chuồng sói và tôi vận dụng những ý-nghĩ-loài-sói để dụ một con sói ra nhìn chúng tôi chơi, nhưng không con nào ra cả. Rồi Vern nói hẳn phải đi vì có hẹn với má hẳn ở đường Tottenham Court để bà mua cho hẳn một cái iPod, và Barry cũng nói hẳn cùng đón xe buýt với Vern. Chúng tôi cùng làm điệu bộ theo kiểu ăn mừng bàn thắng của các cầu thủ Arsenal, ngay ở đó ngay lúc đó, trong công viên Regent's, trên lối đi bên ngoài chuồng sói. Chỉ trừ việc đó không phải là ăn mừng. Rồi Vern và Barry bước ra khỏi cuộc đời tôi. Và tôi cũng vậy. Tôi quay lưng lại với những con sói ở công viên Regent's và bước ra khỏi cuộc đời của chính mình.

CHƯƠNG 2

Deadville, đầu tháng Tám. Chúng tôi mất chưa đến hai giờ để đến đó. Đi ra khỏi London trên một tuyến đường hai chiều được mở rộng thành một con đường xa lộ, má cứ luôn miệng tấ tặc nào là “A, trong lành quá!” với lại “Ồ, nhẹ nhõm quá!”, và những lời đại loại như thế. Tôi thì không nói một lời nào vì hai mẹ con đang bỏ ba lại sau lưng và điều đó không cho cảm giác trong lành tí nào (tro của ba được rải ở Hampstead Heath).

Khi chúng tôi đến lối rẽ vào ngôi nhà mà người ta đặt tên là “Lòng Chảo” (nghe mà phát ói), má kéo thẳng tay lên, tắt máy xe, và ngồi im ở đó, không nói lời nào, chỉ nhìn đăm đăm qua kính xe. Máy xe kêu lách tích khi nguội dần. Trước đầu xe là một giàn lưới mắt cáo có hoa hồng mọc bám vào và quá nữa là khu vườn. Một băng ghế, một bình tưới, và cỏ rậm rì cần được cắt xén. Má ngó về phía khu vườn nhưng thật ra bà không thấy nó. Bà đang nhìn tương lai của mình, đó là điều mà tôi nhận ra được, bởi vì chính tôi cũng làm như vậy. Tôi đang nhìn vào cuộn ống nước tưới cây được buộc vào bức tường ga-ra và nghĩ thầm. Chỉ vậy thôi. Không tiếng động, không âm thanh nào cả. Tôi căng đôi tai ra lắng nghe rồi sau cùng chúng reo lên thành một tiếng chim hót.

Tiếng chim hót rằng “Chào mừng đến với Deadville”.^[2]

Má đặt cạnh hai bàn tay xuống tay lái và nói: “Á à à...”

Tôi buột miệng: “Con ghét cây cối, con ghét không khí tươi mát, và ghét nhất là cái thứ hoa chuông cứ lắt lay rập rờn đó.”

Đây là một câu nói đùa trong gia đình. Chúng tôi thường về làng chơi khi ông bà ngoại còn sống. Có lần hai cha con tôi thả bộ đến cái kho thóc ma quái, để ba chuồn khỏi cái mà ông gọi là thói nói dai nói dở hàng giờ của

ông ngoại. Chúng tôi đi xuyên qua một cánh rừng hoa chuông để đến đó, và thật tình mà nói thì tôi nghĩ nó đẹp lạ kỳ. Ba luôn cho rằng đời sống ở miền quê là nhảm nhí.

Có lúc hai cha con tôi phải trèo qua những cành cây bị rêu bám đầy. Ánh nắng xuyên qua cành lá thành những đé quạt xanh sáng và chiếu trên đám rêu phong làm nó ánh lên cái màu xanh nhất mà người ta từng thấy được. Một bà hoàng trong truyện cổ tích mới có được những hộp đựng nữ trang chạy viền bằng thứ rêu như thế (xin đừng kể với Tally là tôi nói như thế, cô ấy sẽ nghĩ rằng tôi là một cô nàng ồng ẹo). Ánh nắng cũng soi lên đám hoa chuông phủ trên mặt đất rừng. Đôi giày da báo của ba, bà ngoại ghét chúng ghê gớm, cày nát đám hoa mênh mông màu xanh tím đang lay động rập rờn.

Chúng tôi đi tiếp đến cái kho thóc nằm trên đỉnh của một ngọn đồi bằng phẳng. Người ta cho rằng nó ma quái vì nó tạo ra những tiếng vang thật lớn chỉ trong tích tắc sau khi bạn la lên. Trong lúc đi về phía đó, tôi quay sang ba hỏi bằng cái giọng cà rờn rất "mốt" nhưng vẫn rõ nghĩa: “Ra ngoài ngoài có êm hông dzậy tía?”, thì ba đáp: “Tao ghét cây cối, tao ghét không khí tươi mát, và ghét nhất là cái thứ hoa chuông cứ lắt lay cà rập cà rờn đó.”

Ông vừa giậm chân thành thịch như một gã lên cơn khùng, vừa gào lên: “Mình muốn gì nào? Mấy cái tiệm xăm mình và tiệm bán băng đĩa. Mình cần chúng lúc nào nào? Ngay bây giờ!”

Và cái kho thóc ma quái dội trả lại: “BÂY GIỜ! BÂY GIỜ! BÂY GIỜ...!”

Má ném mấy cái túi đi chợ lên sàn bếp, rồi bà đi vào phòng khách ngồi phịch xuống cái ghế bành mà ngày xưa bà ngoại hay ngồi. Ngôi Nhà Lòng Chảo này có trần rất thấp. Ánh sáng mờ mờ âm u và thật buồn thảm. Có mùi ẩm ướt và những mạng nhện giăng ở góc các cửa sổ mắc đầy xác ruồi. Má lấy hai tay che mặt nói: “Mấy con ruồi này gớm quá!” rồi cố mỉm cười, vỗ vỗ cái tay ghế nói: “Để thương cái coi, đi đặt ấm nước nào con.”

Tôi xuống bếp pha hai vại nước trà. Tôi xoa lưng đỡ dành lúc bà đang khóc. “Cám ơn con yêu của má,” má thốn thức: “Con giỏi lắm. Đúng là thằng con ngoan. Phải không nào?”

Tôi nghĩ thầm: Không, mình là một thằng nhóc điên cuồng hung tợn. Nhưng tôi lại nói: “Chuyện gì vậy má?”

“Ô, không có gì đâu. Chỉ là một ngày đầy cảm xúc thôi mà. Ngày đầu tiên trong phần đời còn lại của hai má con mình.”

Má nói với giọng châm biếm nhưng tôi hiểu rằng bà nói thật. Chỉ có điều má không nói rõ được chữ “đời” vì bà lại khóc nức lên. Tôi hỏi: “Má có muốn mình nói về chuyện này không?”

Má bật cười cho dù bà đang khóc. “Con lớn thiệt rồi phải không, trong mấy tuần vừa rồi thôi? Ừa, nó như vậy nè. Hôm rày má mong chờ có ngày hôm nay. Má nghĩ, cái giây phút mà mình bước vào cánh cửa trước đó...” bà vói tay lại phía sau chỉ: “thì mình sẽ ổn. Sạch bong. Làm lại từ đầu. Nhưng cuộc đời hông dễ như vậy đâu, má lo lắm.” Má xì mũi. “Má xin lỗi con nghen. Má không nên bắt con lo những chuyện này. Con có cuộc đời riêng để phải lo rồi. Chỉ là... nhiều lúc khó khăn, cực lòng lắm. Hổng có ba mà.”

“Đôi khi con về lại London để thăm ba nghen?”

“Ý con là sao vậy?”

“Chỉ đi dạo trên đồi Health thôi mà. Rồi con có thể lăm nhăm trò chuyện với ba trong đầu. Rồi có thể con thăm tụi thằng Vern và Barry luôn.”

“Tất nhiên là có thể chứ. Má nói với con rồi. Từ nhà ga gần đây nhất đi tới Waterloo chỉ mất có một giờ thôi. Rồi đi thẳng lên ngã phía Bắc. Đây có phải xứ Ngoại Mông Cổ đâu, con biết mà.”

“Nghe thích đó,” tôi đáp: “Con tới mấy tiệm xăm mình và mấy dãy nhà cao tầng ngày nào cũng được.”

Má bật cười: “Có thể ông là một cha nội ngờ nghệch, ba mà ư. Nhưng ông dễ thương lắm.” Má cau mày lại, trông như vờ giận dữ. “Lúc nào cũng vậy.” Rồi bà thở dài đánh sượt, rồi lần này má nói bằng cái giọng thật nghiêm: “Lúc nào cũng vậy.”

Nhiều khi lắng nghe là cách duy nhất để một đứa trẻ hiểu được chuyện gì đang xảy ra trên cái trần gian mà bọn người lớn làm cho rối lung tung xà bèn lên. Đó là cách mà tôi biết được những rắc rối về tài chánh của ba làm

cho chúng tôi rơi từ chỗ khá giả xuống cảnh nghèo rớt mồng tơi chỉ trong một nhịp thở. Chuyện đó sau tang lễ của ba đúng một tuần. Tôi đang xem tivi trong phòng khách, còn má thì nói chuyện với cô Barbara, bạn của má, sau bếp. Má đóng cánh cửa ngăn giữa nhà bếp và phòng khách vì bà biết tôi chỉ đang làm bộ xem tivi thôi. Tuy tôi không cố ý nghe lén, nhưng đôi khi phải làm vậy mới được. Tôi nhón chân rón rén tới bên cánh cửa rồi áp tai vào lỗ khóa.

Ba đã làm điều gì đó không thể giải thích và tha thứ được mà chúng tôi sẽ chẳng bao giờ hiểu thấu đáo. Hai điều cả thầy (rõ ràng ngoài việc chết đi). Ông rút hết tiền hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của mình. Và ông tái thế chấp căn nhà của chúng tôi ở Camden để làm ăn. Ông làm cả hai việc mà không cho má biết. Có nghĩa là sau khi ông chết, thì người ta phát hiện công ty của ông bị nợ nần kinh khủng, hai má con tôi lãnh đủ vụ này. Điều tệ nhất, má nói với cô Barbara, là không thể đối mặt ông về những gì ông đã làm và hỏi: tại sao?

Nếu bà và ông có thể đứng trong bếp đốp chát với nhau như xưa nay vẫn làm, chỉ trong nửa giờ thì chuyện hẩn đã được giải quyết rồi. Ông sẽ có lời giải thích thỏa đáng, bà biết vậy. Ông đã ngu ngốc quá, nhưng ông không tệ. Không có bồ bịch lăng nhăng mà má không biết, hay ghiền cờ bạc, hay bất cứ chuyện gì khác. Hay ít ra má biết chắc là không có. Chỉ cần một cuộc trò chuyện thôi thì bầu không khí sẽ được làm cho trong sáng.

Má nói bà không quan tâm lắm đến việc phải bỏ mất ngôi nhà giá một triệu rưỡi pao ở Gloucester Crescent, hay mỗi năm đến chơi năm lần ở vùng biển Caribbean, hay những bữa tiệc có mặt những danh ca nhạc rock hay các tài tử (trong một bữa tiệc mà tôi được phép dự trong mười phút, tài tử Kevin Spacey đã cho tôi một cái móc chìa khóa của một quán bar ở Los Angeles nhưng tôi lại làm mất), hay những chuyến du lịch mua sắm ở New York. Má thích mọi thứ đó nhưng ba nói đúng: trong thâm tâm má chỉ là một cô gái quê và bà sẽ điều chỉnh cho thích hợp với hoàn cảnh. Điều duy nhất mà bà thật sự bận tâm là việc không bao giờ tìm được lý do vì sao ông đã làm như vậy.

Chà, hoan hô má, nhưng còn tôi thì sao đây? Có ai thèm hỏi tôi rằng tôi có bận tâm về chuyện Chúa đã đến và lấy đi ba tôi và nhà tôi và bắt tôi sống trong một cái ổ chuột không? Ở Gloucester Crescent tôi không chỉ có một căn phòng thôi, mà tôi có cả một tầng lầu của riêng mình, Chúa ơi – Vern, Barry và tôi dợt trong đó với một trái banh cỡ trung. Trong căn nhà cũ kỹ này thậm chí không có chỗ để chơi bi-da nữa kìa.

Hôm đầu tiên ở Lòng Chảo, má nói: “Tất nhiên con phải giữ liên lạc với London. Giờ đây nó là một phần của đời sống của con, và luôn luôn sẽ là như vậy. Nhưng con cũng phải cố gắng ổn định đời sống ở đây nữa. Con phải kết bạn và đừng tỏ ra kهنh kiệu với người khác chỉ vì con nghĩ họ là... con gọi họ là gì vậy ta?”

“Bọn củ chuối quê mùa.”^[3]

“Hay ho chưa. Con học từ đó ở đâu ra vậy? Mà thôi, má không muốn biết làm gì đâu.”

Thật vậy, Bickleigh không phải là Ngoại Mông. Nó tệ hơn vậy. Tôi gọi nó là Trung tâm Xác chết. Có những tiếng bíp bíp cực lớn vang lên ở những chỗ qua đường dành cho khách bộ hành để những người chết không bị một cỗ quan tài chạy bằng phân bón với tốc độ ba dặm một giờ do một người chết khác lái tông phải. Trong các cửa hàng thì người ta phải mất đến ba giờ để bước đi bốn mét từ cánh cửa đến quầy tính tiền. Và bởi vì ai cũng điếc đặc nên người ta không nghe thấy có người chưa chết (tức là má và tôi, và vòn vện chỉ có hai má con chúng tôi trong chùng một trăm dặm vuông) phía sau họ và đang cố vượt qua. Nếu bạn không cẩn trọng thì họ sẽ hất bạn ngã với những chiếc xe gắn máy tàn phế mà họ lái trên vỉa hè bởi vì họ không thấy đường: họ vừa mù, vừa điếc và vừa chết.

Ở Bickleigh, nếu bạn mua sắm nhiều thì tốt nhất là mang theo một thứ gì đó tốn nhiều thời gian để làm – như là nhớ lại từng con số thống kê trong cuốn Sổ Tay Thông Tin Chính Thức của đội Arsenal chẳng hạn – bởi vì nhân viên trong cửa hàng sẽ mất nhiều giờ để phục vụ bạn. Trước tiên họ tán chuyện dông dài với người đứng trước bạn về những triển vọng của cuộc thi ăn-phân-bón trong ngày hay chuyện Jemima bị chiếc máy gặt đập nghiền

mất chân như thế nào, rồi họ không đếm được tiền thối lại vì (a) họ không thể nhìn rõ và (b) họ chưa từng thấy những đồng xu thời mới, rồi họ làm rớt mớ tiền xu và bị lên cơn đau tim khi cúi xuống nhặt chúng, rồi họ phải ngủ trưa, và rồi, sau cùng khi bạn đến được đầu hàng và đưa tờ 20 pao trả cho gói đường mà bạn cần có từ năm giờ trước, thì họ gọi bạn là “Thiếu gia.”

Tôi rất ngạc nhiên khi biết rằng cả hai con phố lớn Camden High và Bickleigh High cùng tồn tại trong cùng một xứ sở trong cùng một thời. Không có những chiếc giày Doc Marten khổng lồ hay những chiếc máy bay màu bạc bị rơi, găm vào mặt tiền các tòa nhà của Bickleigh để làm thành lá quốc kỳ nước Anh trên cột cờ và những giỏ hoa treo đong đưa. Không có những gã Rastas^[4] rất ngẫu từ đầu tới đất, chỉ những xác chết ban ngày được thả rộng khỏi nhà xác, thi thoảng có thằng nhóc tóc rẽ ngôi giữa bôi keo và úp hai miếng lót mộng lên tai, những thùng thiếc biết đi bởi vì kiểu đó được cho là rất chiến ở Manuresville^[5]. Thằng Khắc Đờm sẽ được xem là ngon lành nếu hãn dờn về đây sống.

Trong lúc tôi ngồi trong xe chờ má mua súp nấu sẵn và rượu bố - tôi không ra khỏi xe đi cà nhỏng loanh quanh vì sợ họ vô ý cho tôi là một cái quan tài - thì tôi bày một trò chơi. Tôi tưởng tượng tất cả những kẻ quái gở mà tôi thấy trước mặt mình – lừ đừ bước đi trong những cái áo trùm đầu màu hồng gớm ghiếc chắc là mua từ mục quảng cáo trên trang sau của tờ The Daily Telegraph, với mái tóc bạc và đôi chân dẹt, ngừng chân ngó tờ danh sách những thứ cần mua và phải mang dây đeo kính trên cổ, mua hết những truyện tình rất sến về Thế Chiến Thứ Hai, bước lép nhẹp những ngón chân thơm mồ hôi trong những chiếc vớ len và giày của hiệu Clarks đặc biệt dành cho người bị lão hóa - tôi tưởng tượng tất cả bọn họ đều đã qua đời. Tôi hình dung về mặt dân tộc học, Bickleigh toàn người chết. Trong một vài giây, cơn gió và những thứ nó chạm đến là những thứ duy nhất còn nhúc nhích cục cựa ở Bickleigh. Lá quốc kỳ nước Anh trên cột cờ dựng trước một ngôi nhà to đùng cũ kỹ được sơn cùng màu hồng của những chiếc áo trùm đầu gớm ghiếc.

Lá cờ Thánh George trên đỉnh nhà thờ. Tấm băng-rôn quảng cáo cho một buổi thuyết giảng của Hội Ái Hữu Phụ Nữ về “Những cái giếng của Vùng Old Wessex” trong hội trường của làng. Rồi Camden tràn xuống xâm lấn.

Tất cả nữ trang đeo mũi và thời trang lướt ván và đồ nghề chích hút quét xuống đường như sóng thần, xé toạc những lá cờ cũ và dựng lên những lá cờ sặc sỡ cầu vòng có ghi chữ PEACE, biến các phòng khám nhãn khoa thành quán thịt nướng fajita của người Mễ và những ma-nơ-canh gắn ở ngoài các văn phòng địa ốc và những ngọn nến hình sọ người bằng sáp trong những cửa sổ của hiệu sách cổ Bickleigh.

Tôi ước vậy. Tuy nhiên, trong những ngày đầu ở vùng quê đó tôi đã cố gắng hành xử tốt và không gọi người khác là bọn quê mùa nhai phân. Thế rồi tay Cá Chua xuất hiện, kéo lê theo những bao phân.

Tôi đang ăn bánh mì nướng trong bếp. Chúng tôi nghe tiếng vỏ xe nghiêng lạo xạo trên lối vào nhà trái sỏi. Má nhướng mày nhìn tôi. Tiếng gõ cửa trước vang lên. Má lên tiếng. Những lời ú ớ, một tiếng cười vang, ngắn, rồi cánh cửa nhà bếp mở ra và một người đàn ông tóc chải mượt, cao lênh khênh choán hết không gian nhà bếp phải cúi lom khom để bước vào. Ông mỉm cười với tôi, một nụ cười có mùi, như thể một thằng bé vừa ói lên người ông vậy.

“Nè cưng, đây là ông Boland,” má nói. “Ông là bạn của ông bà ngoại.”

“Vậy hả má?” Tôi nói.

“Nhờ Trời ổn cả! Còn cậu là?”

Tôi không phải suy nghĩ gì nhiều, ngay lập tức cái tên Cá Chua bật lên trong trí.

“Thằng con trai quậy của tôi đó,” má đáp. “Anh uống tách trà ghen?”

“E hèm... Tôi định...” Ông nhìn đồng hồ tay. “Chà, mười phút thôi thì cũng không sao. Cám ơn chị.”

Má dọn sơ một chỗ ở bàn để cho ông ngồi. Bà cũng nhân tiện cất bơ và mút đi luôn dù tôi chưa ăn xong. Tôi la khẽ: “Ồ, má...” thì má cau mày với tôi, cái cau mày làm hai mắt lồi lên rất đặc biệt của má.

“Nói kéo quên mất, tôi có để ít đồ trên lối vào.” Ông Cá Chua nói.

“Ồ, vậy sao?” Má thốt lên.

“Hai túi loại tốt nhất của tự nhiên. Cho mấy bụi hoa hồng của chị.”

“Tôi không hiểu?” Má hỏi, đôi khi má rất chậm tiêu.

Nhưng tôi thì không chậm tiêu. Tôi hiểu ngay nó là cái gì, và tôi la lên trước khi ông Cá Chua kịp nói. “Phân bón. A ha ha ha ha!” Rồi tôi vung nắm đấm lên trời và bắt chước cách các cầu thủ đội Arsenal ăn mừng khi làm bàn, nhưng với cái cối xay tiêu.

Kết quả của cuộc chạm trán nảy lửa này là má mời ông bà Cá Chua đến ăn tối vào thứ bảy sau. Bà bối rối, không biết phải nấu món gì. Vì một cặp vợ chồng dân nhà quê mà bối rối hơn cả khi tay ca sĩ Eric Clapton đến trình diễn ở Gloucester Crescent, điều đó thật lạ kỳ. Bà không muốn nấu thứ gì cầu kỳ quá – như món cá hanh đỏ với tỏi băm, có bông cải tím non được ủ bên dưới - vì nó có vẻ như thị thành London quá, nhưng bà cũng không cho là món hầm hay bánh hấp là ổn vì e rằng họ nghĩ là bà cho họ quê mùa (nhưng bà không nói vậy, mà nói là họ “chất phác”).

Rốt cuộc thì má quyết định làm món chân cừu, nhưng nấu trong một thứ nước sốt lại hoàn toàn có hương vị London mà bà học được trong sách dạy nấu ăn River Café. Má hỏi tôi có thể pha nước xúp cho các món khai vị và xắt cần tây và cà chua phơi khô và tìm cây bạch hoa cho nước sốt thịt cừu không.

“Má chỉ biết tên của họ,” má phân trần: “Brian và Felicity Boland. Chẳng biết họ làm nghề gì. Rồi mình sẽ nói chuyện gì với nhau đây cho hết cả buổi tối?”

“Về những thứ phân bón khác nhau,” tôi đáp: “Phân bón thích hợp với tất cả mọi dịp.”

Má dứ dứ ngón tay vào tôi: “Con ăn nói giữ mồm giữ miệng à ghen.”

Hai vợ chồng đều diện đồ bảnh. Ông Cá Chua đeo một cái đồ cọt-cổ bụi xự, rục rĩ, bao quanh cổ mà về sau má nói nó được gọi là cái cà-vạt. Bà Felicity thì mặc một cái đầm hoa hòe và một cái khăn choàng có kết tua màu

trắng quần quanh vai. Má không còn thì giờ để thay đồ và vẫn còn mang bộ đồ vải thô có sọc. Úi dà dà. Bà đưa họ vào phòng khách và bảo tôi hỏi họ muốn uống gì trong khi bà vào bếp lấy bánh rán và hạt hồ-trăn đãi khách. Ông Cá Chua muốn một ly bia nhỏ thôi, vì còn phải lái xe. Bà Felicity thì một ly vang trắng.

Khi tôi sắp trở vào bếp để lấy thức uống thì ông Cá Chua hỏi: “Cháu đi học trường nào đấy?”

Tôi đáp tôi không đi học. Tôi có học một trường ở London. Đầu năm học tới, tôi sẽ vào một trường mới dưới này nhưng tôi không nhớ được nó tên gì.

Ông Cá Chua nói: “Con gái chúng tôi, Talullah, thì học ở Blunkers. Ở đó phát triển lắm. Hai đứa nên làm quen với nhau đi.” Ông còn nháy mắt với tôi nữa.

Tôi nói: “Chiến quá.” rồi vào nhà bếp khi má từ đó bưng mấy ổ đựng bánh rán và hạt ra. Trong lúc lấy lon bia ở tủ lạnh ra, tôi lắng nghe câu chuyện họ đang nói bên kia cửa.

Ông Cá Chua nói với má: “Con trai chị có xuống học ở Blunkers khóa tới không? Cậu ta có vẻ hơi mơ hồ đó.”

Bà Felicity nói: “Chị khó mà chọn được chỗ khá hơn đâu. Nhỏ Tally thích học ở đó lắm.”

Má đáp: “Không... ừm... Nó học trường địa phương trong phố thôi.”

Bà Felicity nói: “A, thế à.”

Tally! Tôi suýt nữa nước miếng vào ly bia của ông Cá Chua, nhưng rồi ý nghĩ đó làm tôi nhớ tới thằng Khạc Đờm và tôi phát chán, cố nghĩ đến chuyện gì khác trong lúc rót rượu vang cho bà Felicity. Tôi nghĩ về tro cốt của ba, bị gió thổi bay mất trên đồi Heath. Nếu lúc này mà ba có mặt ở đây với tôi trong nhà bếp, thì ông sẽ giả bộ cụng bế đầu cha nội ở bên kia. Kẹt cái là ông chẳng bao giờ ở đây được nữa. Má con tôi ở đây, sống trong căn nhà gỗ này và mời cặp vợ chồng vợ vẫn này đến ăn tối, chỉ vì ba không có mặt ở đây. Chính là như vậy. Đó là cái giá của chuyện đời, như lời ba thường hay nói.

Ăn xong món đầu tiên, món súp mà tôi xay nghiền trong máy xay, má hỏi ông Cá Chua làm nghề gì. Ông đáp: “Cho thuê thiết bị.”

Tôi ngó má và có một cảm giác thật tệ. Đột nhiên trông bà thật buồn khổ, cầm ly rượu vang giơ ra ơ hờ như thể con người bà sụm xuống. Bà ho khan rồi nói: “Nghề đó thiệt là thú vị. Sao nhỉ, cho các lễ cưới và mọi chuyện?”

Ông Cá Chua hỏi lại: “Tôi không nghe rõ. Xin chị nói lại?”

Thật là một câu ngớ ngẩn.

Bà Felicity nói: “Thiết bị hạng nặng. Xe ủi lô và máy cán đá. Thiết bị nông nghiệp nữa. Brian là nhà cung cấp máy gặt đập và đóng kiện trong toàn vùng West Country, phải vậy không ông, Brian?”

“Hồng dám đâu, nhưng người ta cho là như vậy. Món súp này ngon ghê. Có phải nó là món của nhà bếp trứ danh Delia không?”

“Ô, tôi ngốc quá,” má đáp. “Tôi đang nghĩ... tôi không biết mình đang nghĩ chuyện gì nữa. Tôi nghĩ chuyện đâu đâu không à... Món súp hả? Không, nó là... ừm...”

“Nó là món nhà cháu nấu,” Tôi nói hộ má: “Không phải từ công thức nấu ăn nào.”

“Còn chị thì làm gì?” Má hỏi bà Felicity.

“Tôi thấy đời sống thôn dã cũng bận rộn quá sức rồi,” Felicity đáp. “Nó quay tôi như chong chóng, thiệt tình là vậy đó. Hiện nay hội Ái hữu Phụ nữ do một tay tôi lo. Chị phải tham gia, chúng tôi có nhiều thuyết trình viên giỏi lắm. Chị chắc cũng làm việc hiệu quả lắm, hả chị McFall?”

“Tôi sẽ bận lắm, hi vọng là vậy, kể từ bây giờ trở đi. Nghề của tôi chững lại trong vài năm vừa qua nhưng đã tới lúc phải phục hồi lại và làm tiếp. Nhiều khả năng là vậy đó.” Má thở dài và nhướn mày lên.

“Mà chị làm ngành gì vậy?” bà Felicity hỏi.

“Tôi là nhà thiết kế đồ họa. Tôi hi vọng bố trí được công việc ở đây và làm ở nhà.”

“Hay quá.”

“Má thiết kế bìa album nhạc cho Elvis Costello,” tôi nói.

“Tôi sẽ dọn món chính,” má nói và quay sang tôi: “Con dọn mấy cái đĩa súp dùm má nhen?”

Không ai nói lời nào trong suốt mười phút khi ăn món chân cừu. Tôi định giải thích Elvis Costello là ai, và cái bìa album mà má thiết kế trông như thế nào, nhưng tôi nghĩ chắc má không muốn tôi nói chuyện đó, nên thôi.

Chỉ có tiếng dao nĩa chạm nhau lạnh canh. Sau một lúc nó im bật đi. Rồi bà Felicity nói: “Món này ngon quá, phải không anh Brian?”

Ông Cá Chua đang nhồm nhoàm một miếng dầy. Ông cố đáp: “Ummm, ngon ghê.” Khi ông nuốt xong, ông nói với má: “Chúng tôi rất buồn khi nghe tin bác trai qua đời. Chẳng bao lâu ngay sau cái chết của má chị.”

“Cám ơn anh,” má đáp: “Thiệt tình chuyện đó cũng an ủi một cách kỳ cục, là hai người nên sống gần gũi với nhau.” Bà cười to: “Thiệt là một năm khủng khiếp.”

Ông Cá Chua giơ dao nĩa lên nửa chừng và đầu ngả qua một bên. Trông ông ta như thể sắp bật khóc òa. “Thiệt vậy. Chúng tôi hiểu là cuộc sống của chị trở nên quá bi thảm trong thời gian gần đây. Còn chồng chị nữa. Thiệt là xui xẻo quá mức.”

“Dạ, chúng tôi thiệt buồn lòng về những mất mát của chị,” bà Felicity nói.

“Cám ơn anh chị, thiệt anh chị tốt hết sức. Dạ, khó khăn đau buồn lắm chứ. Tuy nhiên, giờ thì hai mẹ con tôi về đây rồi, và chúng tôi khởi sự lại từ đầu, phải vậy không cưng của má?” Tôi gật đầu. “Thật ra, cách nào đó thì đối với tôi nó cũng là chuyện trở về quê hương xứ sở. Chắc anh chị không biết đâu, vì giờ đây chỉ có vài người còn lại trong làng này là còn nhớ tôi, nhưng thật ra tôi lớn lên ở đây.”

Bà Felicity ồ lên kinh ngạc, rồi gật đầu.

“Dạ, thật ra tôi biết điều này,” Ông Cá Chua nói. Ông cười khi và trông có vẻ thoải mái vì không phải giả vờ là người miễn cảm nữa. “Tôi nhớ chị mà. Clare Groves. Vận động viên thể dục dụng cụ, nhỏ con mà rất giỏi. Tóc thắt bím, nếu tôi nhớ không lầm.” Ông vẫy vẫy ngón tay ở cả hai bên đầu để ra dấu hai bím tóc. “Tôi là gia đình Brian ở Bickleigh. Chị còn nhớ cái ngôi nhà cũ Hedge End Hall bỏ hoang mà hồi nhỏ chúng ta

thường lên vào chơi không? Đó là nơi mà bây giờ chúng tôi ở. Chúng tôi sửa sang nó lại thành một khu thương mại. Chúng tôi có một chương trình đầu tư về các nguồn lợi nông nghiệp hoạt động ở cơ sở ấy.”

Má giật mình vì bà đã quên mất mình đang ở đâu và cứ mơ màng về London. “Gì hả?”, bà hỏi, giọng thật lớn, như là một tay cảnh sát chậm hiểu.

Sau khi họ về, má uống thêm rượu vang đỏ rồi xin. Bà ngồi ở chiếc ghế bành của bà ngoại. Má hất đôi xăng đan ra, gập hai chân lại trên ghế. “Trời, má không thể tin nổi,” má cứ làm nhảm: “Thằng cha, thằng cha đần độn đó. Cái thằng cha hũ chìm nhớ dai khốn kiếp ấy. Chả đã tới đây một lần rồi mà chả vẫn không nói gì tới chuyện chả biết má. Chả phải mất đến cả hai giờ ca cẩm này nọ! Để làm chi vậy chớ? Chậc, má cũng không tin nổi là mình lại nói về chuyện cho thuê thiết bị. Lúc đó má đang nghĩ về chuyện..., con hồng biết đâu, chuyện cho thuê mấy cây cọ của mình bỏ trong chậu để trang trí mấy cái lều đài đám cưới, hay cho thứ gì như vậy. má muốn nói là, chuyện đó hồng có ngu quá xá phải không? Ui, má xin lỗi, cưng à. Con phải chịu những thứ nhảm nhí này, phải không?”

“Con uống chút rượu nghen?” Tôi hỏi.

“Lấy cái ly,” má đáp: “Cho một ít nước vô đó trước.” Khi tôi mang ly lại, má rót một ít rượu vào. “Má không biết, cưng à. Bây giờ cái làng này cứ như là một hành tinh nào khác với má vậy. Thiệt là lạ, vì khi còn ở London thì má không cảm thấy mình thuộc về nó chút nào, rồi về đây, về nơi mà má lớn lên, thì nó giống như là ở xứ quái Ngoại Mông xa lạ nào vậy. Ôi, Chúa ơi!” Bà uống một ngụm rượu lớn, rồi cười phá lên tới nỗi phải phì ra một nửa. “Má muốn nói là, nói về chuyện rối loạn chức năng...”

“Chả là một cha nội Cá Chua quê một cục.” Tôi nói:

“Brian Cá Chua. Và bà Felicity cà ngơ.”

Má khúc khích cười, rồi rùng mình: “Nè, đoán thử coi. Giờ thì má nhớ chả rồi. Có lần chả tán tỉnh má ở buổi dạ vũ Những Nông Dân Trẻ. Con tin nổi không nào? A, hahahahaha!”

Sáng hôm sau, tôi mặc áo ngủ hiệu đội bóng Arsenal đi xuống bếp, má dọn một cái săng-uych kẹp thịt muối xông khói cho tôi. Tôi mở bánh ra, xịt

nhiều nước sốt nâu của ba vào, rồi ngoạm một miếng thiệt bự. “Má nè, cái tấm hình ông bố trên chai nước sốt ngó giống Brian Cá Chua quá hen.” Tôi nói.

“Thôi đi,” má đáp “đừng nhắc chuyện đó với má nữa.” Má đang uống cà phê, đen đậm, mà má rót từ cái bình pha cà phê rất to ra. “Lẽ ra má không nên uống hết chai rượu vang đỏ đó. Sáng nay có bà PlunkettStrawberry đến báo cho má về chương trình An Ninh Khu Phố.”

Tôi phì cười. “Bà Plunkett-Strawberry?^[6] Má nói giỡn hả?”

“Thiệt đó, bà giống vậy đó. Bự bằng hai cái thùng tô-nô. Cứng nè, má đang suy nghĩ, và má thật sự nghĩ là trong vài tuần qua, mình đã quá xem trọng bản thân mình rồi co mình lại trong những vấn đề khó khăn của mình, giờ thì má muốn đền cho con, má muốn mua cho con một chiếc xe đạp leo núi thật tốt, nếu con thích. Má có một ít tiền để dành. Con nghĩ sao nào? Con có thể đi thám hiểm lòng vòng. Đường xá quanh đây rất an toàn. Mỗi ngày con có thể chuồn đi đâu đó xa khỏi má vài giờ. Nghe cũng khoái đó chứ hả?”

Tôi gật đầu và nhún vai. Chuyện đó chán lắm không vậy ta? Tôi nghĩ, nhưng cả hai chúng tôi đều sai. Đường phố quanh Manuresville không an toàn và buồn chán chút nào. Chúng rất nguy hiểm.

CHƯƠNG 3

Ở London chúng tôi có một khu vực mà Vern gọi là lãnh địa. Nó có hình tam giác, Hampstead Heath (nơi trường học năm) là đỉnh, và các trạm xe điện ngầm Camden Town và Chalk Farm là các điểm đáy. Đây là nơi chúng tôi la cà, trên các chuyến xe buýt và vỉa hè và trong các cửa tiệm, cười nhạo những kẻ qua đường quē mùa, và chôm chia lặt vặt trong các tiệm, chẳng có gì nghiêm trọng cả.

Giờ đây lãnh địa của tôi là một con đường làng, và một đoạn đường cái, và - như tôi sắp khám phá được - một cửa tiệm xập xệ tồi tàn. Việc đầu tiên tôi làm trên chiếc xe đạp leo núi (chiếc xe này rẻ thứ nhì trong tiệm bán xe đạp ở Basingstoke, nhưng tôi không có ý kiến gì về chuyện đó) là đi thám sát cái lãnh địa mới này. Từ cổng nhà, tôi quành vào đường làng và thả dốc chừng một dặm hơn, trên con dốc dài cỡ từ Kentish đến Camden Towns, giữa những bờ rào và hàng cây cao, qua một cái ao có hoa vàng mọc quanh bờ, lách tránh cút ngựa trên đường và cố cán lên những vỏ thuốc lá, bị chiếc Land Rover kéo một thùng xe qua mặt, và một xe cảnh sát bóp còi, chắc hẳn là do tôi không đội mũ. Nắng soi nghiêng thành những vệt lốm đốm, xuyên qua dây bờ rào và hàng cây, và gió lùa vào tai làm tôi cảm thấy như đang lao xuống một con dốc xanh tươi.

Tôi nhớ lại hồi chúng tôi chạy lên con đường làng này trong một chiếc BMW có hệ thống âm thanh thật chiến, trong một kiếp khác chỉ cách đây có một năm thôi. Ba bấm còi ở mỗi khúc quanh để ngựa có xe khác chạy ngược chiều lại. Má muốn ông hạ cửa kính xe xuống để thở chút khí trời thôn dã, nhưng ba lại khoái đóng kín cửa lại để máy lạnh chạy. Đây là thứ chuyện mà họ cãi cộ nhau, nhưng chỉ là cãi cộ giễu cợt nhau cho vui thôi.

Ý tôi muốn nói là ba má rất yêu thương nhau.

Hết dây bờ rào và hàng cây, con đường phẳng ra, tôi phải bóp thắng để đà chạy không lao vào dòng xe nhộn nhịp. Tựa vào tay lái, tôi ngắm xe cộ đi lại một lúc. Nhiều khi tôi ghét mình còn con nít, không có tiền để làm điều mình muốn, như chuyện nhảy lên một chiếc xe hơi nào đó rồi vù mất chẳng hạn.

Tôi quẹo xe qua bên phải, lên vệ cỏ rộng của đường cái. Cách nửa dặm trên kia là cửa tiệm, một tòa nhà bằng gạch đỏ có tấm bạt xanh ở mặt tiền quảng cáo thứ bia dở ẹt mà chỉ có đám quê mùa uống. Dưới tấm bạt là mớ sọt nhựa rỗng để đựng cam chồng lên nhau. Ngoài mặt tiền cửa tiệm có tấm bảng “Tiệm Tạp Hóa”. Tay nào đó đã dùng sơn xịt sửa chữ “Tiệm” thành chữ “Tọng” (rõ ràng các tay tiểu lâm này là dân trong vùng).

Tôi chỉ nghĩ đến chuyện mua trữ các lon thực phẩm và thanh kẹo ngũ cốc, xem có các đĩa DVD nào (sau này mới biết chẳng có khi gì cả; có lẽ lúc nào cũng cố ra vẻ hàng mới sắp về), nói chung là xáo tung ra xem nó có những gì vì nó là cửa tiệm duy nhất và là nơi duy nhất để la cà trong vùng mấy dặm quanh đây. Chuông reo lên khi tôi mở cửa, rồi im lặng trở lại cho tới khi tôi khọt khẹt ho lên. Tôi đâu có tính trước chuyện mình bị ngạt thở. Cha nội ơi, cái mùi thiệt là khó chịu.

Cái tiệm bốc mùi mấy ông già quê kệch tồi tàn, và một thứ gì đó còn kinh tởm hơn nữa mà ban đầu tôi không dám rờ tay đến. Không chỉ có cái mùi khó chịu mà thôi. Mấy trái táo để lâu trở nên vàng ửng và héo queo. Giấy gói mấy thanh kẹo sô-cô-la quăn lại và phai màu vì nằm quá lâu dưới ánh nắng chiếu qua cửa sổ.

Một mô hình tào lao của chiếc máy bay có cánh quạt dây thun bày bán, trông cũ mèm hàng ba chục năm rồi. Nhưng cái ớn nhất là quầy hàng thực phẩm có một mớ các chậu cũ mèm đựng kem, đủ thứ màu trong đó, miệng chậu dính bột khô queo, ruồi nhặng bò quanh thấy mà ghê. Ngay cả chuột cũng phải suy nghĩ lại xem có nên thưởng thức nó không, như có lần ba nói về món lasagne^[Z] mà chúng tôi ăn ở xứ Scotland.

Một lối đi nhỏ dẫn ra đằng sau, được một tấm màn bằng những dải nhựa nhiều màu chia đôi ra. Sau một phút nghĩa quanh và cố không nôn bữa ăn sáng ra, tôi thấy một đôi dép kẻ ca-rô hiện ra dưới bức màn, rồi một cái bụng ẩn sau chiếc áo len và một cái đầu bù xù vệt mỡ dải nhựa ló ra. Đó là lần đầu tiên tôi diện kiến Lão Khảm.

Đôi mắt lão mọng nước, như lòng trắng trứng chưa được nấu chín, da lão xám xịt, tóc trên đầu vàng-xám như không khí trong quán rượu, còn bộ râu xồm xoàm như một mớ đồ chùi nồi xịn dính lên cằm. Khi lê người tới trước, lão phải vịn lên quầy để giữ thăng bằng. Móng tay lão đen thui, có vảy máu khô và vết loét ở các khớp ngón tay, thuốc dán che lên những vết còn ướt. “Gì nè?” lão hỏi. Khi lão nói, một tiếng lách cách vang lên từ sâu trong lồng ngực nghe như có ai đó đang giật sợi dây xích bồn cầu trong một ngôi nhà lớn. “Tôi giúp gì cho cậu được đây, hả chàng trai?”

Cũng như cái mùi của cửa tiệm, Lão Khảm có cái mùi riêng rất đặc thù của mình. Nó có từ sáu mươi điều thuốc một ngày, và rượu, và quần lót nylon quá chật và cũ mèm, nhưng có thứ gì khác trong đó quen thuộc đến kinh tởm. Tôi ngó lảng đi, cố không nôn món thịt xông khói và nước cam chực trào ra khỏi cổ họng, và tự hỏi mình đã từng ngửi thấy cái mùi đó ở đâu rồi. Rồi tôi chợt nhớ ra.

Ba trong bệnh viện, nằm đối diện với một ông già què kệnh trông giống như thần chết. Ông già này có cả mớ ống gắn lên người, kể cả ở dưới sàn nhà, và nhiều lúc khi má con tôi ở đó thì ông già hất tung chần ra, nằm trần truồng tồng ngồng như một con gà trong siêu thị mà có người đang làm thí nghiệm gì đó với nó.

Rồi y tá vào đắp lại nhưng chân ông luôn thò ra ở cuối tấm chăn, hướng về giường của ba. Và ở giữa các ngón chân có thứ gì đó kẹt lại trông như phô-mai kem để lâu, trước đây có màu trắng nhưng đã biến thành màu vàng ở viền bên ngoài (phô-mai kem sẽ trông giống như vậy nếu Lão Khảm trữ nó lại trong các món được gọi là thực phẩm của lão). Nhưng vấn đề của món bựa-kẽ-chân này là nó không chỉ trông gớm ghiếc mà thôi. Thỉnh thoảng tôi ngửi thấy một mùi thối, trong lúc ngồi ở cái ghế thô cổ giả bộ với ba rằng

cuộc đời của tôi và của ông là rất ổn, và khi cái mùi đó xông vào mũi tôi thì cứ như là cả một triệu ngày dưới địa ngục cô đọng lại thành một phần giây thôi. Và giờ thì tôi biết được cách mô tả cái mùi đó.

Nó là cái mùi của Lão Khảm.

“Có xúc xích cay không?” tôi ráng hỏi.

“(Khúc khắc ho) Xúc xích cay là cái gì (thờ khò khè)?” Lão Khảm hỏi lại.

“Thôi được.” tôi đáp vội, lùì ra. “Còn bánh mì ciabatta^[8] có không?”

“Mày giỡn hả mậy?” ông nói, rồi móc trong túi áo ra một gói thuốc lá.

“Ồ, không. Không có chuyện gì đâu. Chào ông ngen.”

Tôi đạp xe như phát khùng sau khi vù ra khỏi tiệm, chạy tắt theo vệt cỏ của con đường rồi rẽ trái lên đồi về hướng nhà. Khi cái mùi thối hoảng của Lão Khảm vẫn còn vương vất trong mũi, tôi thấy thẳng nhóc cổ chồm mất cuộc đời của tôi, lần đầu tiên.

Khi tôi rẽ ra khỏi đường cái thì trời bắt đầu đổ mưa, tiếng lộp độp vang to như trứng vỡ trên con đường làng mù bụi. Qua những cành lá vắt ngang trên đầu, bầu trời trở thành một màu tím bầm, màu của những trái mận tía ở vườn sau mà má giả vờ vui lắm khi thấy chúng. Chẳng mấy chốc mưa đổ rào rào nặng hạt như đá rơi, xô rạp đám cỏ cây bên vệ đường, đập lên lưng tay bàn tôi đang đặt trên tay lái. Tôi nhảy xe qua mặt đường nhựa và trượt lên bờ đường đến thân cây gần nhất bên đường, nhảy khỏi yên xe, rồi nép sát người vào lớp vỏ cây xù xì và ẩm lạ kỳ.

Cơn mưa xối xả đã biến một bên con đường thành dòng suối cuộn chảy hung hãn, nhưng chỗ tôi đứng, ẩn dưới một góc thân cây, thì lại gần như hoàn toàn khô ráo. Tôi đứng đó, hai tay dang ra áp vào thân cây, ngực tôi nép vào lớp vỏ cây, dõi mắt nhìn cơn mưa sầm sập bao phủ đất trời, hơi run vì cái lạnh ập đến. Và kìa, một bóng người bước đi trong màn mưa.

Trông hẩn như trôi lướt đi hơn là chỉ bước. Chân không gây chút tiếng động nào, hay tiếng mưa quá lớn đã át đi những âm thanh nhỏ hơn. Và không có dấu hiệu nào cho biết bóng người - giờ thì tôi nhận ra rõ hơn, một thằng bé cỡ tuổi tôi – biết rằng trời đang mưa. Vì ai cũng có phản ứng lại

với thời tiết. Nếu trời lạnh thì người ta gập người lại, nếu trời nóng thì người ta bày thân thể mình ra đón ánh mặt trời, người ta ngược mặt lên như một đóa hoa vào buổi sáng. Và nếu trời đổ mưa xối xả thì người ta cúi đầu xuống và chạy tìm chỗ trú. Nhưng thằng nhóc này không chạy, hay cố bước mau chân, mà hẳn cũng không cúi đầu xuống.

Bước thật chậm rãi xuống con đường làng, đi về hướng đường cái, vừa đi vừa hơi ngó quanh quất, như thể hẳn là kẻ duy nhất trong hành lang ở trường và bị trễ giờ học, nhưng không quan tâm chuyện mình bị trễ, vì đó là môn học mà hẳn luôn luôn thấy chán ngắt. Điều đó làm hẳn trông hay hay cho dù qua màn mưa tôi thấy hẳn gầy nhom, dong dỏng cao, bàn chân to, mang đôi giày thể thao và quần sọt chặt có nhiều dây kéo, loại rẻ tiền, và có một đường ngói rẽ giữa kiểu thông thường của người dân tộc vùng về.

Càng lúc hẳn càng tiến gần đến. Chắc chắn giờ thì hẳn đã nhìn thấy tôi. Hay nếu không thấy tôi thì cũng thấy chiếc xe đạp của tôi? Nép vào thân cây, tôi chờ khoảnh khắc hẳn phát hiện ra mình và hét lên kinh ngạc. Nhưng hẳn không hề nhìn thấy tôi. Tuy nhiên có điều gì khác xảy ra. Như một sự bùng vỡ của tiếng động trắng trong đầu, như thể đột nhiên tâm trí tôi là một máy thu sóng và một tín hiệu phóng vào trong nó. Một tín hiệu mà tôi không giải mã được. Nghe có vẻ ngu xuẩn, nhưng trong thoáng giây ấy tôi tự hỏi có phải thằng nhóc là một dạng khách lạ nào đó từ xa đến, đang cố bắt liên lạc theo một cách ngoài tầm hiểu biết của loài người. Và tất nhiên, rút cuộc thì hẳn là một người khách lạ, nhưng không theo cái cách mà tôi có thể tưởng tượng ra lúc đó.

Kinh dị, tôi lắc mạnh đầu để rũ bỏ sự hỗn loạn đang náo động trong đó, rồi ập úng nói điều gì đó, mời hẳn cùng trú chung với mình: “Nè...” Nhưng tiếng mưa át mất giọng tôi rồi nhấn chìm nó trong dòng nước mưa tuôn xối xả trên mặt đường, tiếng nước mưa quất trên lá cỏ, và thằng nhóc vẫn cứ tiếp tục bước đi, ngang qua cái cây, ngang qua chiếc xe đạp nằm vắt ngang bờ đường lầy bùn, không thèm nhìn, không thèm nghe, không quan tâm, rồi biến mất ở góc đường.

Năm phút sau cơn mưa ngớt hạt nhanh như khi nó bắt đầu đổ xuống. Tôi lôi chiếc xe đạp lên khỏi bờ đường dầm nước và lau yên xe. Tôi định tiếp tục chạy về nhà thì mặt trời ló ra, chiếu xòe qua cành lá, biến nước mưa thành những làn hơi nước bốc lên trên mặt đường, rồi tôi đổi ý, quay xe lại và chạy xuống đồi. Ở mỗi ngã rẽ, tôi mong nhìn thấy thẳng nhóc lững thững đi dọc theo bên đường trong cái dáng quái dị, quê mùa của hăn. Nhưng tôi không thấy hăn đâu cả. Tôi chạy đến đường cái, ngoá qua trái rồi qua phải. Chẳng tìm hơi đâu cả. Tôi nhún vai, nghĩ rằng chắc hăn đã đi tắt xuyên qua đám rừng đến nơi hăn muốn đến, và trong một lúc, tôi quên khuấy thẳng nhóc quái dị hiện ra trong mưa rồi lại biến mất vào trong mưa.

Tôi không biết mình nên đi đâu đây, tôi chỉ theo bánh xe trước mà chạy: rẽ phải hướng về cửa tiệm của Lão Khảm, rồi rẽ vào lối tay trái đầu tiên trước khi đến tiệm và đi thẳng lên con dốc của một đường làng hẹp có bờ rào cao chẵn hai bên. Trên đỉnh đồi là một vùng bình nguyên mùa màng ươm vàng bạt ngàn. Con đường cắt ngang cánh đồng màu vàng và trải dài xuống một thung lũng rộng có nhiều cánh đồng và bờ rào xanh tươi chạy dài nhiều cây số đến một đường chân trời có đám cây nhấp nhô lờm chờm trông như những chiếc răng. Khung cảnh xa xa bất ngờ này làm tôi nghẹn thở. Tôi hít vào thật sâu, để trấn tĩnh lại và tẩy sạch mùi Bựa Kẽ Chân mà cơn mưa không gột sạch được. Tôi cười vang, nhớ lại Lão Khảm. Thật là một chuyện hay, tôi nôn nóng để kể lại... mà kể với ai đây? Tôi không biết ai để kể, ngoài má ra, và bà sẽ cho rằng tôi bất công và thô lỗ (đó là điều mà bà đã nói).

Dựa vào tay lái, tôi mãi mê ngắm cảnh. Thế giới dường như vui tươi và thư giãn ra sau cơn mưa. Những con cào cào tạo ra âm thanh nghe như những cây vĩ cầm li ti ở ven đường. Chim hót líu lo trên tàng cây và không trung. Trên cao, một chiếc máy bay đang bay ngang qua bầu trời trong vắt. Tôi nhìn thấy nó và dõi mắt theo trước khi tiếng máy vang xuống qua bầu trời xanh. Và từ dưới chân đồi trước mặt vang đến một tiếng quang quác bị nén lại nghe như tiếng của hàng trăm con gà.

Mắt tôi dõi theo tiếng gà kêu. Ở chân đồi là một khu phát triển khá lớn có một ngôi nhà xưa bằng đá, rất lớn, có các ống khói cao, vô số khu nhà phụ và chuồng trại bằng kim loại, và những cây cao to, sậm màu, cành nhánh tỏa ra, mọi thứ được một hàng rào bảo vệ bao quanh lấp lánh trong ánh nắng.

Tôi đẩy xe đạp đến đầu con dốc dẫn vào thung lũng. Tôi không bao giờ thừa nhận với Vern hay Barry, hay cả với má, nhưng khi đứng đó trong ánh nắng, với tất cả những âm thanh vang lên dịu dàng ở đằng xa, và hơi nước bốc lên khỏi mặt đường, trông thật lạ kỳ và huyền ảo, tôi cảm nhận một niềm hạnh phúc, lần đầu tiên tôi cảm nhận được sau một thời gian dài, theo sau là một thôi thúc khôn cưỡng: phóng xe hết ga xuống thung lũng dưới đó.

Rạp mình xuống sát sườn ngang xe, tôi nhấn bàn đạp như điên. Tôi thấy đôi chân mình thật mạnh, giống như các bộ phận của máy, như những bộ phận xe đạp được tra dầu mỡ thật kỹ hơn là máu và xương và bắp thịt. Vỏ xe dày tạo ra một âm thanh uốn éo và nhanh trên mặt đường ướt, làm bắn tung lên một đám sương mờ bao phủ lấy tôi như một bình phun tưới cây. Tôi đạp mạnh, càng lúc càng nhanh, qua những khúc quanh không nhìn rõ.

Đây là con đường hẹp một xe chạy, rất thường có những chỗ xe chạy ngang. Tôi tự nhủ, không có lý do gì để giữ lẽ bên trái mãi. Toàn bộ con đường thuộc về mình tôi. Nhưng trong trường hợp có một chiếc xe hơi, hay xe kéo, hay loại cơ giới nào khác do mấy tay nhà quê lái ngoặt quanh góc đường, và tôi thì không có chuông hay còi xe, và bởi vì tôi nổi hứng muốn làm sạch hai lá phổi, tôi gào to lên khi đang chạy: “Mình muốn gì nào? Tiệm xăm mình và quán kebab!^[9] Khi nào? Ngay bây giờ!” Và cứ thế mà tôi chạy, gió rít qua mũ bảo hiểm, bọn côn trùng nhảy tung vào mắt và mũi tôi, hơi sương thấm đẫm đôi chân, phó thác vào hồn-loài-sói. Thật là sai lầm!

Khi con đường trở nên bằng phẳng, hàng rào bảo vệ hiện ra bên tay trái. Tôi vẫn gào lên khi đến khúc quanh cuối cùng. Tôi không xoay sở gì kịp. Tay tài xế đang lái ra khỏi lối ra từ trong nhà ở cuối rặng cây và chiếc xe tải nằm chình ình ngang mặt lộ. Tôi chỉ kịp nhấc tay lên khỏi tay lái theo bản năng. Tay lái va vào sườn xe tải, tôi văng ngược lại chổng gọng trên mặt

đường, chiếc xe đạp dính kẹt vào dưới chiếc xe tải và sút càng gãy gọng tan tành.

Dòng chữ “quán kebab” bay lơ lửng trong không khí. Vậy mà kỳ lạ chưa, tôi không sao cả, trừ đôi tay bị trầy trụa rát ời là rát. Tôi nắm đó, áp mặt vào bờ cỏ mịn màng. Có một cái bảng gỗ với dòng chữ đen được đốt in lên mặt gỗ cắm ở đó. Tôi phải ngẩng đầu lên để đọc nó. Nông Trại Hedge End Hall. Rồi tay tài xế trèo xuống khỏi buồng lái la lên, một tay khác chạy vụt ra khỏi lối đi đằng sau chiếc xe tải cũng la lên.

Ông Củ Chuối từ sau chiếc xe tải chạy đến tôi trước.

Hắn là Brian Cá Chua.

Má buồn giận lắm. Không phải với tôi, mà là với cuộc đời. Bà đã nghĩ rằng khó mà có chuyện nguy hại gì xảy ra ở cái xứ quê tuyệt vời này. Bà xem vụ tai nạn quá mức nghiêm trọng và khóc bù lu bù loa. Tôi nói không có gì lớn chuyện đâu. Tôi chỉ tông vào vào chiếc xe tải thôi mà. Chuyện như thế có thể xảy ra ở bất cứ đâu. Và má giận dữ mắng tôi, điều này thật bất thường.

“Chính là ở điểm đó đó,” bà nói. “Nó có thể xảy ra ở bất cứ đâu. Đúng là không còn nơi nào an toàn cả. Má dọn về đây để mình tránh những chuyện nguy hại. Vậy mà cũng không được.” Rồi má ôm xiết lấy tôi, làm tôi ngạt thở muốn chết luôn.

Tôi cũng rầu muốn chết vì chuyện đó: không phải vì tay chân trầy trụa và cái áo thun bị rách bươm, đó chỉ là chuyện nhỏ, nhưng là vì nó tạo cơ hội cho cha nội Brian Cá Chua len vào đời má. Sau cái tai nạn xe tải thì cha Brian sẽ lân la đến Lòng Chảo. Trước tiên ông chở tôi về nhà bằng chiếc Land Rover Discovery của ông, chiếc xe đạp cong vẹo để đằng sau, rồi đứng trong bếp ngó và cười trong lúc má lau các vết trầy ở tay tôi bằng thuốc khử trùng rồi băng lại (ngay khi chả về là má òa khóc hu hu). Rồi ông nâng nặc đòi mua cho tôi chiếc xe đạp mới, cho rằng chiếc xe tải của mình đã chặn con đường và mọi chuyện là do lỗi của mình (và lấy cớ để tới để gặp má. Tuy vậy, chỉ nửa chiếc xe đạp ngon lành thôi thì tôi cũng cho ông làm chuyện đó). Rồi khi tình cờ đi ngang qua nhà, ông ghé lại nói ông nghĩ rằng

đưa cô con gái Tally đến đây chơi sẽ là hay lắm, vì thấy tôi chưa có thời gian để làm bạn với ai. Trời ạ, để chơi! Với Tally!

Mọi người đang đứng trong bếp. Má mời Cá Chua uống cà phê, ông nhận lời ngay, chuyện này làm tôi nổi khùng. Má đứng dựa vào mặt bếp, ngớ ngẩn cười như người máy. Đột nhiên tôi thấy lại hình ảnh thằng nhóc kỳ cục bước đi trong màn mưa. Ký ức về tiếng động trắng vang lên từ tai bên này qua tai bên kia xuyên qua óc tôi, rồi trước khi kịp hiểu mình đang nói gì thì tôi la lên: “Nhưng con có bạn rồi.”

“Ồ, con có bạn rồi hả cưng?” Má hỏi lại vẻ bối rối. Tôi suýt trả lời má là mình giả bộ vậy thôi, nhưng thật tình tôi không làm bộ. Thằng nhóc đã hát ậm ừ trong đầu tôi rồi tuy rằng tôi chưa từng gặp nó. Tuy nhiên, má lại hưởng ứng chuyện này. “À, tất nhiên rồi.” Má nói. “Má quên băng nó mất. Nó tên gì vậy ta?”

“Con sẽ nói cho má biết sau nhen.” tôi đáp. “Giờ con đi gặp nó đây.” Rồi tôi ra khỏi nhà và dọt xuống đường nhanh cái vèo, má la vói theo sau lưng: “Nhớ lấy theo đồ bảo vệ đầu gối và cùi chỏ nhen,” mấy món này má mua cho tôi sau vụ tai nạn mà tôi chẳng hề mang vào, tôi nhét chúng trong ba-lô.

* * *

Chính thằng nhóc xuất hiện một cách hữu hiệu như thế đó, nó quay tôi như quay một hạt xí ngầu, nó điều chỉnh tôi mà tôi không mảy may nhận ra vào lúc đó. Chuyện xảy ra một vài ngày sau khi ông Brian gợi ý về chuyện đưa Tally tới chơi. Trời lại đổ mưa. Gió thổi mạnh làm cây cối oằn xuống, và cành lá rầm rào. Tôi đang nằm trên giường nghe nhạc rock bằng dàn máy dờm, không nghĩ về thằng nhóc đã đành, thiệt là kỳ cục, cũng không nhớ gì tới ba tôi, mà lại hình dung ra Camden Lock, nơi xa lơ xa lắc, mất cả một giờ bốn mươi lăm phút để tới, thì tôi nghe tiếng vỏ xe nghiêng trên lối vào nhà. Tôi ngó ra thấy ông Cá Chua và hòn bi bự tóc vàng, cái kính-một-sách dày cộm của cô con cưng ngồi kế bên trên ghế trước chiếc xế Cá Chua. Họ

đến rồi, nguyên bộ sậu, và tôi biết rằng mình phải chuồn ngay thôi, mưa bão gì cũng mặc.

Phải tính thời gian sao cho đúng. Tôi chui ra khỏi mấy cái cửa sổ nằm ở cuối ngôi nhà, ngay bên dưới phòng ngủ của tôi, và chờ ở đó cho tới khi nghe tiếng má gọi tôi, có nghĩa là lúc này gia đình Cá Chua đã vào nhà rồi. Rồi tôi chạy vòng ra sau nhà đến ga-ra, cúi người thấp hơn mấy cái cửa sổ. Khi chạy được đến chiếc xe đạp thì đã ướt mềm, nhưng tôi mặc kệ. Tôi dắt xe xuống lối đi, nhảy lên yên và chuồn vào vùng ngoài tầm ảnh hưởng của Cá Chua.

Tôi tháo vè chắn bùn ra khỏi chiếc xe mới vì chúng làm cho chiếc xe trông rất dờm, giờ thì tôi không chỉ ướt mềm nước mưa mà thôi, mà bùn trên đường bắn lên tôi cả đằng trước lẫn đằng sau. Nhưng chuyện nhỏ. Thật ra còn khoái nữa. Đã thấy thẳng nhóc lằm lũi đi trong mưa như thế chẳng có mưa gió khí khô gì cả, thì tôi biết rằng chuyện bị ướt mềm là một trong những điều đã nhất mà bạn có thể làm, miễn sao trong mùa hè và do đó vẫn còn ấm. Bởi vì khi bạn ướt mềm rồi, thì một cách nào đó, CHẴNG CÒN CÁI KHÍ KHÔ GÌ LÀ QUAN TRỌNG NỮA. Cho nên tôi phóng vù vù xuống dốc về hướng đường cái mà chẳng nghĩ chút gì về chuyện mình đang đi đâu đây, nhưng cảm thấy rất khoái và tự do, rồi tôi vọt qua một thẳng nhóc đang đi bộ dọc theo bên đường. Điều tôi làm tiếp đó được gọi là Tượng Thần Tự Do. Anh của thẳng Barry Lunc bày cho tôi, có lần hẳn biểu diễn trên cây cầu ở Camden Lock và làm cho một tay du khách người Nhật hoảng vía. Tôi xiết thẳng trước, lắc hông xoay bánh sau, nhảy ra khỏi xe về bên phải, bóp thẳng sau, nhảy lên bánh sau, phóng cả hai, vừa xe vừa người, lấy thẳng bằng, vung nắm tay trái lên màn mưa (do đó trông tôi giống như bức tượng nổi tiếng kia, thấy chưa nào?), và hét vào mặt thẳng nhóc: “Ê, hãy kính nể nó. Kính nể mưa. Chú mày có hiểu tao nói gì không?” Tất nhiên tôi nói bằng giọng London, cách duy nhất để nói một điều như vậy.

Chỉ vào lúc đó, hạ xuống thẳng bằng trên bánh sau rồi, câu nói theo kiểu dân chơi London vẫn còn vang vang trong mưa gió, thì tôi mới nhận ra thẳng nhóc này là anh chàng tôi đã thấy trước đây. Nước mưa làm xẹp lép

mớ tóc, chúng rũ rượi chảy xuôi xuống má, nên trông như thể có ai rút một thùng dầu ăn lên đỉnh đầu hẳn. Miệng hẳn há hốc vì kinh ngạc khi thấy gương mặt bự sụ của tôi. Tôi tưởng tượng ra cảnh gặp nó trên đường khi tôi la cà với Vern. Chúng tôi sẽ thúc khuỷu tay vào nhau và cười khúc khích. Giờ thì tôi thấy hẳn rõ hơn, có vẻ như toàn thể ấn tượng về hẳn đều trật lất. Tóc hẳn để dài nhưng trông không sửa soạn gì cả, nó cứ mọc như bụi cỏ dại, và đường ngôi thì đúng là mọi chính hiệu. Cái áo thun và quần sọt thì đối nghịch với một hàng thụng, cái mốt duy nhất coi được theo con mắt của chúng tôi ở Camden. Coi chân với căng kìa! Que diêm cắm vào khúc xúc xích cỡ bự. Và khi hẳn mở miệng cóc, nghe chán ngắt trong cái giọng quê mùa: “Trời mưa ít hơn trước đây.” hẳn nói. “Mực mưa xuống khá thấp quanh vùng này trong vài năm qua.”

Tôi không hiểu hẳn muốn nói gì, điều này làm tôi cảm thấy mình ngu quá, đặc biệt là sau cái màn phán đoán lảm về Tượng Thần Tự Do. Tôi gật đầu và nhảy xuống xe. “Nè, mà làm gì vậy?” tôi hỏi. Không bằng giọng London, chỉ nói như bình thường.

Và giờ đây, đứng đối diện nhau, tôi nhận ra vài điều khác. Sao lần đầu tôi lại không thấy ta? Hẳn không có mái tai, hay ít ra thì mái tai của hẳn không có lòng thòng. Hẳn là một thằng đầu cá trê như tôi. Như má và như ông tôi và, ai mà biết, chắc là nguyên một nghĩa trang đầy những tổ tiên đầu cá trê của tôi.

Nhưng nếu hẳn nhận ra cái đặc điểm cơ thể khác thường mà chúng tôi cùng có, thì hẳn không để lộ ra điều đó. Hẳn chỉ nhún vai rồi nhìn tôi chăm chăm. Một giọt nước mưa đang lớn dần lên trên đầu mũi nhưng hẳn không phải đi hay lắc mạnh đầu cho nó rơi ra.

Tôi hỏi: “Mày có ở gần đây không?”

“Không xa lắm. Còn mày?” hẳn vẫn cứ ngó tôi.

“Ngay sau kia.” Tôi ra dấu bằng ngón tay cái chỉ qua vai. Tuy nhiên thằng nhóc không nhúc nhích hay biểu lộ điều gì.

Có lẽ hẳn mắc chứng tự kỷ. Đột nhiên mọi chuyện có vẻ quái gở, đứng đây mất thì giờ với cái thằng chẳng ra gì này. Nó đâu phải là người khách

đến từ ngoài vũ trụ, mà chỉ là một gã nhà quê. Ý nghĩ này làm tôi buồn phát bệnh. Chắc là mọi đứa nhóc quanh đây đều giống vậy. Không mong gì có bạn, tất nhiên trừ phi tôi chọn một đường đi vòng, tránh cá tính và tính khôi hài, và trở thành một đứa trong đám. “Dù sao...” tôi nói, và bước quanh thẳng nhóc, định tránh xa nó ra càng nhanh càng tốt.

Có lẽ chỉ là chuyện tình cờ thôi nhưng hẳn cũng di chuyển theo cùng lối và cùng lúc, và rút cuộc là chặn đầu tôi. Tôi ngó xuống đôi bàn chân thô kệch khổng lồ của hẳn, cố ra hiệu bằng mắt cho hẳn biết rằng hẳn đang xâm phạm vào không gian của tôi và tôi muốn đi tiếp.

Hẳn không hiểu cử chỉ bóng gió của tôi mà còn hỏi: “Nè, mày tên gì vậy?”

Tôi thờ dãi, vì tôi không hãnh diện về cái tên chút nào và đáp: “Mungo.”

Cái tên tác động lên thẳng nhóc thật kỳ dị, như thể một thầy ma bị hội chứng rối loạn thần kinh. Hẳn nhấc tay lên và run rẩy như là một tay thuyết giáo khôi hài, hẳn gục gặc đầu lia lịa, rồi ngửa đầu ra sau gào lên bầu trời mù mịt mưa: “À!”

Hẳn phát khùng rồi sao? Tôi nghĩ bụng và hỏi: “Mày có sao không?” vừa ghì chặt tay lái xe đạp, chỉ muốn chuồn ngay thôi.

Hẳn lại trở nên yên lặng và bình tĩnh, và lại tiếp tục nhìn chăm chăm vào tôi. Tôi có một cảm giác lạ thường, như nỗi sợ của loài súc vật. Nếu tôi mà là một con sói thì tôi đã lùi khỏi thẳng nhóc và hú lên.

Hẳn nói: “Tao không sao.” Rồi cười khăng khặc.

“Cười cái gì vậy?”

“Mày muốn biết thiệt hả?”

Tôi nhún vai, không dưng thấy vừa quê vừa sợ.

“Tên tao cũng là Mungo.” thẳng nhóc nói.

CHƯƠNG 4

Giờ thì đến phiên tôi trợn mắt ngó. “Ngộ ghê.” Sau một lúc tôi mới nói. Tôi cố giữ bình tĩnh, suy nghĩ chuyện này cho thấu đáo. Một tay quái đản và một sự tình cờ quái đản, chỉ vậy thôi. Tôi muốn chuồn hơn bao giờ hết, nhưng giờ lại cảm thấy phải trò chuyện. “Tên tao được đặt theo tên ông cố tao,” tôi nói.

“Tao cũng vậy.” Mungo nói.

“Ông là người Scotland”

“Ông cố của tao cũng vậy.”

Giờ thì cả hai chúng tôi đều trợn mắt. “Quái thiệt,” tôi nói.

Chúng tôi đứng im thêm một vài giây, rồi Mungo nói: “Ông cố của mày có chế tạo ra ra-đa không?”

“Cái đó thì tao không biết.” tôi đáp.

Mungo nheo mắt lại như thể nó không tin lời tôi. “Mày có chắc không?”

Không, tôi không chắc chút nào! Tôi không biết chuyện gì về ông cố người Scotland của mình ngoài chuyện ông có cái tên ngờ nghệch và chết trước khi tôi chào đời. Ông có thể là tay vô địch thế giới về tài ăn món dạ dày cừu nhồi lòng mà tôi không biết. Nhưng giờ thì tôi đang lo. “Tất nhiên là tao chắc.” tôi đáp.

Nhưng Mungo không bỏ cuộc. “Vậy còn sách thì sao?” hăn hỏi tiếp: “Ông có viết sách không?”

“Về chuyện gì?”

“Về...” Mungo ngập ngừng ngó lơ đi. “Về các chuyện thôi. Chuyện về khoa học.”

“Không. Tuyệt đối không có,” tôi đáp.

Mungo lại lặp lại các cử chỉ của tay thuyết giáo như lúc nãy. “Bỏ đi,” hắn nói. “Hắn là chuyện tình cờ thôi. Những chuyện như thế xảy ra nhiều hơn là người ta nhận biết.” Giờ thì hắn xoa hai bàn tay vào nhau và đổi đề tài. “Tao biết chỗ khô ráo mà chúng ta có thể đốt lửa sưởi. Mình có...?” Nó không nói hết câu.

Tôi ngần ngại. Mọi chuyện có thể thay đổi nhanh như chớp. “Tao không biết,” tôi đáp: “Tao chỉ...”

“Đi mà,” hắn nói. Và cái cách hắn nhìn khẩn khoản, đột nhiên tôi hiểu rằng hắn muốn tôi đi cùng. Đó là chuyện xảy ra nếu bạn sống đơn độc trong vùng vắng vẻ Manuresville này.

“Được rồi, một lát thôi à nhen.” tôi đáp. “Đi đường nào đây?” Hắn chỉ tay xuống con đường làng chạy về hướng đường cái và tôi nói nó leo lên phía sau xe đạp.

Con đường cái giống như một cái biển cạn. Đèn pha bật lên lúc 11 giờ sáng, đuôi xe hơi bắn nước thành những con sóng cong qua màn mưa. Trong khi nhìn những chiếc xe hơi, tôi ngoái lại nói: “Đôi khi người ta có gọi mày là Mong không?”

Mungo không đáp lại câu hỏi, mà nói: “Mày có dái tai giống tao.”

Tôi nói: “Mày muốn nói là cả hai đứa mình đều là đầu cá trê?”

Nó chỉ mỉm cười và nhảy xuống xe. “Đi tới tiệm tạp hóa trước,” hắn nói. “Nó ở ngay đây thôi. Tao cần mua diêm quẹt.”

“Tao sẽ chờ bên ngoài.” Tôi nói. “Mày có thể mắc bệnh chết người ở trong.”

“Tại sao?” Mungo hỏi.

“Mày không thấy bàn tay ổng hả? Lỡ mà đụng chúng thì mày sẽ lây thứ gì đó rất nguy hiểm, tao nghĩ vậy.”

“Vì ổng là pê-đê à?”

“Mày nghĩ gì vậy chứ?”. Tôi hỏi lại. Thiệt tình. Bạn gặp một tay nhà quê ở tận đâu đâu và bạn lại quá khao khát được trò chuyện với một kẻ chưa-

làhây-ma cho đến độ bạn tự dối mình rằng hăn cũng ổn. Hơi quái nhưng có vẻ cũng không đến nỗi nào. Nhưng hăn không ổn chút nào, hăn là một tay ghét người đồng tính một cách cực đoan, kẻ chắc cũng cho rằng ném đá những người ngoại tình là một cách hành xử hợp lý về mặt xã hội. Và hăn cho rằng tôi cũng là một kẻ cực đoan. “Không!” Tôi nói. “Ý tao là, vì đôi tay của ông ấy trông như thể chúng mắc một thứ bệnh kinh khủng nào đó. Dù sao đi nữa phải gọi là gay mới đúng chứ. Nhưng Lão Khảm không phải gay, tao thấy điều đó.”

“Tao thấy ông có hôi hám gì đâu.” Mungo nói. “Thôi đi nào.”

Rồi đó là lúc tôi khám phá ra rằng cửa tiệm của Lão Khảm không còn nữa. Tường gạch của nó vẫn như cũ, nhưng mặt tiền và bên trong đã được thay đổi thành một cửa hàng mới, bề thế và sáng sủa kiểu hay thấy ở Hampstead, các tài tử khoác khăn quàng dài thường ghé đến mua ô-liu. Các cửa sổ lớn có treo những dây tỏi và cành lá thay vì chấn song nhựa và xác những con ong bắp cày. Bảng hiệu mới ghi bằng chữ hoa “Gavin’s Deli” thay vì “Tiệm/Tọng Tạt Hóa”.

Hoan hô! Cuối cùng thì Lão Khảm đã kết thúc công việc mua bán của mình và một tay khác sang cái tiệm, hi vọng hăn từ London đến.

Tôi đứng chờ bên ngoài trong lúc Mungo vào mua diêm. Khi hăn ra, tôi hỏi: “Chỗ mà mình tới là ở đâu vậy?”

“Thung Lũng Hạnh Phúc^[10] hả? Hồng có xa lắm đâu.”

Tôi đèo hai đứa xuôi con đường cái cho tới khi Mungo vỗ vai nói tôi rẽ phải. Tôi ráng đạp lên dốc đồi hai mươi mét giữa hàng rào cây trước khi trọng lượng của vị khách tôi chở bắt chúng tôi phải dừng lại nghỉ. Chúng tôi xuống xe và đi bộ lên đỉnh đồi.

Trên đường đi hăn hỏi: “Nè, vậy mà sống ở đâu vậy?”

“Ở ngôi nhà vườn có tên là Lòng Chảo.” Tôi làm mặt giễu: “Chán ngắt à. Còn mà?”

Hăn chỉ mơ hồ về bên trái. “Mày có biết con đường đến Bickleigh không? Vừa qua khỏi đó. Nó có trái thơm ở trụ cổng vào.”

“Nhưng tao đến từ London,” tôi nói. “Mới dọn nhà về đây thôi.”

Mắt tôi hơi rưng rưng khi nói đến London vì không dưng tôi thấy thương nơi mình từng sống. London là thành phố vĩ đại nhất trên địa cầu và tôi là một phần của nó. Vẫn là một phần của nó, cho dù có ai nói gì đi nữa.

“London à?” Mungo bật cười không tin. “Chắc là đi khỏi nó mày mừng lắm, hen?”

Lúc đó tôi muốn gọi hắn là đồ nhà quê thôi. Hắn không chỉ xúc phạm tôi mà thôi, hắn còn xúc phạm đến ba tôi nữa. Những gì còn lại của ba tôi đang cuốn bay quanh đồi Hampstead Heath. Tại sao tôi lại trò chuyện với một thằng nhóc như vậy cà, cái thằng còn là một đứa cực đoan ghét pê-đê, còn chờ hắn trên xe đạp nữa chứ? Bởi vì đây là một xứ tào lao, chẳng có ai thú vị cả nên bạn phải trò chuyện với bọn mọi rợ nếu không thì chỉ có đường trò chuyện với cây cối thôi.

Khi tôi không đáp, Mungo hỏi tiếp: “Vậy ba của mày làm nghề gì?”

“Nhà sản xuất băng đĩa.”

“Wow. Ông có nổi tiếng không?”

Ba ơi, con xin lỗi ghen, con nói dối về ba, không phải để bảo vệ ba, mà để bảo vệ con. Dù sao thì con không muốn thằng nhóc kỳ quái mà con chỉ vừa mới gặp biết là ba đã chết. Có điều gì đó cho con biết rằng hắn có thể dùng điều đó để chống lại con; nhưng không nói với hắn là một sai lầm, như kết quả về sau này.

“Trong giới của mình, đúng vậy,” tôi đáp. “Ông biết nhiều người nổi tiếng.”

“Như ai nào?”

“Eric Clapton?^[11] Kevin Spacey^[12]? Biết hông?” Mungo nhún vai.

“Sao, mày chưa từng nghe danh họ à?” tôi hỏi. Tôi không tin nổi. “Mày có nghe đến Elvis Presley^[13] hông?”

“Tất nhiên tao biết chứ,” Mungo đáp. “Mà mày có nghe tiếng Erwin Schroedinger^[14] hông?”

“Ông là ai vậy?”

“Ông là một ảo thuật gia. Kiểu giống vậy đó.” Mungo dừng lời, rồi nói: “Ba mà có nghiêm hông?”

Tôi bật cười. “Không. Ông không giống một ông bố lắm đâu. Giống một người bạn hơn. Ông để tao uống bia và các thứ. Ông thật là dễ thương.”

Một cảm giác thật dễ chịu, khi nói về ba như thể ông vẫn còn sống. Và về sau, khi tôi nghĩ về điều đó, thì nó lại là một cảm giác buồn vô cùng.

“Ông có yêu má mà không?”

Câu hỏi làm tôi ngạc nhiên. “Tao không biết.” Tôi nói, rồi cảm thấy bực bội với chính mình, bởi vì tôi biết câu trả lời thật là: Yêu chứ, nhiều lắm kìa.

“Ông có đi chơi thuyền với bà không?” Mungo hỏi tiếp.

“Chỉ là những chuyến đi chơi giả bộ thôi, hầu hết là như vậy. Cái gì đây nè? Vịnh Guantanamo ở Cuba hả?”

“Họ có... mà biết đó...”

“Cái gì?”

“Mà biết mà, vẫn làm vụ đó.”

“Khùng quá,” tôi đáp, “mà là thẳng bệnh hay gì đây?”

Câu hỏi của Mungo thiệt lạnh gáy. Tôi hỏi lại: “Còn ba má mà thì sao?”

“Chắc mà nói giỡn hả.” Mungo đáp. Rồi đột nhiên nó vọt chạy nhanh lên trước, nhắm hướng đỉnh đồi, tôi nghĩ là hẳn làm như vậy để tôi không thấy được vẻ mặt của hẳn.

Lôi chiếc xe theo, tôi bắt kịp hẳn ở đỉnh đồi và nhận ra mình đang đứng ở đâu. Trước mặt chúng tôi là những cánh đồng rộng và các bờ rào trải dài đến chân trời có những rặng cây nhấp nhô lờm chờm. Lúc này không có nắng lấp lóa, không có bọn cào cào vui vẻ huyên náo trong các dây rào, chỉ màn mưa rào rào trên đồng và dưới chân chúng tôi thành những cuộn nước lười lỉnh. Nhưng chắc chắn đây là nơi tôi đã đến bằng xe đạp, trước khi phóng xuống dốc đồi tông vào chiếc xe tải.

Nhưng cảnh vật có phần khác trước. Trước kia gần dưới chân đồi có một hàng rào bảo vệ bao quanh một ngôi nhà cổ rất to và những nhà chứa trong trang trại, nơi mà tôi tông vào chiếc xe tải: Nông trại Hedge End Hall, nhà

của gia đình Cá Chua, Brian, Felicity, và Tally. Nhưng giờ đây tôi thấy không còn hàng rào, và mặc dù có một ngôi nhà trông quen thuộc, với những ống khói cao, nhưng không còn các căn nhà phụ bên ngoài hay chuồng gia súc. Thay vì vậy, ngôi nhà hầu như bị cánh rừng tối, trông như một dải đất xa dưới hàng cây cắt dài, vây quanh và nuốt mất. Nơi giờ đây chúng tôi đứng giống như ngọn đồi mà tôi đã đến, nhưng nó không giống như trước.

Mungo chỉ xuống hàng cây và các ống khói cao. “VẬY ĐÓ, NÓ ĐÂY RỒI,” hắn nói. “Thung Lũng Hạnh Phúc và Ngôi Nhà Thung Lũng Hạnh Phúc.” Rồi lại bỏ đi trước tôi, đôi chân mềm dẻo của hắn bước những bước dài nôn nóng xuống đồi. Tôi nhìn hai bả vai hắn nhấp nhô như đôi cánh ma qua chiếc áo thun ướt đẫm nước mưa, rồi phóng người lên xe thả cho xe chạy về phía hắn.

Thời tiết quét qua thung lũng, mưa lùa thành từng đợt đẹp nào nùng như hình cảnh vật trên màn hình vi tính. Nhưng trong lúc tôi vừa ngắm cảnh, vừa lướt xuống dưới chân đồi, thì thời tiết và cảnh vật đã thay đổi. Một ánh chớp bất ngờ từ nơi đâu nơi đâu, không dừng lóe lên thật kỳ dị, mà không có tiếng sấm.

Tôi suýt ngã xuống xe vì hoảng hồn, và khi ngó lên thì thấy một vết dài màu xanh lơ hiện ra trong các đám mây đen. Gió thổi vệt xanh càng lúc càng loang lớn ra cho tới khi đột nhiên mặt trời lóa lên như một màn quảng cáo bơ hay bột giặt, làm cả thung lũng tràn đầy một màu tươi vàng rực rỡ. Cánh đồng bắp trở thành những chiếc áo vàng gợn sóng của đội bóng Brazil, chim hót líu lo và khi tôi nhấc tay khỏi tay lái để kiểm tra thì thấy rằng trời đã tạnh mưa. “Ê nè!” tôi gọi to lên và cố nhìn phía trước tới chỗ mà tôi nghĩ là Mungo đứng.

Nhưng Mungo đã tan vào màn không khí mùa hè êm ả.

Khi tôi về đến nhà thì chiếc xế Cá Chua không còn đậu trong lối vào. Má hỏi: “Chúa ơi, con đi đâu vậy? Con không mang di động theo à? Má gọi cho con quá chùng luôn.”

Tôi đáp: “Quanh đây nó không bắt sóng.” Quả thật là như vậy. “Con đi chơi với...” Mình đi chơi với ai vậy ta? Mình có đi chơi với ai không, hay vì buồn quá nên mình tưởng tượng ra là có bạn như một thằng bé ba tuổi bất bình thường? Có vẻ như không thật cho lắm: cái tên, dáng tai, những chuyện về ông cố mình, cái cách hăn đi mất một cách ma mị. Sao đi nữa thì tôi cũng không gọi hăn là Mungo, má sẽ nghĩ là mình phát khùng thiệt rồi.

“... Steve,” tôi đáp.

“Steve là đứa nào?”

“Con kể cho má nghe rồi. Cậu bạn mà con nói với má đó.” Má nheo mắt và nhăn mũi lại. Bà đang làm cái việc mà bà gọi là đánh-hơi-ra-chuột. “Má nhớ không? Con nhắc tới hăn lúc gia đình ông Cá Chua tới chơi lần trước đó. Tên hăn là Steve và con gặp hăn vài lần rồi hẹn gặp nhau.”

“Trong mưa tầm tã vậy hả? Mà nè, tên của ông Boland là Brian à ngen.”

“Dạ. Mưa thì mưa, đâu có sao. Mưa càng khoái. Ai cũng nghĩ là họ phải núp mưa nhưng hông phải vậy. Má thử dầm dưới mưa coi, để cho thiệt ướt luôn. Đã lắm.”

“Ba con biểu vậy hả?”

“Không đâu. Mà ba thì dính gì với chuyện này?”

“Con phải đi tắm nước nóng. Con sẽ bị cảm lạnh cho coi. Vậy chớ nó ở đâu, cái thằng Steve đó?”

“Con không biết.”

“Con không biết hả?”

Tôi nhớ lại mấy trái thơm. “À, chờ tí. Nó nói ở gần Bickleigh hay gì đó.”

“Con thiệt là hỗn đó ngen, Mungo.” Má chỉ gọi tên cúng cơm của tôi như thế khi bà giận lắm. “Thiệt là rầy rà khó xử với Brian và Tallullah. Má phải nói dối cho con. Khi má gọi mà con không xuống nhà, má phải giả bộ là quên rằng con không có nhà. Chuyện đó không phải tí nào, Mungo à.”

Tôi đáp: “Brian và Talullah Boland à. Ôoooooi!”

Má đứng chống nạnh. “Vậy chớ con đi đâu?”

“Con nói rồi. Đi với Steve. Và con mặc kệ má có tin hay không, vì thật là vậy mà. Á à, và Tally có thể giận luôn vì con không chơi được với một con nhỏ nhà quê đom đóm như vậy đâu.”

Má im lặng một cách đáng ngại. Bà nói: “Má chỉ nói một điều này thôi. Má không thích cái tính láu cá quanh co đâu ghen. Tính láu cá đó đang mò vô ngôi nhà này và má sẽ dẹp nó à. Mà má cũng không muốn nghe tiếng thò tục chửi thề trong nhà này. Con có hiểu không hả, Mungo?”

Tôi đáp: “Đó là hai chuyện.”

“Mungo!!” Sau đó, trong im lặng, tôi nghe tiếng cái đồng hồ của ông ngoại tích tắc trong phòng khách.

“Dạ?”

“Giờ má không muốn ngó thấy con lảng cháng loanh quanh đây. Đi tắm. Rồi vô phòng của con đi.”

Trước khi tắm tôi nhón gót đi vào phòng má. Tôi phải thật thận trọng vì ngôi nhà đã quá cũ, nó kêu cọt kẹt. Tôi bò xuống sàn nhà ngó vào dưới gầm giường má. Sau khi ba qua đời, má có giữ lại một vật của ông, đúng hơn là hai vật: đôi giày bằng da báo. Một ngày nọ trong khi tôi đi học, mọi thứ khác của ông biến mất trong bao rác, kể cả sợi dây lưng mà Keith Richards^[15] đeo trong chuyến lưu diễn vòng quanh thế giới của ban Rolling Stones vào thập niên 80 (tôi không thèm nói chuyện với má suốt cả tuần sau khi món đó đội nón ra đi). Nhưng đôi giày thì bà cất dưới gầm giường. Không sâu lắm nên có thể lấy chúng ra dễ dàng, nhưng ở giữa gầm giường nên phải nằm ẹp xuống sàn nhà và với tay vào trong, và cũng phải cần cầm một vật gì đó như là cái móc áo để khều chúng ra. Má không biết rằng tôi biết bà cất chúng dưới gầm giường. Và bây giờ thì tôi đang kiểm tra xem chúng còn ở đó không, xem chúng có di chuyển an toàn từ Camden Town đến Manuresville không.

Chúng nằm an toàn ở đó, ngay ở giữa gầm giường. Tôi khều chiếc gài nhất bằng cái móc áo mà tôi cầm theo ra, chiếc bên trái, rồi áp nó vào mũi như thể nó là cái mặt nạ dưỡng khí. Tôi hít vào thật sâu, hít lấy mùi của ba,

rồi tôi úp nó lên tai biến nó thành cái điện thoại. “Ba ơi, ba,” tôi nói. “Đến giúp con với. Chuyện gì đang xảy ra vậy nè trời?”

Tối hôm đó má nấu gà lôi, món mà tôi không tham gia vì nó bị mấy tay nhà quê bảnh tẻng bắn và vẫn còn đạn trong người. Tôi nhặt ra mấy mảnh đạn chì và để chúng một bên đĩa.

Má nói tôi một lúc rồi thở dài, nói: “Con có ăn miếng nào không hay là chỉ bươi nó ra cho vui thôi? Hôm nay con nhất định làm khó má phải không?”

Tôi đáp: “Sao má gọi con là Mungo? Con ghét cái tên ấy. Đó là cái tên nhảm nhí.”

“Con biết rất rõ vì sao mà. Đó là tên ông của má.”

“Đúng vậy, nhưng tại sao nó không là tên thứ hai của con, cái tên mà má chẳng bao giờ dùng. Để cho con chỉ là Mark hay Dave, giản dị vậy thôi.”

“Vậy là cái tên đó không ngon lành, phải không nào? Vấn đề chính là để giữ lại kỷ niệm của cố. Con nên tự hào chứ. Cố là một người đặc biệt. Đi trước thời đại của cố. So với cố thì bọn cười nhạo cố chỉ là những kẻ quá nhỏ bé.”

“Tại sao chúng cười nhạo cố?”

“Bởi vì cố không ngại suy nghĩ và nói lên những điều khó khăn. Thôi, giờ thì ít ra là con cũng ăn rau đi.”

“Cố có đầu cá trê như mình không?”

“Cưng nè, đừng có gọi như thế. Tất cả chúng ta không thể đều giống nhau. Sao đi nữa, mình có đôi tai hoàn toàn bình thường và cố của con cũng vậy.”

“Vậy là cố có đầu cá trê. Cố có chế tạo ra ra-đa không?”

Má bàng hoàng khựng lại, tay cầm dao và nĩa để lửng giữa không trung. “Cố thường tuyên bố là có làm, đúng vậy. Và má luôn tin rằng cố có làm, cho dù cố chưa bao giờ được công nhận. Sao con biết chuyện đó?”

Tôi cố giữ vẻ tự nhiên và nói: “À... Con nghĩ là có lần ba kể với con.”

Tôi chờ vài phút, ráng hết sức ăn thịt gà lôi thay vì chỉ sắp xếp lại trên đĩa, rồi tôi nói: “VẬY CỐ CŨNG CÓ VIẾT MỘT CUỐN SÁCH?”

Má bỏ dao nĩa xuống và ngó tôi chăm chăm với vẻ mặt đánh-hơi-ra-chuột của bà. “Đúng là ông có viết,” bà nói. “Con biết chuyện gì nữa?”

“Con không biết gì cả,” tôi đáp, giả bộ như không có chuyện gì quan trọng. “Con chỉ nói chuyện chơi thôi mà.”

“Ba kể chuyện này với con hồi nào?”

“Ồ, con không biết, một trong những lần hai cha con đi dạo ở đây, con nghĩ vậy, khi ba muốn thoát khỏi tật nói dai của ông ngoại. Má có nước sốt nâu cho thịt gà không?”

Má làm lơ câu hỏi và nói: “Con biết đó, ông con có một bản của cuốn sách. Ông phân vân không biết nên giữ lại hay không nhưng má nghĩ rất cuộc thì ông vất nó đi. Với một số thứ khác. Cái giá để tẩu thuốc lá của cha của ông, những thứ như vậy đó. Những kỷ niệm không đẹp. Một ngày nào đó má sẽ kể cho con nghe, khi mà má cảm thấy thoải mái với nó hơn.”

“Sao cũng được,” tôi đáp như thể tôi không nghe rõ lắm. Nhưng lại cảm thấy như thể trái tim đập nhịp đôi ì xèo trong lồng ngực.

Những trò ma mà Mungo đã chơi, chúng làm tôi ray rứt suốt đêm, không cho tôi chợp mắt. Những thứ về tên của ông cố tôi và cuốn sách ông viết, rồi trò lạng lẽ biến đi mất tăm. Hẳn đây là trò mà người ta làm ở chốn này vì chẳng có gì khác để làm. Họ tìm hiểu, dò xét bạn, tên bạn là gì, và một số thông tin mơ hồ dính líu đến ông cố của bạn, rồi họ nói lại với bạn để làm bạn hoảng hồn chơi, để chứng tỏ là họ có những năng lực siêu nhiên. Rồi - chuyện này là mảng kem trên cái bánh ngọt – chúng tan biến ngay trước mắt bạn! Mungo đã làm điều đó đến hai lần. Hẳn biết các đường tắt và chỗ núp. Nhưng để rồi xem, tôi sẽ tìm ra hẳn.

Buổi sáng tôi đạp xe dọc theo đường Bickleigh. Tôi tìm mấy trái thơm bên các trụ cổng, rồi rồi chợt thấy chúng ở bên tay trái, khoảng chừng một dặm bên ngoài ngôi làng. Bức tường và mấy trụ cổng sơn trắng, những trái thơm bằng đá cỡ những trái bóng bầu dục. Tôi thả dốc đến đầu bức tường, ngã xe xuống bờ cỏ hẹp nằm giữa bức tường và con đường và xem xét

chung quanh. Sau bức tường là một hàng rào cây mọc bùm xùm, chắn mất tầm nhìn của ngôi nhà.

Không phải các cổng để mở. Mà là chẳng có cổng nẻo gì cả. Tôi đi giữa những trái thơm, qua hàng rào rồi vào một khu vườn trông giống như một cánh đồng um tùm từng được dùng làm nơi đổ rác. Nằm trơ trên cỏ, như xác cá voi trên bờ biển, là hai chiếc xe rí sét, cửa kính vỡ và không còn bánh. Lon sơn hoen rí chất đống ở một góc. Nó là một ngôi nhà gỗ hiện đại, không hạp tí nào với bức tường trắng và các trụ cổng trái thơm. Một cửa sổ vỡ kính được chặn lại bằng miếng cạc-tông gấp nếp gọn sóng. Vẫn còn một ông già Noel bằng đèn nê-ông dính trên cửa trước cho dù giờ đã vào tháng tám.

Nơi này tỏa ra một tần sóng tệ hại. Tôi rùng mình và nhìn quanh, mong thấy một gã mát dây cầm cuộn thừng với ý định thắt cổ trong đầu. Thật tình thì tôi suýt đổi ý và chuồn ra khỏi đây. Rồi tôi nghĩ, mình là dân London. Chẳng có thứ gì ở cái xứ nhà quê này có thể hù dọa mình. Tôi cũng lo không chừng Mungo theo dõi mình từ một trong những cửa sổ hư hỏng hẳn thiu kia. Đứng hòng tôi để cho hẳn thỏa mãn với chuyện thấy tôi run sợ. Tôi hít sâu một hơi, nhắm mắt lại, nghĩ về ba, rồi bước thẳng đến cửa trước và rung chuông.

Bên trong nhà không có tiếng chuông reo, tôi không ngạc nhiên vì điều đó. Chắc hẳn chuông đã hư cả mười lăm năm rồi. Tôi gõ cái đấm cửa hoen rí giăng đầy mạng nhện. Có những ô kính cong vẹo và đục mờ trên cửa. Một vật gì tối sẫm hiện ra đằng sau ô kính và tiếng chốt cửa mở ra bên trên rồi bên dưới. Cánh cửa cọt kẹt mở ra làm tôi thối lui vội vàng đến suýt ngã.

Đứng đối diện tôi là một bà rất mập như thể toàn thân bà được làm bằng phô-mai. Da trên mặt và cổ, hai cánh tay lắc lư phô bày ra, và đôi chân ú na ú nần trơn nhẫy và trắng bệch. Bà mặc một chiếc váy đầm hoa hòe, mỏng và lôi thôi lệch thếch trông giống một tấm màn mà bà xé ra từ một chiếc xe tải bỏ phế rồi quần quanh người.

Đôi mắt bà gần như bị vành da quanh chúng che phủ mất, như thể cần có một cái móc áo để khều móc chúng ra, và bà có lông bạc mọc trên cằm. Lạ thay, bà lại không bốc mùi phô-mai hỏng. Bà tỏa một mùi gì đó ngọt gắt,

như thế bà kẹp một bình thuốc khử mùi toilet dưới mỗi bên nách trần. Nói chung, bà trông như thể bao đời nay ở trong một cánh đồng, đào những trái bom chưa nổ từ thời Thế Chiến Thứ Hai lên và xơi chúng.

Bà hỏi: “Gì đó?”

Tôi hỏi lại: “Mungo có sống ở đây không ạ?”

Bà rụt đầu lại như một con rùa, rụt vào trong những nếp gấp thịt ở cổ (móc áo có thêm một việc để làm nữa). Tôi thấy là bà ta nghĩ tôi bày trò chọc cười. Tại sao người vùng này luôn luôn nghĩ rằng tôi giễu họ? Bà không nói lời nào, chỉ lắc lắc đầu hai lần, hai cái lắc nhanh, và toan đóng cửa lại.

Tôi đưa tay ra nói, thấy mình ngốc ơ là ngốc: “Chỉ là vì... nó nói là nhà nó có mấy bụi thơm.” Tôi làm hiệu chỉ ngón cái ra sau lưng. “Vậy thằng nhóc tên là Mungo thật sự không sống ở đây sao?”

Bà-xơi-bom đáp: “Cút đi,” rồi đóng sập cửa lại.

Dáng người sẫm vẫn còn in sau ô kính cong vẹo, chờ tôi cút đi. Tôi từ từ đi trở lại bằng ngang khu vườn, cố nghĩ cho ra chuyện. Khi đến mấy bụi thơm tôi ngó lại ngôi nhà, tìm chứng cứ, như là nhãn dán trên ô cửa sổ hay một trái bóng... để cho biết có một thằng nhóc cỡ tuổi của Mungo đang sống ở đó. Nhưng chẳng có khi gì cả, ngoại trừ cái bóng người sẫm màu không nhúc nhích từ đằng sau cánh cửa.

Thế là tôi lại dính bẫy. Thằng khốn lại cho tôi vào tròng lần nữa!

Có thể hẳn giống một đứa nhà quê, nhưng thằng nhóc mà rùi thay tôi lại có chung cái tên cúng cơm với hẳn lại là một tay đại bịp có hạng. Thậm chí tôi đã tin hẳn vài tiếng đồng hồ nữa kia. Hẳn đã chọc ngón tay vào trong đầu tôi, rồi quậy tưng lên chỉ để cười nhạo, mà nè, không có ma nào có quyền làm chuyện đó với tôi đâu nhé. Lần sau mà hẳn giở quẻ, thì sẽ có hàm răng sói ngoạm một phát đứt ngón tay cho bõ ghét.

CHƯƠNG 5

Có lẽ Mungo biết tôi nghĩ gì, vì hẳn đã lặn mất tăm. Trong năm ngày sau đó, ngày nào tôi cũng đạp xe lòng vòng tìm hấn. Thậm chí vì buồn chán quá mà tôi liều mạng đi xuống Bickleigh với má vài lần với hi vọng may ra thấy được hấn. Tôi khám phá ra một chuyện: Lão Khảm trở về phố. Tiệm Gavin's Deli đã trở lại thành Tiệm/Tọng Tạt Hóa như cũ – hay đó cũng là trò bịp của Mungo? Nhưng không có bóng dáng tăm hơi của Mungo đâu cả.

Sau một tuần, có vẻ như hấn giống một giấc mơ tan đi, và tôi lại quan tâm đến chuyện khác – như là chuyện về con bé Tally Bánh Tart với cây đàn cello bò rống kinh khiếp. Tally lượn quanh càng lúc càng gần gũi hơn. Cha con bé đã mò tới nhà mà không báo trước và có lần ông ta nói như vậy: “Tôi đi ngang và nghĩ rằng mình nên ghé thăm cô gái can đảm sống trong rừng, để chắc chắn là con sói vừa to vừa xấu xa chưa tha cô đi mất tiêu.”

Má không cười rộ lên vì câu tán dương đáng bị như thế. Vậy mà má lại cười dịu dàng làm tôi suýt phát ói ngay tại chỗ. Tôi có cái cảm giác kinh khủng rằng bà không còn nghĩ rằng cha nội là tay cá chua bự tổ chẳng nhất trên thế giới, bất chấp cái thông điệp có ý nghĩa như thế được xăm bằng chữ in đen sì trên trán lão.

Tôi thật lo cho má. Hóa ra đời sống cứ trôi đi mãi mà bà không có được công việc thiết kế mà bà trông đợi. Không ai gọi điện đến. Má bắt đầu lai rai rượu vang từ ngay khi tiếng bíp bíp trên ra-đi-ô báo sáu giờ, chuyện đó cũng được đi ngoại trừ vài lần má uống hơi quá chén và khóc, và chuyện này thì tệ quá bởi vì tôi biết rằng đây chính là điều mà cha nội Cá Chua Brian mong muốn, để chả có thể phóng đến cứu nguy như Đội Hiệp Sĩ Cứu Khốn Phò Nguy. Và đó chính là điều chả làm. Chả dàn xếp cho má một công việc

trong một cửa hàng từ thiện ở Bickleigh bốn buổi sáng và thỉnh thoảng vài buổi chiều trong một tuần. Bà bán áo choàng trùm đầu của người chết cho những người chết khác với giá 35 xu, và được trả lương khoảng mười pao một ngày!

Thiệt là rầu, nhưng ít ra nó giúp bà không quẫn riết lấy tôi nữa.

Một sáng nọ, trong lúc má sửa soạn thức ăn trưa mang theo để đi làm, thì bà nói cái điều mà tôi nghĩ rằng bà đã rất muốn nói từ nhiều ngày nay. “Tally muốn gặp con lắm, con biết đó.”

“Thôi đi mà. Không, không, không... trăm lần không.”

“Má chỉ muốn con có bạn thôi mà. Má biết con nhớ London và bạn bè lắm, và má thiệt khổ tâm về chuyện đó. Trong tháng chín, khi nào con đi học ở đây là con có bạn mới liền hà. Nhưng trong lúc này mà con cứ ru rú một mình hoài thì không tốt chút nào. Nó không có tác động gì tốt cho con hết, phải không nào? Mình phải thành thật đi.”

“Con đâu có ru rú một mình. Con nói với má rồi. Con có thằng bạn Steve rồi.”

Má thở dài: “Ô, đừng vậy nữa mà. Nè, lâu nay má đâu có thấy con gặp nó.”

“Nó đi xa,” tôi chỉ nghĩ được như vậy để nói. “Nhưng mà sẽ về nay mai.”

“Tốt, khi nào nó về thì đưa nó tới nhà mình chơi.”

Tôi cảm nhận được má đang liếc mình, nhưng tôi không ngó lại má. “Dạ, chừng nó về con sẽ rủ,” tôi nói.

Sau cuộc trò chuyện đó, tôi phóng xe lên đầu con đường làng và nhắn tin cho Vern và Barry, nghĩ rằng nếu tôi rủ được tụi nó về chơi vài ngày thì sẽ dẹp chuyện Tally qua một bên, hay ít ra là cũng qua được lúc khủng hoảng này. Chúng không trả lời nên tôi gọi chúng. Vern đã tắt máy nhưng tôi gọi được cho Barry. “Ê, bồ tèo,” tôi nói khi hấn bắt máy.

“Ai vậy?”

“Mungo đây. Mà khỏe không, bồ tèo?”

Im lặng một lúc, như thể thằng Quái thú đã quên tôi hiện diện trên cõi đời này. Rồi hắn nói: “Ồ, đúng rồi. À. Hay lắm.”

“Có quậy gì vui không?”

“Chẳng có khi gì.”

Tôi đã mong thằng Quái thú lấp đầy cái hố mà tôi đang đứng chơi vơi trên miệng, nhưng hắn lại bận rộn đào cho cái hố bự ra thêm. “Mày có gặp Vern không?” tôi hỏi.

“Có, tao mới gặp nó tối qua.”

Barry nghĩ hắn đang trò chuyện với một người chết, vấn đề là ở chỗ đó. “Nè,” tôi nói, cố làm ra vẻ sinh động hào hứng lên: “Mày về đây chơi chứ? Ở đây cũng thú vị lắm.”

“Hả? Được thôi mà.”

“Vậy thì mình sẽ tính nhen?”

“Sao cũng được.”

Nhưng hai ngày trôi qua mà không có khi gì cả. Và tôi lại nghĩ đến Mungo.

Sau cùng thật là dễ dàng. Việc lần theo dấu vết Mungo bắt đầu với âm thanh những hạt mưa xuống từ ống khói của phòng ngủ tôi và rơi trên nền của cái lò sưởi nhỏ. Mùa hè này có vài trận mưa giông, kể cả vào ngày Mungo và tôi gặp nhau, nhưng trước đây chưa bao giờ mưa lộp vào trong phòng ngủ tôi. Tôi ngó ra cửa sổ, mưa thật lớn trông như một tấm màn trắng giăng ngang khu vườn. Cơn giông đổ xuống ngay trên ngôi nhà vườn, tiếng sấm và ánh chớp hòa lẫn với nhau thật sát sao. Ngọn đèn trần trong phòng ngủ tôi cứ lóe sáng lên rồi lại tắt, rồi lại sáng, rồi lại tắt, liên tục. Tôi nghe tiếng chân má dưới nhà dưới. Má vừa đi làm ở cửa hàng từ thiện về. Bà gọi vọng lên lầu: “Cứng ơi, con có ổn không?”

Tôi uể oải đáp: “Dạ,” như thể tôi không để ý gì đến cơn mưa giông dữ dội kia vậy.

“Bảo phải không? Má phải dừng xe lại, mưa lớn quá. Cúp điện rồi.”

“Con biết.”

“Chút nữa sẽ có lại thôi. Con muốn uống một ly rượu bố không?”

“Không. Con ổn mà.”

Tôi nghe tiếng chân bà trở lại nhà bếp. Tôi vỗ tay lên gờ cửa sổ. Tôi chưa từng thấy điều gì giống như thế này. Tôi biết mình phải thoát ra. Tôi cũng biết má sẽ cố ngăn tôi lại. Má sẽ nói tôi điên, tôi có thể chết vì sét đánh hay cây đổ. Nhưng tôi mặc kệ. Điều làm tôi quan tâm là cơn giông làm tôi run lên phấn khích, như con sói trước khi nó theo dấu con mồi.

Tôi lên ra bằng cửa dưới phòng ngủ rồi cúi người thấp hơn tầm cửa sổ và chạy đến ga-ra. Tôi đứng trú trong hiên ga-ra và chờ, nước trên chân mày nhỏ xuống khi tôi ngó ra, cơn mưa ngớt đi chút ít, đủ để thấy đường viền của khu vườn qua màn nước nhờ nhờ trắng. Tôi nhìn ánh chớp hình lưỡi dao khoằm cắm ngay vào trái tim bãi cỏ, và tim tôi run lên bần bật khi tiếng sấm dữ dội theo sau.

Con đường đã biến thành một con sông trắng xóa.

Tôi nhảy lên chiếc xe đạp và để xe trôi vào con sông.

Mungo đứng trên đường. Khi tôi đến quanh góc đường thì hấn nhảy lên bờ hè và tôi thảng xe ngay lại. Thảng xe kêu rít lên và nước từ bánh trước bắn lên tung tóe. Khi nhận ra là hấn, tôi la lên: “Ê nè!” Tôi la lên phấn khích không ngờ, nên nói thêm: “Thảng khi.”

“Ô, chào bồ,” hấn nói. Hai cánh tay hấn vụng về bỏ thông bên sườn. Hấn chống nạnh và từ chỗ đứng cao trên bờ đường ngó xuống tôi.

Tôi kênh lại, không muốn bày ra cho hấn thấy nổi nhẹ nhõm đang rộn ràng trong đầu mình. Cái cảm giác nhẹ nhõm đó làm tôi vừa ngạc nhiên vừa bực mình. Như thể có ai đó mở toang đầu tôi ra vào lúc giữa đêm rồi giấu nó đi mà không cho tôi biết. Và chỉ đến bây giờ tôi mới nhận ra nó đang ở đó.

“Mày là đồ khốn kiếp,” tôi la lên. Trên đồi xa, tiếng sấm vang lên dội rền và khắp xung quanh mưa rít lên trong cây cỏ.

Mungo nhún vai: “Mày nói sao cũng được.”

“Tên thật của mày là gì vậy?”

“Tao nói với mày rồi. Mungo.”

“Cút chó. Hôm đó mày biến đâu mất vậy?”

“Mày thì biến đi đâu?”

“Ai kể cho mày biết về ông của má tao?”

“A,” hăn nói, nhắc đôi tay lên và run rẩy các ngón, trông giống như một thằng khùng trong phim. “Tao có thứ này cho mày coi nè.” Nó thọc tay vào túi quần sọt lôi ra một vật kim loại vuông vắn nhỏ, để trên lòng bàn tay giơ ra về phía tôi.

“Cái gì vậy?”

“Cầm đi.”

Đó là một cái bật lửa cổ, có nắp bật, móp méo mòn vẹt. Người ta bán chúng ở Camden Lock và chúng không xài được. Tôi trả nó lại: “Thì sao nào?” Mungo nói: “Nhìn cái chữ ký tắt kia.” Bên hông nó có khắc chữ M.G.

“Tao không đọc được,” tôi nói.

“MG,” Mungo nói. “Mungo Groves. Nó là của ông cố đó.” Nó chữa lại: “Ông cố của mày.”

“Mày tào lao quá,” tôi nói. “Tao biết chỗ kiếm cả triệu cái như vậy.”

Tôi ném lại, hăn chộp lấy như một đứa con gái, tay giơ lên che mặt. Nó rơi xuống giữa đám cỏ ướt sũng trên vệ đường. Trong lúc hăn cúi xuống tìm, tôi cười rộ lên, tôi không nén được. “Thằng khi,” tôi nói, “mày là một thằng quái đản.” Một trong các câu mà ba thường nói. Tôi tưởng tượng việc kể với ba về Mungo và những trò bịp của hăn. Ông nghe chắc sẽ khoái, đòi tôi đưa hăn tới gặp ngay lập tức cho coi. “Thôi nào,” tôi nói, “làm sao mày tìm ra ông cố của tao vậy? Có phải là ai đó trong làng còn nhớ má tao không?”

Mungo đứng lên, bỏ cái bật lửa vô túi. “Nếu tao kể thì mày không tin nổi đâu,” hăn đáp.

“Đúng quá rồi.” Tôi nói, rồi ngần ngại, không chắc là có nên kể với hăn chuyện tôi đã kiểm chứng chuyện về ông cố không. Tôi quyết định không kể. Có vẻ như sẽ cho hăn thêm quyền năng, thứ mà hăn đã có hơi bị nhiều rồi. Và giờ thì hăn phải trả lại một số quyền năng đó cho tôi bằng cách kể với tôi chuyện gì đã xảy ra.

“Nè,” tôi nói, “tao khoái cái trò bịp về chỗ ở của mày. Vậy cái bà sống trong ngôi nhà có trái thơm đó là ai vậy? Có phải bà là bà khờ trong làng không? Làm cách nào mày chơi trò Gavin’s Deli vậy? Cú đó thiệt là bảnh.”

“Tao đâu có xí gạt mày. Nếu mày buộc tội vậy thì sai rồi.”

“Phải rồi, vậy thì tao là Elvis Đít Ly^[16]. Nè, Mungo, mày hơi quá đáng rồi đó. Cho tao biết chuyện gì đang xảy ra hay... tao có trò hay ho hơn để chơi.”

“Có chuyện gì đâu.”

Tôi nhún vai: “Vậy thì gặp lại sau vậy.” Tôi nhắc mông lên yên xe rồi đạp xuống đồi.

* * *

Tất cả những khoảnh khắc đó, những thoáng giây đó, khi cuộc đời có thể rẽ qua hướng khác. Nếu tôi phóng xe nhanh hơn một chút thì đã không nghe tiếng Mungo gọi tôi trở lại; nếu tôi nghe mà làm lơ đi; nếu tôi không quyết định dừng xe và quay lại, cho hẳn một cơ hội cuối cùng: thì hẳn tôi đã không rớt xuống cái hố sâu thăm tối đen đó.

Hắn chạy xuống đồi, đôi chân to đùng lội qua các lạch nước mưa bắn lên tung tóe, và bắt kịp tôi. “Mày muốn gì?” tôi hỏi, “chuyện gì đang xảy ra? Nói cho tao biết.”

“Nếu tao kể với mày,” hắn đáp, “mày sẽ không tin tao đâu.”

“Thử xem.”

Mungo lắc đầu: “Tuy nhiên, tao sẽ cho mày biết. Với một điều kiện. Mày phải tin tưởng tao.”

“Mày hứa là sẽ cho tao biết chứ?”

“Mày hứa là tin tưởng tao chứ?”

Hắn trông nghiêm quá xá làm tôi không nín cười được. “Mày làm tao thích thú lắm,” tôi nói.

Khi chúng tôi đi bộ ngược lên con đường làng nằm ở phía xa con đường cái, tôi đẩy chiếc xe đạp bằng một tay, Mungo hỏi: “Mày nghĩ một cái tổ kiến bình thường to cỡ chừng nào?”

“Chả biết.”

“Thôi nào, đoán thử xem.” Tôi nhún vai: “Chà, cao cỡ chừng này.” Mungo dang các đầu ngón tay ra khoảng năm cen-ti-mét làm hiệu. “Trong Thung Lũng Hạnh Phúc chúng cao khoảng chừng này.” Và nó giơ tay phải ra song song với mặt đường và cao khoảng hai mét.

“Vây à?” Thật khó mà làm mặt tỉnh bơ. Thằng khỉ này thật là khùng. Nhưng thú vị.

“Theo sát tao và làm theo tao nhé.” Hăn nói.

“Ái dà dà, thưa xếp.”

Đứng ở đỉnh đồi tôi nhìn xuống những ống khói cao và cánh rừng sâu hình trái xoan hứa hẹn nhiều chuyện kỳ thú. Chúng tôi leo lên xe và phóng đi qua làn bụi nước. Ở chỗ tận cùng con đường mở ra, chúng tôi chạy dọc theo một hàng rào sắt có những mũi nhọn ở trên cùng, rồi đến hai cánh cổng sắt trang trí hoa văn dính vào các bản lề han rỉ trên cột cổng bằng gạch cao chừng bốn mét. Gạch màu xanh và trơn rêu. Các cánh cổng hoen rỉ sang một màu nâu sậm trông thật buồn thảm.

Mungo gạt đầu ra dấu về phía trụ cổng bên tay trái và đi vòng ra đằng sau. Giữa trụ cổng và hàng rào là một khoảng trống, vừa đủ rộng để nghiêng người lách vào. Mungo đi vào trước rồi tôi đẩy chiếc xe qua cho hăn. Đến lượt tôi. Tôi hít vào một hơi, đẩy vệt những cành cây trên đầu, lạng lẽ đi vào Thung Lũng Hạnh Phúc.

Chúng tôi đứng trên lối mòn chạy vòng xuống đồi xuyên qua khu rừng dày. Cả hai bên khu rừng, mặt đất được trải thảm bằng cây cỏ màu sáng và xanh rì như loài rêu tôi từng thấy trong rừng cây hoa chuông khi đi với ba. Dây thường xuân bao bọc các thân cây, còn cành cây thì rêu xanh phủ dày. Vạn vật im lìm, tĩnh lặng và một vài tiếng động dường như được khuếch âm vang lên thật to. Tiếng mưa rơi đều trên bụi cây thấp nghe như tiếng rì rì của một ấm nước chạy điện. Thỉnh thoảng, có tiếng lách tách của một giọt mưa

rơi từ trên cành lá xuống mặt đất. Và không khí thật dịu dàng, như thể được trộn lẫn với một loại tinh dầu thơm dịu mà má để trong phòng tắm.

Tôi giấu chiếc xe trong bụi rậm gần trụ cổng. Mungo nói nhỏ: “Tốt nhất là thì thầm nho nhỏ thôi nghen.”

“Sao vậy?”

“Đây là khu bảo tồn thiên nhiên. Vì vậy mình đến được mấy tổ kiến bụi khổng lồ. Không ai được phép vào đây, ngoại trừ mỗi năm hai lần khi bọn sinh viên đại học đến trong những khóa đi thực địa. Có một tay Ireland mang súng săn đi tuần, và hắn sẽ bắn nếu bắt gặp mày.”

“Giỡn hoài? Mấy chả đâu thể mang súng đi lòng vòng bắn thiên hạ được. Ở tù à.”

“Mày hãy nói như vậy khi bị dính một viên kẹo đồng vô đầu.”

“Thôi được, thôi được,” tôi thì thào.

Chúng tôi đi xuống lối mòn. Cơn giông vẫn âm âm, mưa rơi không ngớt suốt cả ngày. Áo quần dính sát vào người tôi và cỏ ướt đầm cao ngang gối làm chân tôi ngứa ngáy. Tôi thấy những tấm bảng sơn tay được đóng đinh cao trên cây đang phai mờ và hư vỡ, trông như thể chúng đã treo trên đó cả hàng chục năm rồi. Một tấm ghi: “Đất tư” và một tấm khác ghi “Cấm xâm nhập-”

Mungo thấy tôi nhìn các tấm bảng liền nói: “Mày không nên đi vào rừng. Kelly đặt bẫy dưới đó.”

“Kelly là ai vậy?”

“Cha Ireland mang súng săn. Chả giấu mấy cái bẫy có răng sắc như dao lam, phập một cái là căng mày đứt lìa à.” Mungo lấy tay ra dấu thành mấy cái vuốt sắc rồi phập chúng lại với nhau. “Ê, nhìn nè. Tổ kiến.” Hắn chỉ một nắm đất cao khoảng một mét nằm kề bên lối mòn.

Mưa xối thành nhiều lỗ nhỏ tí trên nó. Mungo xoa hai tay vào nhau. “Mình sẽ nhóm lửa khi lên tới đó.”

Trước mặt chúng tôi, về bên trái của lối mòn, một cái cây sậm đen, trông thật ác hiểm, vươn lên cao như một tòa nhà. Mungo nói: “Ngôi nhà nằm

phía sau cái cây tuyết tùng của xứ Li-băng đó.”

Chúng tôi đi thêm mười thước nữa, bên ngoài những cành có hình thù mái chèo của cái cây khổng lồ đó, hông của ngôi nhà hiện ra. Đó là một ngôi nhà cao bằng đá màu vàng bệch có nhiều cửa sổ. Một số cửa sổ phô ra những cái bóng lờm chờm của kính vỡ vẫn còn đó. Hầu hết chúng đều tối đen, cho biết đã mất hết kính rồi. Trên cao, có vẻ như nghiêng về phía chúng tôi qua bầu trời sũng mưa, những ống khói cao hiện ra từ ngọn đồi mà chúng tôi băng qua và ở giữa những ống khói là một ngọn tháp có gắn mặt đồng hồ.

Rồi tôi nghe tiếng động. Thứ tiếng nước đang đổ xuống âm ào. Tôi nhướn mày với Mungo và nó làm điệu bộ run rẩy bằng các ngón tay. “Chúng chỉ sống động khi trời mưa thôi.” hăn nói.

“Cái gì kêu vậy?” tôi thì thào.

“Chó sói và chim cú, vân vân.”

“Tao ngả mũ chào thua mày luôn,” tôi nói.

“Mày nói gì vậy?”

“Ba tao sẽ nói vậy nếu ống có mặt ở đây.”

CHƯƠNG 6

“Đi nào, rồi mày sẽ thấy.” Mungo nói xong đi xuôi con đường mòn quanh về phía phải và dẫn đến một sân hiên trước tòa nhà. Đây là chỗ nước mưa dội xuống của ngôi nhà, giống như một cái xô khổng lồ có xoi lỗ bên hông. Nước đổ thành những đường cung xoắn khổng lồ từ trên cao gần mái nhà. Ở chỗ nước rơi xuống đất, bắn lên những luồng nước bùn. Chúng tôi nhảy cà tưng, giả bộ tránh luồng nước, giả bộ như chúng tôi chưa bị ướt chèm nhẹp rồi.

Tôi nhìn dọc theo một hàng cửa sổ lớn, ở thấp sát sàn nhà, kéo dài hết chiều dài của mặt tiền. Bên trên những cửa sổ này là những cửa sổ nhỏ hơn, và trên chúng là những chỗ nước trào ra. Mungo nói đúng. Chúng là lũ thú vật. Chúng là những con thú gặm gù, miệng há to tua tủa răng và mắt trở ra chòng chọc. Có con xù lông dọc theo sống lưng. Có con ngửa đầu ngược lên trời. Tất cả đều phun ra một dòng nước bất tận, sôi sục lèo xèo trong miệng khi vọt ra. Chúng là những máng nước được đẽo bằng đá.

“Máng xối,” Mungo nói. “Chúng phải thò ra khỏi tòa nhà nếu không thì nước sẽ chảy thẳng xuống những bức tường. Và rồi tường sẽ nứt mất vì chúng được làm bằng đá vôi.” Mungo có thói quen cùng lúc nói ra những điều vừa kỳ thú vừa chán ngắt. “Thấy không kia?” hấn chỉ. “Sói sói heo rừng chó chó chim đại bàng. Còn quanh đây, nhìn này.” Hấn chạy đến đằng cuối xa của ngôi nhà. “Có thấy thẳng người loắt choắt lom khom trên kia không?” Trên đỉnh nhọn mái nhà ở một bên hông tôi thấy được một dáng người. “Một con quý. Mày có biết tại sao không? Lát nữa tao sẽ cho mày biết. Khi mình nhóm lửa. Đi nào.”

Mungo đi tiếp vòng ra sau ngôi nhà, ở chỗ ấy các cửa sổ và cửa lớn nhỏ hơn. Một cánh cửa để mở hé. Mungo tì vai vào đấy, mở ra một khoảng vừa đủ cho chúng tôi len vào. Tôi theo hẳn vào bên trong Ngôi Nhà Thung Lũng Hạnh Phúc.

Chúng tôi ở trong một hành lang hơi hẹp nằm phía sau nhà. Sàn nhà lép nhẹp bùn, và tuy không sáng lắm tôi cũng thấy được nhiều dấu chân. Các bức tường thô sần sùi, cứng và ẩm ướt như vách trong một hang động. Lạnh cóng. Tôi rùng mình và cảm thấy hai cánh tay nổi da gà. Mungo dẫn đường đi xuôi hành lang về phía có ánh sáng trời. Chúng tôi đi dưới một cái vòm rồi vào trong một căn phòng lớn đến nỗi tôi nghĩ rằng có thể bỏ nguyên cả ngôi nhà của mình ở Gloucester Crescent vào trong nó.

Căn phòng cao suốt từ nền đất cho đến tận mái nhà. Trên cao kia, mặt dưới của những viên ngói lợp mái lộ ra. Ở những chỗ mất ngói, những vạt ánh sáng trời soi xuyên qua và trong ánh sáng mưa rơi xuống thành một đám mù sương trông như biến tan vào thinh không trước khi chạm mặt đất. Một phần ba của bức tường từ dưới lên, và một phần ba bên trên nữa, những lò sưởi nổi lên như từ giữa không trung. Trên các bức tường khác, những khung cửa mở vào trống không.

“Họ không bao giờ hoàn thiện được nền nhà,” Mungo nói. “Một ngày nọ họ biến mất và để mặc lại như thế.”

“Ai làm vậy?”

“Tao sẽ kể mà.”

Bất ngờ có tiếng đập cánh và tiếng chít chít trên mái nhà.

“Dơi đó. Cỡ chừng hơn kém cái móng ngựa, và loài dơi muỗi.”

“Làm sao mà mày biết được những điều này?” tôi hỏi.

Nhưng Mungo đang đi qua căn phòng khác, căn phòng này nửa tối nửa sáng vì người ta đóng những tấm ván che cửa sổ lại. Tôi bước từng bước nhỏ ngập ngừng trong lúc Mungo đi lại thoải mái như thể hẳn có mang kính hồng ngoại nhìn ban đêm.

“Lấy củi ở góc nhà rồi lôi vào giữa,” hẳn nói, “tao sẽ nhóm một bếp lửa.”

Tôi nghe một tiếng tách một tiếng xòe rồi cái bật lửa cũ bật sáng lên trong tay Mungo. Hắn châm một cây nến trên bệ lò sưởi, mang cây nến qua một góc phòng và giơ nó trên một đồng củi, rồi quay lại giữa phòng và chậm chậm huơ cây nến một vòng. Những mảnh vụn đen còn lại trên sàn nhà cho biết trước đây người ta đã từng đốt lửa ở đây.

Mungo vò giấy báo cũ lại và sắp những thanh củi nhỏ thành một hình chóp nhọn ở trên đồng giấy báo rồi chắt đồng củi mà tôi mang lại lên trên cùng. Hắn quỳ xuống, châm lửa đốt giấy báo rồi khum tay thổi lên. Lửa bùng cháy. Và giờ đây, có cái để so sánh, tôi nhận thấy mình đã lạnh cóng rồi. Tôi hơ lòng bàn tay, rồi xoay người hơ hông và phía sau hai chân cho ấm.

Mungo xoa hai tay vào nhau, nói: “Đỡ quá!” Rồi hắn nhặt cây nến, bước qua giơ nến lên về phía bức tường bên tay phải. Ở đó có ba hình vẽ vụng về được thực hiện bằng một que than trên mặt vữa gồ ghề. Cái bên trái là hình một đường xoắn ốc. Tôi không nhận ra được hai cái kế bên là những hình gì. “Có phải cái kia là bộ óc không?” tôi hỏi.

“Mê cung. Nhìn nè.” Mungo chỉ ngón tay lên lối dẫn vào cái mê cung và theo nó lòng vòng, xuyên qua những lối vào và lối ra, đến trung tâm. “Và cái kia là một cái biểu tượng uroboros^[17]. Con rắn ăn cái đuôi của chính nó. Thấy chưa nào? Đó là cái đầu, và cái đuôi cuốn quanh thành một vòng tròn và chui vào cái miệng. Nó có ý nghĩa cuộc sống vĩnh viễn bất diệt.”

Tôi quay trở lại đồng lửa và run cầm cập. “Tại sao thứ này lại ở đây? Ghê quá!”

“Có đủ thứ chuyện xảy ra ở Bickleigh. Săn thỏ, đá gà. Đồi vợ. Những cuộc truy hoan tình dục ngoài trời.” Nó chỉ vào cái biểu tượng uroboros. “Ma thuật đen. Nhưng nó không nằm ngoài sự bình thường, nó không chỉ xảy ra ở Bickleigh mà thôi, nó xảy ra ở khắp mọi nơi. Nó chỉ là con người, nhân loại nói chung. Nhân loại làm những chuyện khùng điên và kỳ dị. Họ luôn luôn làm và sẽ làm mãi.” Mungo nhún vai.

“Má tao sẽ thích lắm nếu mày nói vậy với bà. Đó là lý do nhà tao dọn về đây. Để thoát mọi thứ điên rồ ở London. Vậy mà ở đây thì lại có những thứ

quái dị hơn nữa.” Tôi bật cười: “Nè, chỗ này là cái gì vậy?”

“Một cha khùng xây nó lên vào năm 1861.” Mungo bước quanh căn phòng chầm chậm vung vẩy ngọn nến soi từ bên nọ sang bên kia, vì thế ánh lửa lung linh tạo thêm những hình bóng in lên các bức tường. “Ông là một tín đồ Công giáo. Ông muốn giáo hoàng đến sống ở đây. Ông gửi cho giáo hoàng một thư mời nhưng ngài không trả lời. Ngôi nhà được dựng lên đến như thế này thì hết cạn tiền. Một hôm trong năm 1869, thợ thuyền ném bỏ đồ nghề và bỏ đi.”

Mungo bước qua bệ lò sưởi và đẩy trượt một vật ra khỏi nó để đưa tôi xem. Nó trông giống như một cái boomerang^[18] nhỏ. “Đồ lấy góc vuông của thợ, để đo thẳng góc.” Nó lấp cái đồ nghề trở lại. “Nó nằm ở đây gần một trăm bốn mươi năm rồi. Ngôi nhà đã như thế này từ lúc đó đến nay. Sinh viên đến vào mùa hè để nghiên cứu các loại thực vật trong Thung Lũng Hạnh Phúc. Ngoài ra thì không có ai được phép vào. Nhưng họ cứ vào. Người ta cho rằng ngôi nhà bị ma ám nhưng tao không tin. Tại sao nó có ma nếu chưa có ai từng sống ở đây?”

Tôi không trả lời. Mungo dựa vào bệ lò sưởi. Hoàn toàn yên lặng ngoại trừ thỉnh thoảng có tiếng nổ lèo xèo của bếp lửa và tiếng nước mưa chảy òng ọc xa xa trong những miệng máng xối. Tôi quyết định phá tan sự im lặng trước. “Vậy thì cuốn sách ấy nói về cái gì vậy?” tôi hỏi.

Câu hỏi có hiệu ứng như chứng thần kinh tác động lên Mungo mà trước đây tôi đã thấy. Hắn bắt đầu đi lên đi xuống, đầu lúc lắc, các ngón tay rung vẩy như cánh của loài côn trùng. Hắn quay lại tôi hai lần để nói, nhưng lại không nói gì. Sau cùng hắn nói: “Tại sao không dừng mày lại nhắc tới chuyện đó?”

Tôi muốn biết tại sao cuốn sách lại mang đến những hồi ức tệ hại cho ông tôi. Nhưng tôi vẫn không muốn để lộ cho hắn biết rằng tôi đã hỏi má chuyện này. “Tao không biết,” tôi nói, “đột nhiên tao nhớ ra vậy thôi.”

“Mày đọc nó chưa?” Hắn vẫn còn đang lên cơn xúc động.

“Không có chuyện đó đâu,” tôi nói. “Mày thật là một thằng tào lao, chắc chắn là không có một cuốn sách như vậy trên cõi đời này.”

Có vẻ như hăn thư giãn ra khi nghe tôi nói vậy. “Tao cũng chưa đọc nó,” hăn nói, “tao chỉ nghe người ta nói về nó thôi.”

“Chính là ở chỗ đó,” tôi nói. “Mày nghe người ta nói về nó làm sao? Mày nói là sẽ kể cho tao nghe mà.”

“Không phải vậy. Tao nói là tao sẽ bày cho mày thấy. Đó là chuyện kế tiếp. Nếu mày ấm rồi thì mình làm nha.”

Chúng tôi đi trở lại cánh cửa mà chúng tôi đã đi vào. Trên đường đi, khi Mungo ngoái lại kể về con quỷ trên mái nhà, thì tôi nghĩ: hăn đang nói dối về cuốn sách. Tất nhiên là hăn đã đọc rồi.

“Đó là dành cho lúc quỷ sứ bay đến thung lũng tìm nơi ghé chơi.” Mungo nói. “Khi nó thấy một ngôi nhà có con quỷ trên nóc thì nó nghĩ: “Ồ, chúng đã có một con quỷ ở đây rồi nên chúng không cần có thêm một con nữa”, rồi nó bay qua nhà kế bên.”

Hăn đang chơi nghịch với cái bật lửa trong lúc vừa đi vừa nói, bật cái nắp ra rồi đóng lại và bật lửa lên. Có vẻ hăn lại bối rối. Khi đến cánh cửa sau, hăn rẽ phải và cả hai phải trèo qua một đồng xà-bần. Phía bên kia là một cái sân cỏ mọc rậm rì, tường nhà bao bọc ba mặt và mặt thứ tư để mở dẫn vào rừng.

Có một bầu không khí lạ lùng ở cái nơi lạnh lẽo và im vắng này, như thể trong nhiều năm qua không có dấu chân con người. Dường như mưa rơi xuống trong chuyển động chậm rãi. Mưa rơi lên thảm cỏ bao phủ những viên đá lát, rơi trên một sợi xích to và han rỉ buộc vào một cái vòng trên mặt đất, rơi trên chõng ngói xưa trông giống như những tai nấm dày mà tôi đã thấy mọc trên những thân cây chết ở Hampstead Heath. Và rơi trên vòng tròn bằng gạch cao ngang hông ở giữa sân.

Mungo đứng cạnh vòng gạch. Tôi biết ngay mà không cần nhìn xuống, nó là một cái giếng. “Nó sâu lắm.” hăn nói. “Nhìn cho biết nè.” Hăn ngó tôi chăm chăm không chớp mắt, như thể đang đánh giá tôi.

Tôi ngó qua miệng giếng. Xung quanh thành giếng trơn nhầy bị thứ gì trông như tóc màu xanh bao phủ.

Một hơi lạnh trong tú đá tỏa ra. Tôi quay mặt đi.

“Đoán xem sâu chùng nào?” Mungo hỏi.

Tôi nhún vai. “Chùng bốn chục mét. Tao đã đo rồi.”

“Tất nhiên là mày đo rồi.”

Chúng tôi ngó nhau chăm chăm. Âm thanh náo động trong đầu tôi, một cảm giác cho biết có điều gì đó đang xảy ra mà tôi không thấy hay nhận biết được. Tôi chỉ biết là cả hai đứa đều nói dối và cùng biết điều đó.

Mungo lấy từ trong túi quần sau ra một tờ báo, xếp nó lại thành một cái dây hẹp, đốt cháy một đầu rồi giơ ra trên miệng giếng. Tôi sợ. Tôi không muốn đến gần cái giếng. Nhưng rồi tôi cũng tiến đến gần. Trong khi quỳ trên bờ giếng để nhìn tờ báo cháy rơi xuống, tôi cảm thấy như thể những xung lực đột nhập vào trong đầu và giờ đang chế ngự nó.

Mungo thả tờ báo ra, tờ báo từ từ bay xuống, chao liệng từ bên này sang bên kia, kéo rê làn khói và các cạnh cháy. Sau một vài mét thì những viên đá trơn nhầy nhường chỗ cho đá phấn bị vạt lờm chờm. Mắt tôi như một máy quay phim vi ti đang quay cảnh bên trong một động mạch bị nghẽn. Rồi tờ báo cháy trở thành một đốm sáng dưới xa, như vì sao độc nhất trên bầu trời. Tôi chờ đợi sau cùng sẽ có một ánh nước phản chiếu lên nhưng không thấy gì cả. Mảnh giấy báo tắt ngúm và bóng tối theo sau như thức giấc khỏi một giấc mộng.

“Khi tao tới đây lần đầu thì dưới đó có nước, nhưng đã mấy năm rồi,” Mungo nói. “Dưới đáy giếng khô queo rồi.” Hăn ngó tôi. “Ừa, nó hơi ẩm một tí, nhưng ngồi lên thì cũng được. Còn hơi thoải mái nữa kìa. Tuy lạnh.”

Mungo đi qua chõng ngói đến cánh cửa ở bức tường. Hăn mở hé cửa ra, quơ tay vào và moi ra một nùi dây thừng và những thanh gỗ mỏng: một cái thang dây cũ. Chúng tôi vừa khiêng vừa lôi nó đến cái giếng và để xuống đất. Những thanh gỗ trơn tuột, sợi thừng để lại những vệt xanh trên đôi bàn tay tôi. Mungo cột một đầu vào sợi xích han rỉ, rồi chúng tôi lại nhấc nó lên và thả xuống giếng. Cái cách chiếc thang dây trượt xuống, không gây ra tiếng động nào, gợi cho tôi nhớ đến một con rắn nuốt con mồi của nó.

CHƯƠNG 7

Suốt thời gian chiếc thang dây trượt xuống giếng, Mungo liếc nhìn tôi rồi lại ngó lảng đi chỗ khác. Tôi cảm nhận được đôi mắt bồn chồn của hắn. Nhưng tôi không nhìn hắn. Khi chiếc thang bị kéo căng ở sợi xích, Mungo giật mạnh một cái cuối cùng để kiểm tra nút thắt có an toàn không. Rồi hắn nói: “Tốt.”

“Cái gì?”

Hắn chỉ cái giếng, chiếc thang biến mất dưới đó. “Xin mời.” hắn nói.

“Còn mày thì sao?”

“Tao phải đứng lại ở trên này.”

Cứ như thể tôi vừa tỉnh giấc kịp thời. “Quên đi à ghen. Tao không xuống đó đâu. Chắc chắn là không xuống một mình.”

“Tùy mày thôi, nhưng rồi mày sẽ không bao giờ biết được sự thật.”

“Vụ này là một cú bịp nữa, phải không? Tại sao mày cũng không xuống cùng?”

“Để ngừa khi có chuyện. Nhưng nếu mày sợ việc biết được sự thật...”

“Cút chó.” tôi nói. “Nè, hãy nói thẳng ra ghen. Nếu giờ tao xuống dưới đó, thì tao sẽ hiểu ráo mọi chuyện đang xảy ra à?”

“Không bảo đảm, nhưng tao hi vọng như vậy. Nó đã làm cho tao hiểu. Nhưng mày phải muốn thì nó mới có kết quả tốt.”

Tôi lắc đầu. “Chuyện này thật điên rồ.”

Thêm một bước ngoặt nữa. Trên lý thuyết, khi ngày đã muộn như thế này, lẽ ra tôi nên rút lui. Nhưng sự thật là, có một tương lai dành cho tôi, và nó

thật hấp dẫn. Tôi thấy mình lao về phía nó và - tôi phải thừa nhận - cảm giác là khá hài lòng.

Tôi leo lên thành giếng, lần nữa cảm nhận sự hiện diện băng giá ở bên dưới. “Tao chỉ làm điều này vì chẳng có khi gì khác để làm ở cái xứ chán phèo này,” tôi nói. “Và nếu có chuyện gì xảy ra với tao thì khốn nạn đời mày đấy nhé?”

Mungo lại đang nghịch với cái bật lửa nắp bật vừa nặng vừa cũ. Nó đưa bật lửa cho tôi: “Cầm lấy, dưới đó tối lắm.”

Coi vậy mà leo theo thang dây xuống đáy giếng không dễ chút nào. Các khớp ngón tay của tôi cứ cạ vào thành đá, vai tôi bắt đầu đau nhức vì cố gắng ngã người ra sau để giảm thiểu sự va chạm, và những thanh ngang bằng gỗ thì trơn nhớt và không chắc chắn chút nào dưới giày tôi. Ngó lên, tôi thấy gương mặt Mungo trượt đi chậm chậm sau thành giếng. Có phải đây chỉ là một trò lừa nữa? Hẳn có bỏ mặc tôi dưới đó không? Tôi cảm thấy an tâm khi thấy hẳn đầy hi vọng và hơi bẽn lễn, không giống một tay bịp cười hô hố chế nhạo nạn nhân của hẳn tí nào.

Chẳng mấy chốc, xuống càng sâu thì tôi thấy được bên trên là một quãng sáng bị ép lại càng lúc càng mờ và mỏng dần. Dưới chân tôi hoàn toàn là bóng tối, một cảm giác về hư không lạnh giá. Tiếng tôi thở và tiếng rọt rọt của đôi giày trên các thanh ngang dội quanh thành giếng âm.

Mặc kệ Mungo tào lao về việc tìm ra sự thật, sau cùng tôi cho rằng điều Mungo bảo tôi làm chỉ là một trò thách đố xem gan tôi bao lớn. Mungo thách tôi leo xuống đáy giếng và tôi đã bắt bài trò tháu cáy của hẳn, điều này có nghĩa là khi nào tôi xuống đáy giếng và lại leo ra thì hẳn sẽ nợ tôi một lời thách, cũng như một lời giải thích đàng hoàng về những trò bịp của hẳn. Tôi đang nghĩ về một việc gì đó phù hợp cho hẳn làm thì hai chân tôi gập lại bên dưới và tôi nhận ra mình đang quỳ trên nền đáy giếng.

Tôi quơ tay mò quanh như một anh mù: đất ẩm, một vài vật cứng có thể là mấy viên gạch, một vật gì đó tròn tròn và như kim loại, có lẽ là nắp của một lon sơn. Tôi tìm thấy một khoảng đất nhỏ khá trơn láng và ghé mông ngồi xuống, rồi thận trọng ngửa người ra sau cho tới khi lưng chạm vào thành

giếng gồ ghề. Thoạt tiên, thật là nhẹ nhõm khi được ngả vai nghỉ và liếm những khớp tay bị trầy xước.

Rồi cái lạnh và ẩm ướt bắt đầu thấm qua áo quần, và tôi quyết định đứng dậy. Tôi móc tay quanh một thanh ngang của chiếc thang dây và kéo mình thẳng lên. Rồi tôi đứng được dậy, trong bóng tối và cái lạnh, bốn mươi mét dưới đáy một cái giếng cạn, dưới một ngôi nhà bỏ hoang và bị quên lãng đang bị một cơn bão mùa hè tàn phá, như thể tôi đang đeo bám vào dây quai treo trên tuyến xe điện Northern Line. Tôi phải thừa nhận điều này, khi có Mungo hiện diện bên mình thì Manuresville không buồn chán chút nào. Quái dị nhưng không buồn chán.

Thời gian đã trôi qua bao lâu rồi? Có cảm giác như khoảng mười phút nhưng chắc chỉ có hai phút thôi. Giờ leo lên lại có ổn không ta? Tôi không muốn hãnh nhìn mình như một thằng nhát cáy vì trở lên quá sớm nên tôi quyết định chờ lâu thêm một chút. Miệng giếng trông như một màu xám mờ nhạt trong cái màu xám sậm tối bao bọc lấy tôi. Đôi tay tôi, chỉ ở trước mặt tôi chừng mười phân, là những hình dạng lờ mờ dường như tan biến mất mỗi khi tôi chớp mắt rồi ngó lại chúng.

Tôi lấy cái bật lửa ra và bật nắp, đóng nắp lại vài lần, nhớ lại câu chuyện Mungo đã kể về những chữ ký tắt được khắc trên nó. Hãnh là một tay bịp bợm, thẳng nói dối, có lẽ cả là một thằng mắc chứng tâm thần, nhưng hãnh thật là tếu, điều này không thể chối cãi gì được. Và lại, tôi đã thực hiện xong lời thách đố của hãnh, hay tôi đang thực hiện, và tôi có một ý thật tuyệt và bất ngờ về chuyện bắt hãnh phải đáp lễ. Sau khi dạy tôi cách thực hiện những trò bịp của hãnh để tôi có thể chơi lại những người khác, như Vern chẳng hạn, đúng những trò này, thì hãnh sẽ phải cầm cái bình sơn xịt đi quanh vùng để đổi tất cả những bảng tên đường ghi “Bickleigh” thành “Manuresville”.

Chiếc bật lửa lạnh dần trong bàn tay tôi. Tôi cầm nó thật chặt để làm nó ấm lên, rồi cố bật lửa nhiều lần nhưng ngón tay cái của tôi không đủ mạnh để quẹt bánh xe đá lửa và tôi chào thua, đành cam chịu bóng tối. Dù sao đi nữa, cũng không tới nỗi tối om như mực. Tôi nhớ lại một nơi tối hơn nhiều mà tôi từng đến: một cái hang động ở Barbados, khi ba sản xuất một album

ngoài đó và chúng tôi ngụ lại ở một căn hộ trông ra bãi biển có phòng chiếu phim mi-ni ở tầng hầm và một bàn cờ vua khổng lồ trên mái bằng. Trong khi ba làm việc, hai má con tôi làm một chuyến du hành xem một hệ thống hang động sâu dưới lòng đất. Trong cái hang to nhất, to như ga xe lửa King's Cross, họ bảo mọi người giữ thật im lặng rồi họ tắt hết đèn. Wowww. Chính cái đó mới gọi là tối. Và kinh dị. Như là một con kiến ở đáy một cái giỏ đựng đồ giặt vậy.

Hoàn toàn yên lặng, ngoại trừ tiếng tôi thở. Tôi không thấy được hơi thở trước mặt mình nhưng tôi tưởng tượng ra nó. Tôi run rẩy và xoa bóp vai mình, cố gắng chà xát cho có chút hơi nóng vào trong người. Giờ thì, đến lúc phải lên đường rồi. Tôi ngẩng đầu lên về phía ánh sáng mờ mờ trên xa kia và gọi lớn: “Mungo ơi!” Im ru.

Tôi bụm tay lại quanh miệng và gọi lại lần nữa, to hơn: “Mungo!” Rồi khẽ trách mình: “Mày thật là đồ nhà quê rồ dại.”

Một tiếng động vang lên to kinh khủng trong cái không gian chật hẹp và sau một lúc thật lâu im lặng đó. Ban đầu tôi không biết nó là cái gì. Một âm thanh cạo ken két, một âm thanh vượt thoát, một âm thanh bắn vọt thẳng lên, để lại sự im lặng đằng sau có vẻ như sâu lắng hơn trước. Tôi bất lực nhìn quanh: trên, dưới, trái, phải. Rồi tôi dấy lên một nỗi ngờ vực kinh hoàng, thắt cả ruột. Tôi vươn tay ra vồ vào thành giếng. Tôi với cao tay hết cỡ quờ quào lung tung. Cố giữ bình tĩnh và thận trọng mò mẫm 360 độ quanh thành giếng, nghĩ rằng có lẽ mình đã mất phương hướng và tìm sai chỗ. Mỗi lần như vậy tôi có cùng một kết quả: Chiếc thang dây đã biến mất.

* * *

Tôi gào to lần nữa: “Mungooooo! Nghe tao không hả trời!” Im ru, không lời hồi đáp. Tôi ngồi sụp xuống đáy giếng, giờ thì quá sức sợ để bận tâm về cái lạnh. Có lẽ ở dưới sâu như thế này người ta không nghe được tiếng tôi gọi. Hay có lẽ nghe được. Có lẽ Mungo nghe mà không buồn trả lời. Hãy đối diện sự thật đi, tôi đâu biết Mungo gì nhiều đâu. Có thể tôi chẳng hiểu gì

về hẳn. Có thể hẳn là một thằng tâm thần. Có thể hẳn đã trốn khỏi một nhà thương điên. Giả dụ hẳn là như vậy, thì tại sao hẳn lấy cái thang dây đi? Để hù tôi sợ sồn đá chơi, tôi đoán vậy.

Chà, hẳn đang thành công đó. Từ bóng tối, sự im lặng và cái lạnh, những ý nghĩ tuôn đổ vào đầu tôi. Công bằng với Mungo mà nói, có thể hẳn không phải là kẻ đã lấy cái thang dây đi. Có thể đó là một kẻ chọi gà hay chơi chó nào đó. Một thằng khùng phục kích Mungo, trói hẳn lại và kéo cái thang lên vì đó là ý nghĩ tiêu khiển cho vui của nó (và hãy đối diện với sự thật là ở vùng Bickleigh này thì chuyện tiêu khiển có rất nhiều hình thức quái dị). Hay là, cứ giả dụ rằng Mungo là kẻ đã lấy cái thang dây đi, đây là cách giải thích phù hợp nhất, thì chắc hẳn quyết định rời khỏi Thung Lũng Hạnh Phúc trong vài giờ, chỉ để tôi sợ sồn đá chơi. Và trong lúc hẳn đi khỏi đây, thì có thể gã khùng người Ireland có cây súng sẵn bắt gặp và bắn hẳn rồi. Hay có thể hẳn bị xe cán chết queo trên đường cái rồi. Tôi hình dung cảnh Mungo đi lơn tơn qua đường và một chiếc xe tải chở xe hơi đang trên đường đi từ các bến tàu ở Southampton, chở đầy mấy chiếc xe hiệu Renault hay Citroen, bất ngờ từ đâu xuất hiện và cán hẳn dẹp lép như con tép. Rồi chuyện gì đây? Chỉ có mình hẳn là biết tôi đang ở đâu. Tôi sẽ tiêu. Từ từ. Trong nhiều ngày.

Tôi cố nghĩ đến những chuyện khác: ví dụ như chuyện đảo quốc Barbados chẳng hạn. Ai mà nghĩ được rằng, khi ba vẫn mệt nhoài sau một buổi làm việc suốt đêm ở xưởng quay, hai má con tôi thả bộ tà tà dọc bờ biển đi ăn điểm tâm ở quán Con Vẹt Xanh - có món thịt thăn muối và bánh mì trứng chiên ngon tuyệt cú mèo - và cát đã ấm lên rồi, và sóng nhỏ trào lên, mà tôi lại ngồi cú rữ trong cái lỗ này trong ngôi nhà quái đản xây cho một ông giáo hoàng này, ở gần một ngôi làng mà đời sống văn minh đã bỏ quên mất tiêu? Có thời cuộc đời tôi đã dài và rộng và ấm áp như cái bãi biển ở Barbados đó (bãi biển đến lúc đó chưa có nhiều em út, trừ phi tôi định đến đó. Mười lăm tuổi cũng chẳng còn nhỏ nhít gì để khởi sự), và giờ đây, ngó quanh cái trống không xám xịt vây quanh mình, tôi đoán nó chừng hai mét ngang, nếu được như thế. Cái trần gian co hẹp quái dị của tôi.

Tuy nhiên, tôi cố tìm cách thích nghi với nó. Nơi tôi hiện diện lúc này là vị trí chật hẹp của tôi, vị trí rất thấp của tôi. Đúng vậy đó. Như người ta thường nói, từ chỗ này, lối duy nhất là hướng lên trên. Tôi đang lớn dậy lần nữa. Thế giới của tôi đang trở nên càng lúc càng lớn hơn, vượt xa cái bãi biển Bajan đó. Má sẽ thấy rằng bà đã phạm sai lầm trong việc dời nhà xuống Manuresville. Chúng tôi sẽ trở lại Camden, tôi đi học lại ở trường cũ với bạn bè cũ, chúng tôi sẽ la cà vui chơi quanh khu Lock, tôi sẽ gặp lại Sue Blass, và trò vui hào hứng sẽ theo sau. Má sẽ nhận rất nhiều việc thiết kế đồ họa và chúng tôi sẽ sống hạnh phúc. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên ba, tất nhiên là thế, nhưng ông sẽ không còn là một vết đau như dao cắt nữa, mà chỉ hoài niệm râm ran dễ chịu. Tất cả những điều này có nhiều khả năng trở thành hiện thực. Tôi chỉ cần thoát ra khỏi nơi này.

Điều ấy tùy thuộc ở Mungo.

Tôi đứng dậy, vươn vai, lại cố xoa bóp đôi cánh tay cho ấm lên. Giờ thì nó còn hơn cả lạnh nữa, mà là đông cứng lại, như thể màn đêm đang phủ lên một ngày đã giá lạnh rồi. Tôi lại gào lên: “Mungoooo!”. Hay cố gào lên. Lần này tiếng kêu dường như tắt ngấm mất trong cổ họng tôi. Bộ áo quần ẩm ướt của tôi cứng đờ lại và lạ lẫm, và đột nhiên tôi khát ghê gớm. Tôi chưa uống gì kể từ trước khi từ chối món rượu bồ thảo được của má, như là đã từ kiếp trước rồi. Giờ thì tôi sẵn sàng bỏ cái mạng này để được uống một ly.

Khi thấy mình khát quá, tôi không thể gạt đi cái ước muốn được uống ra khỏi tâm trí. Càng cố không nghĩ đến nó, thay vì vậy buộc mình nghĩ về hệ thống hàng động ở Barbados hay vượt ve âu yếm Sue Blass, thì tôi càng thấy trước mặt mình một hồ bơi chứa đầy cô-ca và đá viên và những lát chanh khổng lồ bằng cỡ những cái dù che ngoài bãi biển, và tôi chạy mặc quần tắm lao xuống ngay, vừa bơi vừa há miệng thật to, uống đến cạn cả cái hồ. Bạn có nghe kể người ta uống nước đá của chính mình, điều mà ngay lúc này tôi nghĩ mình sẽ chẳng bao giờ làm. Nhưng thành giếng khá ấm ướt, tôi đã cảm thấy điều đó rồi. Nếu kẹt lắm, tôi có thể liếm thành giếng. Nhưng chưa đâu.

Tôi bật bật lửa thêm lần nữa. Cho có việc gì đó để làm. Để mình không bị ám ảnh về cái khát ghê gớm. Hay về chuyện gì sẽ xảy ra đây nếu Mungo bị

xe tải chở xe đụng phải văng tung.

Sau khi làm lóe lên vài tia lửa, ngón tay trở đau thốn, tôi chào thua. Tôi tự hỏi mình sẽ đi đâu nếu mắc đá. Không phải chuyện mắc đá là khẩn cấp vào ngay lúc đó vì tôi chưa uống cái gì cả. Và ý nghĩ này lại làm tôi thấy mình khát quá xá. Tôi đổi cái bật lửa qua tay trái và lần này thì nó cháy. Một ngọn lửa cam bùng lên trên tay tôi, cháy phồng ngón tay, và mùi xăng làm tôi muốn bệnh ngay tức khắc. Tôi huơ cái bật lửa vòng quanh, soi cái nền đất ẩm vương vãi gạch và gỗ vụn và (tôi đoán đúng) một cái nắp lon sơn cũ. Sự ẩm ướt lấp lánh trên tường (tôi dứt khoát phải liếm một cái), và, phía xa kia chỗ nền đáy giếng chạm thành giếng có một cái lỗ nhỏ to bằng một cái lỗ banh gôn. Cái này vừa tốt lại vừa xấu. Tốt vì kẹt lắm thì tôi có thể tè vào đó. Xấu vì làm sao biết được cái gì sẽ vọt từ trong đó ra. Mấy con chuột chẳng hạn.

Tôi tắt lửa để dành xăng và ngón tay bị phồng bắt đầu đau rát, nhưng vụ này không phải tệ lắm. Có lần tôi xem một chương trình tivi về các tù nhân và con tin xử lý những tình huống cực kỳ khắc nghiệt. (Họ có nói một điều là trong chuyện này phụ nữ giỏi hơn nam giới. Trước đây tôi chưa bao giờ muốn làm con gái cả.) Mọi chuyện là ở hồn và xác. Ngay cả nếu bạn bị kẹt dưới ngực tối sâu nhất với ba thằng mập ù đè lên người cứng ngắc, mãi mãi chẳng mong cửa quây nhúc nhích gì cả, thì bạn vẫn có thể thả hồn lang thang xa tít tắp trong đầu. Bạn có thể trôi lững lờ, có thể bay, có thể thăng giải vô địch ngoại hạng cho đội Arsenal với cú sút sau cùng trong giờ thi đấu chính. Nhưng có điều gì đó để cơ thể tiếp tục lo lắng trong khi thả hồn đi lang thang thì cũng tốt. Tốt nhất là một điều gì đó không quá tệ, như một ngón tay bị phồng chẳng hạn, hơn là một điều khủng khiếp như cơn khát cháy họng.

Thế nên giờ đây tôi tập trung mọi điều thật tệ hại vào ngón tay phồng. Cái khát ghê gớm làm sao. Cái lạnh cóng người đến thế. Nỗi lo về việc thoát ra khỏi nơi này, cũng như là cái thằng khủng nhà quê đần độn rẽ ngói giữa ấy đang ở đâu và bộ hăn không biết là tôi sẽ chẳng bao giờ làm bạn với hăn nếu tôi được sống trong một thế giới tạm tạm bình thường thôi sao? Và trên hết

mọi chuyện, điều mà má gọi là “không thể giải quyết được”, căn bản có nghĩa là cái chết của ba.

Sự tập trung này có hiệu quả một chút nhưng rồi cái khát trở lại và bám riết không chịu rời, và tôi biết mình phải làm chuyện này thôi. Tôi phải liếm thành giếng.

Sai lầm lớn. Lẽ ra tôi nên nhớ chuyện gì đã xảy ra khi Vern buộc tôi liếm một lon bia vừa lấy từ ngăn tủ đá ra. Tôi mất cả nửa cái lưỡi trên nó. Thành giếng lạnh làm cho lưỡi tôi còn khô hơn trước. Tôi nuốt liên tục và điên cuồng, cố tìm gom chút nước miếng vào trong miệng, nhưng chẳng có khi gì cả. Và cái vị thì: như đá dăm trong nước sốt làm bằng xơ bông, quá sức tệ. Rốt cuộc chắc tôi phải uống nước đái mình quá, nếu tôi rặn ra được vài giọt. Giờ tôi không còn cảm thấy ngón tay bị phỏng đau nữa.

Mọi sự quan tâm đều dẫn đến cái miệng khô rát.

Rồi tôi nghe một tiếng động, hay tôi nghĩ rằng mình nghe. Mungo trở lại! Hẳn vui chơi đã đời rồi và đang thả chiếc thang dây xuống trở lại. Tôi đứng dậy gọi to. Nhưng không có tiếng động nào theo sau. Chỉ im ru bà rù. Chẳng có Mungo và thang dây khi gì cả. Hay có thể có, nhưng hẳn dừng tay không thả xuống nữa. Hẳn làm cho tôi hi vọng lên rồi phũ phàng dập đi. Hay có thể là tiếng động của một con thú nào đó. Như một con chuột. Ôi thôi đi.

Tôi khát quá!

Tôi tự nhủ: hãy tập trung vào chuyện gì khác. Bất cứ chuyện gì khác. Hãy để tâm trí mình thoát ra khỏi cái lỗ chết tiệt này. Và cái nắp của tâm trí tôi mở ra, đổ ra vô số những trái bóng ý nghĩ đầy màu sắc.

Ba ơi, con sẽ không bị kẹt ở đây nếu ba còn sống. Hôm nay là thứ mấy? Thứ ba, một ngày thứ ba trong kỳ nghỉ hè. Chắc chắn con sẽ ở Camden Lock nếu ba vẫn còn sống. Hay có thể mình theo một công việc của ba mà ra ngoại quốc. Ở Kingston, Jamaica, ngồi chơi dưới một hàng hiên ngó ra biển, ba cho phép con uống một ly rượu rum pha nhẹ. Nhưng chỉ nếu con là chính con.

Ba nè, có bao giờ ba nghĩ cuộc đời này sẽ ra sao nếu ba không phải là ba mà là một ai đó khác chưa? Hay cái ý nghĩ kỳ cục đó chỉ đến với kẻ bị kẹt

dưới đáy giếng, lạnh cóng đít, mà phương tiện duy nhất để thoát ra lại bị tước mất? Nhưng khi đó thì con lại không có mặt trên cõi đời này nếu ba chưa cưới má và làm cho má có bầu. Và ba chưa cưới má nếu ba chưa từng gặp bà. (Rõ ràng là vậy!) Và cái lý do duy nhất mà hai người gặp nhau (má kể con nghe) là do ba đang làm việc trong phòng ghi âm ở Marylebone với ban nhạc nào đó hay ai khác chưa từng làm nó, và Elvis Costello đang thu một album trong căn phòng kế bên, cái album mà má làm bìa. Và một buổi sáng nọ, khi má đang nhâm nhi cà phê ở nhà khách thì ba bước qua hỏi bà có điều thuốc lá nào không. Má nói không có. (Má cũng nói với con là bà nghĩ ba trông khá bánh nhưng lại ăn mặc hơi trẻ quá so với tuổi của mình. Có lẽ ba đang mang đôi giày da báo trước đây phải không?) Vậy đó, chuyện ba má gặp gỡ nhau là như thế. Nếu ba không muốn hút một điều thuốc, hay nếu ba đang có một gói thuốc trong túi và không phải hỏi xin má, hay nếu Elvis Costello chưa thu băng hôm đó, hay má chưa được đặt hàng làm bìa album cho ông, và một triệu cái nếu khác, thì con đã chưa ra đời.

Đó là điều sau cùng tôi nhớ là mình nghĩ đến trước khi bất tỉnh và rơi vào ác mộng.

CHƯƠNG 8

Một tiếng đập lên cánh cửa dưới xa, và khi tôi nhìn ra ngoài cửa sổ phòng ngủ thì tôi thấy một hàng cảnh sát chống bạo loạn, tất cả mặc đồ đen và đội mũ đồng, rất đông, họ trườn đi xuôi con phố rồi biến mất quanh góc phố về hướng đường Camden High. Tôi đẩy rộng khung kính cửa sổ. Đoạn đầu của cái hàng người đứng ở cửa trước nhà tôi. Họ khiêng theo một cây gỗ to để phá cửa, đu nó ra phía sau lấy thế và động nó vào cánh cửa, mạnh đến nỗi chấn động ba tầng lầu tận phòng ngủ của tôi, ly nước trên chiếc bàn nhỏ cạnh giường rung lên lách cách. Tôi la vọng xuống: “Dừng lại nếu không mấy người sẽ làm má thức. Tôi sẽ xuống giải thích với mấy người. Tôi đâu cố ý giết nó đâu.”

Nhưng khi tôi chồm ra ngoài cửa sổ thì mất thăng bằng, trượt về trước, và không cách gì ngừng được việc rơi cắm đầu xuống đất. Nền vỉa hè lao vùn vụt về phía tôi, và tôi cố kèm người lại cho khỏi bị va chạm chấn động tan xương nát thịt. Nhưng không có cú va chạm nào cả. Tôi ngừng rơi, tôi treo lơ lửng giữa không trung, lơ lửng giữa sự sống và cái chết, và một cái gì đó đang tiến về phía tôi, tiến đến theo lối kia. Đó là ba. Ông mỉm cười nhưng không dừng lại. Tôi thấy giày ông đi qua ngang tai mình và vươn tay ra chụp chúng, nhưng không kịp.

Tôi chụp tay vào khoảng không.

Tôi lại rơi, lần này rơi mà không ngừng lại. Tôi nằm ngửa, chình ình như một con sao biển. Xa tít ở trên kia, gương mặt của Mungo hiện rõ trong một vòng hào quang. Hẳn đang nhe răng cười, hay đó chỉ là một trò lừa của ánh sáng? Tôi không thể thấy mình đang rơi xuống ở đâu và bao xa. Rồi tôi đập vào cái gì đó, cú rơi của tôi tan vỡ mất. Tôi nhắm mắt thật chặt, chờ

cơn đau dấy lên, nhưng không thấy đau đớn gì cả. Tôi đã đáp xuống trên một cái giường êm và ấm ướt.

Tôi mở mắt. Trần nhà cao, tấm áp phích dán tường in hình các hành tinh của thái dương hệ. Cửa sổ cao. Tôi xuống giường đi tới cửa sổ, thấy đôi chân nhức nhối và đau ở hai cánh tay. Dưới xa kia, một lối vào nhà trái sỏi và bức tường gạch sơn trắng. Ở hai trụ cổng màu trắng có các trái thơm bằng cỡ trái bóng bầu dục nằm thẳng bằng trên đó. Tôi chớp mắt nhìn mấy trái thơm chăm chăm, tự hỏi có phải mình đang mơ không. Mọi vật trông quen thuộc, nhưng tôi không thể nhớ được ở đâu. Rồi tôi hơi nhớ lại. Bức tường trắng, mấy trái thơm, căn nhà mát bằng gạch cũ kỹ. Tôi nhìn quanh. Nhưng tôi không ở trong một căn nhà mát. Căn phòng này ở tầng một, và thật to. Nó phải là của một ngôi nhà rộng và cũ.

Tiếng chân trên các bậc thang cọt kẹt, một giọng nói - giọng của má - đang gọi tôi. “Mungo?” Tôi xoay người khỏi cửa sổ để đối diện cánh cửa phòng ngủ. Cánh cửa mở ra và má thò đầu vào. Trông má rất lạ, với kiểu tóc lạ và gương mặt mập hơn. “Mungo, cưng ơi, má có thể nói đôi điều trước khi ông ấy trở lại không?”

Má gọi tôi là “cưng”, điều này làm tôi ngạc nhiên, nhưng tôi thấy bớt căng thẳng, vì qua cái vẻ mặt và cách bà nói chuyện, tôi biết được rằng bà không biết gì về đám cảnh sát chống bạo loạn. Tôi gật đầu nhưng không thể nói lời nào. Tôi thấy mình như một con ma.

Tiếng vỏ xe nghiêng trên lối sỏi bên ngoài. Trông má kinh hãi và bà rụt đầu khỏi cửa, cánh cửa khép lại thật êm. Tôi ngó ra cửa sổ. Một chiếc Land Rover Discovery có gắn thanh chắn trước đầu xe trông giống như tấm lưới che mặt trên mũ sắt của cầu thủ môn bóng bầu dục Mỹ. Tôi nghĩ có lẽ nó là của một ông bạn của ba, hay của một khách hàng cho đi nhờ và thả ông xuống đây. Ông quen với hăng tá ngôi sao nhạc rock ăn vận như đồ du thử du thực nhưng lại lái những chiếc xe cực chiến xẹt khói vào mặt bạn.

Tôi chờ ba xuống xe phía bên ghế hành khách. Tôi chờ thấy cái quần jeans bó ống của ông, đôi giày của ông; tôi đã hé miệng cười vì tôi biết ông sẽ nhìn lên căn nhà và cười, vẫy tay với tôi khi thấy tôi đang nhìn. Nhưng

rồi tôi chợt nhớ lại một điều khủng khiếp và trái tim rơi tõm xuống xuyên qua người tôi như khi đột ngột tăng lên cao: Ba đã chết. Ngay lúc đó, cửa xe bên phía tài xế mở ra và một cái chân dài mang ủng xanh lá cây thò ra, một cái chân ủng xanh khác ra theo, và một thân hình lênh khênh vận bộ đồ vét sọc nhỏ. Đó là cha Brian Cá Chua. Tôi hụp người xuống dưới cửa sổ, tim đập thành thịch. Tôi nhớ lại cái nhìn đầy vẻ sợ hãi trên gương mặt của má và cảm thấy muốn bệnh. Núp mình tựa vào tường, tôi chợt hiểu chắc như bấp rắng, Cá Chua là ba tôi. Ông đã và sẽ luôn luôn là ba tôi. Ở một nơi xa tít nào đó, ngoài tầm với, là một hồi ức về điều gì khác. Một người cha khác, một đời sống và thế giới khác mà tôi đã sống hạnh phúc trong đó. Tôi vươn ra nắm lấy cái hồi ức này, nhưng nó tan biến như một giấc mộng.

* * *

Cha Cá Chua - là ba tôi - liên tục đưa tay lên tát má, vào má, vào môi, trên mắt. Một giọt máu đỏ rục rột lên chiếc giày ống xanh lá cây bên chân trái. Tôi chạy ù tới họ, cố làm ông dừng tay, nhưng tôi lại chạy xuyên qua họ: tôi vô hình. Tôi gào lên nhưng họ không nghe tiếng tôi.

Ba nói: “Gào lớn lên.” Ông đang cười to. Chúng tôi đang đứng cách cái kho thóc ma quái khoảng hai mươi mét, ông nghĩ đó là khoảng cách tốt nhất cho tiếng vang. Ông bắt đầu nói lớn với tôi. “Tao ghét CÂY!” ông gào lên. Và cái kho thóc ma quái gào trả: “CÂY ÂY ÂY ÂY ÂY!”

“Được rồi, được rồi,” tôi nói. Rồi tôi hít hơi vào đầy phổi, ngửa đầu ra sau, rồi gào lên. “Tao ghét khí TRỜI!” Cái kho thóc ma quái gào trả: “TRỜI TRỜI TRỜI...”

Rồi ba biểu diễn một điệu nhảy, giày chân phải giẫm lên những đóa hoa chuông ở hàng rào. “Nhóc nè,” ông nói, “hai cha con sẽ ổn, ba và con. Con biết điều đó chứ?”

Xa tít tắp trên cao, xuyên qua màn sương mộng mị, vang đến một tiếng động. Nó là chiếc thang dây được thả lại xuống giếng. Khi mở mắt và

chuyển từ trạng thái không ý thức đến có ý thức, tôi cảm nhận được nỗi kinh hãi của một người không biết mình là ai hay mình ở đâu. Rồi tôi nhớ lại: cái giếng, chiếc thang dây biến mất, cơn khát, nỗi kinh hoàng, sự trôi tuột vào cơn ác mộng đã tan biến như mù sương, để lại tôi với một cảm giác ấm áp vừa hạnh phúc vừa buồn sâu. Rồi tôi khóc với sự nhẹ nhõm khi lắng nghe chiếc thang dây, nhận bắt mọi tiếng va đập và cọ xát trong khi nó hạ xuống quá sức chậm. “Ê này!” tôi la lên. “Mungo!”

Tiếng tôi không đủ mạnh để leo lên ra khỏi miệng giếng nhưng sau vài giây thì có tiếng đáp lại: “Tao đây.”

Giờ thì nghe như chiếc thang dây không còn xa để với tay nắm lấy. Tôi đứng nhón chân. Dây thừng xơ cạ vào khớp tay tôi và tôi phóng người giơ hai tay thẳng lên cho tới khi bắt được nó. Tôi nắm chặt sợi thừng cũ mòn và cái thanh ngang trơn nhớt ở dưới cùng ghì vào mình như thể chúng là báu vật vô giá, kéo mạnh cho tới khi cảm thấy chiếc thang căng ra ở trên cùng và tôi đặt chân lên được. Rồi, trước khi Mungo có thể đổi ý hay nghĩ ra cách khác để chọc giận mình, tôi bắt đầu leo lên.

Mungo với tay xuống từ miệng giếng và giữ dưới nách tôi. “Ráng thêm một cái nữa thôi.” hắn nói. Tôi đu mình lên qua miệng giếng và đẩy Mungo cùng ngã xuống thảm cỏ ướt xanh. Hắn đứng dậy. Tôi thì cứ nằm ì ra. Tôi không nhúc nhích cục cựa gì được. Ánh sáng trời đột ngột làm chói mắt và tôi nhắm lại. Khi tôi mở mắt ra,

Mungo đang ngả xuống, nhìn vào mắt tôi. “Mày sao rồi?”

Tôi không nói năng gì được.

“Chuyện gì xảy ra vậy?”

Không lời đáp.

Sau cùng, tôi cũng có chút nước miếng để nói. “Có nước không? Tao khát muốn chết rồi.”

Mungo nhún vai và nhìn lên trời. Tôi ngồi dậy, ngồi giữa đám cỏ trong mười phút, dưới cơn mưa xối xả, đầu ngửa ra sau và há miệng. Nước mưa có vị ngon lành như mùi vị mà cầu thủ Thierry Henry cảm nhận khi làm

được một cú hat-trick trong ba phút, nếu như cú ấy tan thành thể lỏng. Từ từ nó giúp tôi hồi tỉnh lại ít ra đến nửa phần.

Suốt lúc đó Mungo đứng bên trên ngó tôi rồi nhìn lảng ra chỗ khác, những ngón tay run rẩy, muốn nói. Đôi lần hăn sắp nói gì đó và tôi khoát tay ra dấu dừng.

Sau cùng tôi ngậm miệng lại, và Mungo hỏi: “Sao rồi?”

“Sao rồi cái khỉ gì?” tôi càu nhàu.

Hăn đưa tay cho tôi nắm và kéo tôi đứng lên như bọn cầu thủ hay làm. “Sao...” Hăn ngừng lời, như thể băn khoăn tìm cách diễn đạt, rồi hỏi rằng: “... Mà có nhớ tên của ba mà là gì không?”

“Tên của ba tao là gì?” Tôi lặp lại. “Mày nói cái gì vậy?”

“Chỉ tò mò thôi. Tên ông là gì?”

“Mày suýt giết tao và giờ thì lại muốn biết ba tao tên gì à?”

Mungo gật đầu, trông rất nghiêm trọng. “Đúng vậy, nếu mày không thấy phiền.”

“Gerry, đúng không? Tên của ông đã là - là - Gerry. Mẹ kiếp, thằng khốn nạn.”

“Mày có chắc không?”

Một tia chớp lóe lên trong đầu tôi, cũng y như tia chớp tôi đã có khi đập thẳng Khắc Đờm: một con sói cất cao đầu, mắt lồi trũng trũng, nhe nanh. Bước đến sát Mungo, tôi thét vào mặt hăn: “Mày khùng rồi hả? Sao mày lấy cái thang đi? Há? Có chuyện chó gì vậy? Nè, tao nói cho mà biết.” Tôi đẩy mạnh vào ngực nó bằng hai ngón tay. “Đừng bao giờ giở trò như vậy với tao nữa nghe không, hay tao sẽ thịt mày đó. Mẹ kiếp.”

Chúng tôi không nói năng gì khi lê bước trở lại lối vào nhà. Tôi lấy xe đạp ở bụi cây cạnh cổng Thung Lũng Hạnh Phúc rồi hai đứa lách người ra con đường bên ngoài, đứng đối diện nhau, đột nhiên cùng ngượng nghịu. Mungo không bỏ qua. Hăn hỏi: “Vậy mày có chắc là không có gì xảy ra ở dưới giếng không?”

Hắn muốn cơn ác mộng của tôi. Hắn cố đặt tay lên đầu tôi lần nữa. Nhưng mãi mãi đừng hòng giở trò với tôi vì, một cách nào đó, tôi biết rằng kể với hắn sẽ tạo cho hắn có quyền với mình. “Mày muốn biết cái gì xảy ra dưới giếng à?” tôi hỏi ngược.

“Kể tao nghe đi.” Hắn quá sức muốn biết tới nỗi không chỉ đôi tay đang run lên mà thôi, mà cả phần thân trên cũng giật giật như phát rồ.

“Tao đã gặp Elvis Presley, biết chưa?Giờ thì cút cha mày đi, và biết điều nhé, Mungo. Tao không chơi mấy trò bịp bợm của mày nữa.”

Tôi leo lên xe vọt đi, không cho hắn quá giang, không ngoái lại nhìn, lơ luôn những tiếng gọi của hắn vang lên sau lưng.

* * *

Tôi cho chiếc xe đạp vào ga-ra rồi luồn quanh phía sau lưng ngôi nhà, thấp thỏm từng giây nghe tiếng má gọi. Êm ru. Tôi trườn vào qua đường cửa sổ ở góc cuối. Nước từ áo quần tôi chảy nhỏ giọt thành những vũng nước nhỏ trên nền gạch. Tôi rón rén lên cầu thang, để nước thành vệt sau lưng, vào phòng ngủ. Vẫn không có động tịnh gì bên dưới nhà. Tôi đang lục tìm một chiếc áo thun và quần lót sạch trong tủ áo thì nghe cánh cửa phòng khách dưới nhà mở ra cọt kẹt.

Giọng má lọt qua cầu thang và những khe hở của ván sàn: “Mungo hả? Cứng ơ?”

Tôi nói vọng xuống, cố giữ giọng tự nhiên: “Gì hả má?”

Tôi hình dung bà đang đứng ở cánh cửa mở hé, ngó xuống lối đi về phía căn phòng mùa hè có cửa kính ở ban công. Từ chỗ đó bà sẽ không thấy chuyện gì khả nghi. Bà không thấy nền gạch ướt sũng. Trừ phi bà bước lên trước chừng ba bước. Má nói: “Xin lỗi nghen cưng. Má đã ngủ mấy tiếng rồi. Muốn uống một tách trà không? Má mang cho con một cái bánh ngọt má làm nghen. Có chà là với quả óc chó. Thứ bánh mà bà ngoại hay làm đó, nhớ không?”

Tôi thở phào nhẹ nhõm. “Không, con ổn mà.”

“Cái gì? Má hông nghe con.” Tôi nghe tiếng chân má đi xuôi hành lang. Tôi chuẩn bị một bộ mặt, chờ cơn thịnh nộ bùng lên. Nhưng chẳng có gì cả, êm ru, rồi má nói: “Ô, Mungo nè, con xuống đây giúp má một tay coi. Nước mưa tạt qua cửa sổ ngoài ban-công làm nền nhà ướt mềm rồi.”

“Con xuống liền. Con tắm cái đã.”

“Cái gì? Tắm vào bốn giờ rưỡi chiều à?” Giọng má không dừng có vẻ nghi ngờ. “Xuống đây trước đã. Má cần con giúp một chút thôi.”

“Con cởi đồ ra rồi.” Tôi vợ vội mảy cái áo quần mà mình thấy được, chuồn nhanh vào phòng tắm nằm giữa phòng tôi và phòng má, khóa cửa lại.

Chỉ vào lúc này, đứng dưới vòi nước, thì tôi mới để mình nghĩ về những chuyện đã xảy ra dưới cái giếng và những điều Mungo nói. Tôi miễn cưỡng thừa nhận rằng có chuyện vừa lạ lùng vừa ghê gớm đã xảy ra. Thậm chí trước cơn ác mộng, tâm trí tôi bắt đầu bay lên nhiều hướng khác nhau, những ý nghĩ điên rồ tuôn đổ ra như kẹo đổ ra từ cái máy bán kẹo lẻ bị bể, những trái bóng mang ý nghĩ nhiều màu bay vượt khỏi những ngón tay tôi. Và rồi phần cuối cơn ác mộng thì không còn là ác mộng chút nào nữa. Tôi ở bên ba. Đúng vậy đó! Giờ thì tôi nhớ được phần tốt đẹp ở đoạn cuối, và cái cảm giác vừa hạnh phúc vừa buồn buồn tràn qua tôi, cho tới khi tôi cũng nhớ lại câu hỏi của Mungo khi tôi trôi lên bề mặt: tên ba tôi là gì? Chẳng khi đó đã làm cái quái gì khi biết về ba? Tôi rùng mình trong làn nước ấm, đột nhiên cảm thấy nguy hiểm qua những điều do đâu và tại sao thì mình không thể hiểu.

Tôi mặc quần lót đứng giữa nhà, đang lau khô lưng thì má xông vào mà không gõ cửa. “Mungo, như má đã nhờ con rồi đó, làm ơn giúp má một tay coi.” bà nói.

“Làm ơn gõ cửa rồi mới vào chứ. Con vẫn đang thay đồ mà.”

“Mungo, tại sao con cứ loanh quanh trong phòng tắm và tắm vào giữa chiều vậy?”

“Chuyện đó đâu có vi phạm pháp luật gì phải không má?”

“Con hồng thấy nước mưa tùm lum trong phòng nghỉ mùa hè sao? Con làm dây nước lên hết cái cầu thang. Con cứ lủi thủi một mình suốt. Con cứ không chia sẻ gì với ai. Chuyện đó hồng tốt chút nào cả, Mungo à.”

Tôi cười má quá chùng. Giá mà bà biết tôi đã đi đâu, tôi đã làm gì, chắc má sẽ chết khiếp.

“Chẳng có gì đáng buồn cười đâu.” Rồi bà thấy mấy khớp tay của tôi. “Tay con làm sao vậy? Con làm chuyện gì vậy?”

Tôi ngó xuống tay mình và giả vờ ngạc nhiên. “Hồng biết nữa. Tự nhiên nó bị như vậy à. Chắc là con làm chuyện gì đó.”

“Chắc là con đã làm chuyện gì đó hơi bị mạnh à nha. Giờ thì mặc nốt áo quần vô rồi xuống nhà dưới phụ má một tay coi. Mà nè, mở cửa sổ ra. Ở trong này nồng nặc mùi sinh và...” Má không tìm được đúng từ để nói ngay. “thiệt là khó chịu à.” Tiếng chuông điện thoại reo trong bếp và trong khi má đi ra cửa nghe máy thì bà nói: “Nhanh lên.”

“Tuần lệnhhhhh!” Tôi nói khi cửa khép và giơ tay chào theo kiểu nhà binh của Hitler.

Khi tôi xuống nhà dưới thì má đang trải giấy báo ra khắp sàn nhà ướt trong phòng. “Có bão hả?” bà hỏi. “Mưa tạt vào ngay cửa. Con tìm giùm cái đồ chùi nhà và cái xô coi?”

Khi tôi mang đồ chùi nhà và xô đến thì má cũng trải xong giấy báo. “Nè, Mungo,” bà nói. “Má có mấy chuyện này muốn nói với con. Má quyết định sẽ trang hoàng lại ngôi nhà. Khắp hết, từ trên xuống dưới. Má thấy mình không thể tiếp tục sống với đồ đạc của ông bà để tùm lum như vậy. Cứ như là sống với ma vậy. Vì thế má sẽ liêu dọn hết đồ đạc ra, sơn lại các phòng, nói chung là làm sao cho nó tươi vui hơn cho hai má con mình. Đồng ý không?”

Tôi nhún vai: “Con sao cũng được.”

“Vấn đề là vậy, con có muốn phụ má không? Kiểm chút tiền bằng cách dọn nhà và sơn nhà?”

Tôi lắc đầu. “Tại sao con không muốn giúp má chứ?”

Má khoanh tay trước ngực ngó tôi chăm chăm. Tôi thấy mình sắp được nghe má tụng một bài về việc sơn một bức tường thì tốt cho tâm tính mình như thế nào đây.

Không, không có bài tụng nào cả. Tôi nghĩ ra một ý, và biết rằng mình đúng. Tôi nói: “Má nè, cha nội Cá Chua có dính tới chuyện này phải không?”

Má không biết phải trả lời làm sao nên bà nói: “Đừng gọi ông ấy như vậy.”

“Ông ta có bàn ra tán vô, phải không?”

“Brian có nói là ông ta sẽ giúp, đúng vậy đó. Thì sao nào?”

“Thì, một là - chả là một tay Cá Chua. Hai là - chả muốn tán tỉnh má. Ba là - chả có vợ là Felicity Flapdoodle, con nhắc cho má nhớ ghen. Và, bốn là -... Con năm mơ thấy vầy nè, cha nội Cá Chua này táng vô mặt má. Chả bịnh lắm.”

Má dúm cây lau nhà vào cái xô nước và tì mạnh vào nó, không thềm ngó tôi. “Giờ mấy tờ báo lên giùm coi.” Bà nói. Bà đang giận điên lên. Trong khi lau những chỗ báo đã được gỡ đi, bà nói, mắt vẫn không thềm ngó tới tôi: “Con quá đáng rồi đó, Mungo. Má chả thềm nói cho con biết những tin khác đâu.”

“Tin gì vậy má?”

“Mẹ của Vernon Crottall gọi đến, nói rằng Vernon và Barry sẽ khoái đến chơi và ở lại đây trong tuần tới. Có Trời mới biết vì sao, khi con cứ châu quạu như vầy.”

CHƯƠNG 9

Lập tức tôi cảm thấy tội lỗi ghê gớm vì đã đối xử quá tệ với má, khi bà cố hết sức để sửa soạn cho Vern và Quái thú đến chơi. Dự định cho chúng đáp xe lửa từ Waterloo xuống chơi trong bốn ngày và hai mẹ con tôi sẽ đón chúng ở ga Bickleigh. Tôi gửi tin nhắn cho chúng về thông tin này, nói rằng tôi sẽ cho chúng xem một chuyện rất kỳ thú, có ý nói đến Thung Lũng Hạnh Phúc và cái giếng. Bởi vì đó là kế hoạch của tôi. Tôi sẽ cho chúng xuống cái giếng. Tôi sẽ không lấy cái thang dây đi, chơi vậy thì quá mạng. Nhưng tôi muốn chúng cũng có cái kinh nghiệm mà tôi đã trải qua, trước cơn ác mộng hay giấc mơ đó, về việc cái nắp đậy của tâm trí mở ra và những trái bóng ý tưởng nhiều màu chen chúc nhau bay ra.

Tôi đã nghĩ rất nhiều về những chuyện đã xảy ra và tôi gần như không quá kinh hãi như trước. Cái giếng có một số điều bất bình thường, chỉ vậy thôi, như là cái kho thóc ma quái. Nói thế này có vẻ như thách thức lại sự giải thích thuận lý, nhưng Mungo lại rất khôn ngoan trong việc điều khiển và uốn nắn cảm nhận của người khác theo ý mình, biến mọi việc trở nên kỳ dị hơn là thực chất của chúng. Với cách đó, một tay ma giáo và lấu cá có thể áp đặt quyền năng của hắn lên người khác. Nhưng tôi đã không cần tới Mungo. Tôi có thể gài những trò này với Vern và Quái thú, chơi tay trên chúng, làm cho chúng phải nể tôi lại. Tất nhiên, hoàn toàn để cười vui thôi.

Vern gửi tin nhắn lại nói rằng hắn sẽ mang đến một ít thuốc phê. Hắn viết THUỐC PHÊÊÊÊ. Tôi nhắn lại bọn mình không cần chơi thuốc phê đâu thì cũng vui tới bến rồi. Có nhiều khi Vern làm tôi rét. Tôi không biết nó nói thuốc phê là ý muốn nói cái gì. Có thể chỉ là mấy viên thuốc nhức đầu của

má nó, hay có thể là một thứ gì đó tệ hơn nhiều mà nó chôm được từ phòng mạch của má nó. Tôi cố không nghĩ đến chuyện đó nữa.

Đồng thời tôi cố tỏ ra ngoan ngoãn với má. Tôi còn xung phong giúp bà trong việc trang hoàng lại ngôi nhà. Tôi đẹp chuyện gọi Brian Boland là Cá Chua. Thật ra tôi chấm dứt việc gọi ông ta như thế. Và tôi lập ra một cái danh sách mua đồ để nấu món cà-ri gà với rau tươi từ một cuốn sách gia chánh có tên là Thái-ngon-hết-ý! cho má hết hồn chơi. Cái danh sách bao gồm cà tím, ớt đỏ, nước mắm và xả. Nói chung, những đồ nấu này rất phức tạp và lạ lẫm đối với vùng Manuresville và chắc chắn là không mong gì Lão Khảm có bán. Nhưng tôi nghĩ rằng cứ đến đó xem sao, làm cho lão bận rộn chút chơi.

Tôi cũng tò mò về vụ Gavin's Deli. Làm sao mà thằng Mungo chơi được cú bịp đó chứ? Tôi chỉ nghĩ được một cách giải thích duy nhất: nó chẳng phải là trò bịp của Mungo khi khô gì cả. Câu trả lời nằm trên tivi. Một công ty đang làm bộ phim nhiều tập về một tay đồng tính tên là Gavin mới dọn về Manuresville để mở tiệm ăn. Và họ mượn cái ổ chuột của Lão Khảm để dựng phim. Trước khi quay mỗi hồi thì những tay thiết kế phong cảnh thay đổi cái phòng hơi ngạt của Lão Khảm thành tiệm Gavin's Deli. Đó là lý do mọi thứ trong tiệm lại sạch bóng khi tôi và Mungo tới đó: tụi và xúc-xích và những trái ô-liu xanh lóng lánh trong bình là làm bằng nhựa. Các máy quay được giấu kỹ đang quay và Gavin - anh chàng tài tử đóng vai Gavin - đang diễn. Khi quay xong họ gom tất cả các thứ hàng hóa bằng nhựa và cành lá cũng bằng nhựa trên các cửa sổ lại, và đổi lại như cũ. Đó là giả thiết của tôi và tôi sẽ hỏi ông Tiêu Hành Tỏi Ớt xem có phải vậy không. Sau đó tôi sẽ hỏi về củ xả và mấy món linh tinh...

“Cà tím Thái Lan hả?” Lão Khảm hỏi. “Tao có cà tím Hà Lan nè.” Lão nhặt lên một vật trông giống như xác một con chuột chũi. Vỏ màu tím đã chuyển sang màu nâu và nhăn nheo thấy ghê.

“Không, chúng hoàn toàn khác với mấy thứ cà thường,” Tôi đáp. “Chúng nhỏ thôi và có màu trắng xanh, và dùng để cho vào nấu các món như cà-ri, gà với rau tươi của Thái.”

Lão Khảm lại mặc cái áo len đan cũ mềm. Cái tiệm nồng các mùi thường khi: thuốc lá, rau úng, và phô-mai thúi. Lão neho cặp mắt mọng nước ngó tôi. Các ngón của một bàn tay vỗ nhẹ tới lui như thể lão bị chứng co giật kinh phong. “Hôm mày đã tới đây rồi, phải không?” lão hỏi.

“Đúng vậy.”

“Lần đó kiếm mua cái gì hả?”

“Chorizo.”

“Lại nữa. Cút đi.”

Tôi không tin nổi. “Cái gì?”

“Tao hông chơi cái trò của mày. Cút ra.”

Bàn tay co giật của lão thò xuống dưới lồi ra một cái gậy bụi giấu sẵn dưới quây. Nó trơn láng, bằng gỗ, có tay cầm bằng da đen và quai: cái dùi cui của cảnh sát.

Chơi trò miền Viễn Tây à ghen. Vụ này ngẫu hơn vùng Camden à. Tôi bước giật lùi ra cửa rồi với tay ra sau cầm cái nắm cửa để có thể chuồn thiệt lẹ. “Được rồi, ra thì ra, có sao đâu,” tôi nói. “Tôi hỏi ông một câu ghen? Khi nào thì họ quay tiếp hồi kể của phim Gavin’s Deli vậy? Vì có lẽ họ sẽ trả cho ông đủ tiền để dẹp tiệm mà về hưu luôn, rồi một cha Gavin thứ thiệt sang lấy cái tiệm và bán cà tím Thái, chorizo và ô-liu và các món khác thứ thiệt, rồi tôi không phải hì hà hì hục đạp xe đến tận Bickleigh vì các thứ tào lao và mùi thối của cái tiệm ông như một cái cống.”

Lão Khảm bị lừa. Lão thở nặng nhọc, lồng ngực kêu lách cách, nhưng khi lão đi quanh cái quây thì lão biến thành một cái bóng mờ. Tôi không kịp thoát ra cửa. Lão giơ cái dùi cui lên và nện mạnh xuống cánh tay tôi. Tôi nghĩ, nếu mình không kịp giật tay ra thì lão đã nện gãy nó rồi. Mắt lão trợn trừng vào mặt tôi, cái dùi cui đập vào bức tường, rồi tôi cũng mở được cửa và thoát ra. Tôi la lên: “Ô! Cha khùng nè, ông hông có quyền làm vậy đâu nhé. Tôi sẽ báo cảnh sát.”

Cha khùng hôi hám này có thể bị nhốt vô tù vì chuyện vừa làm, đó là ý nghĩ của tôi khi đang đạp xe dọc trên lề đường cái. Người lớn không được

vô cố hành xử bạo lực với trẻ con, hay thậm chí vì cái cố vợ vẫn là bị chọc quê. Nhưng tôi biết má không muốn dây dưa với những chuyện như vậy. Bà sẽ nghĩ rằng tôi đã làm trò khi gì đó để chọc giận lão. Và bà không muốn trở nên không thân thiện với dân địa phương. Bà sẽ nói ở vùng này thì khác, người ta hành xử theo luật lệ khác và tôi nên làm quen đi thì hay hơn. Được thôi, trong tình huống đó thì tôi sẽ sử dụng luật của chính mình. Tôi dừng xe lại nhắn tin cho Vern, bảo nó khi về đây thì mang theo cái bình xịt sơn. Cái tiệm của Lão Khảm sắp được sơn phết trang hoàng lại rồi nghen.

Bạn sẽ nghĩ rằng ở Bickleigh trong số những tiệm bán máy trợ thính, thang nâng tự động và khung chống dành cho người tàn tật được đông đảo khách hàng biết ơn chắc là có một cửa tiệm bán cà tím Thái và những thứ tương tự. Nhưng không. Tôi đến tiệm bán thức ăn Bickleigh, xem xét cái siêu thị mini, thậm chí tôi hỏi cả cửa hàng dược phẩm vì thấy một bà béo ngồi trong cửa sổ và có vẻ như bà khoái ngốn sạch thức ăn mỗi khi có cơ hội. Nhưng bà trong cửa hàng dược phẩm trả lời ở Bickleigh này không có nhu cầu về các loại thực phẩm lạ của ngoại quốc. Bà nói ông hàng thịt làm xúc-xích tỏi tây, bông cải, thịt lợn rất ngon, tại sao tôi không mua những thứ đó đi? Tôi suýt bảo bà ta nhét những cây xúc-xích của bà vào nơi mà mặt trời không chiếu đến, chắc hẳn đó là trò tiêu khiển của bà vì ở Bickleigh thì còn có chuyện gì khác để làm nữa chứ?

Tôi chào thua và đạp xe lòng vòng đến cửa hàng từ thiện. Không dừng tôi thấy chán. Tôi định để chiếc xe đạp ở phía sau chiếc Skoda và xin quá giang má về nhà khi bà xong việc trong nửa giờ nữa. Bà sẽ không phiền đâu vì chúng tôi là những người bạn mới và thân thiết nhất. Đúng là vậy đấy.

Trước đây tôi chưa từng đến cửa hàng từ thiện này. Nếu tôi mà biết ai ở đó thì tôi chẳng bao giờ bước vào làm gì.

Má đang đứng sau quầy và bà đang tỏ ra dụi dàng đến phát ớn với một bà nhà quê nọ. Thậm chí chính bà cũng bắt đầu có vẻ ngoài và ăn nói như bọn họ, chuyện không có gì đáng ngạc nhiên lắm rồi bà sẽ trở thành một kẻ nhà quê như họ. Bà mặc một cái áo khoác ca-rô xơ lông kinh dị làm cho bà trông giống như một kẻ làm nghề sưởi ấm bồn cầu cho mấy bà hoàng. Và giọng

của bà đã đổi – không hoàn toàn sang trọng, nhưng nó đã mất đi khá nhiều chất London.

Sau khi đỏ mặt vì thẹn, có vẻ như bà vẫy tay với tôi qua vai bà nhà quê, tôi mỉm cười và nhún vai, có ý nói là: má cứ từ từ không vội, tôi sẽ đi lòng vòng xem này xem nọ cho vui, và bà khẽ gật đầu rồi tiếp tục câu chuyện đang nói dở. Nhiều khi thật là tài tình, cái cách hai má con tôi trao đổi được với nhau những điều phức tạp mà chỉ cần gật đầu, đỏ mặt, vẫy tay và nhún vai. Tôi quyết định khi về đến Lòng Chảo tôi sẽ đốt nến và mở giàn máy nghe nhạc ở dưới nhà nghe những bản nhạc tao nhã - như album của Elvis Costello, cái album mà má làm bì và cũng là nguyên do mà bà gặp ba.

Bà nhà quê đi ra, nói: “Chúng tôi sẽ gặp chị ở buổi nói chuyện tối nay chứ? Hứa hẹn thú vị lắm đó.”

Má nói: “Chắc chắn tôi sẽ cố hết sức.” Khi người đàn bà đi khỏi, má nói: “Chào cưng, thật là bất ngờ thú vị đó nghen.”

“Con chi... Con quá giang xe má về nhà nhé? Con hơi mệt.”

“Tất nhiên là được.”

Một bà từ phía sau đi ra, ôm một mớ quần áo đầy trên đôi tay ú na ú nần, má nói: “Ồ Mungo nè, đây là Rosemary Strickland.”

Tôi nhìn bà và không thể tin nổi. Đó là bà Bựa Kẽ Chân.

“Rosemary nè, đây là Mungo, con trai tôi.”

Bà Bựa Kẽ Chân thả mớ áo quần trên một đồng các bao rác đen và lấy tay lau trán. Làn da có màu vàng phô-mai của bà trở nên phơn phớt hồng và bà đang thơm mồ hôi. Bà ngó kỹ tôi. Cái miệng ăn bom của bà mở há hốc ra và đôi mắt đảo lia lịa cho tới khi nhìn rõ được tôi. “Mungo hả?” bà hỏi.

“Má nè,” tôi nói với má, “đừng bận tâm về chuyện quá giang nữa. Con không muốn lòng vòng đâu nên...”

Má nói: “Không sao đâu mà, chừng mười phút nữa là má sẽ xong việc ở đây. Vậy là ổn mà, phải không nào?”

“Không, không đâu. Gặp má sau nghen.”

Trên đường về nhà thì di động rung lên trong túi, tôi dừng xe xem tin nhắn của Vern. “KHONG CO HANG DOM DAU MAY HAY TIN DI”. Tôi gửi tin nhắn lại: “quên hàng đi, đừng quên bình sơn xịt”.

Khi về tới nhà, tôi lấy vài cái tách ra và đặt ấm nước lên cho sôi trong lúc ngồi chờ má về. Tôi băn khoăn không biết bà Bựa Kẽ Chân có nhận ra mình không. Cái cách bà nhìn tôi, cái cách bà hỏi “Mungo hả?” thì lời đáp cho câu hỏi đó phải là có. Nếu đúng vậy thì bà đã nói gì với má chưa? Lại nữa, bà có một thằng nhóc không, và thằng nhóc đó có tình cờ mang tên là Mungo không?

Khi nghe tiếng chiếc Skoda nghiêng bánh trên lối vào, tôi bật nút cái ấm cho nước sôi lên. Tôi muốn bận rộn việc gì đó khi má vào bếp.

Má ném mấy cái túi lên bàn bếp, tôi hỏi: “Má uống tách trà nghen?”

“Cám ơn.” Bà bỏ giày ra, để chân trần, rồi ngồi xuống cái bàn bếp. “Con có chuyện gì vậy hả?”

Tôi đặt tách trà của má trên bàn trước mặt bà. “Con thấy thích tập thể dục.”

“Ba mươi giây trước đó thì con “mệt hết hơi”.”

“Không, nó là... mà nè, bà Strickland là ai vậy hả má?”

“Cô chứ không phải bà. Cô ấy là em gái của ông cảnh sát địa phương. Má mới cho cô ấy xuống xe. Người thường xuyên cho cô ấy đi nhờ không đến được.” Má nhìn tôi từ bên trên tách trà của bà. Bà đưa tách trà lên miệng bằng cả hai tay, trề môi ra như con dã nhân để uống.

“Cô ấy có con cái gì không?”

“Không. Hôm nay con vui chơi thế nào?”

Với cái cách mà bà đổi đề tài câu chuyện, tôi biết ngay rằng ngoài việc bà Bựa Kẽ Chân không phải là mẹ của thằng quái nguy hiểm đó ra, bà còn không thóc mách gì về tôi nữa. Hay quá, thường cho cụ Bựa Kẽ Chân một gói kẹo gum đi. Tôi đáp: “Ô, không có gì đáng kể, chỉ bị một cha khủng hành hung bằng dùi cui thôi.”

Má đặt cái tách xuống, vẻ mặt đầy lo lắng: “Con nói chuyện gì vậy?” Tôi kể cho bà nghe chuyện xảy ra với Lão Khảm, và bà thở phào nhẹ nhõm. “Cho con bài học để nhớ mà giữ mồm giữ miệng, đừng có ba hoa chích chòe,” bà nói ngay khi tôi dứt lời.

Tôi không tin nổi thái độ của bà. “Người lớn không được quyền hành hung trẻ con như thế chứ,” tôi nói.

“Không có chuyện đó nữa đâu.”

“Ổng không đánh trúng con mà, phải không nào?”

“May mà con kịp rút tay lại đó chứ. Ổng cố đánh mà.”

Có tiếng bánh xe nghiêng trên sỏi ở lối vào nhà. Tôi bước lại cửa sổ ngó ra. Chiếc xe Cá Chua, đúng là Cá Chua. “Ông Brian,” tôi cố gắng nói. Rồi một hình ảnh của cơn ác mộng vụt hiện về. Tôi thấy ông đến bên ngoài Ngôi Nhà Trái Thơm. Tôi thấy năm đấm của ông giáng vào mặt má. Tôi biết mình bất công – thậm chí không thể bắt lỗi Cá Chua về những điều tôi tình cờ mơ thấy trong đầu mình, chỉ mình mình biết – và tôi quyết tâm hành xử đàng hoàng, vì ý má muốn vậy.

Má ra mở cửa trước cho ổng. Tôi cố lắng tai nghe xem họ có hôn nhau không nhưng tôi không chắc lắm. Khi vào bếp, ông Cá Chua nói: “Chào chàng trai trẻ. Mọi chuyện tốt đẹp chứ?”

Trong đầu tôi, mấy cái sân bóng đá đầy nhóc khán giả đang phát bệnh nhưng tôi chỉ đáp: “Dạ, cảm ơn chú.”

Ông Cá Chua đặt cái túi lên bàn bếp và má lấy trong đó ra nhiều lon sơn nhỏ. Má sắp chúng thành hàng và nói: “Chú Brian mang sơn mẫu đến nè.”

“Hay quá,” tôi đáp, “bánh thiệt ha.”

“Hãy làm căn nhà sáng sủa tươi vui lên nhé,” ông Cá Chua nói, ổng xoa hai tay vào nhau và nường mày với tôi.

“Má định nói với con,” má nói với tôi: “tối nay má ra ngoài. Má sẽ làm mì Ý cho con trước khi đi. Con thấy sao?”

“Không sao đâu. Má đi đâu vậy?”

Ông Cá Chua nói: “Có buổi thảo luận ở hội Liên hiệp Phụ nữ về đề tài “Những cái giếng của vùng Old Wessex”.”

“Cái gì?” Tôi hỏi, hơi lớn tiếng. Tôi hết nhìn ông Cá Chua đến nhìn má, và họ nhìn lại tôi, tôi thấy mình nóng ran cả mặt.

“Chuyện gì vậy?” má hỏi.

“Không có gì cả.” tôi đáp, nghĩ thầm trong một thoáng, họ đã biết chuyện gì đó. Tôi đổi đề tài. “Vợ...” tôi suýt nói “Bà già Flapdoodle”. “Vợ chú cũng đến đó chứ?”

“A, aaà... Felicity tổ chức nó từ ban đầu nhưng giờ bà ấy không thấy khỏe nên...”

Má vội nói: “Đây là một đề tài thú vị lắm Mungo à. Rất nhiều ngôi nhà cũ kỹ quanh đây có giếng sâu.”

“Thật vậy sao?” tôi nói.

Ông Cá Chua nói: “Chúng ta có một cái ở ngôi nhà Hedge End Hall, mặc dù giờ thì nó bị ngăn lại rồi. Bà Plunkett-Snipe đã hoàn tất một cuộc nghiên cứu về chúng.”

Tôi hỏi: “Bà ta có bà con gì với bà Plunkett-Strawberry không?”

Ông Cá Chua hỏi lại: “Ai?”

Má lắc đầu với tôi. Cái lắc đầu nhẹ hều chỉ thoáng rung một cái, nhưng tôi thấy được. “Mungo thiệt là vớ vẩn.” bà hỏi tôi: “Con muốn ăn mì Ý với nước sốt gì? Có loại sốt thịt bò hay sốt kem jambon” Bà lấy ra hai lọ trong túi giấy đựng đồ.

“Sốt thịt bò đi.”

Má lấy mấy cái chảo nhỏ ra và lẳng xăng làm đủ việc, cất thực phẩm mới mua vào tủ lạnh và chạn đựng thực phẩm, vừa nấu mì sốt thịt bò cho tôi luôn.

Ông Cá Chua ngồi nghịch với mấy cái lon sơn. Ông nói với mấy cái lon sơn: “Giếng đúng là thứ rất hấp dẫn. Người ta có thể xác định tuổi của ngôi nhà qua phương thức kiến tạo cái giếng của nó. Và một số giếng được cho rằng có những lối đi và đường ngầm bí mật dẫn ra ngoài, có nghĩa là chúng

rất hữu dụng trong việc cất giấu đồ đạc.” Đột nhiên ông cười phá lên như thể gặp chuyện gì thật mắc cười.

“Như những thứ gì?” tôi hỏi.

“Đồ buôn lậu.”

“Là thứ gì chứ?”

Má nói: “Những thứ hàng bất hợp pháp.”

Ông Cá Chua nói: “Để nhân viên quan thuế không tìm được.”

Tôi nói: “A, như là ma túy.”

Má đóng sập cánh cửa tủ lạnh lại và nói: “Mungo.” Cái lối nói ngắn và gằn giọng đó có nghĩa là: đủ rồi nghen. Đó là cách mà ba nói. “Con có thích lấy cái bào bào một ít phô-mai không?”

Tôi biết là mình hơi quá lỗ. Có thể nếu tôi mà làm vậy thường xuyên quá thì bà sẽ gửi tôi đi sống với một người bà con xa đại bác bắn không tới nào đó mà tôi chưa từng nghe nói tới, một ông cậu ở Na Uy chẳng hạn, người theo một giáo phái khắc kỷ và tham gia những trò vớ vẩn trẻ con. Thậm chí Manuresville cũng còn đáng ưa hơn thế. Dám lắm à. Đúng là tôi đang gây nguy hiểm cho cuộc đến chơi của Vern và Barry. Nhưng khi cha nội Cá Chua xớ rớ quanh đây là tôi không kèm lòng được. Chả đúng là một tay quá xá đáng ghét. Tôi lấy cái bào ra khỏi móc và má đưa tôi một tảng phô-mai Cheddar và một cái tô.

“Chú chưa từng ăn loại phô-mai chính hiệu Parmesan à?”, tôi hỏi, nhưng má chỉ trợn mắt và lắc đầu, có ý nói rằng bà sẽ nổi điên lên nếu tôi không chịu câm miệng lại.

Mọi người im re. Ông Cá Chua đang búng búng tay vào mấy lon sơn, tôi thì bào phô-mai, còn má thì cúi xuống xem lửa ga như thế nào dưới đáy chảo nước sốt.

Chẳng ai nói lời nào. Nên tôi buột miệng.

“Má nè, vậy chứ cuốn sách của ông cố viết về cái gì vậy?”

“Tại sao giờ này con lại mang chuyện đó ra nói, hả Mungo?” Bà hất đầu về phía tôi, mắt má trợn dữ hơn nữa.

“Con chỉ muốn biết thôi.”

“Có phải đây là chuyện mà tôi nên biết không hả?” Ông Cá Chua hỏi, miệng nở nụ cười muốn bịnh. “Ngẫu nhiên nhà có ông tổ nào đã qua đời hả?”

“Chúa lòng lành ơ, không phải là chuyện như vậy đâu.” Má nói, “Chẳng có gì quan trọng cả. Chỉ là một cuốn sách nhỏ về khoa học có từ lâu rồi. Thật ra thì nó giống một cuốn sách mỏng sơ sài í mà. Mungo cứ hỏi về nó nèo nèo vì...”

Tôi hỏi dồn: “Nếu nó chẳng có gì, tại sao nó làm cho ông ngoại có những hồi ức tệ hại đến nỗi phải liệng nó đi?”

“Mungo, thôi ngay đi! Con muốn ra vẻ khôn ngoan quá hả, má không muốn vậy đâu!”

“Ô-kê, rồi nè! Đừng nổi cơn tam bành lên chứ, bồ tèo ơ!”

Không khí nặng nề thêm, ông Cá Chua chảy mồ hôi ròng ròng như thể ông bước trên chảo của má. Rồi ông nói: “Màu xanh lá cây Sherwood là một sắc màu thú vị.” Ông nói từ “sắc màu” theo một lối được cường điệu, như thể ông nghĩ nó là một từ rất vui nhộn vậy.

Má vội vã tham gia ngay, chắc để ngừa trường hợp tôi lại trở nên chua cay, nhưng tôi không định ra vẻ như thế. Bà nói: “Đúng vậy.” Rồi bà nói với tôi: “Hôm nay con làm chuyện gì khác nữa, hả Mungo?”

“Con kể với má rồi. Con bị Lão Khảm đánh.”

Má nói với ông Cá Chua: “Nó muốn nói cái tiệm trên đường cái. Nó hỗn và phải xưng tội.” Bà nói với tôi: “Làm ơn đừng gọi ông ta như vậy, cưng à. Má muốn nói là sau khi...”

Ông Cá Chua hỏi: “Già Maurice à?”

Tôi hỏi: “Xưng tội hả?”

Má nói: “Có lẽ người ta nên làm việc đó thường xuyên hơn.”

Tôi nói: “Má à! Mấy hôm nay má theo cánh hữu ghê quá, không thể tin nổi.”

Má nhìn tôi chăm chăm như xuyên thấu tim gan. “Con thích uống một ly rượu bồ không hả Mungo? Chắc là con khát lắm rồi.”

“Không đâu, cảm ơn. Rượu bồ thảo được không phải là đồ uống của con.” Tôi liếc nhìn ông Cá Chua xem ông có cười câu nói đùa của tôi không nhưng thậm chí ông không hiểu nổi nó.

CHƯƠNG 10

Vern và Barry tiến vào, kéo lê theo cái mùi London. Không phải. Tôi đang đứng trên sân ga khi tàu tiến vào. Má ngồi trong xe chờ ở bãi đậu. Tôi nhìn những cửa sổ chạy vụt ngang, càng lúc càng chậm dần. Rồi con tàu gầm gừ và ngừng hẳn, những cánh cửa xoang xoảng mở ra, và con tàu biến thành một con cá có mười cái mang. Một vài người xuống tàu: một bà có chiếc xe đẩy hành lý, một cha gần chết chống hai cây gậy. Nhưng không thấy Vern và Barry đâu cả. Tôi chạy dọc theo sân ga, ngó vào các toa. Chỉ còn lại vài người trên tàu, đang đọc báo hay há hốc miệng ngủ. Đến phút cuối cùng không có dân Camden nào xuống tàu.

Kiểu tụi nó là vậy đó. Chắc tụi nó lên nhằm tàu rồi và đang trên đường đến Brighton. Hay cái kiểu thằng Vern hồi nào tới giờ, sáng nay thức dậy nghĩ rằng: đi thăm một thằng tiêu tùng rồi trong cái làng bị thời gian quên lãng để làm gì nhỉ? Nên nó nhắn tin cho Barry và chúng hẹn gặp bù khú với nhau ở Lock thay vì về đây. Chúng không thèm quan tâm gì đến tôi. Tôi là một thằng chết rồi.

Tôi nhìn tay nhân viên tàu lửa thối còi trên sân ga và nhắc cái vệt bóng bàn màu trắng của hắn lên. Cái đuôi tàu màu vàng càng lúc càng nhỏ khi nó biến dần vào sâu trong vùng đất quê mùa, và tôi lắc mạnh đầu để hất đi một giọt nước mắt đọng trên má. Đột nhiên tôi nổi giận. Tôi không thấy thương hại cho mình. Đừng bao giờ là nạn nhân, ba thường nói thế, và giờ đây, theo lời ông, tôi sẽ không bắt đầu trở thành nạn nhân. Một cách nào đó tôi... Rồi má đang đi xuống sân ga, vung vẩy cái điện thoại di động, và tôi dừng dòng suy nghĩ lại. “Mẹ của Vernon mới gọi.” bà nói lớn: “Tụi nó đi trễ. Tụi nó đang trên chuyến tàu kế, vậy là mình phải chờ thêm một giờ nữa. Thiệt là

bực mình. Má sẽ lòng vòng xem các tiệm hàng và thư viện. Con sẽ làm gì nào?”

Tôi cố không tỏ vẻ nhẹ nhõm. “Ô, tốt quá, con sẽ ngồi chơi trong xe chờ vậy.”

Má quay lại xe mười phút trước giờ chuyển tàu sau đến.

Bà ngồi coi những bảng màu sơn và bỏ lơ tôi.

“Thế thì cuốn sách đó có gì quan trọng vậy?” tôi hỏi, nhìn một bên mặt bà để xem phản ứng.

Má thờ dài rồi nhắm mắt lại. “Ước gì má chưa bao giờ nhắc gì về nó.” Má nói. “Chẳng có gì quan trọng cả, đúng vậy, phải không Mungo? Chấm dứt chuyện này nhé.”

“Thế thì tại sao nó lại gọi cho ông những hồi ức tồi tệ chứ?”

“Bởi vì...” Má ngần ngừ. “Bởi vì cha của ông ấy, ông nội của má – Mungo Groves – là một người xuất chúng, khá nổi tiếng và được mọi người kính trọng, và rồi mọi chuyện trở nên tệ đi với ông. Cuối đời ông không được hạnh phúc.”

“Vì sao vậy má?”

“Ông kết thúc đời mình trong một nơi thảm lắm.”

“Ở nhà thương điên à?”

Má thờ dài. “Con trai má thông minh lắm. Ông viết một cuốn sách về đoạn cuối của đời mình và nó làm ông ngoại của con nhớ về thời gian bất hạnh đó, chỉ vậy thôi. Thế nên ông ngoại vứt bỏ nó đi. Sao, thỏa mãn chưa?”

“Chưa. Cuốn sách nói về gì vậy?”

“Các lý thuyết khoa học, như má nhớ được thì về vũ trụ và những thứ như vậy. Giờ thì cảm phiền nhé, má cần phải coi mấy cái bảng màu này.”

Những cánh cổng băng ngang bắt đầu lóe sáng và rúc lên. Tôi mở cửa xe. Má ngược lên nhìn nói: “Hãy vui vẻ cùng nhau nhé, phải không nào? Con có dự định gì rồi?”

“Không có gì nhiều lắm.” tôi đáp, và bước xuống xe.

Trở lại sân ga, thoát đầu tôi nghĩ rằng Vern và Barry cũng trễ mất chuyến tàu này. Bọn người vớ vẩn thông thường xuống tàu, tay nhân viên dưới sân ga thối còi, và tôi quay trở lại lối ra, cảm thấy mắt mình lại bắt đầu cay lên. Rồi có chuyện gì bất thường. Tay nhân viên sân ga la lên: “Đóng cửa lại! Lên lại tàu đi!”

Tôi ngoái lại. Phía dưới xa của sân ga, một cánh cửa mở ra. Hai thằng nhóc nhảy ra khỏi toa tàu, mang ba-lô và một chai nước to. Một thằng la to: “Chờ đã. Đây có phải...? Đang ở đâu đây?” Thằng nhóc đang la là Vern, thằng kia là Barry. Tôi biết chúng tôi phải làm gì.

Tôi chạy dọc theo sân ga. Tôi vừa ghi một bàn. Vạch sơn dọc theo sân ga là đường biên ở sân vận động Emirates. Vern và Barry là đồng đội của tôi. Chúng vừa đưa banh cho tôi làm bàn, một đường banh một chạm giữa chúng tôi với nhau, một đường chuyền sà, tôi phóng người lao đến đánh đầu vào góc hẹp. Tôi chạy thẳng một mạch đến tận mặt chúng, vươn trán đến trước và dang tay ra để chúng tôi kết hợp lại với nhau và biểu diễn một cú ăn mừng bàn thắng.

Vern bước lui cười khúc khích, vỗ hai tay như thể nó đang xua đám ong độc. “Ê nè bồ tèo, đội rồi phải không?”

Barry đang nhìn sân ga. Hắn nói: “Vern đang phê phê đó.”

Tôi thông tay hai bên hông. Tôi thấy mình dần quá, giống lần tôi chơi trò biểu diễn Tượng Thần Tự Do trước mặt thằng Mungo vậy. “Ồ, không.” tôi nói.

Barry nói: “Nó chui vào phòng vệ sinh chơi mấy thứ mà nó chôm được của má nó.”

Vern cười khúc khích rồi giơ tay làm động tác chạm một cú dấm lưng chùng trên đầu. “Ồ, đã vậy đó.”

Tôi nhặt chai nước và ba-lô của Vern lên. “Thứ hàng gì vậy?”

“Lát nữa tao sẽ cho mày một ít.” Vern vỗ vỗ vào túi quần trước rồi nháy mắt với tôi.

“Nè, cẩn thận đừng để má tao biết nhé? Mình phải về nhà trước. Rồi đi chơi sau.”

“Mình sẽ chơi trò gì đây? Ăn trộm bò hả?” Vern lại cười khúc khích.

Barry nói: “Vern!” và qua cái cách nó nói thì tôi hiểu, đó là chuyện mà chúng đã bàn với nhau trên tàu. Chúng đã ngó ra ngoài cửa sổ thấy những cánh đồng và bò, và chúng nói: Có cái gì để chơi ở dưới kia nhỉ? Ngoài cái vụ ăn trộm bò ra. Rồi chúng cùng cười rữ ra với nhau, và Barry nói: Đừng nói vậy với Mungo, nó sẽ giận đó. Và việc đầu tiên mà Vern làm là nói điều đó với tôi. Cái kiểu của Vern là vậy.

Vern rất ngoan khi ngồi trong xe. Thật đáng ngạc nhiên khi nó làm được như vậy. Mới phút trước cà tưng như khi, phút sau thành một Thiếu gia Khả kính. Khi chúng lên xe, má nói: “Chào các chàng trai. Gặp lại hai cháu thiệt là vui. Mungo nó mong hai cháu lắm.”

Barry chỉ chào lại: “Chào cô.” rồi ngó xuống đôi giày của nó, còn Vern thì nói: “Bọn cháu cũng rất vui được gặp lại cô, cô McFall à.”

Má nói: “Cám ơn cháu, Vernon.”

Thằng Vern này, nó đúng là một tay điệu đàn, miệng lưỡi cứ ngọt lịm như đường phèn.

Tôi ngồi ở ghế sau với Vern, Barry ngồi trước kế bên má. Trời nắng và nhiều gió. Chúng tôi hạ kính xe xuống và tiếng máy của chiếc Skoda dội lại từ những hàng rào trong khi chúng tôi chạy lên con đường dẫn về ngôi nhà vườn. Gió thổi tóc chúng tôi bay bay, đặc biệt là tóc của Vern. Má cố lớn tiếng hỏi Vern về chiến trường nào ba nó đang làm phóng sự trong lúc này, nhưng không ai có thể nghe rõ nên bà thôi hỏi, rồi chúng tôi không ai nói năng gì nữa. Tôi cứ ngó cái ba-lô của Vern, tự hỏi trong đó có bình xịt sơn không, không biết nó có nhớ mang theo một cái không đấy.

Gặp lại Barry và nó quả thật là kỳ quái. Chúng nó vừa giống như trước vừa khác lạ. Tóc của Vern dài hơn một tí, còn Barry trông mập hơn. Nhưng chuyện không phải chỉ có thế. Chúng như hai bản sao của nhau. Rất dễ nhận ra, chúng nói chuyện giống y nhau, ăn mặc áo quần giống y nhau. Nhưng chúng không hoàn toàn là mình.

Chúng không nhìn thẳng vào mắt tôi, đó là điều tiết lộ tính chất bản sao. Và chúng nhìn (tôi muốn nói nhìn mà không nhìn - chỉ liếc) tôi như thể tôi cũng là một bản sao, một bản sao của tôi được làm bằng rơm rạ và cứt bò. Tôi có cảm giác rằng chuyện này có dính líu với Mungo. Việc tôi gặp Mungo đã làm thay đổi tôi, cho tôi một bí mật mà chúng không biết, và Vern và Barry cảm nhận được sự thay đổi đó. Nếu gặp Mungo thì chúng sẽ xem hăn như thế nào nhỉ? Chúng sẽ cười nhạo hăn, và thật vậy, hăn trông giống như cái kiểu thẳng mán nhà quê đến Camden mới một ngày và mua một gói cỏ khô với giá ba mươi pao mà nghĩ rằng đó là cần sa. Nhưng ở hăn có thứ khác - những trò bịp điên rồ - mà rất chiến theo kiểu riêng. Nửa nhà quê, nửa kỳ quặc. Có thể tôi đang trở nên giống hăn. Vern và Barry vẫn là dân Camden ngon lành nhưng tôi đã biến đổi mình thành một tay ăn trộm bò đến quá nửa.

Giờ đây tôi chỉ băn khoăn về việc mới có vài tuần thôi mà cuộc đời mình đã thay đổi đến thế nào bởi vì Vern và Barry là mấy tay bạn đời của tôi. Chỉ còn bốn tuần nữa là đến cuối mùa nghỉ hè. Tôi đã thấy ngôi trường mới của mình, nó giống như một trại lính - đến cả má mà còn cho là như vậy - và tôi không thấy mình hợp với nó chút nào. Có lẽ tôi phải để tóc rẽ ngôi giữa và mặc hàng dờm đã lỗi một cả hai chục năm thì tôi mới không là tay nổi bật. Và khi đó tôi sẽ rất ngượng nếu gặp lại Vern và Barry, hay nếu gặp lại thì chúng sẽ gọi tôi là đồ quê mùa. Và chuyện này sẽ là thật. Từ từ, như trong một cuốn phim khoa học giả tưởng mà ban đầu bạn không để ý đến mọi chuyện, tôi hăn sẽ biến thành một kẻ nào khác. Chẳng mấy chốc tôi sẽ trở nên giống như Mungo, tôi sẽ bắt đầu có những ý nghĩ cực đoan về dân đồng tính.

Rồi trong lòng tôi nổi giận. Tôi sẽ cho chúng thấy rằng ở vùng này còn nhiều chuyện để làm chứ không chỉ ăn trộm bò và làm nhục những kẻ đồng tính. Với một ngôi nhà và một cái giếng, tôi sẽ làm cho chúng bạt vía.

Chúng tôi bỏ đồ đạc lại nhà rồi tôi nói rằng cả bọn sẽ đi chơi. Má hỏi đi đâu, tôi đáp chưa biết, chỉ la cà đâu đó đã. “Tốt, đừng làm trò gì ngu xuẩn

nhé.” bà nói. “Mấy đứa biết đó, giờ thì mấy đứa không còn ở Camden đâu nhé.” Vern cười khắc khắc.

Chúng tôi phải đi bộ vì tôi không có chiếc xe đạp dư nào. Vern hỏi: “Không có xe buýt à?”

Tôi lắc đầu và bước ra khỏi lối vào nhà. “Mình đến cái chỗ thú vị này nghen. Tụi bây không tin nổi đâu. Đi thì hơi phê một chút, nhưng đáng công lắm.” Tôi quay lại chờ chúng đi lên cho kịp mình, rồi tôi nói với Vern: “Ê, mà y có mang theo cái bình xịt sơn mà tao nhắn tin không?”

“Bạn hiền, cái gì vậy, nói lại đi?”

“Cái bình xịt sơn.”

“Mày đâu có nhắn tin gì về bình xịt sơn nào đâu?”

“Có tiếng gì vậy?” Barry hỏi.

Tôi lắng nghe. Tôi không nghe thấy gì cả ngoài tiếng chim chóc, nhưng tôi mừng vì có chuyện để làm tôi không phải nghĩ rằng Vern là một thằng nói dối tồi tệ và vô dụng. “Tiếng gì đâu?” tôi hỏi.

Barry dừng lại, nghiêng đầu qua phía cái hàng rào: “Đó kìa.”

“Cái gì đâu? Cái tiếng riiiiii riiiiii đó hả? Cào cào đó cha nội ời.”

Vern thúc cùi chỏ Barry và nói: “Tao trân trọng thông báo cho mày biết là mày đã rớt bài thi để trở thành thân hữu danh dự của các ngài thờ phượng cứt bò rồi à nghen.”

Chúng tôi cứ bước tiếp. “Mọi chuyện thế nào? Có gì vui không?” tôi hỏi Vern.

“Chẳng có gì đáng kể. À nè, mày biết nhỏ Sue Blass chứ?”

“Tất nhiên là biết.”

“À, tao quên mất chuyện mày với nó.” Nó ba xạo.

Nó từng ghen với tôi như quý.

“Nhỏ đó là con cà chớn,” Barry nói.

“Sao vậy?” tôi hỏi.

“Vì nó đang chơi trò tí tởn với anh thằng Barry,” Vern đáp, nhìn tôi cười khặc khặc.

“Nhưng chả đã hai mươi hai rồi.” tôi nói.

“Đúng vậy. Thì đã sao?”

“Chả đã hai mươi ba.” Barry nói.

Chúng tôi phải bước lên lề đường khi có một chiếc xe chạy ngang. Hai phút sau lại có thêm một chiếc khác làm chúng tôi lại phải dừng chân, vụ này làm Vern bực mình điên lên. Đó là chiếc Discovery. Nó là xe của cha nội Cá Chua. “Ồ, không.” tôi buột miệng và cúi đầu xuống.

“Cha nội nào đó?” Vern hỏi.

“Cha này khoái má tao. Chả là một tay cà chớn lắm.”

“Tao mới giơ ngón tay ra dấu chửi chả,” Vern nói.

“Chiến lắm.”

Chúng tôi tán thêm một hồi, rồi Vern nói: “Chán quá đi.” Barry co căng đá một hòn đá văng tung.

Lẽ ra tôi nện cho Vern một cú. Bốp. Cú này là cho cái tội quên cái bình xịt sơn và không chịu để ý cóc khô gì cả. Thêm một cú đúp cho phù mỏ. Cú đó là vì nó chỉ kể với tôi về nhỏ Sue Blass để chọc quê tôi, và dù sao đi nữa cũng nên có một đạo luật chống lại việc một thằng hai mươi ba tuổi đi rù các em cỡ Sue Blass trên trần gian này. Nhưng tôi bình tĩnh lại. “Ráng chút nữa đi,” tôi nói, “sẽ đáng công lắm mà, tao hứa.”

Barry lại co căng sút một hòn đá khác.

Đi lộn chỗ rồi, tôi biết ngay điều đó khi chúng tôi lên được đỉnh đồi. Đúng là có một thung lũng, mở rộng phía trước mặt chúng tôi giống như một chiếc đĩa màu xanh và vàng, lung linh mờ ảo trong màn hơi nóng. Vern chống nạnh nói: “Chúa tể của những chiếc nhẫn hay cái giống gì đây?” Đó là cái cách hăn nói “chiến quá” nhưng tôi hầu như không để ý vì tôi đã thấy những thứ dưới chân đồi: cái kho thóc bằng kim loại và hàng rào bảo vệ của cái công ty phân bón toàn cầu của gia đình Cá Chua.

Barry hỏi: “Tiếng động gì vậy?”

Vern nói: “Thôi rồi, lại nữa rồi. Chắc đó là một con khủng long săn mồi tốc độ đang nhào tới đây để bắt thằng Barry bởi vì tụi đó thích cái đầu tóc nhộp nhộp. Mà có mấy con đó ở vùng này không mậy, Mung?”

“Có chứ. Mấy con bự tổ bố vàng khè.”

Vern cười hô hố nhưng tôi đang bận rộn dò phải và trái, cố tìm cho ra đường tới Ngôi Nhà Thung Lũng Hạnh Phúc.

“Không, nghe nè,” Barry nói. “Có tiếng gì quang quác.”

Vern nghe ngóng: “Tiếng gà chứ gì.” Hắn gập khuỷu tay vào hai bên hông vỗ vỗ và giả làm tiếng gà kêu. “Ê, tụi mày có biết không, ở nông thôn có nhiều gà hơn là người ta. Gà cai quản chuồng gà.” Rồi hắn chợt nghĩ ra là mình có thể nói tếu: “Hiểu chưa? Tao biết là mày hồng hiểu đâu, thằng quỷ Barry à. Cái chỗ tụi mình sắp tới là ở đâu vậy? Tao đang chán mớ đời rồi, nói thiệt đó.”

“Hay là vậy, tụi bây nè,” tôi nói. “Hay là đổi kế hoạch đi, nghen? Giờ mình trở về nhà vườn nghe nhạc, chịu không?”

Vern nhượng mày, nói tiếng Tây-Ban-Nha: “Que?” (Cái gì vậy?)

Tôi chỉ xuống đời nói: “Tuốt dưới đó kìa. Tao đã không nhớ là nó xa tới vậy. Chắc phải đi bằng xe hơi mới tới đó được, mà cũng không có giống gì hay ho cho lắm đâu.”

“Vậy thì thôi,” Vern có vẻ bực mình.

Liếc nhanh qua Vern để chắc hẳn đồng tình, Barry phọt ra: “Thật là tệ như cứt bò.”

“Vây mới đúng nè,” Vern tiếp lời ngay. “Đây là một cái quận cứt bò. Đưa tao ra lẹ ra khỏi cái quận cứt bò này ngay trước khi tao biến thành một tay nhà quê cứt bò bi giờ.”

Trên đường trở về ngôi nhà Lòng Chảo tôi đi phía trước Vern và Barry để chúng không thể nhìn thấy mặt mình, khuôn mặt đang căng cứng và đỏ ửng, tôi không thể kèm được môi dưới run lên từng chập. Khi nào thì cái ngày quê độ kinh khủng này mới chấm dứt đây, và hai thằng bạn mà tôi đã mất mãi mãi sẽ trở lên tàu để trở về nơi lành mạnh và văn minh được biết tới là

London, tôi phải hành động quyết liệt lên. Tôi sẽ chuẩn đi trước khi đời sống quê mùa và sự cô độc hủy hoại vĩnh viễn bộ óc của mình.

Tôi bước lên bờ đường để cho một chiếc xe chạy vượt qua. Đằng sau tôi, Vern và Barry đã chơi cú gì đó với chiếc xe mà tôi không thấy được. Chiếc xe bấm còi và Vern la lên “Đồ bí rợ ngu gậy.”

Giờ thì Vern và Barry có đầy đủ chứng cứ để xác quyết rằng tôi đã chết, còn tụi nó thì sống nhăn răng. Có thể thấy chúng đang sống qua cái cách tụi nó lạng lẽ thì thào với nhau, và tiếng cười rộ của chúng. Và tụi nó đúng, tôi đã chết ngắc trong lòng rồi. Nhưng vẫn chưa quá trễ. Tôi lại nghĩ tới lời ba nói đừng bao giờ trở thành nạn nhân, và tôi biết mình phải làm gì.

Vern nói: “Ê tụi bây, đoán thử coi cái gì nè?” Hấn lấy từ trong túi quần jeans ra một cái chai và lắc lắc: shuh shuh shuh. “Tới giờ uống thuốc rồi.”

Cả bọn đang ngồi trong phòng ngủ của tôi nghe nhạc. Má vẫn còn ở cửa hàng từ thiện và Vern mới lập lại là hấn đang chán phèo như chó ngáp ruồi. Hấn đưa cao cái chai lên.

“Cái gì vậy?” tôi hỏi.

“Ê, cần phải biết nguyên tắc cơ bản chứ, phải không? Mà chỉ cần biết là, nó ác liệt lắm à nghe.”

“Mày chơi mấy bi lộn?” tôi thắc mắc.

“Chơi ba bi là đủ thắng hết biết rồi.”

Tôi nghĩ: ít ra vụ này sẽ nhanh lẹ hơn Kế hoạch A.

Vern mở nắp chai. Tôi đưa tay phải ra, Vern lắc ba viên thuốc vào lòng bàn tay tôi. “Tao đi lấy ít nước.” tôi nói.

CHƯƠNG 11

Tôi bỏ mấy viên thuốc lên mặt bàn bếp trong khi rót nước. Tôi nhìn mấy viên thuốc, nhặt một viên lên, bỏ vào miệng. Có lẽ nó sẽ làm tôi cảm thấy khá hơn. Biết đâu nó làm cho Vern và Barry thích tôi trở lại. Tay tôi run run, cổ họng tôi khô khốc. Tôi lo là Vern có thể theo tôi xuống đây, đứng canh để biết chắc là tôi đã nuốt mấy viên thuốc. Tôi lảng tai nhưng không nghe gì khác ngoài tiếng dội nhẹ mơ hồ của máy CD trong phòng ngủ của tôi. Tôi bỏ viên thuốc lại cạnh hai viên kia và uống một ngụm nước. Tôi làm thật lẹ, trước khi có cơ hội để đổi ý.

Gạt mấy viên thuốc khỏi mặt bàn bếp vào lòng bàn tay, tôi biểu diễn một chiêu cầu thủ Thierry Henry xoay người vọt ngang qua căn bếp, đập chân xuống cái bàn đập của thùng rác, rồi vứt mấy viên thuốc vào giữa mấy miếng vỏ bánh mì nướng bỏ đi sau bữa ăn sáng. Rồi lấy một ly nước trở lên phòng ngủ, tôi tự hỏi Barry có ngu đến nỗi chịu nuốt mấy viên thuốc phần hăn hay không.

Barry đang ngồi trên cạnh giường, mặt không vui vẻ gì, tay duỗi ra cầm mấy viên thuốc. Vern gật đầu ra hiệu cho tôi đưa Barry ly nước, rồi nhướn mày nói: “Tao hy vọng Mungo đã không tệ tới nỗi lén vứt đi mấy viên thuốc của hăn khi ở dưới nhà.”

“Hồng có chuyện đó đâu.” tôi đáp ngay, nhưng cảm thấy mặt đỏ bừng.

Vern và tôi ngó Barry nuốt ực mấy viên thuốc của hăn.

Vern cũng tự nuốt bốn viên. Trong lúc thuốc trôi xuống, hăn nói: “Một - không, hai - không, ba - không, bốn - không. Wowww, đã đời rồi.”

Không đứa nào nói năng gì trong một lúc khá lâu. Chỉ có tiếng nhạc. Một ban nhạc có tên là Piltown Git mà ba tôi đã thực hiện việc sản xuất. Tiếng nhạc của họ nghe giống như tiếng cửa máy và tiếng xe tải thùng đang de lui. Tất cả mọi thứ - căn phòng, Vern và Barry, tiếng nhạc - chợt như vừa xa tít lại vừa thật gần. Tôi thấy như là mình đã chơi thuốc, mặc dù tôi đã liệng chúng vào thùng rác rồi. Tôi băn khoăn không biết có khi nào tác dụng của mấy viên thuốc có thể thấm qua làn da tay rồi vào trong mạch máu mình không.

Vern cười khúc khích, phá vỡ sự im lặng. “Nè Mungo,” hắn nói, “có nhớ khi cái thằng nhóc khùng đó nhổ phẹt trứng mày ở con kênh không?”

“Ừ, nhớ chứ mậy.” Đó là lần đầu tiên chúng tôi nói về thằng Khạc Đờm. Trong khoảnh khắc đó tất cả mọi chuyện hiện về thật rõ. Cái mùi của thân thể hắn khi tôi đang bị khóa đầu. Đôi giày thể thao rẻ tiền của hắn. Cái cách hắn chịu đòn khi tôi đánh, cái cảm giác tay tôi chạm vào mặt hắn, mềm và cứng, trên khớp ngón tay tôi. Năm tay tôi đã đau cả mấy ngày sau như thế nào. Má đã nghĩ tôi là một thằng nhóc hồn nhiên hiền lành như thế nào. Cái cảm giác tôi không biết chắc rằng mình chưa giết thằng Khạc Đờm chết và suốt đời tôi sẽ trong trạng thái chờ đợi tiếng chuông cửa reo lên và đó là mấy tay cớm:

Anh là Mungo McFall? Anh đã cư ngụ ở đại lộ Gloucester, Camden Town trong năm 2006? Chúng tôi phát minh ra một cách điều tra tội phạm mới và giờ đây chúng tôi khám phá ra rằng anh là kẻ đã giết thằng bé bị bệnh suyễn ở Kênh Regent's nhiều năm trước.

Tôi lại đỏ mặt, chợt cảm thấy nóng rần lên. Cảm thấy rất bực Vern, vì hắn đã chọc ngoáy vào tất cả những chỗ yếu nhược và đau đớn của tôi.

“Cái vể mặt mày bị đờm dãi chảy bê bết từ mái tóc.” Vern nói tiếp. “Mày nhớ không hả, Quái thú?”

Barry nói: “Ừ, nhớ. Tao gặp thằng ngố đó mấy lần quanh khu Lock. Hắn vẫn phát tờ rơi cho cái tiệm xăm mình. Hắn có thấy tao nhưng hắn không biết tao là ai đâu.”

“Mày chưa kể chuyện đó với tao.” tôi nói với Barry. “Mày có gặp thằng Khắc Đờm sau hôm đó hả? Đúng vậy không, hả Quái thú?”

“Ừ, đúng.”

Tôi chưa giết hẳn! Thằng Khắc Đờm vẫn còn sống! Cảm thấy thật nhẹ nhõm và mừng quá, tôi nói: “Tụi mày có còn tới coi mấy con sói ở công viên không?”

Barry nói: “Không.”

Vern nói: “Tụi tao chẳng bao giờ tới coi mấy con sói đó ngoại trừ những lúc mày muốn thôi. Đó là cái thói nhảm nhí quái đản của mày.”

“Tụi mày nên tới coi. Nhìn vào mắt tụi nó. Những đôi mắt màu vàng của chúng thật là ác liệt. Chúng giống như mấy viên đá cẩm thạch cũ mà người ta bán ở khu Lock.”

Vern khặc khặc, nói: “Mày đang làm nhảm cái giống gì vậy hả, thằng nhà quê? Tao nghĩ mấy viên thuốc có ép-phê rồi, bồ tèo ơi. Mày có thấy phê không?”

“Phê chứ.” Tôi nói, giọng giả bộ nhừa nhựa như đang buồn ngủ. “Ê, tụi mày có còn nhớ đôi giày của ba tao không?”

“Ừ, nhớ chứ mậy.” Vern đáp. “Đôi giày đó lúc nào cũng thật là chiến.”

“Tụi mày muốn coi không?”

Tôi đi qua phòng của má, cảm thấy vui hơn nhiều so với tưởng tượng của tôi hai tiếng đồng hồ trước khi chúng tôi trở về sau cuộc tìm kiếm không thành Ngôi Nhà Thung Lũng Hạnh Phúc. Tôi đang định đem đôi giày nổi tiếng của ba ra khoe với tụi nó. Nhưng tôi không tìm ra. Quỳ xuống, một tay để trên giường, tôi ngó xuống bên dưới, quét cây đèn pin vòng quanh. Trong bóng tối, bụi phủ đầy khoảng trống, tôi thấy mấy cái khăn giấy nhàu nhò, một ống thuốc xịt mũi, một quyển sách, và một cái hộp nhựa mỏng, nhưng không có đôi giày da báo đế kép, cỡ số 10 của Anh, ba mua ở tiệm Doc Marten gần góc phố từ trạm tàu điện ngầm Camden và ông đã mang hoài hoài luôn cho tới khi ông phải vào bệnh viện và má mua cho ông đôi dép kẻ

sọc xấu thấy ghê, đôi dép mà ba dùng để lê vào trong nhà vệ sinh. Chính ba tôi dùng nó, kẻ đã quá cố thuộc dòng họ Gerald, tên là Gerry, Mc Fall.

Cánh cửa phòng ngủ của má mở ra, rồi Vern bước vào. “Ồn mà,” tôi nói. “Tao sẽ trở lại ngay.” Tôi thấy không thích hấn vào phòng má và muốn đuổi hấn ra ngay.

Một cái áo ngực của má nằm trên sàn nhà. Vern lấy chân phải móc nó lên rồi làm điệu sút một cú vô-lê vào vách tường phía xa. “Fabregas^[19] nè. Một-không.” Chiếc áo ngực mắc lại ở chân hấn. Hấn lắc chân, cố hất nó ra, rồi cúi xuống và gỡ nó ra khỏi ngón chân. Hấn ướm nó lên ngực và bắt đầu nhảy cà tưng lẫng quẫng như một con rối.

Barry hiện ra ở cửa. “Caaaái khi gì mà dzuiiii dzậyyyyy bây?”

Vern đáp: “Mung là thằng lại cái khoái mặc đồ đàn bà, mà y hông biết hả?”

“Còn mà?”

“Tao cũng vậy.”

“Thiệt vậy à?”

“Tất nhiên là không rồi, thằng ngốc như bò ạ.”

“Thôi dẹp đi tụi mà,” tôi nói, “về phòng tao đi rồi tao sẽ đem đôi giày qua.”

“Tụi tao muốn xem ở đây,” Vern nói, “Có phải không, Quái thú?”

“Ừ, xem ở đây,” Barry nói.

Chiến cuộc đã dòi qua phòng má và tôi chẳng thể làm cách nào để mang nó trở lại phòng mình. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay. Má có thể trở về bất cứ lúc nào, tùy vào việc bà định về nhà ăn trưa hay ăn ở Bickleigh. “Ê, tụi bây,” tôi nói, “má tao sẽ về nhà liền bây giờ đó, và lúc này bà đang phát xít lắm đó.”

“Thì sao chứ?” Vern nói, “Mình sẽ nghe tiếng bà, phải hông nào?”

Vern biết rằng điều đó quậy tôi, vì thế hấn muốn làm tới. Đó là kiểu của Vern. Tôi quyết định không nhắc nhở tới chuyện này nữa và hy vọng tụi nó sẽ chán rồi trở về phòng tôi nghe nhạc. Trong lúc đó, tôi tiếp tục tìm đôi giày. Sau khi quét thêm một lần nữa dưới gầm giường, tôi để ý tới cái tủ

ngăn, lôi ra mớ quần lót và áo ngực, áo len đan và quần lửng và kẹp tóc. Nhưng không có đôi giày đâu cả.

Tôi chợt có cảm giác thật kinh khủng là má đã vất chúng rồi. Hoảng quá, nhưng tôi cố gắng không để lộ ra. Có lẽ, khi má nói bà sẽ trang hoàng lại ngôi nhà vì bà không chịu được việc sống với những hồn ma, là má có ý nói hồn ma của ba cũng như của ông bà ngoại. Tôi trở lại giường. Tôi biết rằng vô vọng nhưng một phần trong tôi nghĩ rằng có thể, một cách huyền hoặc nào đó, biết đâu đôi giày lại hiện ra ở đó. Tôi lơ đãng không thấy bây giờ Vern đang đội cái quần lót của má trên đầu. Lần này tôi với tay xuống gầm giường và lôi ra từng món một để không bỏ sót thứ gì - khăn giấy cũ, chai thuốc xịt mũi, quyển sách có tựa đề là *Đương Đầu Với Sự Mất Mát*, cái hộp nhựa mỏng. Kết quả vẫn như cũ.

Vẫn với cái quần lót trên đầu, Vern đang nhảy múa lăng quăng, cánh tay dang ra như một cô tiên. Hẳn nghĩ mình đang làm trò khi tếu lảm, nhưng hẳn chỉ có vẻ rất thảm hại. Điều làm tôi bức mình là hẳn đội cái quần lót của má như đội cái mũ, nhưng tôi biết hẳn đang làm điều đó để chọc tức tôi bởi tôi chẳng chịu lên tiếng. Tôi tự hỏi không biết mấy viên thuốc có tác động lên hẳn không hay hẳn chỉ giả bộ bị say thuốc.

Barry ngó vào cái tủ ngăn mà tôi đã xem trong đó rồi. Hẳn lôi ra một tấm hình của ba, chụp từ trước khi tôi ra đời. Ông đang ở trên bờ biển vào mùa đông, mặc một cái áo khoác dài, loại áo khoác mà người ta gọi là hàng Afghan, ông đang mỉm cười và đang hút thuốc. “Ai đây?” Barry hỏi.

“Mày nghĩ là ai chứ?” tôi đáp, “Cất nó lại đi. Tao đã tìm trong đó rồi.”

Barry nhún vai, bỏ tấm hình trở lại vào ngăn kéo và nhìn đồng hồ đeo tay. Nếu có hòn đá nào trong phòng má, thì hẳn đã sút bay từng rồi.

Cái tủ áo là cơ hội cuối cùng của tôi. Để bước tới đó tôi phải lội qua những thứ từ trong tủ ngăn mà tôi đã lấy ra rồi vất đầy trên sàn nhà. Tôi sẽ xếp dọn chúng lại sau. Tôi quỳ xuống và lôi ra thêm một số món khác: một cái mền lông vịt, một cái bệ đặt máy tính, một cái chụp đèn, một cái máy sấy tóc, một con gấu nhồi bông cũ của má khi bà còn cột tóc đuôi sam, một đôi dép kẹp, một chai kem chống nắng màu xanh da trời đã bị chảy ra,

dính bầy nhầy, cái túi xách tay mà má đã mang trong ngày chúng tôi rải tro của ba, đôi giày của ba...

Đôi giày của ba nằm dưới cái túi xách.

“Kiếm được rồi,” tôi reo lên, nhưng khi nói điều đó tôi liền cảm thấy giận dữ và buồn về chuyện đã xảy ra cho một trong hai chiếc kể từ khi tôi thấy chúng lần sau cùng. Tôi tiếp tục đứng đó, lưng quay về phía phòng.

“Nào, ngó cái coi.” Barry nói.

“Blu- blu, giày da báo.” Vern hát nghêu ngao, nhảy cà tưng xung quanh.

“Quên nó đi,” tôi nói, “dù sao cũng là một ý tưởng ngu xuẩn.”

“Kìa, thôi mà,” Barry nói, hấn đứng ngay cạnh tôi và ngó xuống đáy tủ. “Đưa cho tao coi, thẳng khi.”

Tôi nhún vai rồi đưa cho Barry đôi giày. Hấn dọn dẹp một khoảng trống ở giữa phòng, lấy chân hất mớ quần áo và những thứ khác qua một bên, và đặt đôi giày xuống đó. Vern cũng quỳ xuống và chiêm ngưỡng đôi giày, vẩy vẩy tay với chúng như tụi tôi đã làm với Thierry Henry. Tôi không nói một lời. Tôi không thể hiểu được rằng hấn đang giả bộ làm trò khi hay thật sự nghĩ rằng đôi giày quá chiến.

Hơn nữa, có vẻ như cả Vern lẫn Barry đều không nhận ra sự hiển nhiên, điều đã nện ngay vào giữa trán tôi và làm cho bụng tôi đau quặn thắt: một chiếc giày đã bị hư. Sau lần cuối cùng tôi nhìn thấy đôi giày, bốn ngày trước, kem chống nắng đã chảy lên chiếc giày bên trái và làm ố da báo, một vết bẩn gớm ghiếc màu xám xịt.

Tôi cố gắng chùi nó bằng khăn giấy nhưng chỉ làm nó tệ hơn, làm cho những vết xám loang rộng ra thêm và những đốm nhỏ tí bằng khăn giấy rách bám trên màu vàng và đen. Tôi bỗng chú ý đến một cái vé tàu điện cũ mà tôi đã tìm được trong chiếc giày bên phải. Nó đã được mua ở vườn Covent vào ngày 7 tháng Tư 2004 và giá là 1,30 bảng Anh, vậy là má đã chưa được đi xa. Hay có thể nó là của ba và ông đã mua cái vé khi đang mang đôi giày này. Tôi tưởng tượng ra ông đứng ở máy bán vé, đang lục tìm tiền, trong khi người qua đường bước nghiêng qua ngó vào đôi chân hào nhoáng, hết sức bảnh của ông.

Nếu tôi ở trong cái thế giới bé nhỏ của chính mình vào lúc đó, thì Vern cùng Barry cũng vậy. Tụi nó nhanh chóng mất hứng với đôi giày và bây giờ đang ở cạnh giường của má, cười khúc khích và thì thầm với nhau. Tôi chỉ mong tụi nó chán và trở về phòng tôi để tôi có thể ở một mình với chiếc giày bị hỏng, nhưng tôi biết là chẳng bao giờ chúng làm điều đó nếu tôi đề nghị chúng.

Cho nên tôi chỉ tiếp tục việc đang làm. Tôi bỏ cái vé vào trong túi, lấy cái lược chải tóc của má từ trên mặt cái tủ ngăn và cố gắng chải đi cái chỗ bị hư hai lần trên chiếc giày do kem chống nắng và bị tôi chà xát hồi nãy. Nhưng cũng không có hiệu quả gì cả, mà chỉ làm các vết xám loang ra thêm thôi. Tôi chải tay mạnh hơn. Bây giờ các vết xám nhập vào nhau. Mạnh hơn, mạnh hơn nữa. Mấy cái sọc xám hòa vào nhau. Tôi ngừng chải. Ngay ở mũi giày, lớp da báo biến mất. Chỗ đó nhìn giống như da chuột hơn.

Tôi đã làm cái việc bạn sẽ làm với một con chuột. Tôi quăng mạnh chiếc giày vào vách tường. Nó chạm phải cái góc của bức tranh màu nước được đóng khung mà ông ngoại đã vẽ, một cảnh quê mùa tiêu biểu về một căn nhà tranh và dòng suối. Bức tranh rơi xuống, kính bể nát.

Tôi nằm vật xuống, úp mặt trên giường má.

Yên lặng, rồi có tiếng cười khúc khích đang được nén lại. Vern và Barry đang cười tôi. Vern nói giữa những tiếng khúc khích: “Ê, Mung, bình tĩnh nào? Chỉ là do mấy viên thuốc thôi. Chỉ là, giống như, mấy chiếc giày, hiểu tao nói gì không?”

Tôi xoay người lại và ngồi lên. Vern vẫn còn đội cái quần lót trên đầu. Hắn còn mang cả cái áo ngực ra ngoài áo thun. Cái chụp ngực rộng, nhả nhúm nhìn thật là lố bịch. “Mày không còn trò gì cả à, phải không?” tôi hỏi.

“Cái gì?” Vern nói, nó cầu cứu Barry. “Tao chỉ cố gắng làm cho mọi chuyện êm đẹp thôi, đúng không?”

“Vậy thì tốt,” tôi nói, tôi đã cảm thấy mắc cỡ vì việc chịu thua và ném chiếc giày vào tường. Tôi tưởng tượng cảnh Vern và Barry bàn với nhau về sự việc này trên chuyến tàu trở về London và dùng nó như một bằng chứng rằng tôi đã thay đổi. Tôi có thể trở thành một thằng nhà quê loạn trí, kẻ mà

tụi nó không bao giờ muốn gặp lại. Chắc là tụi nó đúng. Tôi chỉ muốn cái ngày đau khổ này chấm dứt. Nhưng nó sắp trở nên tệ hại hơn.

Tệ hại hơn nhiều.

Vern nói: “Ê, Mung, đoán xem tụi tao mới tìm được cái gì?” Vern đang cố làm tôi vui lên, hẳn có cái giọng đó trong tiếng nói của hẳn. Tôi không trả lời và hẳn nói: “Được rồi, khi nào chữ F trong UFO^[20] không có nghĩa là 'Flying (bay)’”

Tôi vẫn không trả lời. Rồi hẳn quát mạnh vào tai tôi bằng một thứ gì đó lạnh và đàn hồi.

“Ui da,” tôi la lên.

Thoạt đầu tôi đã không hiểu gì cả. Một tay Vern đang cầm cái hộp nhựa mỏng mà tôi đã thấy dưới giường má. Cái hộp mở ra và trống rỗng và thứ nó đựng nằm trong tay bên kia của Vern: một cái đĩa cao su có cái vành dày. Vern huơ nó trước mặt tôi. Nó giống như là một phi thuyền, một cái đĩa nhựa đồ chơi, một con sứa. Nó có cái màu trắng nhàn nhạt giống bao tay của mấy ông bác sĩ khi họ dùng để khám móng đất bạn. Và nó cũng có mùi giống như vậy (không phải mùi móng đất nhưng mùi bệnh viện và thuốc khử trùng).

Tôi cầm lấy một bên vành của nó và lắc lắc, nhìn ngắm nó. Tôi hết sức ngu, tôi đã không hiểu được ngay lúc đó, tôi chỉ cảm nhận về nó. Cái cảm nhận y hệt hồi tôi với ba, khi tôi chừng sáu tuổi, và ông dắt tôi tới tiệm cắt tóc đàn ông kiểu lỗi thời ở khu Tufnell Park.

Ông thợ cắt tóc bơm cái ghế lên cao cho tới khi tôi nhìn được tất cả đồ nghề của ông ta đang được bày biện xung quanh cái gương trước mặt tôi. Một bức hình của đội bóng Arsenal từ trước khi tôi ra đời. Những bưu thiếp có in hình đàn bà để ngực trần. Những hộp nhỏ xíu đựng thứ gọi là Durex. Durex! Cách nào đó tôi biết rằng bất kể nó là cái gì, Durex là thứ bậy bạ, và tôi không nên hỏi về nó. Nhưng tôi vẫn cứ hỏi. Người thợ cắt tóc cười lớn nói, “Trả lời đi, ông bố ời.”

Ba nói bằng giọng chế giễu kiểu cũ rích. “Durex, con trai ời, nó là một món rất hữu ích để thêm vui những sinh hoạt cuối tuần. Có đúng vậy không,

ông thợ cạo?”

Người thợ cắt tóc tham gia vào câu chuyện đùa. “Đúng quá đi chứ, quý ngài.” Và ông ta nháy mắt với tôi trong gương.

Ra bên ngoài tiệm, tôi hỏi, “Nhưng Durex là cái gì vậy?”

“Nó là mấy cái áo mưa bằng cao su. Biết là cái gì chưa?”

Và tôi đáp, “Dạ, biết.” vì tôi đã loáng thoáng nghe qua về chúng.

Ba xoa cái đầu tóc lờm chờm của tôi và cười lớn, “Chàng trai chịu chơi.”

Cái đĩa bay/con sứa là để làm “chuyện đó”.

Vern và Barry đang cười khúc khích. Vern xoi ngón trỏ vào chính giữa cái đĩa cao su và nói, “You EFF oh, ^[21] hiểu chưa nào?”

Rồi tôi nhớ ra mấy món được chuyển tay quanh lớp học mà chúng tôi đã có một trận cười đã đời về chúng. Mấy cái bao cao su, được bao bì lại hoặc để trần, cái vỉ bạc của thuốc viên ngừa thai, cái đĩa cao su mà chúng tôi chuyển quanh cho nhau và bịa những chuyện đùa về đĩa bay được gọi là 'áo mưa'. Giờ thì nó không có vẻ gì là buồn cười cả. Cách ngừa thai của má. Uiiii. Tôi đưa nó lại cho Vern và nói, “Bỏ nó lại chỗ cũ đi.”

“Nó ở ngay dưới gầm giường để tiện lấy ra,” Barry ranh mãnh cười khúc khích.

“Mày điên quá, Quái thú ạ.” tôi nói.

“Thôi đi mà.” Vern nói, rồi hẩn bỏ con sứa vào lại trong hộp, đóng nắp lại và chuôi nó xuống dưới giường.

(Đầu óc tôi quay cuồng với những ngụ ý và khả năng của con sứa của má.)

Bây giờ Vern trở thành sứ giả hòa bình và tôi nhận ra rằng đôi khi tôi rất thích hẩn, rằng tôi sẽ nhớ hẩn lắm nếu tôi không gặp hẩn nữa. Ý nghĩ đó càng làm tôi buồn hơn bởi vì sau ngày hôm nay chắc chắn hẩn sẽ không muốn gặp lại tôi nữa. Hẩn nói với Barry, “Mung đang bị phê thuốc. Đôi khi thuốc vật như vậy đó. Nó sẽ bình thường lại thôi. Mày thì sao rồi? Có phiêu không?”

(Tôi không hiểu được. Tôi biết chắc là lần cuối khi tôi nhìn dưới giường, bốn hôm trước, cái hộp nhựa mỏng không có ở đó. Có nghĩa là...)

“Hơi phê phê,” Barry nói, nhưng giọng hần không thuyết phục lắm.

Vern lấy trong túi ra chai thuốc rồi lắc lắc trước mặt Barry: shuh shuh shuh. “Chơi thêm đi.” hần nói.

“Thôi,” Barry thối lui nói.

“Ok ok.” Vern đặt chai thuốc trên giường, cởi cái quần lót ra khỏi đầu rồi tròng nó lên đầu Barry. “Vậy thì tròng cái quần lót đi. Xu-cheng nữa. Đây nè. Mặc vào cho ngay ngăn coi. Có nhạc của Elvis không Mung? Có bài Đôi Giày Da Màu Xanh^[22] không mậy?”

(Có phải con sứa đó còn mới không? Má mới mua nó à? Không thể tin được rằng bạn có thể mua những thứ như vậy ở Bickleigh, nhưng cũng có thể lắm chứ. Cà tím Thái à? Giờn chơi hoài. Đồ ngứa thai à? Đầy cả kho.)

“Cái gì?” tôi đáp, “tao nghĩ có. Trong một đĩa.”

“Hay lắm. Mà mang đôi giày của ông già mà vô đi Mung, tao đi mở nhạc Elvis trong phòng mà rồi mình nhảy một một bản nha?”

Điều này nhắc thêm một lý do nữa làm tôi sẽ nhớ Vern: là hần khiến bạn làm những điều hết sức ngu xuẩn để cười chơi. Tôi chỉ Vern chỗ để tìm CD của Elvis, hần đi từ phòng má qua phòng tôi bằng lối phòng tắm nằm ở giữa để mấy cái cửa mở toang trên đường đi.

Tôi nhặt đôi giày của ba lên và để chúng trên sàn nhà ở cạnh giường. Chiếc bị hư trông không quá tệ, giờ chỗ tôi phun vào đã khô. Tôi thòng chân trên đôi giày, nhận ra rằng hồi nào tới giờ tôi chưa từng xỏ chân mang chúng. Có phải mang chúng là phạm thượng, hay ba cũng sẽ nghĩ đó là một trò cười? Chẳng còn nghi ngờ gì nữa: đúng là một trò cười.

Tôi xỏ chân vào giày. Chúng to quá xá, rộng rinh. Chân tôi trượt quanh trong giày. Lớp da bên trong mát và khô. Mềm ghê. Tôi nhắm mắt lại. Mang đôi giày của ba làm tôi nhớ lúc được bơi ở Caribbean.

Tôi cột giây giày. Trong phòng tôi, giọng Elvis cất lên.

It's one for the money

Two for the show

Three to get ready

Now go cat go. [\[23\]](#)

Tôi nhặt chai thuốc lên lắc theo nhịp nhạc, rồi ném nó qua Barry. “Quậy tung lên coi,” tôi nói, và Barry vừa nhảy gượng gạo vừa lắc lắc cái chai.

Do anything that you want to do, but uh-uh

Honey lay off my shoes. [\[24\]](#)

Tôi vẫn nhắm mắt khi nhảy và hát. Tôi không nhảy và hát vì đang vui, mà làm thế để khỏi phải suy nghĩ nữa.

Rồi tôi mở mắt ra, má đang đứng đó.

CHƯƠNG 12

Elvis vẫn hát mặc kệ mọi chuyện. Má hướng về phòng tôi hét lên: “Tắt, tắt ngay. Tắt. TẮT.” cho tới khi Vern nghe thấy và tiếng nhạc ngừng lại. Rồi má ngó chăm chăm vào chân tôi, chân tôi trong đôi giày của ba. Tôi cũng ngó xuống chúng. Giờ thì chúng không nhúc nhích cục cựa gì nữa, im ru. Chúng trông giống như đôi chân của tên hề. Má nói: “Sao mà dám quậy vậy?”

“Sao con dám cái gì?” Tôi thành thực hỏi.

Bà lắc đầu, nhép môi, nhưng không nói ra lời. Rồi những từ cũng thốt ra: “Mày biết rõ mà, Mungo. Quậy tung lên – quậy tung lên với những đồ đạc của ba mày.”

“Nhưng,” tôi nói, “con...” Tôi không tin điều má đang nói, và những điều má kết tội tôi. Nó ngược với sự thật.

Khi tôi nhấc chân ra khỏi giày, má quay qua ngó Barry chăm chăm, thằng này đang đội quần lót của má và trông giống như một thằng tâm thần bệnh hoạn. Barry bỏ cái chai thuốc của Vern mà hắn đang lắc xuống cạnh giường, rồi ngó xuống thăm trải phòng, nhưng không lột cái quần lót và áo ngực mà hắn đang mặc ra. Nếu tôi đã không hoảng quá thì điều này thật là buồn cười, bởi vì hắn trở nên một tên điên hơn cả Vern và tôi đã nghĩ. Má nhặt cái chai lên, nhìn cái nhãn hiệu và nói: “Cô không biết cháu đã bị mẫn kinh rồi, Barry à.”

Barry nói: “Hả?”

Má lắc đầu ngó thằng Quái thú, hắn vẫn đang ngó xuống thăm trong lúc đang mặc đồ lót của bà. “Ít ra cũng biết thẹn ha,” má nói.

Barry ngó lên, miệng há ra nhưng không cử động hay nói năng được tiếng nào. Tôi thì thầm với hắn: “Cởi mấy cái đồ đó ra kìa, đồ ngu.”

Barry nói: “À, quên,” rồi với tay tháo dây móc áo ngực ra. Má khoanh tay ngó ra ngoài cửa sổ, giậm chân và nắm chặt chai thuốc của Vern trong tay phải, trong lúc Barry cởi mớ đồ rối rắm ra khỏi người. Hắn cẩn thận đặt cái áo ngực và cái quần lót lên giường, như thể chúng quý giá và là đồ rất dễ vỡ.

“Chúa ơi, cứu giúp chúng con.” Má lẩm bẩm, rồi quay sang chúng tôi, bà nói: “Xuống dưới nhà ngay. Đi liền.” Rồi sức nhớ ra còn thiếu một mạng, bà nói: “Cứ tin thẳng Vernon là đứa duy nhất đáng hoàng.” Tôi chỉ ngó sững bà. Hai lần không thể tin nổi. Má đi vào phòng tắm và gọi qua cánh cửa mở vào phòng ngủ của tôi. “Cả cậu nữa, Vernon. Xuống dưới nhà ngay.”

Má đặt cái chai thuốc của Vern ở giữa bàn bếp, rồi khởi đầu bằng câu mắng Barry thật gay gắt. “Tại sao cậu dám làm thế? Tại sao cậu lại cả gan như vậy hả?”, bà thúc mạnh vào vai hắn: “Mang cái thối thô lỗ của cậu về đây à? Những người ở đây đã làm gì với cậu để đáng bị cậu giở trò hỗn xược như vậy?”

Chúng tôi nhìn nhau. Bà đang nói điều gì vậy? Tôi hỏi: “Cái gì vậy má?”

Bà quay qua tôi. “Con biết cái gì mà, Mungo. Con bày cho nó. Ba cái trò rác rưởi kể cả về những người quê mùa kia. Cái gì làm cho con nghĩ là con hay hơn người ta chứ?”

“Bọn quê mùa.” tôi nói. Có hiệu quả ngay. Má đã nói chuyện với cha Cá Chua và ông mách lẻo về chuyện Vern đưa ngón tay ra dấu chửi khi ông lái chiếc xe Cá Chua ngang qua. Má cho Barry là đứa đã làm chuyện đó bởi vì bà có thành kiến với Barry. “Đồ mách lẻo.” tôi nói. “Cha Cá Chua này đã méc bọn mình.”

“Ông ta đã run lên vì giận đó. Người vùng này không quen với cái kiểu gây hấn vô cơ này. Và rồi...” - má gõ gõ đầu ngón tay cái mềm lên trán - “làm má phát điên lên, nhưng nửa giờ sau chuyện đó lại xảy ra tiếp trên đường cái. Nói cho cậu biết nè, Barry, cậu lại giở ngón tay chửi một ông cảnh sát hết giờ làm việc nữa, vậy đó.” Chúng tôi cười khúc khích vì má đã nói “giở ngón tay”.

Tôi hỏi: “Làm sao má biết vụ đó vậy?”

“Bởi vì đây là một cộng đồng sống rất mật thiết với nhau, nơi mà mọi người vẫn trò chuyện với nhau. Nhưng các cậu không biết điều đó.”

Tôi nói: “Thật là một nơi khủng khiếp, ai cũng biết chuyện riêng của mọi người khác và họ cố bắt người ta làm điều người ta không muốn. Và dù sao đi nữa thì má đã hoàn toàn nghĩ sai về Barry. Không phải là Barry đâu. Chỉ là vì má có thành kiến xấu bởi vì Barry không có ba má làm việc cho Hội đồng Camden. À còn nữa nè, con cũng không có cha, và má của con thì làm cho cửa hàng từ thiện được mười pao một ngày, bán đồ vớ vẩn cho người chết. Không chỉ vậy... Bả... Bả...” Tôi tính nhắc tới cái ‘áo mưa’ của má. Nhưng tôi không nhắc, tôi không thể nhắc, trong đầu tôi mọi chuyện đang lộn tung phèo. Giây phút đó qua đi và tôi biết là đã quá trễ.

Tôi không nhận ra rằng mình đang gào lên cho tới khi ngừng lời. Má đang ngó tôi trần trối. Vern và Barry đang nhìn xuống sàn nhà. Tôi muốn Vern nhận lấy về phần mình những gì hã đã làm, nói rằng chính là hã, chứ không phải Barry, là đứa đã giơ ngón tay chửi mấy chiếc xe đó.

Nhưng tôi biết hã sẽ không bao giờ làm thế.

Má nói với tôi: “Vậy ra là chính con hã, đúng không? À, ít ra là con cũng đang hoàng thừa nhận lỗi mình làm.”

“Ôi, khốn kiếp thật, quên vụ đó đi,” tôi nói.

Má cười gằn, hai môi mím chặt: “Nè, tin má đi, má còn chưa bắt đầu mà.”

Má tiếp tục căn nhắc về những chuyện bà đã bắt gặp chúng tôi làm trong phòng ngủ, chuyện nhảy múa với nhạc của Elvis trong khi đội quần lót trên đầu thì chẳng vui vẻ hay hay ho gì, nó là hành vi tội lỗi và quấy rối và tất nhiên bà phải méc lại điều này với mẹ của Vern và Quái thú, để cho chúng biết tay (á à...à). Rồi bà cầm cái chai thuốc của Vern trên bàn lên và nhìn chúng tôi từng đứa một. “Ai sẽ lên trước đây?” bà nói. “Ai sẽ đứng ra giải thích mấy chuyện này đây? Mungo hả?”

Tôi nhún vai.

“Barry hả? Cậu đã đem cái chai này theo, tôi biết mà.”

Quái thú đáp: “Không phải cháu.” nhưng giọng hăn không thuyết phục bởi vì hăn là loại người cảm thấy hối hận ngay cả khi mình vô tội.

“Tôi hiểu rồi,” má nói.

Bà không thèm tính tới chuyện hỏi Vern. Bà nghĩ rằng mình đã tìm ra kẻ tội phạm và điều đó làm cho tôi bỗng hết sức tức giận, tức giận đến nỗi tôi nói toạc ra.

“Không, má không hiểu,” tôi nói, “Má không hiểu cái khi gì cả. Vern đem mấy cái đó tới, được chưa? Mấy cái đó là thuốc của Vern. Nó chôm của má nó. Con không chơi viên nào cả.”

Má trừng mắt nhìn tôi rồi quay qua nhìn Vern. Vern ngó tôi, và tôi thì ngó xuống đất. “Có đúng vậy không Vernon?” Má hỏi.

Và lần đầu tiên Vern không thèm ra vẻ nhũn nhặn tử tế với má. Hăn chỉ nói: “Sao cũng được.” theo cái giọng rặt Camden, và tôi biết hăn không thèm ngó ngang gì má, suốt lúc đó hăn cứ ngó chăm chăm vào chòm đầu tôi trong khi tôi ngó xuống sàn nhà, đôi mắt sáng rực của hăn truyền tất cả những thứ rác rưởi tệ hại vô trong đầu tôi.

Biết sao không, tôi không bao giờ gặp lại Vern sau giây phút tôi mách lẻo về hăn. Tôi gặp Barry thêm một lần nữa, bạn sẽ nghe kể lại sau này.

Má cấm cửa tụi nó không cho về đây nữa, và tôi cũng không được lên Camden để gặp chúng, rồi bà đưa chúng ra nhà ga; tôi ở lại ngôi nhà vườn dùng thời gian khởi động Kế hoạch A, bằng cách nhét vào ba-lô vài món đồ mà tôi có thể cần cho quãng đời kế tiếp. Khi má từ nhà ga trở về, bà gọi cho mẹ của Vern và Barry và kể cho họ nghe mọi chuyện kể cả chuyện chơi thuốc, sau đó bà gọi tôi xuống nhà bếp.

Má lại cầm trên tay chai thuốc. Bà đã nói với mẹ của

Vern trong điện thoại là bà giữ thuốc lại cho an toàn. “Con có biết đây là cái gì không?” bà hỏi. “Cái nhãn hiệu trên chai thuốc nói gì vậy?”

“Con không biết.”

“Cầm lấy đọc đi.”

Tôi lấy cái chai và đọc cái nhãn. Tôi chưa bao giờ thấy chữ đó. Tôi không biết làm sao đọc nó lên. “Depo, pro, gì gì đó.” Tôi nhún vai và để cái chai trở lại trên bàn.

Má nói: “Depo-Provera là tên của một thứ gọi là progesterone. Con có biết progesterone là cái gì không? Đó là chất hóc-môn người ta dành cho đàn bà trong khi họ mãn kinh. Con có biết mãn kinh là gì không?”

“Sơ sơ thôi.”

“Mãn kinh là gì?”

“Là điều gì đó liên quan tới mấy cái trứng.” Tôi cười khúc khích. “Vậy Vern sẽ bị sao không? Nó sẽ sinh em bé không?”

Má đấm nắm tay xuống bàn. “Không phải chuyện đùa đâu, Mungo,” má la lên. “Con nghĩ là con thông minh lắm sao. Con nghĩ con biết hết nhiều chuyện. Vậy mà con không biết cóc khô gì.”

“Từ đó là khi khô...” đó là một từ của ba. Tôi nghĩ tới cái ba-lô đã sắp sẵn trên lầu, và chờ cho má la tiếp. Chúng tôi đã không cãi nhau khi ba còn sống, không cãi nhau như thế này. Con sói của tôi đang ở cạnh tôi đây, và tôi nghĩ là má cũng có một con sói vô hình, ngay bên cạnh bà. Khi ba còn sống thì không có con sói nào trong nhà. Những con thú hoang dã duy nhất là những con đã bao bọc mũi giày da báo của ông, và đó không phải da báo thật. Không có con gì bị giết hại trong việc làm ra giày của ba ngoại trừ một con bò mà trước sau gì người ta cũng sẽ giết thịt. Nhưng giờ thì thế giới đã khác rồi.

Má nhìn vào mắt tôi. Má nói: “Má không mắc lừa con đâu.”

“Ba sẽ nghĩ rằng vụ này thiệt mắc cười.” tôi nói. “Lần tới mà gặp Vern hẳn ba sẽ nói: 'Cục u chưa thấy bự lắm hé, Vernon?'”

Tôi biết điều mình nói là sự thật. Tôi ngó lại vào mắt má, để buộc bà phải công nhận điều đó. Má nói: “Hãy nói cho ra lẽ chuyện này đi, một lần rồi thôi. Ba con đã chết. Không có gì thay đổi điều đó được. Con có thể giận dữ và quậy tung lên như con muốn. Con có thể mắng chửi má, nói dối má, làm khó má, nhưng ba con hồng về lại đâu. Con có hiểu không?”

Tôi đứng dậy. “Má làm con nhức đầu quá,” tôi nói. “Con đi nghe nhạc đây.”

Má đập bàn tay xuống bàn, la lớn. “Ngồi xuống. Con vẫn không hiểu, hả? Vậy để má nói rõ từng tiếng cho con hiểu. Con sẽ học để điều chỉnh cho thích hợp với đời sống ở đây. Má thấy con không hành xử lịch sự với Brian một cách đúng đắn, con sẽ nói chuyện với một ông bạn của nhà mình làm cảnh sát, ông sẽ dạy con đôi điều cho phải phép. Con sẽ gặp Talullah Boland...”

Tôi hét to: “Đẹp đi. Hồng có chuyện đó đâu”

Không tin được. Má bạt tai tôi. Chính bàn tay đập xuống bàn lúc nãy vươn ra và tát vào mặt tôi. Gò má tôi nóng rực như một cái bóng đèn. Tôi chạy ào lên phòng mình.

Tôi nằm trên giường nhìn bầu trời tối dần qua cửa sổ. Chim đang hót như lũ khùng, những bài hát vui tươi rằng Chào mừng bạn đến với Manuresville. Không phải là lỗi của chúng. Chúng không biết điều khùng khiếm đã xảy ra.

Tôi cố gắng tập trung vào những điều nhỏ nhặt, để đầu óc không bị ám ảnh về chuyện lớn, đó là cái thắc mắc về con sứa của má và nó mang ý nghĩa gì, cách nói khác là... Nhưng tôi ngừng ý nghĩ ấy lại và một ý khác, ít nguy hiểm hơn thay vào: Tay cớm mà má đang nói là cha nào đây? Ba không ưa bọn cớm, ông sẽ không mời một tay nào vào nhà này. Chắc chắn ba không mời một tay vào đây để lên lớp tôi về cách hành xử ở đời. Gò má tôi vẫn đau nhức.

Dưới lầu, chuông điện thoại reo lên. Chắc bà đang tán chuyện với Barbara. Tôi biết chắc rượu vang đã mở và chai đã hết một nửa. Tôi nghe tiếng cửa nhà bếp mở. Má bước qua phòng nghỉ mát mùa hè và đi được nửa đường cầu thang dẫn lên lầu. Im lặng một chút, rồi bà lên tiếng: “Mungo?” Tiếng của bà nghe thật gần.

Tôi không đáp.

“Con muốn ăn pizza không?”

“Không.”

“Con phải ăn.”

Tôi không đáp.

Má đi tiếp lên lầu. Bà đang đứng ngoài cửa. “Lẽ ra má không nên đánh con. Má xin lỗi.”

Tôi không đáp.

“Má vô được không?”

“Không. Con đang ngủ.”

Tôi nhìn cái nắm cửa, chờ cho nó xoay, chờ má vào.

Nhưng nắm cửa không xoay, rồi má trở ra cầu thang. Tôi ước gì tôi đã nói “Ăn” với bánh pizza.

Ban đêm, những ý nghĩ lại trở về, và lần này tôi đã không thể ngăn chúng lại. Đầu óc tôi giống như một bãi biển và những ý nghĩ giống như những cơn sóng lớn giập dứ, từng cơn từng cơn vỗ vào bờ, tan tác.

Má tôi đang yêu đương. Hay đang định yêu đương. Chỉ có một kẻ duy nhất mà bà có thể làm trò yêu đương hay dự định làm mà thôi.

Thôi... thôi đừng nghĩ tới chuyện đó.

Nhưng tôi phải nghĩ cho tới nơi tới chốn.

Cha Cá Chua.

Má đang làm chuyện yêu đương với cha Cá Chua. Hay là đang muốn làm thế.

Má đã vất đôi giày ra chỗ khác và bỏ con sứa vào thế chỗ. Má không biết hay quan tâm cái vệt thuốc chống nắng đã làm ố chiếc giày trái. Bà quá bận rộn suy nghĩ về chuyện cặp bồ với cha Cá Chua – hay... nghĩ khác đi... có lẽ đã cặp bồ cha Cá Chua rồi. Ví dụ, khi tôi lang thang bằng xe đạp ở ngoài, thì hẳn có thể mò tới và hai người có thể làm vụ đó. Có thể họ đang làm rồi. Thêm một ý nghĩ tồi tệ nữa: Cái con sứa này mới hay cũ đây? Có phải là cái mà bà đã xài với ba hay bà đã đi mua cái mới đặc biệt dành cho cha Cá Chua? Và điều nào tệ hơn điều nào?

Những ý nghĩ đó đã là tệ rồi. Nhưng rồi những cơn sóng to nhất trong mọi cơn sóng đã đập vào bờ, giống cơn sóng thần hơn là sóng thường. Một mảnh

vỡ của cơn ác mộng mà tôi đã có khi ở dưới cái giếng trở lại với tôi: cái cảm giác cha Cá Chua là ba của tôi và tôi thấy bất lực với nó. Tôi nghĩ, có thể má đã ngoại tình trong nhiều năm nay, trước khi tôi ra đời và sau này nữa. Có thể, như một kết quả, Cá Chua đúng là cha tôi – đó là cơn sóng thần số một.

Và giờ là cơn sóng thần số hai, theo nhanh ngay sau: có thể tôi có một thằng anh em khốn kiếp bí mật nào đó, và thằng anh em khốn kiếp này có một cái tên: Mungo, ví dụ vậy. Rõ ràng, thật sự vậy - hẳn có cái đầu cá trê giống tôi, và không phải thế thì làm sao mà hẳn biết tất cả mọi chuyện về ông cố ngoại tôi?

Thôi đừng nghĩ tới chuyện đó nữa. Hay là, cứ tiếp tục, bắn vỡ sọ tôi đi.

Khi mà cơn sóng thần đôi này đập mạnh vào bờ thì nỗi thôi thúc đầu tiên của tôi là thực hiện Kế hoạch A ngay lập tức. Ngay tại đó vào thời điểm đó, mặc kệ là mấy giờ, nghĩa là lúc bốn giờ sáng. Nhưng rồi tôi tưởng tượng con sói bước ra đường trước mặt tôi và đôi mắt vàng lóe lên một lời cảnh báo, bảo tôi phải bình tĩnh, để nghĩ cho kỹ lưỡng. Tôi không có xu nào. Chỉ trong vòng vài giờ là tôi sẽ bị phát hiện và phải trở về nhà mà không còn manh giáp. Và lại, số phận của tôi là thế, cha Cá Chua sẽ là người tìm thấy tôi, điều đó sẽ làm cho hẳn càng trở nên một vị anh hùng trong mắt má.

Không, tôi phải làm theo cách bình tĩnh và khôn ngoan của loài sói. Tôi phải chơi trò chơi của má, có nghĩa là làm theo kiểu hành xử quê mùa kỳ cục. Tôi phải cười nói với má, và xung phong giúp bà cạo sơn ra khỏi các vách tường, và khen, ô kìa màu sơn cho căn phòng nghỉ hè khốn kiếp mới đẹp chứ. Và khi đã sẵn sàng thì tôi phải hành động. Nhanh và êm thấm, như loài sói.

Đây là quyết định của sói, cái quyết định rớt cuộc đã làm những con sóng êm lắng lại, trở thành một mặt biển lặng, biển Caribbean, trên đó tôi trôi bồng bênh và ngủ khò.

Khi tôi thức giấc vào buổi sáng thì cơn sóng thần đôi lại đập vào tôi. Cha Cá Chua là cha ruột của tôi và cái thằng quý cũng có tên Mungo là thằng anh em khốn kiếp bí mật đã đóng vai tôi suốt thời gian qua. Má nữa. Bà cũng là một phần của sự lừa dối, rõ ràng quá mà. Thậm chí tôi không thể

buộc mình nhìn bà, nhưng khi bà làm cho tôi một cái săng-uych kẹp thịt heo muối thì tôi cố giữ bình tĩnh. Khi tôi ăn xong thì bà là người mở lời đầu tiên kể từ năm giờ chiều hôm trước. “Ông cảnh sát Strickland đang tới đây để nói chuyện vào mười hai giờ mười lăm; ông nhiệt tình bỏ cả buổi nghỉ trưa. Má sẽ về vào lúc mười hai giờ. Làm ơn dọn gọn lại phòng của con nhen.”

Thế giới đang quay vòng vòng. Bàn mặt cha cảnh sát nhà quê xoay vòng vòng quanh tôi. Bộ mặt ấy có màu vàng và đỏ với một bộ ria mép củ gừng. Dưới bộ ria, đôi môi rất đỏ và bóng, giống như những món nội tạng không nên mang bày ra. Những lời nói tuôn ra từ miệng ông. Nếu những lời ông nói có thể nhìn thấy được, thì chúng sẽ trông giống như cái cục đờm của thằng Khắc Đờm được trộn với bựa kê chân của Lão Khảm.

Tôi ngấm khuôn mặt ông như ngấm trò cười ngựa gỗ quay vòng ở hội chợ. Có lần ba đưa tôi tới hội chợ ở Hampstead Heath. Ông vui hơn hở vì thằng cha điều khiển mấy cái vòng quay đang mang đôi giày da báo.

Tôi tưởng tượng cha nội cảnh sát nhà quê chải bộ ria mỗi sáng trước cái gương trong phòng tắm. Ông đưa cái mặt bự đỏ-và-vàng thật gần cái gương để có thể chải nó thật gọn gàng.

Sau đầu của tay cảnh sát nhà quê, cái bếp cũng đang quay vòng. Tôi cứ thấy cái chậu cây bay qua, đám cây ngoài cửa sổ. Má đang ở trên lầu trong phòng của bà. Tôi nghe tiếng bà bước trên đó. Có thể má đang kiểm tra coi con sửa đang ở đâu. Đầu cầu thang kêu cọt két. Má đã vào trong phòng tắm. Má đã để cho chúng tôi có đủ thời gian để làm quen nhau. Ông cảnh sát nhà quê sẽ giảng cho tôi một bài về cuộc sống mà ta phải sống ở Bickleigh trên trần gian này, và tôi hẳn sẽ rất là biết ơn và thay đổi trong khoảng thời gian hai mươi lăm phút từ một đứa bướng bỉnh và gian giáo thành một chàng trai đứng đắn có quan điểm chín chắn lạ lùng về cuộc đời và một khát vọng làm bạn với Talullah Boland.

Không đời nào.

Đây là một số từ ngữ tuôn ra từ miệng tay nhà quê và hẳn giống như một dấu thập năm giữa cục đờm và bựa kê chân nếu ta nhìn thấy chúng khi chúng kêu lộp độp xung quanh căn bếp: ý thức về quyền sở hữu, cách cư xử

cần trọng phải phép ngắm chim, nói đúng ra là về sự đa dạng sắc màu lông chim mà tôi có thể thêm vào hì hì, tình nguyện vào đội tuần tra chống xả rác trong làng rơi xuống bạn như một TẤN GẠCH, cuộc đời không phải là một cuộc diễn tập, bạn có thể làm điều tệ hại nếu không xét đến việc tham gia một đội hướng đạo năng nổ mà chúng ta có trong làng.

Khi ông Củ Chuối ngậm miệng lại và những lời nói ngừng nôn ra, tôi mỉm cười nói: “Cám ơn ông nhiều lắm, ông cảnh sát Strickland ạ. Tôi sẽ ghi nhớ điều đó. Cám ơn đã bỏ thời gian tới gặp tôi.” Giọng tôi nghe như thể đến từ cuối một đường hầm dài hun hút tối mịt.

Sau khi ông Củ Chuối cút đi, tôi cũng mỉm cười với má và nói rằng ông Củ Chuối - tôi gọi ông là Ông cảnh sát Strickland- đã nói nhiều điều rất là thú vị mà tôi chắc chắn sẽ đón nhận và cám ơn bà đã mời ông ta tới. Rồi tôi nói tôi muốn mang những tấm hình xuống căn phòng nghỉ hè, và chồng đồ đạc bàn ghế lại, và chà sạch các vách tường để chuẩn bị sơn. Má cau mày, đột nhiên đánh-hơi-ra-chuột, nghi có điều gì khuất tất đây, và tôi biết mình đã ba hoa quá. Nên tôi cười lớn, nói: Thôi được rồi, con chạy xe đạp lang thang chơi vậy, và má vò tóc tôi mỉm cười đáp lại rằng bà sẽ đi làm ở cửa hàng từ thiện vào buổi chiều. Tôi nghĩ, con bắn khoản không biết đó có thật là nơi má sẽ đi không. Khi bà ôm tôi để từ giã, tôi phải thật cố lắm mới ôm lấy bà thân thiết, bởi vì tôi đang nghĩ đến chuyện bà ôm cha Cá Chua.

Má nghĩ là cuộc chiến tranh đã kết thúc nhưng thật ra thì nó vẫn chưa hề bắt đầu.

Khi bà đi rồi tôi chờ thêm khoảng mười phút để phòng hờ bà trở lại vì quên cái gì đó. Rồi tôi lên phòng ngủ của bà để xem bà có đem con sứa theo không. Con sứa vẫn còn ở dưới giường. Tôi ngạp ngừng nhưng quyết định để yên nó ở đó. Tôi mở cửa tủ áo kiểm tra túi của các áo khoác và áo lạnh của bà. Tôi tìm thấy một đồng xu hai-pao, hai đồng xu một-pao, và thêm vài đồng khác tổng cộng là năm pao bảy mươi mốt xu. Nhưng món tiền nhiều là ở dưới nhà, trong cái lọ dán nhãn BÁNH QUY là hai tờ hai mươi pao. Tôi lấy tiền. Tôi cũng lấy một bọc sáu thanh lương khô ngũ cốc còn nguyên, một gói phô-mai đã mở, hai bọc phô-mai và hành củ chiên giòn, và một hộp

nước trái cây. Bỏ tất cả các món này vào ba-lô cùng với cái áo ấm, cái ống nhòm của ông ngoại và cây dao gấp Swiss Army mà tôi đã bỏ vào đó tối hôm qua. Tôi đeo ba-lô lên rồi đạp xe đến ga Bickleigh. Kế hoạch A đang được tiến hành.

CHƯƠNG 13

Tên đường tới nhà ga thì trời bắt đầu đổ mưa. Nghĩ lại, lẽ ra tôi phải đoán trước điều đó. Trời luôn luôn mưa khi tôi gặp Mungo. Cơn mưa làm hấn xuất hiện không biết từ đâu, giống như lũ ếch và giun đất. Và khi trời tạnh, thì hấn chơi cái trò hô biến. Sau này hấn bảo tôi, bằng cái giọng ra vẻ bác học quái đản của hấn, rằng sự gặp nhau của chúng tôi là có liên quan với việc tụt áp suất không khí đột ngột. Nhưng buổi chiều hôm đó tôi chẳng thèm tìm hiểu cóc khô gì về chuyện đó cả.

Thế nên trời bắt đầu đổ mưa thì tôi thấy Mungo. Chiếc xe đạp của tôi đánh một vòng ở góc đường thì hấn đang ở ngay đó trên bờ đường, thơ thần trên bờ một cái ao. Mực nước trong ao cao tràn qua bờ làm thành một cái thác nước nhỏ đổ ra đường và chảy xuống đồi thành dòng cuộn xiết trắng xóa. Tôi không định ngừng lại – hấn là kẻ cuối cùng trên đời này mà tôi muốn gặp hay trò chuyện. Nhưng khi tôi chạy chậm lại để vọt xuyên qua dòng nước xiết thì Mungo nhảy từ trên bờ xuống và đứng ngay trước bánh xe.

“Mày muốn gì?” tôi hỏi. “Tránh ra.”

“Tao đang ngăn đập cho cái ao và luôn thể kiểm tra lũ sa giông,” hấn nói, “mày giúp tao một tay nhen.” Trông hấn thật khẩn thiết và mặt hấn, dưới mưa mù ảm đạm, giống một kẻ man rợ ở Camden Town: mái tóc đen nhánh, khuôn mặt trắng bệch, ánh mắt thất thần.

“Tao biết mày là ai.” tôi nói. “Và tao không bao giờ muốn gặp lại mày. Tao không muốn gặp lại mày chút nào. Nói với má tao biết ai là ba thật của tao và tao sẽ ra đi mãi mãi. Giờ thì tránh ra.”

Nhưng Mungo đã không chịu tránh ra. “Vậy tao là ai?”

“Mày là thằng con hoang và tao ước gì mày chết phứt rồi,” tôi đáp, “và mày có thể nói với má là tao nói như vậy.”

“Không không không, mày không hiểu gì cả,” hăn nói. “Mày đã đọc cuốn sách chưa? Mày phải đọc nó. Tất cả mọi chuyện ở trong đó.”

“Tao biết mọi chuyện về cuốn sách rồi. Mày không có thể dụ tao được bằng cách đó đâu. Giờ thì tao chỉ nhớ toẹt vào nó. Tao ngán vụ này tới cổ rồi.”

“Vậy cuốn sách nói cái gì nào?”

Tôi thúc bánh xe trước của tôi vào phía trên đui của Mungo rồi làm bộ nhắc mạnh tay lái, có ý nói là: lần tới tao sẽ chơi mày trúng chỗ đau thiệt kìa. “Tránh ra mau,” tôi nói.

Mặt Mungo nhăn nhó. Hăn ngửa mạnh đầu, và khi hăn nhìn ngược trở lại thì một dòng nước mũi trắng phì phèo bong bóng ở hai lỗ mũi. Hăn đang khóc. “Tao biết là mọi chuyện hỏng bét rồi,” hăn nói. “Mày đừng bao giờ làm điều gì chỉ vì đang buồn, giờ tao hiểu rõ điều đó. Tao chỉ muốn mày hiểu thôi.”

Mungo giống như một chứng bệnh kinh dị hầu như không thể thoát khỏi được. Bất kể ta làm hay nói điều gì, thì hăn cũng tìm ra cái gì đó để quay trở lại với mình – giống như làm bộ đang rất khổ sở buồn rầu và khóc lóc tới nổi mũi dãi phì phèo. Nhưng lần này tôi đã có cách. Tôi sẽ không bao giờ gặp lại hăn nữa.

“À, à sống cho ra hồn đi,” tôi nói, “tốt nhất là cách xa tao một triệu dặm.” Và tôi bẻ tay lái vòng qua tránh hăn và phóng vèo xuyên qua cơn mưa.

London bắt đầu từ đâu nhỉ?

Trời vẫn còn mưa. Những giọt nước mưa đang run run chảy dọc theo cửa sổ toa tàu. Tôi đang ngắm cánh đồng có mấy con bò trên đó, cả đàn ùa chạy dọc theo hàng rào tránh cơn mưa. Rồi mi mắt tôi khép lại và ba hiện ra trong toa, ngồi đối diện và nhìn nghiêng qua tôi. Ông đang nhe răng cười. Ông nói: “Con đang dính vào chuyện gì vậy?”

Rồi tôi chào. “Ha, chào ba.” Tôi không thể kể cho ba nghe cận kề mọi chi tiết, chúng sẽ làm ông buồn lắm, nên tôi chỉ nói: “Thứ chuyện vô cùng nhảm nhí mà chỉ có ba là có thể giúp con thoát ra thôi.”

Điện thoại của cha nội ngồi đối diện tôi reng lên. Tiếng chuông reo giống tiếng ợ của con sư tử. Tôi mở mắt. Bên ngoài cửa sổ, cánh đồng và những con bò đã biến mất. Có mấy con sếu và gạch bản, mấy thanh kim loại cong queo được xịt sơn là các tác phẩm điêu khắc đáng ra làm cho người dân London thấy vui hơn về cái môi trường của họ được phủ đầy gạch xịt sơn và kim loại. Những cây cầu được phủ bởi những tấm bảng xịt sơn sặc sỡ, và những dây cao ốc được bọc bởi những đĩa ăng-ten vệ tinh. Trong đầu tôi ba đang nhảy lên nhảy xuống và nói: “Tôi ghét cây cối, tôi ghét không khí tươi mát, và ghét nhất là cái thứ hoa chuông cứ lắt lay rập rờn đó. Hãy cho tôi những tiệm xăm mình và và đĩa vệ tinh và gạch cũ bản bất cứ ngày nào trong tuần. Yeah!”.

Sau ga Clapham Junction người tài xế xe lửa nói: “Đây là dịch vụ xe lửa Tây Nam chỉ tới London Waterloo thôi.” Chúng tôi vượt qua trạm phát điện Battersea, tôi nhận ra nó từ album nhạc Pink Floyd của ba. Tôi không biết khu vực này của London nhưng nó vẫn thân thiết như ở nhà. Như khi tôi gặp chú Jack em của ba trong đám tang của ba, người tôi chưa từng gặp bao giờ bởi vì chú sống ở Toronto. Tôi không hề biết chú trước đây và nay mới được biết chú. Khi gặp tôi, chú dấm nhẹ vào cánh tay tôi và ôm lấy tôi. Chú không nói gì cả, không phải liên lúc đó. Chú không cần phải nói gì.

Điều đó khiến tôi nảy ra một ý. Có lẽ tôi dọn tới Toronto và sống với chú Jack.

Tôi thấy những cái mũi Darth Vader của những chuyến tàu Eurostar đang sắp hàng trong nhà mái che bằng kính, rồi người tài xế nói: “Đây là London Waterloo. Ga cuối của chuyến tàu là ở đây. Xin mời tất cả mọi người xuống đổi tàu. Xin cẩn thận khi rời tàu và nhớ mang hết hành lý của mình theo.”

Tôi đứng lên. Chiếc tàu lắc lư và tôi suýt té nhào. Tôi hất cái túi ba-lô lên bằng một tay và bước tới đứng cạnh cửa. Con tàu ngừng lại, cửa tàu rít lên.

Tôi nhấn cái nút to ướt át, cánh cửa trượt mở ra. Tôi bước xuống London và cái không khí nặng nề kì cục của nó giống như một cái bồn tắm.

Tôi khép mắt lại và nằm xuống bồn tắm ngập lên tới cằm. Tôi không thể tưởng tượng được mình đang ở bất cứ nơi nào khác.

* * *

Thế giới đang xoay vòng vòng, tôi cảm nhận được điều ấy. Tôi hẳn có thể là cả một tỉ triệu người khác, nếu bạn tính theo suốt dòng lịch sử, nhưng tôi là tôi, ngay lúc này, lao vùn vụt bên dưới London trên một chiếc tàu chạy tuyến Bắc, rất gần điểm khởi đầu của thế kỷ hai mươi mốt. Có kẻ xuống tàu và tôi ngồi vào chỗ của họ trên một cái ghế bệt. Đối diện với tôi là một cô gái da đen mặc chiếc áo thun có hàng chữ: “Funky cool ultra kinky.”^[25] Tôi có thể là cô ấy cũng dễ dàng như tôi chính là mình vậy. Tôi tưởng tượng mình chính là cô ấy đang nhìn tôi, tự hỏi tôi là ai và đang làm gì. Dù cả triệu năm nữa cô cũng không bao giờ nghĩ được là tôi đang bỏ nhà đi vì ba tôi không phải là ba thật và má tôi có một thằng con hoang, nó là thằng anh em bí mật của tôi. Nhưng thật ra cô ta không hề nhìn tôi, cô ta đang kiểm tra cái điện thoại di động. Có lẽ chẳng bao giờ cô băn khoăn về chuyện mình có thể là ai đó thay vì là chính bản thân mình.

Vài người Nhật già đang ngồi rải rác trong toa tàu. Tôi để ý thấy họ nháy mắt với nhau, đang nói chuyện bằng những cái nháy mắt theo cái cách má và tôi nói chuyện với nhau bằng mắt và mày. Đã từng nói chuyện với nhau - tôi không định gặp lại má nữa. Tôi bắt đầu thắc mắc tại sao Mungo lại khóc, và hẳn thật sự muốn nói gì khi nói rằng hẳn đang rất buồn. Nhưng tôi tự buộc mình không nghĩ về hẳn để phòng hờ chuyện mình lại thương cảm cho hẳn.

Mấy người Nhật xuống tàu ở đường Tottenham Court.

* * *

Từ tàu điện Hampstead tôi đi bộ lên đồi ngang một tiệm bán các bức tượng phụ nữ khỏa thân nhám nhí và một tiệm khác bán những bức tranh sơn dầu lớn vẽ những bữa ăn tối và các trạm xăng của người Mỹ từ thời trước khi ba ra đời. Chắc ba ghét đàn bà khỏa thân và thích những trạm xăng. Rồi một nhà hàng Thái có hai bức tượng Phật màu vàng kim to khổng lồ trong cửa sổ, và tôi suýt tính bước vào hỏi xem họ có cà tím Thái không, nhưng lại thấy vô lý vì tôi không bao giờ trở về cái vùng đất quê mùa ấy nữa, và má không còn xứng đáng thưởng thức một bữa ăn bất ngờ đặc biệt do chính tay tôi nấu, có thập nển và và nhạc của Elvis Costello vang lên từ máy hát.

Ngày rải tro đã diễn ra như thế này. Có má, tôi, chú Jack và ba người bạn học của ba từ khi ông còn là học sinh ở Gospel Oak, đã cùng họ chơi điều trên đồi Parliament, và Barbara và ông Col, chồng của Barbara, làm kỹ sư ở hãng Formula One, tôi đã mong ông tới với một chiếc xe thật chiến nhưng cuối cùng thì chỉ là một chiếc Volvo. Chúng tôi đi bộ hàng đồi lên đồi. Mấy người bạn học của ba đi trước, rồi đến má, rồi tôi, rồi đến chú Jack - một tay chú khoác cái ba-lô nhỏ, tay còn lại cầm ba đưng trong một bình tro bằng nhựa để trong một cái túi Oddbins, mọi người cứ thấy nó ngồ ngộ - rồi tới bà Barbara và ông Col. Chúng tôi không mặc đồ trang trọng, không như đang trong một đám tang. Má nói không phải làm thế. Bà nói là đây chỉ là một cuộc đi dạo với những người bạn cũ, cộng thêm một việc khác mà thôi. Trời hôm đó nắng đẹp, có vẻ không thích hợp lắm, như khi mấy con chim hót Chào mừng bạn đến với Manuresville không phải lúc vậy. Trời cũng nổi gió. Tôi lo về cơn gió, về việc nó có thể gây ra cho đám tro.

Người ta đi qua mặt chúng tôi và không biết chúng tôi đang làm chuyện gì. Họ không biết rằng cái gã mặc quần jeans và áo khoác xám đang mang ông anh của mình trong một cái túi, rằng anh của gã là cha của tôi vừa mới đây bị bỏ vào trong một cái lò ở nhiệt độ của trung tâm trái đất và đốt cháy tiêu cho tới khi ông không còn gì hết ngoại trừ một ít bột xám. Rằng tất cả chúng tôi sẽ đứng trên đỉnh đồi và rải ba bay đi cho tới khi ông không còn tồn tại, kể cả chút bột xám.

Nhưng rồi tôi lại không biết những người vừa đi qua chúng tôi đang làm chuyện gì. Họ có thể mới giết một con chim bồ câu bị thương bằng một viên gạch. Tôi đã thấy có kẻ làm điều đó ở con đường trên bờ kênh Regent's. Gương mặt hăn lúc đó không biểu lộ cảm xúc gì. Ta không thể nói được là hăn đã làm điều đó vì hăn tốt hay vì hăn độc ác và đó là một lý do để bào chữa hay ho.

Đi ngang qua khu Heath, chú Jack nói với tôi: “Chú cá là con không biết ba con đã là một vận động viên vô địch chạy nước rút khi ông còn đi học.”

Quả là vậy, tôi đã không biết. Tôi hỏi: “Thật vậy sao?”

“Chính xác là vậy. Vô địch một trăm và hai trăm mét các trường ở vùng Middlesex năm một chín bảy mươi tám. Ông có tham gia thử trong đội tuyển quốc gia.”

Tôi cố tưởng tượng ba trong trang phục chạy đua, nhưng tôi không làm được. Tôi chỉ cứ thấy ông mặc áo khoác ngắn bằng da và đi đôi giày đó.

* * *

Tôi cố nhớ lại hướng đi mà chúng tôi đã đi ngang khu Health. Chỉ tới khi tôi nghĩ mình đã đi lạc thì thấy cái cây Phăng. Chúng tôi đã đi ngang qua nó trong ngày rải tro. Đó là một cái cây lớn có thân thật to, đứng trên đỉnh của một ngọn đồi. Khi ba má và tôi thường hay đi dạo ở khu Health vào những ngày Chủ nhật chúng tôi luôn luôn tán chuyện với nhau về cái cây đó vì cái cách nó hắt bóng lên trời làm thân cây trông như phẳng ra. Ba gọi nó là cây Phăng. Khi chúng tôi đi qua nó trong ngày rải tro thì tôi mong má đừng kể chuyện đó ra. Đó là chuyện bí mật chỉ giữa bà và tôi, giờ thì ba không còn hiện diện ở đây nữa. Và má không nói gì cả, nhưng bà quay lại mỉm cười với tôi, để cho biết là bà đã thấy nó.

Một cơn mưa phùn nhỏ rơi lất rắt. Tôi không biết chính xác đồi Parliament ở đâu nhưng cảm nhận được là mình đang đi đúng hướng. Ba nói rằng biển và đồi luôn kéo chúng ta đến với chúng, chúng có một thứ lực hấp

dẫn. Rồi sau cùng tôi đi vòng vèo ngang qua bãi cỏ mượt làm cho đũng quần jeans của tôi bị ướt và mưa phun vào mặt nhưng tôi không để ý vì mặt đất đang mở rộng và dốc dần lên và những người khác đang đi vào tầm nhìn tôi từ mọi phía khác, tất cả chúng tôi đang cùng làm một điều như nhau, chúng tôi đang lên đỉnh của đồi Parly.

Ý của ba không phải là rải tro của ông ở đây, hay không phải cái cách mà chúng tôi đã làm hôm đó. Ông muốn được bắn lên trời trong một cái pháo bông. Ông muốn tro của ông được cho vào chóp một cái tên lửa. Tất cả chúng tôi sẽ đến đồi Parly và đếm ngược từ 10 tới 1, rồi đốt ngòi nổ và ngắm ông thăng. Ông nói với má điều này từ nhiều năm trước, khi còn đang rất khỏe mạnh và tính sẽ sống tới chín mươi tuổi. Lúc đó ở Barbados và tôi có mặt khi ông nói điều đó, ông đang ngồi bên ngoài quán cà-phê nhạc jazz ở Bridgetown với một nhạc sĩ có răng vàng. Ba nháy mắt với tôi khi ông nói vậy, và người nhạc sĩ cười quá trời tới nỗi ta có thể đếm răng của ông. Tôi nhắc má sau khi ông chết nhưng má không làm vậy. Má nói ba không có ý như vậy nhưng tôi biết rằng đó chính là ý tưởng độc đáo của ba. Nhưng tôi không cãi. Má lúc đó có vẻ mạnh mẽ lắm. Tôi không cãi lại bà.

Nhưng má không thật sự mạnh mẽ sau tất cả những điều đã xảy ra, bà là một kẻ phản bội. Điều đó làm tôi bàng hoàng, không dừng nghĩ về má và cha nội Cá Chua khi tôi đi lên đồi Parly. Lại cơn sóng thần. Ba tôi không phải là ba tôi! Ba tôi không phải là ba tôi!

Ôi đúng là ba tôi mà. Đây là thời gian của ba tôi và ngày của ba tôi, bất kể thông tin mới mà tôi có. Tôi đẩy má, Mungo, và cha nội Cá Chua xuống một cái hố trên đồi và lấy chân hất đất lấp lên họ cho tới khi những ký ức về họ tắt thở.

Cái băng ghế mà tôi đang tìm, ở ngay trên đỉnh đồi đang còn trống. Ở lưng băng ghế đã có khắc dòng chữ “Vô Cùng Thương Tiếc Martha A. Tomlin”. Tôi ngồi lên ghế và lấy một thanh lương khô ngũ cốc ra, và trong khi tôi nhắm nháp nó thì tôi nhìn về phía đối diện của Munuresville. London.

Cơn mưa và mây làm cho tầm nhìn không rõ. Thành phố hoành tráng nhất thế giới trông tẻ nhạt. Những cao ốc của nó trải ra giống như một cái bàn dài sau một bữa tiệc lớn, thứ tiệc mà chúng tôi đã từng tổ chức ở Gloucester Crescent khi một trong những album nhạc của ba được phát hành và má phải hỏi ba để biết chắc việc mang đi những bản lậu được cất trong phòng thu của ba ở tầng trệt, trong trường hợp cảnh sát đến soát. Họ chưa bao giờ tới, và tôi chưa có dịp vào phòng thu của ba trong những đêm đó, nhưng tôi thường lẩn quẩn dưới nhà; tôi đã thấy những cái bàn tiệc đó như thế nào. Và London trông giống như một bàn tiệc đầy rác, vương vãi đầy đĩa nhựa và đũa gà gặm dở và lon bia dẹp lép. Thật là yên lặng. Cả hàng triệu người dưới kia, nào là xe taxi, xe tải, xe gắn máy của người đưa thư và tàu lửa. Và thật yên lặng vào lúc nửa đêm, ba tiếng đồng hồ sau khi người cuối cùng rời bữa tiệc.

Có lần, khi ba đang thả diều ở trên đây khi ông còn đi học, ba gặp ca sĩ Fergal Shearkey của ban nhạc rock Understrone's và đã trò chuyện với ông ta. Mười năm sau, ba gặp Fergal ở một phòng thu và nhắc ông rằng họ đã từng gặp nhau ở đỉnh đồi Parly nhưng Fergal không nhớ gì.

Ba má và tôi lên đây vào năm 1999 để ngắm nhật thực. Có cả hàng trăm người và hàng trăm đũa nhóc, ai cũng mang kính bảo vệ đặc biệt được một tờ báo phát miễn phí, tôi cũng vậy. Lúc đó trước giờ học, tám giờ sáng. Chúng tôi chờ mãi nhưng bầu trời có vẻ như chỉ tối lại một chút xíu, và tôi hết sức thất vọng. Nhưng ba nói: “Nhìn mấy con chim én kia.” Mấy con chim nhanh như cắt, có đuôi hình nĩa, đang bay lượn và sà xuống khắp đỉnh và rìa của ngọn đồi. “Chúng đang bắt côn trùng. Lũ côn trùng bắt đầu bay ra bởi vì trời trở nên tối lại nên chúng tưởng là chiều xuống rồi. Và lũ én cũng nghĩ là chiều xuống rồi vì lũ côn trùng bay ra. Tuyệt quá phải không nào?”

Rồi ba giảng cho tôi một bài, chỉ một chuyện duy nhất ba đã giảng cho tôi, bởi vì nhìn chung thì ông không phải là kiểu ông bố hay lên lớp con cái. Bài giảng về chuyện sự vật không cứ phải thật ngoạn mục thì mới là kỳ thú. “Nhạc rock ở sân vận động thì thật là ngoạn mục nhưng không kỳ thú. Một

con chim én nghĩ rằng trời đã về chiều vào lúc tám giờ sáng là điều kỳ thú nhưng không ngoạn mục. Hiều không cứng?”

Trong ngày rải tro đó, chú Jack đã gặp trực trặc với cái hũ tro. Má và chú và tôi ngồi trên cái băng ghế Martha A.Tomlin và những người còn lại đứng vòng quanh, giả bộ đang nhìn về phía London. Tóc của họ bị gió thổi bay ngược lại. Mấy người bạn cũ ở trường Gospel Oak của ba quay đi để châm thuốc lá, rồi lại quay ra nhìn về phía thành phố yên tĩnh. Họ làm như đang ngắm hàng triệu người vô hình dưới kia bởi vì họ đã không muốn phải thấy việc chú Jack đang làm. Chú ấy đang sắp xếp cái hũ tro, hay đang cố gắng làm thế.

Chú lấy nó ra từ cái túi Oddbin và đặt nó trên băng ghế giữa tôi và chú, rồi chú lại đổi ý và đưa nó qua phía bên kia, giữa chú và má, giữa cái ba-lô của chú và cái túi xách tay của má. Má liếc nhìn nó nhưng làm bộ như đang quan tâm đến nhà thờ Chánh Tòa St Paul hơn. Chú Jack thì thầm: “Sẵn sàng chưa?” và má gật nhẹ đầu. Cái hũ tro làm bằng nhựa giả đồng nhưng nó lại chỉ giống như bằng nhựa hơn. Nó giống như một cái lọ cà-phê lớn, có nắp vặn. Cái nắp mới sinh chuyện. Chú Jack không vặn nó ra được. Tôi nhìn qua người má để quan sát chú. Đầu tiên chú thử vặn nhanh và bình thường. Rồi khi không được, chú nghiêng nó qua gần như nằm ngang để nắm cho chặt hơn và kết cục là kéo bật ra, chú vặn mạnh quá. Bọn có thể tưởng tượng cái nắp chọt bung ra và cái được đựng bên trong - là ba - rơi vãi khắp nơi. Nhưng cái nắp vẫn không nhúc nhích chút nào. Thật là buồn cười. Tôi cứ nghĩ rằng có ai đó để tôi nôn nóng kể chuyện này cho nghe, khi mọi chuyện kết thúc. Rồi tôi chọt nhận ra rằng “ai đó” mà tôi nghĩ tới, người mà tôi muốn kể chuyện này hơn ai hết, là người đang ở trong hũ tro.

Cuối cùng chú Jack gọi lớn: “Đây nè, anh Steve,” và má từ băng ghế đứng lên, đi xuống đồi một đoạn ngắn trong lúc Gospel Oak Steve tiến tới và xoay mở cái nắp hũ tro giúp chú Jack. Tôi nghĩ rằng có thể má nhìn tôi, có thể lo ngại về những gì tôi cảm nhận vào khoảnh khắc này, với ba tôi mắc kẹt trong cái lọ cà phê, nhưng má nhìn xuống chân mình suốt lúc đó như thể bà đang chiêm ngưỡng kiểu mũi giày nhọn của bà. Chú Jack tới với má và họ

đứng cạnh nhau ở phía dưới đồi khoảng mười mét trong vài giây, nhìn về phía tòa nhà Quốc Hội, nhìn vào cái cột ăng-ten truyền thông trên đồi ở phía chân trời xa trông giống như một cái hình trong gương của đồi Parly nhưng thật ra là Cung Điện Pha Lê bởi vì ba nói với tôi thế.

Rồi má quay lại mỉm cười với tôi, tôi bước tới với bà, bà vòng tay ôm lấy tôi, và những người còn lại cũng đi tới, chúng tôi đứng thành nửa vòng tròn, rồi má nói: “Tôi định nói vài lời nhưng tôi chắc rằng tất cả các bạn đều có những ý nghĩ riêng về Gerry vào thời điểm này, nên tôi nghĩ chúng ta chỉ nên đứng yên lặng mặc niệm vài giây và rồi Jack sẽ trả cho Gerry sự tự do của anh ấy. Sự...” Rồi má khóc nức lên, nhưng rồi bà lại kềm lại rất nhanh: “Sự tự do của gió và bầu trời và vùng Bắc London mà anh ấy yêu thích. Trời đất, cuối cùng thì tôi cũng nói được vài lời.” Và bà sụt sịt và cười lớn rồi ôm chặt lấy tôi, và tôi ôm xiết lại bà, và mọi người cười một chút và sau đó tất cả chúng tôi đã đứng im lặng, tôi không nhìn London, với cả triệu tòa nhà và con người, tôi đang nhìn đường mòn để chạy bộ màu đỏ thẫm ở chân đồi, tôi đang nhìn một người chạy trên đó, lặng lẽ, không để lại dấu vết nào trên nền đỏ. Rồi má nói nhỏ: “Được rồi, chú Jack à,” và chú Jack mở nắp cái hũ nhưng không lấy hãn nắp ra.

Thay vì vậy, chú nói: “Ừm... tôi không nghĩ – ý tôi là, tôi nghĩ chúng ta nên quay đi bởi vì – Gió, cơn gió sẽ...” Và chú không cần nói gì thêm. Chúng tôi quay đi, chúng tôi xoay lưng về phía London, chú Jack mở cái nắp hũ tro và ba bay nhẹ lên như một chiếc khăn quàng cổ bằng bụi đột nhiên hiện ra, một dải Ngân Hà bằng tro xám bay biến đi mãi mãi ngang đồi Parly, những gì còn lại là một ít tro vương trên túi xách tay của má và ba-lô của chú Jack trên băng ghế, chú Jack kín đáo phúi chúng đi khi hất cái ba-lô lên vai. Má không phúi bụi tro trên túi xách của bà. Nhưng về sau, cái xách tay đó bị nhét xuống đáy tủ, tôi nhận ra điều đó.

Hôm nay không có ai trên con đường chạy bộ. Tôi nghiêng đầu ra ngoài mưa. Tôi thấy những giọt nước mưa đang rơi có vẻ như chậm rãi, dỗi theo chúng rơi xuống cho tới khi mắt tôi mờ đi và mưa rơi nhồn nhột trên mặt tôi. Nếu ba ở trên đó, những giọt mưa hãn phải có màu xám với dải Ngân Hà

của ba. Nhưng những giọt mưa nhìn trong suốt. Tôi vuốt cho chúng rơi ra khỏi trán, khỏi tai, và nhìn những ngón tay mình. Những ngón tay thật tươi tắn và hồng hào, không chút dấu vết của tro.

Không có ai ở gần đây. Tôi có thể nói thật to, như tôi vẫn thường nói trong không gian được cách âm ở trong đầu khi có người khác quanh mình. Ý tôi muốn nói là nói chuyện với ba. Tôi nhớ lại một đoạn trò chuyện ngắn của chúng tôi khi ở trên chuyến tàu đi đến Waterloo. Tôi nói lớn: “Đúng rồi, như ba đã nói, con kẹt ghê gớm trong những chuyện nhảm nhí. Con sẽ không bàn về điều đó ở đây vì chắc là ba sẽ không thích nghe mọi chi tiết đó đâu, nhưng vấn đề là, con phải làm thế nào để thoát ra khỏi chúng đây?”.

Và tôi chờ ba trả lời như mọi khi. Dù là tôi đang ở đâu – trên giường, ở trường, dưới một cái giếng - ba cũng sẽ trả lời cho tôi. Tôi sẽ bắt ba trả lời.

Chờ ông trả lời, tôi lắng nghe tiếng gió và mưa và ngắm nhìn con đường chạy bộ màu đỏ không một bóng người.

Khi ba sắp chết ông đã không nói rằng ông sắp chết với tôi hay với má, và má không nói rằng ông sắp chết với tôi hay với ba, và tôi không nói ông sắp chết với má hay với ba hay với chính mình. Chúng tôi chỉ nói ông đang trải qua một giai đoạn khó khăn. Lúc đó là tháng Hai, trời rất lạnh. Má nấu cho ba thịt hầm đậu với củ hành, tỏi tây và một ít xúc xích, và đặt mua một số sách giới thiệu du lịch rồi ngồi ở cạnh giường ba, họ đã chọn cái biệt thự chúng tôi sẽ ở ở Sicily khi ông khỏe hơn. Hồi đó giường của ba để trong phòng làm việc của ông ở dưới nhà vì dễ dàng cho má trông chừng ba hơn khi bà loay hoay trong bếp, và phòng làm việc của ba có phòng vệ sinh riêng. Căn phòng đó còn có những đĩa nhạc yêu thích của ba đặt quanh các bức tường và một dàn máy hát rất xịn nhưng ông không bao giờ mở nghe một bản nhạc nào khi ông nằm bệnh trên giường.

Lúc đó ông không còn hứng thú về âm nhạc, ông không còn hứng thú về bất cứ điều gì – cả sách vở, hay tivi, hay cả thời tiết bên ngoài ra sao cũng mặc. Chỉ trừ có một lần.

Lần đó, tôi vào thăm thì ông đang đọc một cuốn thơ mà má đã mua tặng ông vài năm trước mà ông chưa có thì giờ ngó tới. Đó là tác phẩm của một

thi sĩ đã từng ở gần vùng Primrose Hill và vợ ông ta đã tự tử chết ở đó. Ba ngược nhìn lên khỏi trang sách khi tôi bước vào và nói: “Nè, nhóc cưng.” Rồi ba gọi má. “Clare ơi, nghe cái này nghe.” Má với một cái khăn lau bếp trên tay, đứng dựa vào khung cửa. Ba đọc bài thơ về một người bạn của tác giả tên là Lucas, một người không bao giờ thay đổi trong suốt bốn mươi năm và giống như một viên đá nằm ở đáy sông. Rồi ông ngược nhìn lên trên cuốn sách và nói: “Đoán xem Lucas là ai nào?”

Má lắc đầu. “Em không...”

“Là Steve đó!”

Ý ông là Gospel Oak Steve. Trước khi ngã bệnh, ông đã không liên lạc với Steve trong nhiều năm bởi vì Steve là một thầy giáo và kiếm tiền ít hơn ba rất nhiều và ba nói vụ tiền bạc đã tạo ra một chút rầy rà khó xử. Nhưng ngay khi ba mới nhuốm bệnh thì ông tới thăm viếng rất thường. Má cho rằng ông là một người tốt trên đời.

Má nói: “Ồ, em hiểu rồi.”

“Em không thích ví von như vậy sao? Như một viên đá nằm ở đáy một con sông.”

“Em tưởng là anh không thích thơ thần?”

Trong một tích tắc, với việc họ đùa với nhau, thì mọi chuyện vẫn y như chưa từng thay đổi.

Má pha trà đãi khi khách đến thăm ông và giúp trả lời khi ông mệt. Má nói nhiều, nhiều hơn lệ thường. Cứ như là những lời của bà đang giữ cho cái mái nhà của trần gian được chống đỡ vững vàng, và nếu bà ngừng lời, nó sẽ đổ sụp xuống.

Nhưng rồi một ngày nọ những lời đó đã thật sự ngừng lại, và mái nhà thế giới chịu thua, và tôi biết điều đó. Tôi đang ở trong bếp, ăn bánh mì nướng kẹp phô mai. Má đang trong phòng với ba và Steve. Tôi nghe họ đang cười. Bỗng nhiên yên lặng. Rồi má bước vào bếp thật nhanh. Má đẩy cánh cửa khép lại sau lưng bà, rồi bật khóc òa. Bà vào bếp vừa đúng lúc, như khi bạn gần như không kịp chạy vào phòng vệ sinh vậy.

Bà nói với tôi: “Má xin lỗi,” và lắc mạnh đầu, lắc đi những giọt lệ lăn ra khỏi mắt. Rồi bà đứng ở góc nhà, đối diện cái kệ nhỏ đặt những lọ gia vị mà có lần tôi giúp bà đổ đầy và dán nhãn lên, một triệu năm trước khi má còn là một bà mẹ hiền, chứ không phải mẹ đàn bà đã thỏa có một thằng con bí mật, và tôi là một đứa con ngoan chứ không phải là một thằng quý quái ranh ma và hung tợn. Má yên lặng nhưng tôi biết bà đang khóc. Tôi định đứng lên bước đến bà. Nhưng trông bà rất cứng rắn. Tôi tưởng tượng mình bước đến vòng tay ôm quanh bà giống như đang ôm một cái cột gôn. Má không cần tôi, không cần tôi trong lúc đó. Má cần ba.

Má muốn ông tới từ phía sau bà, râu không cạo, mang đôi giày da báo với ly rượu đầu ngày trong hơi thở. Nên tôi không tới bên bà, tôi làm điều duy nhất mà tôi có thể nghĩ ra để cho má cảm thấy dễ chịu hơn. Tôi nghiền thật lớn tiếng những mảnh phô-mai vụn để rắc lên bánh mì nướng. Và tôi nghĩ về điều tôi biết, điều mà bây giờ tôi biết rằng tôi đã biết nó từ lâu. Ba đang chết từ từ.

Sau khi chúng tôi rải tro của ba lên trời và theo gió ở đồi Parliament, má nói hãy nghĩ tới ba như ông ở khắp quanh đây.

Tôi hỏi: “Ba sẽ luôn luôn ở khắp quanh đây không?”

“Nếu con muốn ba như vậy, thì đúng vậy. Nhưng sau một thời gian – bây giờ con có thể không nghĩ như vậy - nhưng sau một thời gian, con không muốn ông quanh quẩn nhiều quá. Thì ông sẽ không còn thế nữa. Đời sống là vậy đó. Thời gian giúp chúng ta.”

“Thời gian làm mất ông đi, má muốn nói vậy.”

Và bây giờ tôi nghĩ lại, từ lúc gặp ba trên chuyến tàu tới Waterloo đến khi tới đồi Parliament - trong vài phút ngời lặc lư bên dưới London trên chuyến tàu tuyến Bắc gần lúc khởi đầu thế kỷ hai mươi mốt – rất cuộc thời gian đã làm xong điều nó luôn luôn làm. Và ba đã chết.

Từ đồi Parly tôi đi bộ xuống tàu điện Kentish Town. Tôi mua một cái bánh mì thịt nướng kebab trên đường và ăn trên chuyến tàu điện tới Camden. Ở Camden tôi lên thang cuốn, bước vào trong đủ loại mùi của củ hành và nước mắm và rau cỏ và bọ du thử du thực và cái kebab trong tay.

Tôi đi ra lối đi bên trái và rẽ trái. Xuống dưới hai cửa là cửa hiệu Doc Marten. Tôi tìm đôi giày giống như của ba trên cửa sổ nhưng không thấy đôi nào. Tôi bước vào. Cũng cô gái đã bán cho ba đôi giày ở đó. Tôi nhận ra cô bởi vì cô có một cái hình xăm đóa hoa trên cổ. Cô hỏi: “Em tìm món gì đặc biệt à?” nhưng cô ta lại phát âm là “đặt biệt”.

Tôi đáp “Không,” và nhìn loanh quanh. Ban đầu tôi không thấy chúng. Rồi tôi thấy chúng. Chúng đang nằm trên sàn nhà phía sau. Chiếc bên trái trong hộp và chiếc bên phải được bày trên nắp hộp. Tôi nhặt nó lên. Đế giày sạch như móng đất một đứa bé. Lớp “da báo” thật đẹp và rậm mềm, chiếc giày nặng vừa phải, nặng chừng một trái dưa nhỏ. Cô gái trông chừng tôi. Cô nói: “Đúng hiệu George Cox đó.”

“Tôi biết,” tôi suýt hỏi cô có nhớ là tôi đã vào đây với ba khi ông mua đôi của ông hay không. Rồi tôi có thể cho cô ta biết là ba tôi đã mất. Nhưng tôi chắc là cô ta không thể nhớ ra đâu.

Khi ba mang thử đôi giày, cô đã nói: “Đôi giày này chính nà hàng hiệu đấy.”

Ba đã nói: “Đúng vậy, phải không nào?”

Và cô đã nói: “Đúng hiệu George Cox.”

Khi chúng tôi ra khỏi tiệm, tôi cầm cái hộp đựng đôi giày của ba trong một cái túi, tôi hỏi ba: “Cô đó nói giọng gì vậy ba?”

Ba đáp: “Giọng Geordie.”

Thế giới đã không ngừng xoay trong khi tôi đi xa. Tất cả những gương mặt này tiến về phía tôi khi tôi đang đi dọc theo đường High về phía vùng Lock. Những người tôi nhận ra đều nhận ra tôi. Họ chỉ không biết một điều đã xảy ra từ lần cuối họ gặp tôi, đó là họ không gặp con người cũ mà họ đã từng biết.

Một cái cánh đã rơi ra khỏi cái chiếc máy bay màu bạc sắp sửa đâm xuống vỉa hè. Nó đã tan tành trước khi nó đâm xuống.

Rồi tôi thấy Sue Blass. Tôi không thể tin được. Và không chỉ có mình Sue thôi. Cô đi với anh của Barry Lunc - và chính thẳng Quái thú. Họ đang đi

lên từ đường Inverness, tiến tới đường High thẳng góc tới tôi. Anh của Barry vòng tay ôm Sue, còn Barry thì theo sau cách vài bước. Cô có cái khoen đeo ở rốn và mặc chiếc áo thun có hình Che Guevara^[26]. Ba cũng có một cái phù hiệu hình Che Guevare. Má cũng đã trầm trở về cái phù hiệu đó. Tôi đứng yên đó khi họ bước tới tôi. Tôi định cười một cái, nụ cười mà tôi hy vọng sẽ nói lên rằng tôi đang vui vẻ và bảnh lắm. Nhưng tôi không cần phải lo vì những đôi mắt của họ nhìn thẳng xuyên qua tôi, họ bay xuyên qua tôi như thể họ là cơn gió và tôi là làn khói.

Bạn sẽ không thể tin điều tôi làm ngay sau đó. Tôi tới đứng trước cửa số một cửa tiệm để kiểm tra xem tôi có còn bằng xương bằng thịt hay không, và tôi có còn trông giống tôi không, không giống một thằng nhà quê một ngày rời Manuresville tới Camden để mua một gói cần sa mà thật ra là một nhúm cỏ khô với giá khoảng ba mươi bảng.

Trời đã ngừng mưa nhưng bắt đầu trở lạnh một chút và khi đi lên đường Inverness thì tôi lấy chiếc áo ấm trong ba-lô ra mặc vào. Tôi đi băng qua tiệm bán băng đĩa nhạc Out On the Floor Records, chắc Barry, anh của Barry và Sue Blass đã vào đó, có vài tay cò con đang bán cần sa, rồi rẽ trái vào khu Gloucester Crescent.

Có một giàn giáo ở trước nhà chúng tôi, và một cái cần trục trong vườn trước. Tôi thấy mình nổi giận. Căn nhà của chúng tôi có tệ hại lắm đâu mà ai đó phải sửa chữa nó nhiều đến vậy? Tôi đứng bên đường nhìn lên các cửa sổ của căn nhà, tìm dấu hiệu của sự sống. Một đứa con gái mặc áo da có mũ trùm đầu đi ngang qua. Tôi không để ý tới nó. Rồi nó rẽ vào lối đi vào nhà và bước lên những bậc thang dẫn tới cửa trước ngôi nhà của chúng tôi. Nó nhấn chuông nhà của chúng tôi. Trong lúc chờ đợi con nhỏ quay lại và ngó tôi chăm chăm. Sau một vài giây, cửa chính ngôi nhà của chúng tôi mở ra. Tôi thấy một người đàn bà mặc áo ngủ quấn cái khăn tắm trên đầu. Người đàn bà ôm đứa con gái, rồi con nhỏ nói gì đó và bà ta nhìn tôi qua vai nó. Cửa trước ngôi nhà của chúng tôi đóng lại.

Tôi vẫn cứ đứng đó. Khuôn mặt người đàn bà hiện ra ở cửa sổ tầng trệt. Bà ta đã tháo cái khăn tắm ra khỏi đầu. Khuôn mặt bà ta biến mất. Chắc bà

ta đang gọi cảnh sát. Nhưng đâu có luật lệ nào nói là bạn không thể đứng bên đường nhìn vào ngôi nhà của chính mình.

Nhưng mặt khác, có thể cảnh sát sẽ nhận ra tôi giống với sự mô tả mà họ phải có về thằng nhóc đã đục thủng Khạc Đờm te tua và họ có thể bắt tôi vì điều đó.

Tôi đi xuống cạnh con kênh, ngồi lên băng ghế và ăn một thanh lương khô ngũ cốc nữa và một gói phô-mai và củ hành chiên giòn. Tôi phải kiểm tra cho chắc rằng đó không phải là cái băng ghế mà tôi đã ngồi khi tôi nện thủng Khạc Đờm. Rồi tôi nhớ ra rằng không có khả năng thủng Khạc Đờm chết bởi vì Barry đã gặp lại hãn kể từ vụ đó, và điều đó khiến tôi vui lên một chút bởi vì có nghĩa là tôi có thể trở thành một thằng nhà quê có gen của cha nội Cá Chua lưu truyền trong cơ thể, đeo những cái cà vạt nhỏ, và cái người mà tôi yêu thương như cha mình cuối cùng có thể đã tiêu tủng trong tôi, và có thể tôi có một thằng anh em con hoang, và có thể má tôi là kẻ phản bội vĩ đại nhất thế giới, nhưng ít ra tôi không là một thằng giết người, hay một kẻ ngộ sát.

Người ta đang trở về nhà. Tôi biết điều đó nhờ cái cách họ bước, với một chủ đích trong bước đi. Chắc họ sẽ xem tivi và ăn một miếng pizza. Có lẽ họ sẽ mặc thử một món quần áo gì đó như là một cái áo khoác mà họ đã mua ở khu Lock hồi cuối tuần và đang chờ có dịp để diện vào. Kẻ duy nhất không trở về nhà là bọn vô gia cư và tôi.

Những kẻ vô gia cư nhìn lảng đi nếu bạn nhìn chăm chăm vào mắt họ. Một đứa con nít năm tuổi có thể thủng một kẻ vô gia cư trong trò chơi xem ai chớp mắt trước.

Ở chỗ con kênh rẽ gấp, tôi bước lên những bậc thang lên con đường, băng qua con kênh trên cái cầu dành cho người đi bộ, băng qua vòng đai của công viên Regent's, và đi xuống về phía dẫn tới chuồng sói. Tôi thấy phấn khích. Tôi lại nhớ những điều ba đã nói về biển và đôi, cái cách chúng hấp dẫn ta về phía chúng. Ngọn lửa trong hộp sọ lũ sói đang hấp dẫn tôi.

CHƯƠNG 14

Khi ba nằm trên giường trong phòng làm việc ở dưới lầu của ông – hay nói cách khác là khi ông sắp chết, nhưng chúng tôi không bao giờ nhắc tới chữ N (là chữ viết tắt của Ngủm) – thì tôi thường tìm tới thăm lũ sói mỗi ngày. Ra khỏi trường, leo lên xe buýt xuống đường Camden High rồi đi dọc theo bờ con kênh tới công viên. Lẩn quẩn chơi với lũ sói một lúc rồi đi bộ về nhà, tim tôi đập nhanh dần khi tôi tới gần nhà và tự hỏi chuyện gì đã xảy ra trong ngày hôm đó. Bởi vì luôn luôn có chuyện xảy ra. Ống dẫn chất thải của ba bị rò, hay người y tá khu vực phải gọi bác sĩ tới vì huyết áp của ba xuống thấp quá, hoặc có lần ông nhìn thấy một khuôn mặt trên trần nhà và nó không chịu biến đi.

Những chuyện xảy ra không bao giờ là điều tốt cả, tất nhiên là thế rồi, bởi vì mỗi ngày ông càng tệ hơn, ông đang chết thêm một tí. Trừ có một lần thôi. Lần đó có một điều kỳ diệu xảy ra.

Hôm đó trời rất lạnh, lạnh đến nỗi bờ kênh bị đóng băng. Mấy con vịt không thể nào xoay sở được. Trong khi đi dọc theo con đường trên bờ kênh tôi ngắm chúng cố gắng bước lạch bạch trên lớp băng rồi té nhào. Lũ sói thì chịu lạnh rất giỏi vì chúng tới từ miền băng giá phía Bắc. Có thể nhìn thấy cả thảy tám con, nhiều hơn mọi lần khác mà tôi được thấy chúng cùng một lúc ở ngoài hang. Tám hơi thở bốc khói trong khí lạnh hoang dã. Có một vài con đứng, mũi nghếch lên, những con khác xoay người, chạy chậm chậm và ngừng lại. Rồi chạy chậm chậm. Tất cả đều hít hà không khí và ngửi mùi giá rét Bắc cực đang thổi về phía chúng. Vài con trong bọn chúng nhìn tôi ra vẻ dụi dàng.

Có điều gì đó khác lạ, có điều gì đó đang thay đổi. Đó là điều chúng nói với tôi. Tôi nhìn hơi thờ mình toả khói và cũng cảm nhận điều đó.

Thả bộ trở về dọc theo Gloucester Crescent, một cảm giác gần như hào hứng trào lên. Đèn đường rọi lên những cái yên xe đạp. Một mùi lửa đốt rác, đèn thẳng xe nơi con đường dốc lên về phía giao lộ chữ T, một con mèo nằm bẹp trên một bức tường, ngó tôi đi qua.

Ba tạm ổn, bạn hẳn khó biết được có điều gì tệ (trừ chuyện ông đang nằm trên giường dưới nhà, và trông giống như một kẻ biếng ăn, và đang bị dính chặt vào cái bọc nhỏ chứa nước tiểu).

Ông đặt quyển sách đang đọc xuống. Đó là cuốn thơ mà ông đọc trước đây. Nó có cái bìa màu cam và vàng trông giống như một bức ảnh cận cảnh của một ngọn lửa. “Có chuyện gì xảy ra vậy, hả cưng?”. Ông hỏi. Mặt ba hướng lên trần nhà khi ông nói, nhưng đôi mắt thì lại đang nhìn tôi.

“Elvis vẫn sống nhăn. Không có gì nhiều đâu ba.”

“Nghe vậy cũng mừng. Con mới ở đâu vậy?”

“Ở ngoài công viên một lát.”

“Công viên Regent’s hả?”

Tôi gật đầu. Trước đây tôi chưa kể cho ông nghe về việc đi thăm lũ sói. Tôi bối rối vì ông có thể nghi ngờ rằng việc tôi muốn gặp lũ sói hoài là do ông đang bệnh và điều đó làm tôi buồn bực xiết bao. Nhưng bây giờ tôi đã cho ông biết, bởi vì điều đó thấy cũng đúng thôi, tôi vẫn cảm được vẻ đẹp của bọn chúng trong giá lạnh, ánh sáng nhập nhòa. “Xem lũ sói.” tôi nói.

“Con đang đùa với ba mà.”

“Không đâu ba.”

Ông có vẻ rất hứng khởi. Ông cố gắng ngồi lên. “Ê, Clare ơi,” Ông gọi lớn. “Clare.”

Má đi tới cửa. Bà đang cầm một củ tỏi tây như thể nó là một thanh kiếm.

Ba nói: “Đoán xem Davy Crockett đã đi đâu nào?”

Má nói: “Nào, làm cho em ngạc nhiên đi.”

Ba nói: “Chỉ để nhìn lũ sói ở công viên Regent’s, vậy thôi.”

Má nướng mày, không hiểu ra ý của ba. Tôi cũng không hiểu.

“Và anh đã đọc cái gì chiều nay, đúng ngay lúc cậu nhóc đang đứng ngoài chuồng sói? Là một bài thơ về lũ sói trong vườn thú của công viên Regent’s, vậy đó. Nè, nghe nè.” Và ba lật cuốn sách có cái bìa hình ngọn lửa lên rồi đọc một vài câu nói về những vầng trăng của tháng Hai và tháng Ba và tiếng tru của sói an ủi lòng ta.

Dải băng nhựa màu đỏ cho tôi biết điều gì đã xảy ra. Tôi thấy nó từ trên cao gần cửa vào công viên. Tôi đang bước nhanh, tưởng tượng ra sự giao tiếp theo kiểu của sói mà tôi sắp thực hiện. Đôi lúc khi tôi đến chuồng sói, thì không có bóng dáng một con sói nào cả. Chúng ở dưới đất, trong hang của chúng. Có khi mất cả bốn chục phút để có con chui ra, nhưng tôi không quan tâm. Tôi chỉ đứng đó, cạnh bên hàng rào, chờ chúng. Đó là một kiểu chờ đợi rất thú vị, như chờ món cà-ri Thái ở cái nhà hàng Thái nhỏ xíu ở Kentish Town khi ba cho phép tôi uống hai ngụm bia lạnh của ông.

Khi tới gần hơn, tôi thấy một chiếc xe ủi đất màu vàng rất lớn với những vết bánh xích trong chuồng sói. Tôi chạy những mét đường cuối để tới hàng rào. Bây giờ tôi hiểu cái dải băng nhựa màu đỏ. Nó là loại băng mà người ta rào xung quanh những địa điểm xây dựng. Chuồng sói là một địa điểm xây dựng. Người ta đang phá hủy nó. Thật ra nó không còn là cái chuồng sói nữa. Tay tài xế xe ủi đã về nhà, bỏ chiếc xe nghiêng nửa chừng trên ụ đất vốn là cái hang sói. Phần nửa ụ đất đã biến mất. Những cây xà gỗ để làm cái hang đang nằm trên mặt đất, gãy nát hết.

Tôi chạy vòng lại cửa sở thú. Mưa phùn bắt đầu rơi và có khoảng ba trăm khách du lịch người Nhật đang mặc áo ngoài có mũ trùm cùng một lúc. Tôi tìm thấy một tay mặc áo cộc tay màu trắng và hỏi: “Ông làm ở sở thú này phải không?” và hắn trả lời đúng.

“Chuyện gì đã xảy ra với lũ sói vậy?”

“Chúng đi mất rồi.”

“Tôi biết. Khi nào thì chúng trở lại?”

“Chúng không trở lại đâu. Chúng đã được dời đến công viên Whipsnade Wildlife rồi.”

“Không bao giờ trở lại à?”

“Không, mấy con đà điểu sẽ ở chỗ lũ sói đã từng ở.”

“Đà điểu à?”

“Đúng rồi, xin lỗi nghe.” Một bà Nhật đang cầm một cái bản đồ tiến tới gã.

Tôi đi lại phía nơi đã từng là chuồng sói. Bây giờ trời mưa lớn hơn. Tôi vòng vào trong công viên và cố đi dưới mấy hàng cây để chúng che mưa cho. Rồi mưa quá lớn khiến tôi ngừng lại và đứng gần một gốc cây, cố được che bớt mưa càng nhiều càng tốt. Không có cảm giác như CHẴNG CÓ GÌ QUAN TRỌNG. Khi cơn mưa hơi nhẹ hạt, tôi chạy trở lại lối vào sở thú, cố tìm tay mặc áo trắng nhưng gã không còn ở đó. Thay vì vậy tôi gặp một bà mặc áo cộc tay màu trắng và nói với bà: “Xin lỗi, công viên Whipsnade Wildlife ở đâu vậy?”

“Whipsnade? Nó ở vùng Bedfordshire.”

“Là ở đâu vậy? Làm sao mình có thể tới đó? Mấy giờ thì họ đóng cửa?”

“Ô ô, từ từ thôi. Cậu nói má hay ba lái xe đưa cậu đi, vậy là tốt nhất.”

“Tôi không có ba.”

“Ô, tôi xin lỗi. À. Nhờ má cậu đưa tới đó.”

Tôi không hiểu lý do vì sao, nhưng tôi nói: “Bả đang ở trong nhà vệ sinh.” Rồi tôi hỏi: “Mấy giờ thì Whipsnade đóng cửa?”

“Tôi nghĩ vào mùa hè là sáu giờ.” Tôi nhìn đồng hồ. Bây giờ là năm giờ mười lăm. Người đàn bà bật cười lớn: “Hôm nay cậu không tới đó kịp đâu.”

* * *

Tôi ngồi trên một băng ghế trong công viên. Tôi ăn thêm một thanh lương khô, một ít phô-mai trong cái gói đã mở, và một bao khoai tây chiên giòn rồi uống hộp Ribena^[27]. Tôi lấy cái điện thoại di động ra và tự hỏi có nên mở máy không. Má biết tôi đang mất tích chưa nhỉ? Chắc là chưa đâu. Ngay cả

nếu má điện thoại về nhà và tôi không trả lời, thì má sẽ nghĩ là tôi cỡi xe đạp đi chơi đâu đó. Đã năm giờ bốn mươi. Má chắc sẽ về nhà trong vòng nửa tiếng nữa. Cho thêm sau đó một giờ nữa, cho là bảy giờ mười lăm đi, thì má sẽ bắt đầu hoảng.

Và điều đầu tiên má sẽ làm là gì? Gọi cho Cá Chua.

Trời đã ngừng mưa nhưng vẫn còn lạnh. Công viên gần như vắng tanh.

Đã tám giờ bốn mươi lăm, trời tối dần. Một tay mặc đồng phục màu xanh đi tới. Ông ngừng lại. “Mày có ổn không, hả nhóc? Mày đang ở đây một mình à?”

“Tôi đi với má tôi nhưng bà đang đi kiểm nhà vệ sinh.”

Người đàn ông có vẻ hơi bối rối. Ông nhìn quanh, ngần ngại: “OK, à, cổng sắp đóng trong vòng mười phút nữa cho nên bà không có nhiều thời gian đâu. Bà đi đâu rồi?”

“Lối kia kìa.” Tôi chỉ hướng Camden của công viên. “Tôi đi tìm bà đây.”

“Bảo trọng nhen,” người đàn ông nói. Nhưng ông không bỏ đi, đứng đó nhìn tôi trong khi tôi nhét đồ vào ba-lô và bỏ đi. Đi được khoảng năm mét, tôi ngoái nhìn lại, ông vẫn còn đứng nhìn theo. Ông vẫy vẫy tay và tôi vẫy lại. Lần sau đó khi tôi nhìn lại thì ông đã đi mất.

Tôi đổi hướng ra khỏi lối đi và tiến tới mấy lùm cây. Tôi bò vào trong đó. Ở giữa có một chỗ trũng vừa với thân người ngấp trong xác lá rụng. Tôi thử nằm xuống. Thật là thoải mái. Bỗng nhiên tôi thấy một kinh người. Tôi mà nhắm mắt lại là ngủ liền nhưng tôi buộc mình phải ngồi dậy. Tôi lấy con dao Swiss Army của ông ngoại trong ba-lô ra mân mê cầm chơi, chờ đến thời điểm không thể quay về. Thời điểm không thể quay về là khi người ta khóa cổng. Tôi kéo cái lò xo xoắn để mở nắp chai trên con dao nhíp ra rồi xoắn nó xuống mặt đất. Tôi ngó lên xuyên qua cành lá.

Mặc dù gần như đã tối mịt, bầu trời trông vẫn sáng hơn so với các tán cây. Rồi tôi thấy mặt trăng. Tôi lôi cái ống nhòm của ông ngoại ra và ngắm mặt trăng. Thật là kỳ diệu. Nó màu bạc và hơi bị vệt đi, giống như cái khóa dây lưng mà ba mua ở hiệu Keith Richards mà má đã trầm trồ.

Chín giờ mười lăm. Vào giờ này, tôi biết các công công viên đã khóa và chắc má đang lo hoảng lắm. Tôi gõ đầu lên chiếc gõ bằng lá cây rồi nhắm mắt lại.

Má ứng xử rất khôn ngoan, như mãi lâu về sau này bà kể lại với tôi khi mọi chuyện đã êm xuôi. Bà cố suy nghĩ. Mungo có thể đi đâu đây? Đến nhà của Vern? (không rồi). Nhà của Barry? (không luôn). Gloucester Crescent. Camden Lock. Con kênh. Chúa ơi, con kênh. Hampstead Heath.

Tất nhiên cha nội Cá Chua có dính vô vụ này. Ông tới nhà ngay và gọi điện cho tay cảnh sát Strickland. Cái cha nội nôn ra phô-mai bông cải trắng thay vì lời nói đã báo cáo với cảnh sát vùng Camden Town và họ gởi nhiều cớm tới Health, đặc biệt là ở vùng đồi Parly, mà tôi không có mặt ở đó. Suy nghĩ, suy nghĩ nữa. Còn chỗ nào khác không ta?

“Có thể là công viên Regent’s lắm.” Má nói. “Nó từng thích tới đó để xem lũ sói.”

Cảnh sát Camden Town bàn với cảnh sát công viên, rồi cái ông nhóc mà hẳn đã bị một tên ấu dâm làm hại và bỏ chết mặc xác ở công viên Regent’s được hồi sinh.

Bà cảnh sát ở công viên bỏ tôi lên ghế sau, kéo mền dưới đôi ủng và quần xung quanh người tôi. Bà nói với người cảnh sát công viên: “Nổ máy xe đi và vặn máy sưởi lên.”

Người cảnh sát công viên nổ máy xe và cái máy sưởi được vặn tối đa, chỉ có điều lúc đầu nó thổi ra khí lạnh chứ không phải hơi ấm. Ông ta nhặt cái máy điện đàm trên bảng đồng hồ và nói: “Vâng, chúng tôi tìm được nó rồi. Ở công viên Regent’s. Trong lùm cây. Đúng rồi. Lạnh, ướt nhẹp và tội nghiệp lắm nhưng mặt khác... Tất nhiên rồi.” Ông ta ngoái ra sau đưa cái điện đàm cho tôi. “Nè, con trai. Nói chuyện với má mà đi.”

Tôi áp cái điện đàm lên tai. Má nói: “Ôi, cưng ơi. Ôi, cảm ơn Chúa. Má sẽ tới đó liền ghen. Con có làm sao không? Chuyện gì xảy ra vậy? Mà dù cho có chuyện gì đi nữa, quan trọng nhất là con bình an. Con có làm sao không?”

Và rồi tôi đã nhớ ra. “Người ta đem lũ sói đi mất rồi,” tôi nói.

* * *

Bà cảnh sát giảng cho tôi một bài về việc tôi may mắn lắm, vì có thể một thằng ấu dâm hay một thằng khùng nào đó tóm được tôi lắm chứ. Rồi bà ta hỏi tôi xem có gì không ổn ở nhà không, và tôi có muốn nói về điều đó không, nhưng không đời nào tôi lại nói về đời sống tình dục riêng tư của má và thằng anh em con hoang của tôi với một bà cảnh sát coi công viên, cho nên tôi chỉ nói: “Ba tôi đã chết rồi.”

Trên đường trở về Manuresville với má, tôi cố không nói gì. Tôi có thể cảm thấy là má đang giận, rồi cố gắng kiềm chế lại. Má biết bà không nên giận tôi. Tôi chỉ mới ngủ bụi có một đêm ở London và tôi mới có mười lăm tuổi. Tôi có thể bị một thằng khùng nào đó thịt rồi. “Làm ơn đi Mungo,” má nói. “Làm ơn cho má biết chuyện gì đang xảy ra vậy. Má sẽ không giận đâu, má hứa. Nhưng má cần phải biết chuyện gì không ổn để mình có thể giải quyết nó chứ.”

“Con nói với má rồi. Người ta đem lũ sói đi mất rồi.”

“Điều đó có ý nghĩa gì đây? Nói cho má biết điều đó có nghĩa là gì đi, Mungo. Giúp má để má có thể giúp con. Để chúng ta có thể giúp đỡ lẫn nhau.”

“Họ dẹp cái chuồng sói ở sở thú đi rồi. Điều đó có nghĩa là vậy đó. Ở sở thú con hỏi họ và họ nói lũ sói đã tới Whipsnade. Chỉ có vậy thôi.” Tôi nhìn ra cửa sổ đến khu ổ chuột của London. Biển quảng cáo và những cầu treo và các cánh đồng đầu tiên. Vùng đất quê mùa sắp đến rồi.

“Ôi, cưng ơi.” Má đặt tay trái lên vai phải của tôi.

Tôi nhấc vai và hất tay má ra. Đó là một cách khác mà má và tôi có thể chuyện trò trao đổi, chỉ cần đụng và không đụng vào nhau.

“Con ngủ trong cái vũng đầy nước. Thật là một việc làm rất cô đơn đối với một chàng trai. Tại sao con làm vậy? Con phải nói cho má nghe.”

“Chỗ đó khô ráo khi con tới ngủ,” tôi đáp. “Con đâu có tính ngủ trong cái vũng ướt mềm đâu. Con đâu có ngu.”

Má không đáp lại. Tôi nhìn chăm chú về phía trước, chỗ cái bề mặt màu xám và những bảng hiệu màu xanh của xa lộ, và những cánh đồng và cây cối ở cả hai bên đường. Bây giờ chúng tôi đang ở giữa khu Manuresville phát triển. Không có nhiều xe chọn con đường vui vẻ tới Vùng Nhà Quê với chúng tôi vào lúc bảy giờ sáng. Tôi tưởng tượng xa lộ là đường thẳng đứng, không phải đường nằm ngang. Chúng tôi đang chạy với vận tốc 77 dặm giờ trên chiếc Skoda, càng lúc càng sâu dần xuống dưới đất. Vụ này khủng quá, chúng tôi nôn nóng tự chôn sống mình đến vậy sao?

Thường xuyên, khi má vượt qua mặt một chiếc xe khác thì cái đồng hồ báo tốc độ rung lên như một con côn trùng trong bờ rào.

Má hít một hơi thật sâu, như thể bà sắp sửa nói điều gì, rồi thở ra mà không nói gì cả. Thêm một hơi thở sâu nữa – và lần này bà nói. “Mungo nè, tin má đi, má chưa đánh giá sai về việc chuyện gì đáng cho một chàng trai đánh mất...”

“Nhảm nhí.”

Má giữ thật bình tĩnh. Bà đang chồm tới trước và nhìn chăm chú xuyên kính chắn gió như thể bà đang tập trung vào những đường kẻ sơn trắng đứt gãy trên tuyến đường. “Con sẽ nghe má nói rõ về chuyện này. Con không phải nói điều gì cả nhưng con sẽ lắng nghe những điều má của con... bởi vì đó chính là má, má của con, với tất cả những trách nhiệm ràng buộc - con sẽ phải bày tỏ sự tôn trọng bằng cách lắng nghe những điều má nói. Đồng ý không?”

“Không.” Tôi đáp. “Không đồng ý. Con không cần biết cái khi gì về điều má phải nói bởi vì trước đây con đã nghe tất cả những điều đó rồi, và nó thật là nhảm nhí, và con biết về đứa anh em con hoang của con và ai là cha thật của con, nên má không phải nói dối nữa.”

Tôi nhìn ra ngoài cửa kính xe, nơi hàng chữ lớn sơn bên hông một chiếc xe tải đỗ hàng trên cánh đồng: HÃY TỰ HÁI DÂU CHO MÌNH, RẼ LỖI KẾ.

Im lặng. Đồng hồ báo lại kêu lên. Rồi má hỏi: “Cái gì, má nghe không rõ?”

“Má nghe rồi mà,” tôi đáp. “Hèn gì má dọn lên Manuresville sau khi ba chết. Má muốn gần cả hai bọn họ.”

“Con đang nói cái giống gì vậy?”

Nhưng tôi im lặng. Tôi không chơi trò chơi này của bà cũng như tôi sẽ không chơi những trò của Mungo.

“Lối rẽ của mình đây rồi,” má nói. “Chờ chút nghe và mình sẽ nói cho ra lẽ chuyện này.”

Đồng hồ báo lại tích tắc, chiếc Skola chậm lại và quẹo qua lối bên trái của xa lộ. Đèn giao thông chuyển màu xanh khi chúng tôi chạy đến. Có một chỗ đậu xe. Chúng tôi chạy chậm lại rồi dừng. Trước mặt chúng tôi có một gã đang dỡ hoa từ đằng sau chiếc xe tải nhẹ và sắp xếp chúng lên một cái quây.

Má tắt máy quay qua tôi, định vuốt tóc tôi. Tôi quay đầu đi, nện mạnh gáy vào cửa sổ xe phía bên hành khách. Má thở dài đặt tay lên đùi. “Giờ con định nói gì với má đây?” Má hỏi, “Có phải má nghe con nói con nghĩ là con có một thằng em?”

“Con biết con có,” tôi nói. “Con gặp hẳn rồi. Cho nên đừng nói dối con nữa.”

“Được rồi, được rồi. Vậy tên nó là gì, cái thằng anh em gì đó của con?”

“Má biết tên nó là gì mà.”

“Nhắc cho má đi.”

“Thật là lố bịch. Má không thể tránh né được đâu.”

“Thì cứ nói tên của nó cho má xem nào.”

“MUNGO!” Tôi gào lên. “Má vừa lòng chưa?”

Má ôm lấy đầu. “Ôi, cưng ơi.” Má nói, “Con là Mungo.” Má lại với tay qua tôi và lần này tôi không còn đủ sức để cản bà. Và trong khi bà vuốt tóc tôi, tôi kể cho bà nghe phần còn lại của bí mật, rằng cha Cá Chua chính là cha ruột của tôi.

Má xiết tôi thật chặt làm tôi nghĩ tôi nghẹt thở. Má nói: “Ôi, cưng ơi. Thật là một điều khủng khiếp. Làm sao con có thể tin vào điều đó chứ, dù chỉ một giây thôi? Con rất giống ba con, không đúng sao. Còn đôi mắt xanh của con

thì sao, giống ba không? Tóc con xoăn, giống ba không? Cánh mũi thật đẹp của con, còn... còn cái tạt to mồm của con nữa, vì Chúa lòng lành? Chỉ có một người duy nhất có những thứ đó thôi. Sao hả?”

Mắt tôi khóc làm ướt áo má. Sau một lúc má nhẹ nhàng nhấc đầu tôi ra, và nói. “Tốt rồi. Điều này rất tốt. Con biết mà, trước đây con chưa thật sự khóc cho ba con. Con có khóc một chút ngày ông chết nhưng từ đó tới giờ con giữ hết ở trong lòng, đúng không nào? Ngay cả trong ngày đưa tang. Con đã thật là tuyệt, má rất hạnh diện về con. Nhưng cũng có khi con người ta có thể trở nên quá tuyệt. Cả con cũng vậy.”

Hai ngày sau chúng tôi trở lại London, tại phòng tư vấn khi có người thân qua đời ở công viên Belsize, nơi mà tôi đã tới sau khi ba mất. Tôi có ba buổi học ở đó sau khi ba mất. Tay chuyên viên tư vấn có một cái cằm màu xanh thật lạ vì cạo râu nhiều quá, nhẵn thín và xanh như quả mận có một kẽ nứt trên đó. Ông không phải là một tay dở nhưng ông không hiểu nhiều về trẻ con, điều này là một hạn chế khi ông là chuyên gia trong việc nói chuyện với chúng. Ý tôi muốn nói là bạn có thể qua mặt ông dễ dàng. Ông nói về sự giận dữ và việc tống nó ra khỏi con người mình là rất quan trọng, và vào cuối buổi học thứ ba, ông mời má tôi vào phòng và nói rằng tôi tỏ ra trưởng thành đáng kể đối với một đứa mười lăm tuổi có cha mới qua đời.

Một tuần sau đó tôi đọc thẳng Khắc Đờm gần chết. Nhưng ê nê, tôi đã tống cơn giận dữ của mình ra ngoài vậy thì còn vấn đề gì nữa đây?

Lần này trở lại, chúng tôi nói về cái mùa hè đầy khó khăn của tôi. “Mungo đã có một mùa hè thật tồi tệ,” má kể với ông ta, và má nói hết những chuyện khác nhau về việc dời nhà tới một môi trường hoàn toàn mới và không quen biết ai cả, và cái ngày khó khăn tôi đã trải qua khi những đứa bạn ở London xuống chơi và vụng bả nhà đi, và rồi (tôi để ý thấy không hề nhắc gì tới Cá Chua) bà nói đến việc thật sự làm bà phiền lòng – làm phiền lòng cả hai chúng tôi. “Tôi nghĩ là,” má gần như nói thì thầm: “có một chút gì đó lộn xộn giữa thực tại và huyền tưởng ở trong đầu Mungo. Nó luôn có một óc tưởng tượng phong phú. Ba nó từng nói...” “Làm ơn thôi đi,” tôi nói.

“Thế nào đi nữa,” má nói tiếp, “thì nó đang sống một mình lâu quá rồi, tới mức mà... này, kể với bác sĩ Cousin đi, Mungo, những gì con nói với má đó.”

“Tôi gặp một đứa con trai kia mà tôi nghĩ nó là anh em của tôi.” Tôi nói. “Và nó nói với tôi là... à, nó không thật sự nói với tôi, nhưng gần như cho tôi biết... rằng cha tôi không phải là cha ruột của tôi, mà lại là cha của nó, cái ông có tên là Brian Boland đó.”

Má nhìn ông bác sĩ và nói. “Thật là rắc rối, tôi biết mà.”

“Và điều này không đúng phải không nào?” Ông bác sĩ hỏi má.

Má lắc đầu mạnh hết cỡ có thể mà không bị chảy máu mũi. “Nói cho bác sĩ Cousin nghe con nghĩ rằng thằng đó tên là gì đi.” bà nói.

Tôi nhún vai. “Mungo. Dù sao đó là cái tên mà nó đã nói.”

Ông bác sĩ thọc ngón tay vào cái lỗ trên cằm và nói với tôi: “Có ai khác ở đó khi cháu gặp thằng nhóc đó không, hả Mungo?”

Đó là một câu hỏi thật hay. “Không.” Tôi phải thừa nhận.

“Nhưng cháu đã biết chắc sự tồn tại của nó? Nó có bằng xương bằng thịt giống như tôi đang ngồi đây không?” Tôi lại nhún vai. Tôi thật sự không biết gì nữa.

Thế là ông bác sĩ nói, thật ra ở một giai đoạn nào đó những đứa trẻ bản khoán rằng có phải người này hay người khác là cha mẹ ruột của chúng không là chuyện tương đối thông thường. Trong trường hợp của tôi có lẽ sự chấn thương trong chuyện mất người thân đã khiến điều này xảy ra. Ông nói rằng ông không muốn dẫn sâu vào các thuật ngữ y học nhưng những gì tôi đã trải qua thì chắc chắn là đủ nghiêm trọng để dẫn tới một sự phân hoá về mặt cảm xúc, điều này lại có thể dẫn tới – ông ta ho khan vào lúc đó và lấy tay che miệng, cố nói với má mà không để cho tôi hiểu (dởm thiệt!) – có thể dẫn tới (ho) “những ảo giác loạn thần”.

Một cái đầu cá trê, một thùng quê mùa, và giờ là một thùng loạn trí!

Tay bác sĩ tổng quát đến nhà cho tôi vài viên thuốc và tôi nằm bẹp trên giường hai ngày, xem chương trình tivi ban ngày bằng một cái tivi xách tay

chắc do cha Cá Chua đem tới và chắc là đồ mà Tally vất đi nhưng tôi cũng không buồn hỏi.

Tôi nói với má: “VẬY má hứa rằng ba của con là ba của con, và con không có thằng anh em nào cả, rằng thằng Mungo chưa bao giờ tồn tại?”

“Má hứa.” Má nói. “Chỉ có duy nhất một Mungo và nó đang ngồi ngay trước mặt má, có vẻ như nó cần phải tắm một phát và thay quần áo ngủ đi.”

Tôi lắc đầu, nghĩ về cái khoảnh khắc mà tôi đã mất và đọc thẳng Khắc Đờm te tua. Rồi tôi bật khóc. “Nhưng điều đó có nghĩa là con khùng,” tôi nói, “con là một thằng tâm thần mang chứng ảo giác loạn thần, bịa ra người ta và mọi thứ và... và...” Tôi sắp nói thêm: “suýt giết những đứa trẻ tàn tật,” nhưng tôi đã tự ngừng lại.

“Suyt, suyt...” má nói và đặt bàn tay mát lạnh của bà lên cái trán nóng hổi của tôi. “Đây không phải là việc của bất cứ ai cả, mà là của má con mình. Và nó hoàn toàn có thể hiểu được, bác sĩ Cousin nói vậy đó, qua những điều mà con đã từng trải và con quả là một chàng trai phi thường. Ba con luôn nói rằng con có một bộ óc như cỗ máy đa năng vậy.”

Tôi không chắc, vả lại, tôi thật sự tin rằng những gì má và bác sĩ Cousin nói là đúng, rằng tôi đã bịa ra tất cả mọi chuyện. Nhưng nhiều khi tin theo những gì người khác nghĩ và lờ đi những điều bạn biết và nghĩ thì dễ dàng cho mình hơn, nhất là khi bạn sợ những điều mình biết và nghĩ.

Tôi không quên con sứa, tất nhiên tôi không quên. Tôi biết tôi hẳn không thể cũng cũng bịa ra điều đó. Và bất cứ lúc nào muốn thì tôi có thể kiểm tra lại sự tồn tại của nó: tôi chỉ cần vô phòng má khi bà không có mặt ở đó. Con sứa là thật, nhưng những giây phút đó đã qua rồi. Tôi không muốn hỏi thêm gì nữa.

Hơn nữa, chính lũ sói đã gợi hứng cho tôi tranh đấu và giờ thì chúng đã biến mất, và tôi lại nghĩ rằng có lẽ tranh đấu là không đúng, tranh đấu chống lại những thứ vớ vẩn mà cuộc đời đổ lên tôi. Tốt nhất là đứng yên đó và hứng hết thứ rác rưởi đổ lên đầu mình bởi vì tôi có gì đặc biệt đâu? Ai cũng có thể nghĩ tôi là đứa duy nhất phải nhận lấy điều đó. Nhưng cuộc đời là thế, lịch sử là thế - cả triệu tỉ người, mỗi người có con bọ chét vườn riêng của

mình đang đưa trên đầu mình, nhỏ xuống những khối lượng phân bón công nghiệp lên mình ngày đêm. Bạn không thể chống lại phân bón, bạn không thể đấm nó và nếu bạn la hét nó, thì nó sẽ rơi vào miệng bạn (và rồi bạn sẽ là một thằng ăn phân bón thôi – haha).

Việc nhận ra được điều này được gọi là sự trưởng thành.

Tôi kéo cái mền dồn lông vịt lên phủ quanh đầu và cười khinh một chương trình quảng cáo trên tivi dành cho các loại thang nâng tự động.

CHƯƠNG 15

Mười ngày nữa là ngày khai giảng học kỳ ở trường mới của tôi. Má và tôi đang là những người mà ba hay gọi là những người sáng ngời hạnh phúc. Chúng tôi không nói gì về chuyện ba chết, hay Mungo, hay chuyện tôi bỏ nhà đi bụi, chúng tôi chỉ bàn về chuyện tương lai. Má dắt tôi tới Basingstoke để mua đồng phục mới (đừng hỏi vì sao). Bà nói mọi chuyện sẽ là một khởi đầu mới nguyên, rằng khi tôi đi học được một tuần thì những chuyện đã xảy ra trong năm nay sẽ như là một cơn ác mộng mà thôi.

Một tuần nữa thì học kỳ bắt đầu – và Bickleigh lại nằm trên đường đi của cơn bão lớn đầu tiên của nước Anh.

Trong nhiều ngày một cơn áp thấp sâu từ biển Đại Tây Dương tiến vào nội địa. Tin tức trên tivi cho thấy những hình ảnh của nó cuộn lên về phía chúng tôi được chụp từ vệ tinh và đưa ra những cảnh báo về vùng nào sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất. Nó tiến vào qua bờ biển vào ban đêm và cuốn xuyên qua trung tâm của miền Nam nước Anh, đụng Bickleigh vào khoảng ba giờ sáng.

Cả buổi tối hôm trước gió đã dấy lên và các bản tin ngắn trên tivi cắt ngang những chương trình thông thường để cập nhật tình hình. Má và tôi mặc đồ ngủ, ở dưới tầng trệt, xem tivi trong một tâm trạng khác thường, nửa sợ hãi nửa hồi hộp nao nức. Vào giữa đêm, tivi đổi qua một chương trình tin tức thường trực và đó là lúc lần đầu tiên người ta thông báo rằng cơn giông đã chính thức nâng cấp lên thành thành cơn bão rất lớn.

Gió mạnh đã giạt tới một trăm ba mươi dặm một giờ. Phần trên của những khán đài sân bóng St Mary ở Southampton đã bị giạt bay mất. Cửa sổ và một số biển quảng cáo bị thổi bay khỏi tháp Spinnaker ở Portsmouth và làm

chết ba người dưới đất. Mọi người được khuyến cáo nên ở trong nhà và làm những gì có thể để gia cố bảo vệ nhà của mình. Má ôm tôi và tôi dựa đầu vào vai của bà như thể tôi đã trở thành con cừu dờ sống dờ chết. “Mình sẽ bình an.” Má nói rồi nói thêm: “Má nghĩ vậy.” như thể bà cũng không tin vào lời của mình. “Mình đang hơi bị kẹt một chút. Nó có thể bay ngang qua đầu mình. Mình có nên hé hé nhìn ra ngoài không nhỉ?”

Chúng tôi cùng tiến tới cái cửa mở ra vườn và má phải gắng sức để mở nó ra. Bên ngoài, không khí cuộn thổi ù ù quanh khu vườn, đè gập mấy lùm cây và ném tung mấy chậu cây cảnh. Nó đánh bật chúng tôi trở lại, làm chúng tôi nghẹt thở, làm chúng tôi bật cười và cũng sợ muốn chết. Trong bóng tối, gió ù ù trong đám cây cối xung quanh nhà. Nghe như bản ghi âm những cơn sóng vỡ, chậm hẳn xuống. Tôi giúp má kéo cánh cửa lại.

“Phào,” má nói. “Má chưa từng thấy cái gì giống như vậy. Vụ thay đổi thời tiết này là có thật rồi. Má nghĩ mình ở dưới này tối nay, để phòng ngừa. Con nghĩ sao nào?”

“Phòng ngừa cái gì má?”

“À, má chắc là nó không xảy ra nhưng...”

“Nhưng sao má?”

“À, mình đâu thể biết được. Cây cối có thể đổ trên đầu mình. Cho nên tốt nhất là ở nơi an toàn, phải không nào?”

Chúng tôi để tivi mở suốt, vặn nhỏ âm thanh lại và làm một cái ổ trên ghế sofa bằng thảm và gối dựa với một khay trà và bánh bích quy. Sau đó, khoảng một giờ sáng, điện cúp, đèn và tivi tắt ngúm. “Ô, thôi rồi,” má thốt lên. Chúng tôi nhìn sững vào cái màn hình tivi trống không, nhìn đăm đăm sáng tắt dần đi. Sau khoảng một phút thì đèn và tivi lại loé lên, mở-tắt, mở-tắt, rồi sáng trở lại bình thường. “Tạ ơn Chúa.” Má nói.

Một phút sau thì điện lại cúp, và lần này thì mất hẳn luôn. Tiếng gió thổi ù ù trong đám cây vang lên thật lớn trong bóng tối.

Sau khi chúng tôi ngồi đó im lặng được năm phút, chỉ lắng nghe tiếng gió và tưởng tượng dòng xoáy của không khí giận dữ tiến về phía mình, băng

qua những ngọn đồi và những cánh đồng, má nói, nửa cho riêng bà và nửa cho tôi: “Hãy nghĩ xem, cố nghĩ xem. Ngoại cất nển ở đâu ta?”

“Có trong cái tủ chén dưới chậu rửa bát không?”

“Con giỏi lắm. Má cá là chúng ở đó. Bây giờ vấn đề là làm sao lần tới đó trong bóng tối đen kịt này.”

“Má nè,” tôi nói: “có nhớ cái hang mà mình xuống ở Barbados không? Đó mới là tối thui. Con vẫn thấy bóng mờ mờ của mọi vật ở đây mà.” Chúng tôi sắp sửa bị một cơn bão tệ hại nhất từ hồi nào giờ tấn công nước Anh đánh vào, và tôi đang co ro trên ghế sofa với trà và bánh bích quy, lạnh cóng.

“Má mừng là con có thể nhìn thấy được. Má thì không thấy gì hết. Con đi tìm mấy cây nển ghen? Hy vọng là ở đó có cả diêm quẹt nữa, nếu không có thì má không biết mình sẽ xoay xử sao đây.”

“Dạ, để con đi.”

Tôi lần mò về phía nhà bếp, cố gắng nhớ cách sắp đặt của căn phòng. Khi tới cửa tôi không tìm thấy cái nắm cửa ở đâu. Tôi mò khắp trên cánh cửa mà không thấy cái nắm cửa ở trên đó. Tôi bật cười lớn.

“Cái gì vui vậy con?”

“Khi cúp điện hình như có ai đó lên vào nhà và lặng lẽ chôm mắt cái nắm cửa, vì nó không còn ở đây nữa. Ô, chờ chút. Nó đây rồi.”

Tôi tìm thấy nển, và một ít diêm, và tôi đem luôn ba cái đĩa nhỏ để cắm nển. Chúng tôi ngồi trong ánh nển lắng nghe tiếng gió, rồi tôi bắt đầu ngủ gục, đầu dựa vào vai má. Má vuốt tóc tôi vài lần, tôi không thích lắm, nhưng tôi cũng không ngăn bà, chẳng bao lâu cả hai má con đều lơ mơ ngủ.

Một dây tiếng động lộp độp đã đánh thức cả hai. “Cái gì vậy?” Má hỏi.

Tôi biết đó là cái gì. “Mưa, con cũng nghe cái tiếng này trên lò sưởi trong phòng của con nữa, khi mưa lớn.”

Chúng tôi lắng nghe. Bên ngoài tiếng lộp độp trong lò sưởi, bên trên tiếng gió thổi ù ù trong đám cây cối, là tiếng rít lớn của mưa nặng hạt. Suốt một giờ sau đó, tiếng ù ù và tiếng rít càng lớn dần, các cửa sổ và cửa lớn rung lạch cạch, và ngay cả các bức vách của ngôi nhà hình như cũng rung

chuyển. Chốc chốc lại có một tiếng trượt và nghiêng từ phía trên, sau đó là tiếng đập rầm rầm lên mấy phiến đá bên ngoài. Những miếng ngói đang rơi xuống. Chúng tôi không còn ngủ gà gật được nữa. Chúng tôi ôm cứng lấy nhau, những cánh tay của chúng tôi cứng lại vì thế, nhưng chúng tôi vẫn xiết lấy nhau, như thể gió đã thổi tung vào phòng và chúng tôi đang cố hết sức để không bị cuốn bay đi.

Đôi mắt của má trông thật to dưới ánh nến. Má nảy ra một ý: “Lấy cái ra-đi-ô đi, có thể nó vẫn bắt sóng được. Có lẽ quân đội sẽ tới cứu mình.”

Tôi mang cái ra-đi-ô từ trong bếp ra, mở lên nhưng chỉ có tiếng rọt rọt. Má xoay nhẹ cái núm vặn dò sóng, rồi chịu thua. “Chào thua. Má không biết điện thoại còn hoạt động hay không.”

Tôi trở vô bếp và thử điện thoại. “Tiêu luôn, im ru bà rù rồi.” Tôi nói.

“Mungo à!” má gọi.

Tôi trở lại ghế sô-pha và chúng tôi im lặng một lúc lâu, chỉ ôm nín lấy nhau và lắng nghe tiếng giông bão đang trở nên lớn dần và cuồng nộ hơn. Rồi má thì thầm: “Thật là kỳ dị hết sức.”

“Sao má?” tôi cũng thì thầm.

“Bị cắt lìa ra như thế này. Không điện, không điện thoại, không ra-đi-ô, không tivi. Không thông tin. Ra ngoài thì quá nguy hiểm. Nó làm cho mình cảm thấy giống như... má không biết. Một cái chấm nhỏ nhoi vô nghĩa.”

Trong một lúc, không ai nói gì thêm nữa, rồi tôi nói: “Má à...” và ngừng lời.

“Gì con?”

“Có bao giờ má thắc mắc tại sao má lại là má không?”

“Ý con là sao đây?”

“Con muốn nói là, như phân biệt với ai khác. Như là, bà Plunkett-Strawberry chẳng hạn. Nếu tất cả sự hiện hữu của má là một vết hư vô, thì má có thể là bà Plunkett-Strawberry lắm chứ. Vậy tại sao má là má mà không là bà?”

“À...”

Tôi biết má không hiểu mớ gì. “Hay là” tôi nói, “tại sao con là con mà không phải là cả triệu đứa trẻ khác? Ví dụ nhen, nếu má không cưới ba mà lại cưới ai khác, và má có một đứa con, thì thằng nhóc đó có vẫn là con không? Hay nó là một nửa con thôi?”

“Ồ không, Mungo à, đừng bàn về vụ đó nữa. Lúc này mình đã có đủ thứ chuyện rồi. Con biết không, má nghĩ là mưa đang càng lúc càng lớn hơn. Kìa, thêm một miếng ngói rớt nữa kìa. Mình phải làm gì bây giờ đây? Có lẽ mình nên đi xuống hầm rượu thôi.”

“Nếu má có một đứa con, nhưng với một người chồng khác. Má sẽ đặt tên cho nó là gì?”

“Má đã nói với con điều đó từ trước rồi. Con trai đầu lòng của má sẽ được đặt tên là Mungo. Con có nghĩ là mình nên xuống hầm rượu không?”

“VẬY nếu má không có mặt trong phòng ghi âm ở Marylebone vào cùng ngày với ba, thì con không có mặt trên đời rồi. Và rồi má hẳn sẽ gặp một cha nội nào khác, có thể một tay đua xe hay một tay phóng viên ngoại quốc, và có một đứa nhóc và đứa nhóc đó sẽ là Mungo, nhưng nó sẽ không là con, phải không? Hay hẳn cũng lại là con?”

Má vuốt tóc tôi. “Thôi đi, cưng. Mình đang kẹt lăm ở đây rồi, và má không biết phải làm gì nè.”

Chợt tôi hiểu ngay, khi cơn bão đang điên cuồng ngoài kia, đây là lúc để hỏi câu hỏi sinh tử đó. “Má nè, tại sao má có một...?”

Tôi đang định nói “cái ‘áo mưa’ dưới giường.” - nhưng ngay lúc đó thì cái cây đổ ầm lên ngôi nhà.

Cái cây chém đòn karate xuống mái nhà làm ngôi nhà rung chuyển dữ dội khiến chúng tôi nghĩ là nó sắp sập, giống như căn nhà rơm bị con sói thổi sập. Má hét lên và ôm chầm lấy tôi. Tôi nhắm nghiền mắt, chờ bị chôn vùi và đè nát như cám. Ngôi nhà có vẻ như nghiêng đi. Tôi nghe các khung hình trượt khỏi vách. Chúng tôi như đang ở trong phòng tiệc của con tàu Titanic, nửa giờ trước khi nó chìm. Cả hai mẹ con chúng tôi cùng ho. Khi tôi mở mắt ra thì mọi vật tối thui, mấy ngọn nến đã bị ngã và tắt ngúm. Tôi ném thấy

bụi đất trên lưới và vô ý hít một mớ bụi vào trong cuống họng nên tôi ho sặc sụa, không thể nào ngừng để lấy hơi lại bình thường.

Má ôm tôi chặt hơn nữa. “Ôi, Chúa ơi, Chúa ơi, thôi rồi. Mình phải cố xuống hầm rượu thôi, con thấy sao?”

Lối dẫn xuống hầm rượu là một cái cửa sập đằng sau cái sô-pha mà trên đó chúng tôi đang ngồi co ro. Tôi nói: “Nhưng nếu có cái gì đó rớt đè lên cánh cửa sập thì mình sẽ bị kẹt cứng.”

“Đúng vậy. Mấy cây nến đâu mất rồi, con tìm coi?”

Tôi mò quanh mặt bàn cho tới khi tìm được một cây nến, tôi cầm nó lại trên cái đĩa và thắp lên. Chúng tôi nhìn quanh phòng. Có những khoảng trống nơi những khung hình đã treo ở đó. Bụi bặm bay ra như khói từ những chỗ nứt giữa trần nhà và các bức vách. Chúng tôi đập tay ra trước mặt, cố quạt bụi đi, và má nói giữa cơn ho: “Hay mình chui xuống dưới cái bàn kia? Nó chắc chắn lắm đó.”

Thế là chúng tôi bò xuống dưới cái bàn trong phòng khách và ở yên đó, quán thắm quanh người, lắng nghe tiếng ngói nhà kêu kẹt rên rĩ, lắng nghe tiếng gió thổi ù ù và tiếng mưa rít, lắng nghe chờ tiếng gậy và vỡ tan của một cái cây khác đổ xuống.

Cuối cùng dường như mưa gió cũng giảm đi chút ít. Ngói nhà không còn rên rĩ nhiều nữa, bụi bặm lắng xuống. Tôi mạo hiểm chui ra khỏi gầm bàn để vén rèm cửa. Đằng sau rèm, khung cửa hình chữ nhật đang nhợt nhạt với ngày mới bắt đầu. Tôi bò trở lại gầm bàn, má thì thầm: “Má không muốn liều lĩnh nhưng má nghĩ điều tồi tệ nhất đã qua rồi. Con thật là tuyệt, cưng à. Uống một ly trà nhen? Má sẽ đặt một cái nồi lên để nấu nước.”

* * *

Lúc đó chúng tôi không hề biết, nhưng chúng tôi đã thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Chỉ ở Bickleigh thôi, bốn mươi bảy ngôi nhà đã hoàn toàn bị phá huỷ và một người bị chết. Đó là nơi tập trung tổn hại tồi tệ nhất trong

nội địa, chỉ kém ngoài bờ biển thôi. Lần đầu tiên từ trước tới giờ, cái Thị Trấn Của Người Chết đã sống lại, không kể tay nhà quê đáng thương đang dắt con chó đi dạo thì bị một cái cột đèn đè cho xẹp lép.

Nhưng buổi sáng hôm đó chúng tôi không có cách nào để liên lạc với bất cứ ai hay tìm được cái gì. Chúng tôi ăn một ít ngũ cốc và thay quần áo, và tới lúc đó thì gió đã bớt nhiều, còn mưa thì giảm lại thành cơn mưa phùn. Chúng tôi nghĩ là an toàn để đi ra ngoài, tuy nhiên má tìm thấy vài cái mũ bảo hiểm và bắt đội lên để phòng ngừa những mảnh vỡ rơi xuống. Chúng tôi mở cửa nhà.

Cái cây gãy sà xuống trên đầu chúng tôi như một đoàn máy bay điều hành. Chúng tôi đi phía dưới nó rồi đứng lại giữa vườn nhìn lại ngôi nhà. Cái cây đã chém một vết hình chữ V trên mái ngói. Tôi nhìn má, má rùng mình và ôm lấy tôi, cả hai cùng nghĩ một điều: nếu chúng tôi vẫn nằm trên giường, thì một hay cả hai mẹ con tôi chắc đã bị đè chết. Các thanh gỗ của mái nhà bị vỡ nát từng mảnh như những que diêm bị bẻ vụn, và ngói vỡ nằm ngổn ngang đầy mặt đất quanh ngôi nhà.

Má nói: “Đây là việc mà mình sẽ làm nè. Con ở lại đây phòng khi có ai đó như cảnh sát hay quân đội tới, và con phải luôn đội mũ bảo hiểm – nè, không nhưng nhị gì hết, Mungo à. Con phải luôn luôn đội cái mũ đó. Không ai ngó thấy con đâu, Chúa ơi! Và má sẽ ra xem chiếc Skoda, xem xăng cộ đi được bao xa, và má có thể tìm ra được điều gì không. Đồng ý ngen cưng?”

Tôi đáp: “Đồng ý.” Một điều tôi rất hài lòng là: Má đã không quyết định chỉ ngồi đó chờ cha nội Cá Chua hiện ra như Đội Hiệp Sĩ Cứu Khốn Phò Nguy.

Tất nhiên tôi bỏ cái mũ xuống ngay. Tôi chờ mười lăm phút. Bên trong tôi những con sói đã trở lại, được cơn bão tiếp sinh lực cho. Tôi lên cầu thang, thật thận trọng phòng khi mái ngói đổ sụp xuống đầu, rồi vào phòng của má. Tôi tìm con sửa. Dưới gầm giường, trong tủ, trong mấy ngăn kéo. Không có con sửa nào. Chắc má giữ nó trong người. Tại sao má lại giữ nó trong người?

Có lẽ vì má nghi ngờ tôi sẽ lục lạo rình mò. Hay có lẽ để tiện có để dùng ngay, mọi nơi mọi lúc.

Con đường nhỏ bên ngoài ngôi nhà đang thật tệ. Cơn mưa đã biến một bên của nó thành con sông cuộn nước. Tôi phải giảm tốc độ chiếc xe đạp chạy đường núi đến gần như đứng yên để tránh những cành gãy và các tảng đá và những thân cây thỉnh thoảng nằm ngay giữa đường. Tôi không nghĩ làm cách nào mà má có thể lái chiếc Skoda cà tàng theo lối này được. Rồi tôi rẽ qua góc phố và có câu trả lời. Chiếc Skoda đã đậu lại bên đường; hay không hẳn là đậu lại, mà chỉ dừng lại đó, phân nửa trên mặt đường, phân nửa trên bờ sình. Tôi đạp nhanh hết sức, miệng la to: “Má, má ơi!” Trong chiếc Skoda trống trơn.

Tôi cố mở mấy cái cửa xe. Chúng đều khóa. Tôi không hiểu được chuyện gì. Rồi tôi hiểu. Đây là trò của Cá Chua, phải là như thế. Má chắc đã mất chừng mười lăm phút để vượt qua hai trăm mét xuống con đường này. Sau đó chắc bà đã gặp cha Cá Chua trờ tới từ con đường khác trong chiếc 4WD của hắn, đóng vai Đội Hiệp Sĩ Cứu Khốn Phò Nguy, và bà đã leo lên xe hắn và lái đi sâu vào vùng đổ nát của Manuresville.

Tôi ngập ngừng, tự hỏi nên quay trở lại hay đi tiếp về hướng Bickleigh. Rồi tôi nghe tiếng xe đang lái tới chậm chậm leo lên con đồi, và tôi có đủ thời gian để núp xuống cùng chiếc xe đạp đằng sau chiếc xe của má.

Đúng như tôi nghĩ, đó là chiếc xe Cá Chua, và má đang ngồi bên cạnh hắn. Cá Chua đang rờ máy xe và hào hứng lái băng qua các chướng ngại vật. Tôi ở cạnh chiếc Skoda, chờ cho chiếc Cá Chua trở lại. Mười phút sau tôi nghe nó tới và núp xuống tránh ngoài tầm mắt. Má vẫn ngồi bên ghế hành khách. Thử suy xét xem sự vụ đó thế nào.

Tôi đạp xe về nhà. Có một lá thư ngắn chữ của má được dính vào cửa chính:

Mungo ơi, con đi đâu mất tiêu rồi? Đừng vào nhà ghen. Người ta nói với má là chắc chắn bây giờ nó rất nguy hiểm. Con hãy đạp xe tới hội trường làng Bickleigh và gặp má ở đó. Con không cần đem theo gì cả (trừ cái nón

*bảo hiểm!) Đã có quần áo, mền gối và thực phẩm ở Bickleigh. Cho nên, má
lặp lại, đừng đi vào nhà vì bất cứ lý do gì.*

Ráng tới càng sớm càng tốt, con yêu. Bảo trọng nhen.

Má XXXX

CHƯƠNG 16

Đang xa, cái trụ cổng màu trắng của Ngôi Nhà Trái Thơm hiện ra. Ban đầu tôi không nghĩ gì về nó cả. Tôi bận đạp xe và tránh chướng ngại vật nằm trên đường: một cái lò nướng thịt xách tay, một cái hồ bơi bơm hơi dành cho trẻ em bị xì hết hơi, mấy chiếc ủng hiệu Wellington, và lớp bùn đóng váng nhìn rần rỉ da rần... và thỉnh thoảng núp tránh xe tình cờ đi ngang. Một lần, cha Cá Chua lái xe ngang qua, lần này không có má, nhưng có xe cảnh sát ba lần chạy qua, thật chậm, bật đèn pha sáng choang và chớp đèn xanh nhưng không mở còi hú. Tôi thật sự không tưởng tượng bị cha cảnh sát Ba-Hoa-BựaKê-Chân hay các đồng nghiệp của ông tóm cổ, ngay cả trong tình huống khác thường là Manuresville vừa mới bị san bằng bởi cơn bão lớn đầu tiên của nước Anh, cơn bão theo định nghĩa trong tự điển.

Tới khi tôi tới gần hơn cái trụ cổng trái thơm thì tôi nghe một tiếng vỡ lớn như ngói trượt từ mái căn nhà gỗ – hoặc cái mà tôi vẫn cho là căn nhà gỗ. Nhưng khi tôi nhìn xuyên qua những cánh cổng về phía ngôi nhà thì căn nhà gỗ đã biến mất. Không còn chiếc xe sét gì, không còn ông già Noel bằng đèn neon. Thay vào chỗ của chúng, là một ngôi nhà sơn màu trắng có nhiều lỗ châu mai dọc theo phần trên cùng, ngay lập tức tôi thấy chúng thật quen thuộc, cho dù tôi biết chắc rằng mình chưa từng thấy nó trước đây. Tôi ngừng lại nhìn, cố hiểu cho ra. Có thể có hai ngôi nhà có các trái thơm trên trụ cổng và cho tới bây giờ thì tôi chưa từng để ý có ngôi nhà này. Tôi nhìn từ đầu tới cuối con đường Bickleigh. Rõ ràng chỉ có một đôi trụ cổng có hình trái thơm gắn trên đó.

Trong tim tôi, lũ sói đang rộ lên và đánh hơi. Đúng là trước đây tôi chưa từng thấy ngôi nhà này, nhưng tôi vẫn biết nó. Tôi đã từng ở trong đó. Đúng

ngay chóc rồi.

Trong cơn ác mộng mà tôi có dưới cái giếng.

Tôi ngó sững ngời nhà màu trắng có lỗ châu mai, tim đập thành thạch trong lồng ngực. Tôi tự nhủ vụ này hẳn là một cú ảo giác loạn thần. Nhưng dường như không có gì thật hơn. Đây không phải là một sự vật do tưởng tượng đang diễn ra trong bộ phim trong đầu tôi. Đây là đoạn đường mà cha Cá Chua đã lái chiếc Land Rover của cha vào, cái cửa trước mà cha đã bước qua trong đôi giày ủng. Cái cửa sổ lớn ở tầng một - chắc là cửa sổ phòng ngủ của tôi, nơi tôi đã đứng nhìn cha nội Cá Chua đang tới.

Mái nhà đã bị hư hỏng rất nặng, những viên ngói vẫn còn đang rơi xuống đất kêu lanh canh. Trên đường vào nhà có một chiếc Jag mang biển số cá nhân: BOL A1. BOL là viết tắt của Boland. Brian Boland. Đây là nhà của Cá Chua. Nhưng làm sao có thể như thế được? Gia đình Cá Chua đang sống ở Hedge End Hall mà. Tôi tiến tới cánh cửa trước, một cái bảng thông báo được gắn ở đó:

Cảnh sát thông báo

Công Trình Nguy hiểm

CẤM VÀO!

Tôi rung chuông cửa để phòng hờ. Không có ai trả lời. Tôi gõ bằng cái gõ cửa hình đầu con sư tử khá nặng. Không có tiếng động nào ngoại trừ tiếng gió gào rú trên ngọn cây xung quanh và, từ bên trong, những tiếng đổ vỡ và rạn nứt khe khẽ, như thể ngôi nhà đang từ từ sụp đổ.

Bickleigh là một thị xã nhỏ có nhiều căn nhà rất cũ, cũ đến độ mái ngói của chúng đã sứt xuống thành những đường sóng gợn. Chúng là mồi ngon cho cơn bão. Nó đã mần thọt chúng, từng ngôi nhà một. Đập vỡ mái, thổi bay các cửa sổ, bốc mấy chiếc xe hơi lên và nhét chúng vào các hộp thư, như một tay sát thủ mafia để lại danh thiếp. Từng mảng nhỏ của tòa nhà vẫn đang đổ hay trượt xuống. Tôi thận trọng đạp xe giữa lòng đường, từ từ tiến lên giữa đồng đỗ nát.

Âm thanh văng vẳng của đám đông đang trò chuyện. Con đường rẽ một góc ngoặt vào phố chính. Hội trường của làng ở bên phải, một tòa nhà vuông

vấn lớn có bảng thông báo kẻ bên lối vào quảng cáo chuyện nhảm nhí về những cái giếng vùng Old Wessex của Bà PlunkettStrawberry. Cơn bão đã xé toạt lá cờ nước Anh trên cái cột cờ bên trên lối vào và thổi bay gần hết các cửa sổ. Tôi thấy những cái đầu nhúc nhích đằng sau kính vỡ. Trông họ rời rạc, như một mớ đồ vật hổ lốn bị kẹt chặt lẫn lư trong một cái thùng. Có nhiều người nữa, có lẽ đến cả trăm người, ở trước hai lần cửa mở rộng của hội trường, trên những bậc thềm dẫn tới cửa và cả trên đường, và chính là những tiếng trao đổi làu bàu của họ tôi đã nghe được trước khi rẽ qua góc đường.

Tôi đi xuyên qua đám đông, ngó những khuôn mặt, tìm má và cố nhớ là không được thô lỗ với Cá Chua nếu ông đang ở đó với má. Và khi tôi tìm được má thì tôi sẽ đưa bà về Căn Nhà Trái Thơm ngay lập tức, trước khi nó có cơ hội để thay đổi. Tôi sẽ chứng minh cho má thấy là tôi không bị khùng, trái lại thế giới này đang khùng.

Nhưng đó không phải là vấn đề của tôi.

Trông thiên hạ như đang bị bàng hoàng, ngây ra như những pho tượng. Một đôi ông bà già đứng bên nhau, không nói năng gì. Một gã đang cầm cây dù che cho họ. Khi tôi tiến về phía gã thì gã hoàn toàn không đoái hoài gì đến tôi, cứ nhìn thẳng về phía trước và nghịch cái cà vạt của hắn với bàn tay còn rảnh. Người đàn bà cũng vẫn nhìn thẳng về phía trước.

“Xin lỗi,” tôi hỏi, “bà có thấy bà McFall ở đâu không? Bà ta làm việc ở cửa hàng từ thiện ấy.”

Người đàn bà nói: “Tôi ước gì chúng ta có thể về nhà.”

Tôi tưởng bà đang nói chuyện với tôi và tôi đáp lại: “Ồ đúng rồi, tôi chắc rằng...”

Nhưng cái gã thanh niên nói lướt trước tôi: “Có hai cái giường dã chiến rất tốt đang chờ chúng ta trong kia.”

Và tôi nhận ra rằng họ không hề để ý tới tôi. Nhưng đến lúc đó tôi không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Tôi chỉ nghĩ là bởi vì họ là đám nhà quê Bickleigh lãng tai thông thường. Và bạn không thể trách cứ sao họ ngờ

nghech ngở ngẩn vậy khi chuyện kinh dị nhất tính từ thời bọn khủng long còn sống ở đây đã vừa mới xảy ra.

Những người khác đang nổi nóng. Một người đàn bà cầm một tờ báo trên đầu để che mưa đứng dậm chân khi tôi đi ngang và la to: “Chuyện này không thể chấp nhận được, tuyệt đối không thể chấp nhận được. Sao không có ai hành động gì đi?”

Một người đàn ông trả lời: “Xin giữ bình tĩnh, kiên nhẫn và ủng hộ các đội cấp cứu của chúng ta, họ đang làm công việc tuyệt vời thông thường của họ, tôi biết chắc vậy, và điều cuối cùng họ cần là bị mọi người chê trách.” Vài người cười lớn. Vài người khác vỗ tay hoan hô ông ta. Rồi không khí lại yên lặng và căng thẳng.

“Xin lỗi...” tôi nói, nhưng không một ai thèm nhìn về phía tôi.

Một mùi thối quen quen thoảng qua đám đông: Lão Khảm. Ban đầu tôi không thấy lão bởi vì lão đang ngồi. Lão mặc cái áo len không tay và cầm một điều thuốc đang cháy, một bàn tay che trên nó, và lão đang ngó lên gã đàn ông đang đứng kế bên, tay này mặc đồng phục cảnh sát và cầm một cái loa. Đó là ông cảnh sát Ba-Hoa-Bựa-Kẽ-Chân, quý danh là ông cảnh sát Strickland. Bà Bựa-Kẽ-Chân - cô Strickland - đang ở ngay sau lưng họ. Tôi định đi tới bà và hỏi bằng giọng London: “Mới đây bà có thấy căn nhà gỗ của mình chưa? Nó tiêu rồi. Tôi nghĩ rằng bà muốn biết về điều đó.”

Rồi Lão Khảm ngó tôi trừng trừng làm tôi cóng cả người lại, ngó quanh để tìm đường lui cho nhanh. Nhưng tôi không phải ớn nữa. Lão chỉ lắc mạnh đầu và chuyển ánh mắt chăm chăm về ông cảnh sát Strickland, ông này đưa cái loa lên miệng.

“Thưa quý bà, quý ông...” Ông cảnh sát Ba-Hoa-Bựa-Kẽ-Chân nói vào loa làm thành một loạt âm thanh rọt rọt.

“Thưa quý bà và...” ông ta ho lên sù sụ. “Cám ơn sự kiên nhẫn của quý vị và... của quý vị - tôi nghĩ rằng chúng ta có thể yên tâm gọi nó là tinh thần Dunkirt, ha! ha! Tóm lại là... Cái hội trường làng đã được kiểm tra an toàn nên hãy cứ yên tâm chờ trong này hay loanh quanh gần đây. Còn những nhà cửa khác thì hầu như rất nguy hiểm cho nên làm ơn phải cẩn thận, tôi sẽ

truyền đạt lại thông tin khi tôi nhận được điều gì mới. Trong lúc này tôi kêu gọi mọi người ở đâu hãy ở yên đó và... e hèm... chờ thông tin mới. Xin cảm ơn.” Mọi người vỗ tay rần rần.

Tôi suýt chết điếng khi ngó thấy người tiếp theo đó - nhưng không đến nỗi tệ đến vậy. Tôi đã biết rồi, tận trong sâu thẳm, sự thật nằm ở đâu. Điều này chỉ xác nhận thêm rằng tôi đã đúng và má và ông bác sĩ Cousin đã sai.

Tôi thấy Mungo.

Hắn không thấy tôi. Hắn bận quần soọc ny-lông, vớ đen và đôi giày thể thao rẻ tiền, đang đi qua đám đông dưới mưa, đầu ngẩng cao như không hề có mưa gió gì cả, bộ dạng như lần đầu tiên tôi thấy hắn vậy. Trước khi kịp nhận ra mình đang làm gì thì tôi đã giơ tay lên gọi lớn: “Mung...” Tôi nuốt nghẹn lời gọi trong cổ họng mình và bỏ tay xuống. Hắn tiếp tục bước đi – hắn chưa thấy hay nghe tiếng tôi gọi – và tôi bắt đầu bám đuôi theo hắn.

Mungo tới hội trường làng và bước từng hai bậc một. Tôi thấy một cặp ngồi trên băng ghế ở phía trái cửa hội trường, ngay dưới cái bảng áp-phích Plunkett Strawberry. Ban đầu tôi không nhận ra họ. Thật khó mà nhìn cho rõ trong cơn mưa nặng hạt, nhưng không phải là chỉ vì cơn mưa đã làm người ta nhìn ra nhau khó khăn hơn. Cặp đó trông khác lắm, giống như những bản sao không được hoàn hảo của chính họ.

Hai người đó là má và cha Cá Chua.

Cá Chua hói và gầy hơn, như thể ông là người anh em sinh đôi của chính mình vậy, trong khi má thì mập hơn. Bà mặc thứ trang phục mà thông thường thì hắn là chết đến nơi bà cũng không mặc, một bộ gồm có chiếc váy xếp nếp, áo cổ cao có diềm xếp nếp, và một vòng đeo cổ chuỗi hạt trai, loại trang phục của dân quê mùa hết cỡ. Nhưng đầu tóc của bà mới quái đản nhất. Vì sáng nay, trong cái ngày mà cơn bão đầu tiên của nước Anh đã huỷ hoại phân nửa miền Nam nước Anh, làm cho các đài truyền hình ngưng hoạt động, làm hỏng dây điện và cột điện thoại, thì một tay thợ làm tóc đã làm sao đó vẫn mở được cửa tiệm như thường ngày: Má đã cắt tóc mình thành một mái tóc rèm ngang trán trông thật kinh dị và nhuộm vàng đi.

Rồi Mungo nói ra cái điều chứng tỏ rằng tôi đã đúng về một chuyện trên trần gian này mà tôi ước gì tôi đã sai. Hấn nói với má – má của tôi – “Chào má.”

Tôi đứng ở bậc thang cuối, cảm thấy mình chết cứng tại chỗ. Tôi có thể nghe và thấy được mọi chuyện nhưng có rất nhiều người đứng che khuất nên má, Cá Chua và Mungo không nhận ra tôi. Má nhìn thẳng vào mắt Mungo và nói: “Ôi, chào cứng. Ba má đang băn khoăn rằng con đi đâu. Lại đây, ngồi xuống đi.” Cha Cá Chua nhích ra, và má vỗ trên băng ghế vào khoảng trống giữa hai người, bà nói: “Ba có mảnh xoay được ba cái giường đã chiến trong hội trường để mình có thể ngủ nghê cho đàng hoàng. Con có tìm được bình nước uống nào không?”

Mungo lắc đầu và ngồi xuống giữa má và Cá Chua. Họ vòng tay ra sau lưng hấn, nắm lấy tay nhau, xiết chặt lại, khiến ba người họ thành một cái bánh mì kẹp thịt kiểu gia đình nhào nhẹt thấy mà ghê. Má đặt tay lên mái tóc kinh tởm, ướt nhep, man rợ của Mungo. Ngón tay của má vuốt lên vuốt xuống cái đường ngôi giữa của hấn. Cá Chua vỗ đầu gối của Mungo và nói: “Ba đang tính đưa con đi cắm trại.” Rồi ông cười phá lên.

Má nói: “Hôm nay ba con gặp đủ thứ chuyện rồi. Nhà của mình có lẽ mới bị cơn bão kinh khủng san bằng rồi...”

Mungo nói: “Con cho là sức gió hơn bảy mươi lăm dặm một giờ, cho nên nó đúng là một cơn bão lớn.”

“... nhưng mọi chuyện mà ông có thể nghĩ tới là làm sao để lại thành một Hướng đạo sinh thôi.”

Ba có hiểu nổi không ba, tại sao con lại lọt vào cái tình trạng này? Trong hai hay ba giây bị phản bội, tim tôi rơi chạm đất cái rầm như một cái thang máy bị hỏng. Cái thang máy hóa thành một cái hang sói và từ trong hang một con sói nhảy ra, nhảy từng ba bậc một lên bậc thang của hội trường làng. Lông con sói có xoáy màu cà phê sữa và trông như thể nó đang cười, nhưng nó không cười, những chiếc răng sắc lẹm của nó nhe ra và đang tìm kiếm một cái cổ họng nào đó. Tôi nhảy ào tới má. Đôi tay tôi vươn tới bờ vai bà và tôi gào vào mặt bà: “MÁ ĐANG LÀM GÌ VẬY? MÁ ĐANG

LÀM GÌ VẬY? MÁ NÓI DỐI CON, MÁ NÓI DỐI, MÁ LÀ ĐỒ DỐI TRÁ.” Đôi tay tôi xuyên suốt qua người bà.

Giống như nhúng tay vào thứ nước được nhuộm-màu-loài-người. Chỉ nhột chút thôi khi hai tay biến mất vào trong đôi vai của má. Tôi kéo chúng ra và chúng lại trở lại nguyên vẹn. Tôi nhìn trân trối vào hai bàn tay mình. Tôi nhìn má trân trối. Tôi đã gào lên hết sức, cách mặt má mười cen-ti-mét, mà bà không hề phản ứng gì cả.

Bà vẫn tiếp tục vuốt tóc Mungo.

Đôi môi tôi đang cong theo âm M của chữ má khi bà quay về phía khác, kéo Mungo vào lòng và ôm xiết hãn thật chặt. Hãn xoay đầu để nhìn tôi trong khi má làm vậy. Tôi biết ngay lập tức là hãn thấy tôi bởi vì hãn cố nói với tôi bằng ánh mắt, làm cho chúng to lên và thật buồn.

“Ôi cưng ời,” má nói từ phía sau đầu của Mungo. “Con là vật quý giá nhất đối với má trên cả thế gian này, con biết điều đó mà, phải không con?” Và khi Mungo không trả lời thì bà hỏi tiếp, “Con biết điều đó không nào? Nói cho má nghe là con biết đi.”

Mungo nhè nhẹ lắc đầu, nhẹ đến nỗi như một cái rung nhẹ hơn là một cái lắc, như thể đang nói với tôi: “Tao biết nói gì bây giờ?”

Rồi hãn nói với má: “Dạ, tất nhiên là con biết, má à.”

CHƯƠNG 17

Đôi tay biến mất, và không được mọi người nhìn thấy hay nghe thấy – tôi thấy mình như một con ma trong cơn ác mộng. Vừa đi, vừa chạy trở lại theo đường Bickleigh – vô định, không nơi đến – tôi cố suy nghĩ để hiểu cho ra chuyện. Nhưng mỗi ý nghĩ như một con tàu điện kêu loảng xoảng tiến tới cuối đường, và tôi kẹt cứng trong khi nó tăng tốc tiến tới High Barnet hay Morden hay Ealing Broadway. Lúc đầu tôi tránh sự va chạm bằng cách nhảy từ tàu này qua tàu khác, nhưng có quá nhiều ý tưởng, quá nhiều con tàu, quá nhiều tiếng động. Tất cả thảng lại cùng lúc và bùng cháy trong ngọn lửa kinh hoàng: Tôi không còn tồn tại nữa.

Tại sao không? Bởi vì tôi đã chết.

Như ba.

Mungo đã giết tôi và chiếm lấy cuộc đời tôi.

Cú bịp sau cùng.

Tôi còn nghĩ là tôi có thể gặp lại ba đang tới từ hướng khác, đôi giày da báo hồi phục lại toàn vẹn hào quang. Rồi tôi sẽ rảo bước bên ông và ba sẽ nói: “Ba ghét cỏ, ba ghét cây cối...”

Và tôi tiếp lời: “Cho tôi tiệt xăm mình và các dây cao ốc bất cứ ngày nào!”

Và ông nhìn nghiêng qua tôi, theo cái cách mà ông đã nhìn ở Health khi chúng tôi đang tìm cái cây Phăng (điều này vô tình, ba à, chứng tỏ rằng ba cũng thích cây cối lắm). Chúng tôi đi lên sườn đồi và dưới kia sẽ là công viên Whipsnade Wildlife. Tôi sẽ chỉ về phía mấy cái bản hướng dẫn và nói

“Chuồng Sói” và ba chắc sẽ vò tóc tôi và nói: “Vẫn như cũ, vẫn y chang như cũ. Không tệ lắm, cái trạng thái kỳ dị của sự chết này, phải vậy không nào?”

Nhưng tôi không gặp ba, chỉ có con đường vắng dưới mưa, đầy những vết hư hại do cơn bão. Và tôi nghĩ: Điều này giống như là chết vậy. Ai cũng thắc mắc nó ra sao và bây giờ thì mình đã biết. Bước đi trên con đường vắng hoe trong cơn mưa, mãi mãi. Đơn giản quá chừng.

Trái tim tôi nhảy tưng trong lồng ngực. Tôi nghĩ là ba đang gọi tôi: “Mungoooo!” Tôi quay lại nhìn. Phía xa cuối đường, một bóng người vẫy tay. Nhưng đó là Mungo. Tôi không còn lại chút tinh thần đấu tranh của sói. Tôi đứng như con cừu đang chờ bàn tay sát thủ tóm lấy. Hẳn chạy qua cơn mưa, vượt qua rác rưởi trên đường với đôi chân hươu cao cổ của mình, và khi đuổi kịp được tôi thì hẳn hết cả hơi. “Mày ổn không? Tao có thể giải thích cho mày hiểu. Tụi mình có thể - hẳn thở khò khè - gỡ mày ra khỏi vụ này, tao hứa mà. Đồng ý không?”

“Mày giết tao rồi.” Tôi nói. Tôi cảm thấy khá bình tĩnh khi nói điều đó nhưng rồi không kèm được nữa tôi oà khóc nức nở.

Mungo đưa tay ra nhưng tôi lùi lại. “Có phải đó là điều mà mày đang nghĩ không?” hẳn hỏi, “Nó không tệ như vậy đâu. Mày chưa bao giờ đọc cuốn sách, phải không?” Và đó là lúc hẳn nói về cơn mưa và việc áp suất không khí giảm đột ngột. “Đôi khi, trong các điều kiện khí hậu khắc nghiệt như hè này, thì nó xảy ra – hẳn húng hắng ho – nhanh đến nỗi để lại một kẽ hở mà mình có thể len qua, vào trong một thế giới song song. Tất nhiên, với điều kiện mình có cái mà Mungo Groves gọi là “ra-đa”, cái mà – hẳn thở khò khè – cả hai đứa mình phải có, bởi vì nó là một cái gen trội trong gia đình – như cái dái tai bị dính liền của tụi mình. Nhưng bây giờ có vẻ như mày bị mắc kẹt trong...”

Tôi lắc đầu, không hiểu được cái mớ xì gì hết về những gì hẳn đang huyền thuyên.

“OK, Ok,” Mungo nói. “Tao nói nhanh quá đúng không, tao xin lỗi. Điều tốt nhất để làm là mày về nhà với tao và mình sẽ...”

“Không đời nào,” tôi nói, và lùi lại một bước.

“Mày phải về,” Mungo nói, “Mày phải thấy cuốn sách. Rồi mày sẽ tin tao. Rồi mình phải tính làm cái gì đó trước khi quá muộn.”

“Mày hứa là tao vẫn chưa chết?” Tôi hỏi.

“Tao hứa.”

Lẽ ra tôi ôm chầm lấy hắn, mặc dù tôi biết hắn là một thằng dóc tổ.

Ngôi Nhà Trái Thơm đã bị nhấc lên và trượt đi, như chiếc tàu chìm. Ở một đầu, những bức tường có lỗ châu mai giờ đã tuột xuống thấy rõ. Đứng giữa các trụ cổng, Mungo dừng lại ngó. “Căn nhà được xây năm một ngàn tám trăm tám mươi tám.” hắn nói, “Tao tưởng nó có thể đứng vững cả ngàn năm nhưng, chắc khoảng ba giờ sáng, thì nó bị hút ngay vào trong lòng cơn lốc xoáy. Giống như nằm trong rốn của cơn lốc, với tất cả năng lượng xấu bị hút xuống trên đầu chúng ta. Thật là kinh hoàng, tao biết vậy mà. Mọi thứ bay tứ tung, như cả họ hàng yêu quái vừa mới dọn vào. Hồi sáng nhà mình chạy toé khói mới ra ngoài kịp đó.” “Nhà mình à?” tôi hỏi lại.

Để trả lời, hắn vỗ vào lưng tôi và nói: “Thôi đi nào.”

“Chuyện gì đã xảy ra với căn nhà gỗ vậy?” tôi hỏi.

“Nó chưa từng được xây lên,” Mungo đáp. Tôi ngó hắn. “Đừng lo, tao sẽ giải thích cho.”

Ở cửa chính, Mungo lật tờ giấy thông cáo xuống:

Cảnh sát thông báo

Công Trình Nguy hiểm

CẤM VÀO!

Và chuôi cái chìa khóa vào ổ khóa. Hắn xoay chìa và mở hé cửa, rồi ngừng lại lắng nghe. Tiếng gỗ nứt vỡ. Tiếng loảng xoảng của kiếng vỡ. Mungo nhún vai và đẩy rộng hết cửa.

Ngôi Nhà Trái Thơm giống như một cái bóng đèn sắp sửa bay vèo vào quên lãng. Một chuyển động khê khàng nhất hoặc tiếng ai đó cất lên cũng có thể làm nó rã ra ngay. Dưới nhà, cái trần phòng đã rơi xuống ở một góc và treo lủng lẳng bằng vài sợi dây điện và mấy mảnh vụn của rầm nhà. Cái chụp đèn xoay xoay trong cơn gió nhẹ thổi xuống từ cái mái ngói vỡ nát qua

hai tầng lầu. Cái cầu thang đối diện với chúng tôi đã gãy làm hai và có một khoảng trống độ hai mét giữa các nấc thang thứ bảy và thứ tám. Từ khung cửa ra vào, Mungo chỉ vào cái cầu thang thì thào: “Mình cần lên trên đó. Đi nhẹ nhẹ thôi nghen?” Tôi gật đầu.

Chúng tôi nhón bước qua một hàng giày ủng và một thoáng ác mộng loé lên với tôi – một giọt máu lóng lánh trên miếng cao su màu xanh. Cái sàn nhà bằng gỗ sệt quánh bụi và nước mưa. Mungo đi trước, suýt trượt té, và đôi giày thể thao kêu rít lên trên sàn nhà trơn khi hấn cố lấy lại thăng bằng. Tôi đưa tay ra cho hấn vịn – và cảm nhận vải áo thun của hấn ở đầu ngón tay thì tôi nhận ra rằng mình vẫn hiện hữu chắc chắn bằng xương bằng thịt. Tôi vẫn tồn tại! “Nè.” tôi thì thầm.

Mungo ngừng lại quay đầu nhìn tôi. “Gì đó?”

“Không có gì.” Tôi không diễn tả được cảm giác của mình, nhưng tôi chợt cảm thấy xúc động nghẹn ngào và biết ơn Mungo.

Chúng tôi cũng tới được cầu thang. Cái thang rung lắc khi Mungo đặt chân lên bậc đầu tiên. Hấn bước thử thêm chân kia và nhún nhún trên bậc thang, thử xem có chắc không. “Tốt nhất là lên từng thang một,” hấn nói. Tôi nhìn hấn leo lên. Cái cầu thang tiếp tục đung đưa và kêu cọt kẹt, nhưng coi bộ còn ngon. Khi tới khoảng trống giữa bậc thứ bảy và thứ tám, Mungo ngập ngừng sau đó duỗi chân phải ngang qua khoảng trống. Trong khoảnh khắc trông như hấn bị kẹt trong tư thế xoạc hai chân ra nhưng hấn đẩy được thân mình tới trước và kéo được chân còn lại lên.

Mungo lên tới đầu cầu thang và nằm xuống nên đầu và vai hấn vắt qua bậc thang trên cùng. Rồi hấn búng ngón tay, khuyến khích tôi leo lên. Từ bậc đầu cho tới bậc thứ bảy thì dễ. Tôi cảm thấy cái cầu thang lắc lư nhẹ nhàng dưới chân nhưng thấy cũng còn khá vững. Khi tới khoảng trống thì tôi nhảy, chân phải đạp bậc thứ tám, bấu được hai ngón tay vào thành cầu thang rồi kéo chân trái lên. Rồi trọng lượng của cả hai chân tôi đè lên làm bậc thang gãy ra, rơi xuống vỡ tan tành bên dưới, để tôi treo lửng lơ bằng hai ngón tay trên thành cầu thang.

Hai chân tôi vung vẩy giữa khoảng không. Áp lực trên mấy ngón tay tăng nhanh với vận tốc của âm thanh và tôi biết tôi sẽ phải buông tay và rơi xuống qua đồng gỗ vụn. Thế là Mungo, biến mình thành chuyên gia lướt sóng bằng bụng của Đội Hiệp Sĩ Cứu Khốn Phò Nguy, trượt xuống cầu thang bằng phần ngực của hắn. Lúc mấy ngón tay tôi rời khỏi chỗ bám trên thành cầu thang thì hắn chụp được cánh tay còn lại của tôi ngay dưới khuỷu tay và lôi tôi lên mấy bậc thang an toàn. Tôi trườn tiếp lên đến đầu cầu thang và nằm lăn ra trên cái thảm màu đỏ, nhìn lên khoảng trần nhà bị vỡ trông như mấy cái xương sườn bị lòi khỏi da.

“Có sao không?” Mungo hỏi.

“Suýt chút là tiêu tủng. Ê nè, rồi làm sao mình trở xuống đây?”

“Còn nhiều thời gian để lo chuyện đó. Mình phải vô phòng má đã. Ở đằng kia kia.” Hắn chỉ về một trong những cánh cửa đóng. “Má và ba ở hai phòng riêng.”

Mungo mở cửa chậm chậm và ghé vào trong. “Trong này ổn. Trần nhà không hề có một vết nứt.” Tôi theo hắn vào phòng.

Mùi hương của má, của những ngăn kéo trượt ra rất êm đềm lùa được xếp ngăn nắp. Trên bàn phấn có mấy bức hình để trong khung bạc. Hình má lúc còn nhỏ, thắt bím. má với năm cô bé gái khác, ôm một bộ đồ giả trang hình con rết có hai mắt thật to và mấy cái chân giả lủng lẳng. Má mặc áo cưới đứng bên ngoài một nhà thờ, đứng cạnh bên...

“Tao hết chịu nổi vụ này rồi,” tôi nói.

... Đứng cạnh bên cha Cá Chua. Làm đám cưới với cha Cá Chua.

“Nếu tao không chết thì tao hẳn là một thằng tâm thần,” tôi nói. “Chuyện gì đang xảy ra vậy nè trời?”

“Hổng chết cũng hổng tâm thần gì ráo,” Mungo lầm bầm. “Chút nữa thôi”. Hắn mở cửa tủ áo và quì xuống để lục lọi bên trong. “Má không hề biết tao vào trong này,” hắn nói. “Đó là nơi tao tìm thấy cái bật lửa để đốt thuốc. Thường thường tao lấy nó ra vài ngày chơi nhưng tao luôn luôn trả lại chỗ cũ để má đừng biết là nó bị mất. Đây nè.” Hắn ngoái tay lại đưa một vật. Tôi cầm lấy: Cái bật lửa cũ có chữ M. G. khắc trên đó theo chữ viết uốn éo

kiểu cổ. “Thường thường nó nằm chung với cuốn sách,” Mungo nói. Giờ thì hẳn đang lơ lửng từ phía sau cái tủ áo một món gì khá to, giật mạnh nó qua đồng quần áo cũ và mấy đôi săng-đan.

Hắn vỗ lên nó và một đám bụi bay lên trong cái không khí thơm dịu. Rồi hắn xoay lại và mang nó tới giường, đặt xuống thật cẩn thận. Nó là cuốn sách khá lớn, dày, trông có vẻ nặng, trong lớp vải bọc rách đã từng là màu xanh nhưng đã phai ngả sang màu xám. Tôi ngó Mungo.

“Nào, xin mời.” hắn nói.

Tôi bỏ cái bật lửa vào túi mình và giở sách. Những trang sách dày và vàng vọt, góc trang nhàu nhò. Trong lúc tôi lật trang, cuốn sách kêu lên cọt kẹt như gỗ giòn căng của Ngôi Nhà Trái Thơm rệu rã. Trang đầu tiên để trống. Trên trang thứ hai có dòng chữ:

Vũ Trụ Kỳ Bí

Ngài Mungo Groves Edinburgh 1947

Tôi ngó Mungo. Hắn gật đầu: “Lật tiếp đi.” Tôi lật qua trang kế.

“Đọc đi.” Mungo nói.

Đây là những gì tôi đọc được:

Có phải vũ trụ chỉ là một bộ máy - không kỳ bí hơn động cơ đốt trong một xe hơi - hay tổng thể là một cái gì đó giàu trí tưởng tượng hơn trong hoạt động để tạo nên thế giới hiện tượng của chúng ta?

Tôi ngừng đọc. “Do ông cố của tao viết ra, đúng không?” Tôi hỏi thêm: “Tại sao...”

“Tao tự hỏi, má của mày không giữ một bản à?”

“Má tao nói nó làm ông tao nhớ lại nhiều hồi ức tồi tệ nên ông vứt nó đi.”

“Bả có giải thích gì về ông cố Mungo Groves không?” Mungo hỏi. Tôi gật đầu nhưng Mungo đã quyết định cho tôi biết ý kiến của hắn. “Ông là một người rất nổi tiếng và nhà thiên văn và khoa học gia được tôn trọng trong thập kỷ 1930. Mày có biết là có một miệng núi lửa trên mặt trăng được đặt bằng tên của ông không? Miệng núi lửa Groves. Ông còn rất giỏi trong việc sáng chế radar. Rồi năm một chín bốn mươi bảy, ông viết cuốn sách này, Vũ

Trụ Kỳ Bí, và người ta tưởng ông bị khùng. Họ cười nhạo ông. Ông mất việc làm. Rốt cuộc, ông điên thật. Ông chết trong một nhà thương điên ở Scotland.”

“Tại sao người ta nghĩ rằng ông đã phát khùng?”

“Bởi những điều trong sách. Ông tin tưởng vào sự tồn tại của những thực tại song song đồng hiện. Không chỉ có thế. Nghe cái này nè.” Và Mungo cúi xuống cuốn sách, lật lật tới vài trang và đọc:

Thêm nữa, lần đầu tiên tôi công bố với thế giới rằng tôi đã làm một cuộc du hành giữa những thực tại như vậy. Tôi, Mungo Groves, đã du hành thành công giữa những thế giới song song.

Hắn gõ xuống trang sách, đứng thẳng người và nhắc đôi tay lên. Những ngón tay hắn run run. Kẻ thuyết giáo. Cánh côn trùng. Điều lạ lùng nhất đang xảy ra, trong giây phút đó những ngón tay hắn giống như có một đời sống riêng của chúng và tôi không nghĩ rằng hắn biết chúng đang làm gì. Hắn đang nhìn thẳng vào mắt tôi và nhe răng cười. Bất giác, tôi rùng hết cả người. “Bây giờ mày bắt đầu hiểu ra chưa?” Mungo hỏi.

Hắn tiến tới bàn phấn và cầm cái khung hình má và cha Cá Chua chụp trong ngày cưới lên. “Ba má của tao.” Hắn nói.

“Không thể nào như thế được,” tôi nói, “bởi vì đó là má của tao, cho dù mày có nói cái giống gì đi nữa, mày cũng không thể lấy đi điều đó của tao.”

“Bình tĩnh nào,” Mungo nói, “đừng có nổi khùng. Mày vẫn chưa hiểu ra, phải không?”

“Tao không biết khi gì nữa hết,” tôi thừa nhận.

“Thiệt đó, điều đó là sự thật, bà Clare là má của mày. Nhưng bà cũng là má của tao. Mày là con trai mà má mày - má của tụi mình - hắn đã có nếu bà đã rời vùng Bickleigh vào năm mười chín tuổi và tới London để tham gia một lớp thiết kế, và gặp ba của mày.”

“Bà đã làm điều đó.”

“Chính xác. Tất nhiên là bà đã làm điều đó.”

“Vậy thì mày đang nói gì đây?”

“Bởi vì bà cũng đã không làm điều đó,” Mungo đáp. “Việc này liên quan đến điều mà ông cố Mungo Groves viết trong cuốn sách của ông, về các khả năng song hành. Má cũng đã ở lại Bickleigh, và cưới ba tao, người tên là Brian Boland, người mà bà gặp tại buổi khiêu vũ ở câu lạc bộ Những Nông Dân Trẻ khi bà mới mười sáu tuổi. Bà kể với tao rằng thiết là liệu nếu như bà đi London vào năm một chín tám một. Bà đã được hứa dành cho một chỗ học nên bà lên xem thử cái trường đại học ấy trong một ngày và đó là lần đầu tiên trong đời bà tới London và bà ghét nó lắm. Bà trở về rồi suy nghĩ về điều đó, và quyết định là mình không chịu được ba năm sống giữa ồn ào, ô nhiễm và lũ người nguy hiểm ẩn nấp ở mọi góc phố, nên bà ở lại đây, và bốn năm sau, sau khi ba tao học xong trường đại học nông nghiệp, thì bà và ba tao làm đám cưới ở nhà thờ Bickleigh – lúc đó chụp cái hình này – và tới sống ở Ngôi Nhà Trái Thơm, trên đường Bickleigh, nơi tụi mình đang đứng bây giờ, và sáu năm sau đó thì tao ra đời.”

Hắn bỏ cái khung hình trở lại bàn phấn.

“Trông họ rất hạnh phúc, phải không nào? Nhưng chắc là không được hạnh phúc lắm đâu, kể cả lúc đó. Họ luôn luôn cãi vã nhau, tao vẫn còn nhớ như vậy, và tao luôn luôn ghét điều đó. Ngay cả mới đây nè, ở hội trường làng, tất cả chuyện ôm nhau và đùa giỡn, chỉ là trò đóng kịch thôi. Họ không thể chịu đựng nổi nhau. Mọi chuyện này bắt đầu như vậy đó, bởi vì tao muốn thay đổi. Tao muốn trở thành một ai khác. Chỉ cần nếu má không cưới ba, tao nghĩ vậy. Chỉ cần nếu bà chọn một người đàn ông khác làm chồng, thì tao vẫn có bà là má, và tao vẫn sẽ là tao, nhưng mọi chuyện chắc sẽ vui vẻ hơn. Rồi tao tìm thấy cuốn sách cũ này và tao ngộ ra rằng tao có thể thoát ra được, tao có thể biến nó thành sự thật.”

Mungo cầm cuốn sách lên. “Tất cả đều ở trong này,” hắn vừa nói vừa tìm một trang đặc biệt nào đó, rồi đọc lên.

Thế giới của không gian và thời gian giống như một khu rừng nguyên sinh. Cuộc sống của chúng ta giống như con đường mòn xuyên qua khu rừng này. Nhưng mỗi bước ta bước về một hướng, có vô số những bước chân đưa ta đi về một hướng khác, và quả thực là ta đã đi, có điều là trong

một thực tại song song khác. Nếu ta có thể nhìn thấy bao quát tất cả các thực tại từ nhánh cây cao nhất của cái cây cao nhất trong khu rừng, ta sẽ không chỉ thấy một con đường thẳng mà là một mô hình chi chít những lối đi chia nhỏ và đâm nhánh bất tận, vươn ra phủ đầy không gian bất tận có thật đó.

“Thấy không nào?” Mungo hỏi. “Ví dụ bà Clare Groves. Má của tụi mình. Bà tới London, cưới ba của mày và có mày. Đó là một thực tại. Hoặc bà ở lại Bickleigh, cưới ba tao, và có tao. Thực tại thứ hai. Không có cái nào thật hơn cái nào cả. Có điều rằng thực tại của mày thì như là thực tại duy nhất bởi vì mày không có cái khả năng nhận biết hay ném trái thực tại nào khác. Ngoại trừ bây giờ thì mày có. Tao là một thực tại khác. Mày thế nào rồi?” Mungo chộp tay tôi và lắc.

Tôi vẫn không hiểu, chưa hiểu hết, nhưng tôi cảm nhận một tia sáng le lói, một sự kích động cái khôn ngoan của loài sói. Tôi cười lớn, vẫn còn cảm thấy nổi nhẹ nhõm vì mình chưa chết, và đi khắp London. “Nè, bồ tèo” tôi nói, khoác vai phải Mungo: “Mọi chuyện sao rồi, hả?”

Mungo nói, lờ tôi đi: “Cuốn sách này chỉ cho mày cách làm sao dịch chuyển giữa những thực tại song song. Nhiều năm về trước má nói về nó nhưng tao đã quên mất. Rồi vài tháng trước, khi má và ba cãi nhau hoài và ba đánh bà, bà phải đi báo cảnh sát thì tao thấy nó. Tao không giải thích được nhưng có cái gì đó khiến tao lục lọi trong mấy ngăn kéo tủ, và tìm thấy nó ở đó. Tao bắt đầu đọc nó, ngồi đây nè, trên sàn nhà trong phòng của má và lắng nghe tiếng động của xe cộ ngoài đường. Và giống như leo tuốt lên ngọn của cái cây cao nhất trong cánh rừng và nhìn xuống đời mình. Nhưng nó không chỉ nói những điều về rừng mà thôi. Nó còn bày cho mày cách thức. Nó giải thích khoảng trống giữa những thế giới, làm sao khoảng trống ấy chỉ mở ra vào những thời điểm có áp suất không khí bất thường. Làm sao, khi điều đó xảy ra, mày phải tìm một môi trường thích hợp, càng xa càng tốt, mô phỏng một nơi ở ngoài thời gian và ý thức. Ông muốn nói về sự tối tăm, yên ắng, không có liên hệ với đời sống thường ngày.” Hắn lật lẹ qua những trang sách và đọc lên một câu khác trong Vũ Trụ Kỳ Bí.

Tưởng tượng một không gian khép kín, hoàn toàn bị tách lìa khỏi thế giới bên ngoài, giống như cái hộp chứa con linh miêu bị hành hạ không ngừng, Con Mèo của bác sỹ Schroedinger.

Trong một...

“Schoroedinger là thằng cha ảo thuật gia mà mà đã nhắc tới, đúng không?”

Mungo mỉm cười. “Schroedinger đã làm cái thí nghiệm này. Ông bỏ một con mèo vào một cái hộp – thật ra, thật ra ông đã không làm vậy, ông chỉ tưởng tượng ra điều đó thôi, nhưng dù sao...” Hãn thấy tôi đang ngáp dài chế giễu. “Vấn đề là, ông cho mình thấy rằng con mèo có thể hiện hữu trong những thực tại song song ở cùng một thời điểm. Vậy đó, ông cố Mungo Groves tìm được cái hộp của mình hoàn toàn tách lìa ra khỏi thế giới, nhưng ông không bỏ con mèo vào đó, mà ông bỏ chính ông vào. Cái hộp của ông là cái hầm rượu của một ngôi nhà cũ ở Edinburgh, và đó là điều khiến tao nghĩ tới cái giếng. Tao đã tới chơi ở Ngôi Nhà Thung Lũng Hạnh Phúc vài lần nên tao biết về nó. Vấn đề của tao là, chẳng có ai đem cái thang dây đi chỗ khác giùm tao.” Hãn cười lớn và nhìn về phía cửa sổ. “Tao thực sự không có nhiều bạn. Nên khi tao xuống cái giếng thì tao không “hoàn toàn tách lìa mình ra khỏi thế giới bên ngoài” như Ngài Mungo nói mình phải làm điều đó. Nhưng dù sao nó cũng có hiệu quả. Tao nghĩ cái gen của tao xui khiến, giống như ông cố của mình vậy. Ông gọi điều đó là “cái ra-đa”.

“Tao nghĩ, cái ra-đa đó cho tao biết về mà. Tao đã không biết điều gì đang xảy ra. Tao bắt đầu nghe thấy một tiếng động trong đầu, giống như tiếng rè rè của cái ra-đi-ô. Tao biết điều gì đó – hay ai đó – đã tới gần bên và tao phải tìm ra điều đó, hay tìm ra họ, hoặc là bất cứ cái gì đó. Vậy là tao làm. Tao canh chắc tình trạng áp suất không khí đúng theo yêu cầu và nó giúp tao rất tốt, tao trôi đúng vào trong thực tại của mà ngay lần đầu tiên tao thử. Tao đến ngoài cửa sổ nhà bếp của nhà mà, và mà hiện ra trong cái áo ngủ màu đỏ...”

“Đội bóng Arsenal đó,” tôi nói.

“Tao thấy mày bên trong cửa sổ, đang ăn bánh mì kẹp thịt heo muối. Và má của mày – má của tụi mình – cũng đang ở đó, và hai người bên nhau trông thật hạnh phúc. Bước tiếp theo là đem mày về trong thực tại của tao. Và điều đó cũng thành công, đúng như cuốn sách nói vậy. Tao đã không tin nó đơn giản tới vậy. Đó là lần đầu tiên mình gặp nhau, khi tao đang đi dưới mưa. Tất nhiên, tao thấy mày nhưng tao đã quá kinh ngạc và hồi hộp tới nỗi tao không biết phải nói gì, cho nên tao làm bộ như không nhìn thấy mày. Lần sau, mình nói chuyện và mày kể cho tao nghe về ba mày, thật là một người cha tốt – thật khác xa ba tao - đó là lúc tao biết.”

“Biết cái gì?”

Mungo ngậm ngừng. “Nè, tao thật sự xin lỗi. Tao tuyệt vọng quá.” Hấn bước quanh phòng rồi tới cái cửa sổ. Nhìn ra hàng cây run rẩy và ngã rạp trong bão, hấn nói: “Tao có một điều phải thú tội với mày.”

CHƯƠNG 18

Mungo trở lại giường và lật cuốn sách lên.

Trong khoảng không gian như thế, hắn đọc, rồi ngưng: “- ý ông muốn nói là cái hầm rượu của ông ở Edinburgh, hoặc dưới giếng - bất cứ đâu tách lìa ra khỏi thế giới bên ngoài...”

Trong khoảng không gian như thế, khi hồn và xác là thể lỏng, tôi vẫn cho rằng có thể trao đổi phần hồn nhưng giữ lại phần xác. Trong các tình huống đúng, với một chủ thể là kẻ bẩm sinh được trang bị cái mà tôi đã nhắc đến ở đâu đó là “cái ra-đa”, thì điều này có thể đạt được trọn vẹn bằng năng lực tư tưởng.

Mungo gấp cuốn sách lại và đẩy qua mặt giường của má. “Tao thích cuộc sống của mày.” Hắn nói. “Tao thích vóc dáng và cách ăn mặc của mày. Mày biết tất cả về London. Ý tao muốn nói là wow! thủ đô vĩ đại. Tao thì chưa bao giờ ra khỏi Bickleigh.”

Tôi cười vô cái vụ này. “Nhưng mày nói...”

Mungo tiếp tục huyền thuyên. “Mày thương yêu ba má mày và họ cũng yêu thương mày, tao thấy vậy. Tao nghĩ mình có thể đổi chỗ cho nhau. Cuốn sách nói điều đó có thể xảy ra nếu mình thật sự mong muốn. Và tao thật sự mong muốn điều đó. Ba má mới có cuộc cãi vã tồi tệ hơn bao giờ hết. Họ đang tính chuyện chia tay và tao muốn sống với ai đây, bà hay ông? Tao chỉ muốn trốn chạy. Đó là lý do vì sao tao...” Mungo ngập ngừng. “Hứa là mày không nổi khùng khi tao nói tiếp nghe?” Hắn đang nhớ tới lúc hắn quậy mấy con sói tung lên đây. Tôi không phản ứng gì. Tôi im re như hòn đá. Mungo hăng giọng và nói nhanh.

“Đó là lý do tao mang mày vào trong thực tại của tao, đưa mày xuống giếng và lấy cái thang dây đi, nói cho mày hiểu. Khi tao thả cái thang dây trở xuống và mày leo lên, thì đáng lẽ ra mày đã biến thành tao và tao đã thành mày rồi.”

Tôi nhìn hấn trân trân.

“Hồn tao sẽ nhập vào xác mày, cuộc đời mày. Và mày sẽ nhập qua tao. Nhưng vấn đề là, mày sẽ không bao giờ biết. Như cuốn sách nói...” hấn nhìn xuống trang sách. “Điều này có thể đạt được mà không cần có sự ưng thuận hay sự ý thức của người mà hồn và xác đang bị tách lìa và trao đổi như vậy.” Hấn lại bước quanh. “Nhưng tao biết điều đó không phải là lý do để bào chữa gì cả,” hấn nói, mà không nhìn tôi.

Tôi nghĩ tới cơn ác mộng, tới cái cảm giác không thể tránh khỏi là Cá Chua là cha của tôi. Tôi chợt nhận ra kế hoạch của Mungo suýt chút nữa đã thành công. Trong đường tơ kẽ tóc, tôi đã trở thành một thằng Mungo khốn kiếp, hoàn toàn có đường ngôi rẽ giữa và có một tay nhà quê rất bệnh làm cha mình. Tôi không tin nổi những điều hấn đang nói. “Mày mới vừa đánh cắp cuộc đời của tao hả?” Tôi hỏi, quên luôn là mình phải thì thầm thôi.

“Tao khổ quá!” Rồi im lặng. Chỉ còn tiếng mưa rơi và tiếng gõ kêu rảng rảng. “Dù sao đi nữa,” Mungo nói, “chuyện đó không có kết quả, phải không nào? Chẳng có điều gì xảy ra cả.”

Và rồi tôi nhận ra. Tôi đáp: “Đúng, quả là vậy.” Tôi tự làm một cú ăn mừng làm bàn nhỏ theo kiểu đội Arsenal trong đầu. Tôi đã lừa lại thằng này mà tôi thậm chí không biết! Tôi kể với hấn về cơn ác mộng tôi đã có dưới đáy giếng, về chuyện mình vào Ngôi Nhà Trái Thơm và thấy cha của hấn đánh má của hấn, cũng là má của tôi. “Có máu đỏ tươi trên giày của ông. Thật là khủng khiếp. Rồi tao bị thuyết phục rằng cha của mày... là cha của tao. Và sau đó, sau đó...”

Nhưng tôi không kể với hấn chuyện tiếp đó, về chuyện làm sao ba, ông cha ruột đã chết của tôi, đã hiện ra trong những suy nghĩ của tôi thật đúng lúc. Ba đã cứu tôi! Và điều đó là bí mật của chúng tôi, của ông và của tôi.

“... và rồi tao tỉnh dậy,” tôi nói tiếp. “Tao không kể cho mày nghe về giấc mơ bởi vì nó làm tao sợ đến muốn tè trong quần và bởi vì tao không muốn mày khoái trá vì đã nói đúng. Dù sao đi nữa, có một chút trục trặc kỹ thuật trong kế hoạch của mày.”

“Là cái gì vậy?” Mungo hỏi, đầy vẻ ngạc nhiên. Hăn tưởng là hăn đã tính toán vẹn hết mọi chuyện rồi.

“Ba tao chết hồi tháng Hai.”

Bên ngoài, ngói trên mái nhà vẫn tiếp tục rớt xuống vỡ nát. Rồi một tiếng động đinh tai tan nát như tiếng sấm nổ làm rung chuyển cả ngôi nhà, theo sau là một tiếng ầm thật lớn ngay trên đầu chúng tôi ở khoảng không gian của mái ngói. Chúng tôi co rúm lại vì tưởng rằng cái trần nhà sắp sụp xuống. Mọi vật lại trở nên yên ắng và chúng tôi nhìn nhau trân trân.

Mungo nói: “Nhưng mày không...” Hăn lấy hai tay ôm đầu, nói ấp úng qua những kẽ ngón tay.

“Ba mày đã chết. Tao chưa từng nghĩ tới điều đó. Tao thật lòng xin lỗi nghe.”

“Bỏ đi Tám,” tôi nói. Lại thêm một câu nói của ba. Lời của ông có thể viết ra cả một cuốn sách.

Rồi Mungo ngẩng mặt lên mỉm cười. “Dù sao đi nữa, biết sao không, dù sao đi nữa thì mọi chuyện sẽ đâu vô đó bởi vì...” Hăn lại ngập ngừng như bị nghẹn lời.

“Bởi vì cái gì?” tôi hỏi.

“Mình là bạn với nhau,” hăn trả lời, và quay đầu về phía cửa sổ.

“Ê,” tôi thì thầm, “mày biết ba tao sẽ nói gì về vụ này không, nếu ông còn sống?”

“Nói gì?”

“Còn cười nữa hả? Tao gần ị ra quần rồi đây nè.”

“Có nghĩa là sao?”

“Không có gì. Cái chính là, chuyện gì đã xảy ra với tao và làm sao tao thoát ra khỏi được những cái đó?”

Không có câu trả lời. Mungo vẫn quay mặt về phía cửa sổ và có vẻ như đang chăm chú nhìn vào một vật gì xa xôi lắm.

“Này, Mungo?” Tôi gọi. “Trời đất ơi, tao đúng là một con ma. Thậm chí má ruột của tao cũng không thể thấy tao hay cảm nhận được tao. Tao không thể nào làm một con ma như thế này mãi được.” Rồi tôi ngờ vực: “Mày không định chơi tao một cú nữa chứ hả? Vụ này không phải là trò nhảm nhí Mungo nữa đấy chứ?”

Dường như hần lơ tôi đi, và khi hần nói thì như thể là đang nói với chính mình vậy. “Đáng ra nó phải đơn giản. Trên lý thuyết.”

“Cái gì kia?”

“Mày kẹt trong thực tại của tao, mày biết vậy không? Cuốn sách đã cảnh báo điều đó có thể xảy ra. Thời tiết là yếu tố sau cùng. Áp suất không khí chưa bao giờ xuống thấp tới vậy. Mọi chuyện rồi rãm cả lên. Người ta chắc đã dịch chuyển từ thực tại này tới thực tại khác ở khắp mọi nơi, nếu chúng ta thấy được họ, chỉ cần nếu chúng ta leo lên cái cây cao kia và nhìn xuống cánh rừng cuộc sống của mình. Nhưng ở đây còn có điều gì khác nữa đang xảy ra, và tao đã quá ngu không nhận ra nó. Mày cũng khốn khổ như tao thôi, phải không nào?”

“Tao thấy là không hần như vậy.” tôi nói.

“Đúng là mày khổ mà. Tao bị cuốn tròn trong nỗi khổ của mình nên không thấy nỗi khổ của mày. Tao ghét cha tao còn mày thì mới mất cha mày. Không có thằng nào trong hai đứa mình muốn là chính mình và điều đó không hay ho gì. Tất cả mọi thứ có thể lộn tùng phèo lên với những thử nghiệm này trong các thế giới song song khi mình không thích bản thân mình. Người ta có thể mắc kẹt mãi mãi giữa các thực tại. Những người thật sự không biết họ là ai. Họ chỉ quay cuồng không ngừng ở một nơi nào đó, như một cái máy giặt không bao giờ tới được điểm cuối của những vòng quay. Ông cố Mungo Grove đã cảnh báo về điều đó.”

“Vậy thì mày đang nói cái gì đây?”

“Mày bị kẹt vì mày không biết mình là ai hay muốn trở thành ai. Nhưng câu trả lời rất đơn giản. Mình trở lại cái giếng. Mày xuống đáy giếng và tao

lấy cái thang dây đi. Mà vào một giấc mơ và khi thức dậy thì cái thang dây sẽ lại ở đó. Mà leo thang trở lên và mà sẽ trở lại trong cái thực tại mà mà muốn hiện diện trong đó. Chỉ kẹt một chuyện thôi.”

“Cái gì vậy?”

“Mày phải biết – phải thật sự biết – mày muốn mày là ai và ở đâu. Nếu không mày có thể kết thúc chẳng ra sao cả. Mày có hiểu chính mày không? Ý tao là mày có thật sự hiểu không?”

“Tất nhiên là hiểu chứ,” tôi đáp. Trả lời vậy nhưng trái tim tôi đang đánh thành thịch.

“Câu trả lời là gì?”

“Mungo McFall. Năm hai ngàn lẻ sáu. Ở Bickleigh.”

Từ cuối cùng đó thật là khó nói ra quá. Để thật sự chọn sống ở Manuresville hơn là, ví dụ như Camden hay Barbados chẳng hạn!

Nhưng ý nghĩ kế tiếp còn khó hơn cả triệu lần. Mungo hỏi: “Còn ba mày thì sao? Mày phải chấp nhận là ông đã chết rồi.”

Tôi nuốt nước bọt: “Tao chấp nhận điều đó.”

“OK,” Mungo nói, “tao chỉ hy vọng mày thật sự hiểu đầu óc và trái tim của mình. Nếu không thì...”

“Mày sẽ ở đâu?” tôi hỏi, hi vọng rằng hẳn sẽ vẫn loanh quanh đâu đó để giúp tôi nếu có bất trắc.

“Tao sẽ mãi mãi ra khỏi thế giới của mày, và mày cũng biến khỏi thế giới của tao mãi mãi. Chuyện phải là như vậy thôi.”

Mungo bỏ cuốn Vũ trụ kỳ bí lại dưới đáy tủ áo. “Mày biết gì không?” hẳn hỏi. Sau chùng đó chuyện thì có lẽ đây không phải là cuốn sách hay ho gì. Người ta đáng ra phải hạnh phúc với việc họ là ai và ở đâu và hài lòng như thế, mà không nghĩ vậy sao? Họ không nên luôn nghĩ rằng người khác đang hạnh phúc hơn họ. Mày có còn giữ cái bật lửa không?” Tôi đưa nó lại cho hẳn và hẳn chồm tới để cất nó vào tủ áo. Sau đó hẳn lầm bầm một mình: “Nghĩ lại thì...” và bỏ cái bật lửa vào túi.

Chúng tôi đi ra đầu cầu thang. Cái cầu thang đã biến mất – cái tiếng sụp vỡ dội lại mà chúng tôi đã nghe mấy phút trước. Chỉ còn bậc thang trên cùng sót lại, cái bậc thang không dẫn tới đâu cả. Chúng tôi nhìn xuống cái cầu thang gãy nằm trải thành những đống vụn nát, những mảnh gỗ vỡ vụn nằm ngang sàn hành lang cách năm mét phía dưới. “Có nghĩ là mày có thể xuống được không?” Mungo hỏi.

Cái khó không chỉ là độ cao nhưng cái đống xà bần có thể làm cho bạn bị thương te tua nếu nhảy xuống vụng về. “Không còn cái cầu thang nào khác sao?” tôi hỏi.

Mungo lắc đầu. “Nhưng tao biết có cái này, chờ ở đây nghe.” Hẳn biến mất qua một cửa phòng ngủ khác. Tôi nghe tiếng đập mạnh và tiếng sầm sập như những ngăn kéo mở ra và đóng lại. Rồi Mungo hiện ra tay đơng đưa một đoạn dây nhựa đàn hồi màu tím dài trông giống như một đoạn dây dù. “Dây đeo quần của ba.” hẳn nói. “Tao ghét nó khi thấy ông đeo nó.”

Trên đường tới Thung Lũng Hạnh Phúc thì tôi thừa nhận là tôi đã biết ba của Mungo trong thực tại của tôi, và tôi đã đặt tên giễu cho ông là Cá Chua, một phần vì có lần tôi thấy ông đeo cái gọi là cái cà-vạt. Mungo không quan tâm bởi vì hẳn không thích ba hẳn và dù sao đi nữa, như hẳn đã nói, những chuyện xảy ra trong thực tại của tôi đều không liên quan gì tới hẳn.

Rồi Mungo giải thích tại sao thỉnh thoảng Ngôi Nhà Trái Thơm lại là một ngôi nhà gỗ trong thực tại của tôi, Ngôi Nhà Trái Thơm bị bỏ hoang và cuối cùng bị phá bỏ đầu thập niên một chín bảy mươi. Một ngôi nhà gỗ đã được dựng lên tại đó nhưng bức tường trắng và những trụ cổng có hình trái thơm thì được để nguyên lại như cũ.

Ngôi nhà Hedge End Hall cũng tương tự như vậy, hay còn gọi là Ngôi Nhà Thung Lũng Hạnh Phúc. Tôi giải thích cho Mungo rằng trong thế giới tôi thì cha hẳn, Brian Boland, lại không cưới Clare Groves nhưng cưới một người đàn bà khác tên là Felicity và có một con gái tên là Talullah. Họ đã mua ngôi nhà bỏ hoang Hedge End Hall và đất, rồi mở trang trại nuôi gà công nghiệp và dịch vụ cho thuê máy móc nông nghiệp ở đó. Trong thế giới

của Mungo, thì ngôi nhà và khu đất đó vẫn bị bỏ hoang và được đặt tên là Thung Lũng Hạnh Phúc.

“Và đời sống cứ tiếp tục,” Mungo nói, “như cuốn Vũ Trụ Kỳ Bí nói: “một mô hình chi chít những lối đi tách ra và chia nhánh vô tận”. Như mày biết đó, cái lão bốc mùi thối hoăng trông nom cái tiệm tạp hóa trong làng, nhưng đối với tao đó là một tên pê-đê...” “Gay, mày ơi.”

Đường rẽ vào Ngôi nhà Thung Lũng Hạnh Phúc hoàn toàn bị ngập. Chúng tôi lội trong nước mưa bùn lún tới đầu gối. Những cái máng xối chưa bao giờ kêu rú ầm ỹ tới vậy, chúng tôi nghe tiếng của chúng cách cả cây số. Nhưng ngôi nhà cũ nhìn không hư hại gì cả. Ở trong sân phía sau nhà, chúng tôi tìm lại được cái thang dây, lôi nó đến cái giếng và cột một đầu vào cái khoen han rỉ trên mặt đất. Tôi kéo mạnh cái gút. Có vẻ như nó cũng an toàn. Mungo thả đầu kia của cái thang qua miệng giếng. “Được rồi,” hắn nói, “Xong rồi đó. Tụi mình sẽ không gặp lại nhau đâu. Tụi mình phải gắng hết sức nhé.”

“Tốt lắm.” Tôi giơ hai tay lên để hắn đập tay vào nhau nhất trí.

“Mày làm cái gì vậy?”

“Không biết hả? Không biết thì thôi.”

“Chúc may mắn vậy. Và hãy nhớ là: biết mày là ai đấy nhé.” Hắn bắt tay tôi như thể chúng tôi là hai tay nhà quê già đầu sắp sửa chui vô hòm.

Tôi leo xuống cho tới khi đầu của Mungo chỉ còn là cái bóng mờ trong quầng sáng nhợt nhạt phía xa trên kia. Rồi giữ vững người bằng tay trái, tôi nhấc tay phải lên vẫy nhẹ. Tôi mừng là tôi đã ở dưới xa nên Mungo không thấy được nước mắt đang chảy dài trên má làm môi tôi mặn chát. Tôi chờ cho hắn vẫy lại. Chẳng thấy gì. Rồi khi tôi không còn hi vọng gì nữa, thì hắn giơ cả hai tay lên. Một cái đập tay nhất trí trễ tràng. Tôi nhe răng cười và hít ngửi trong bóng tối lạnh căm căm khi sau cùng gương mặt hắn nhòa nhạt mất dần.

Xuống dưới, tôi xuống dưới nữa, chậm chậm để khỏi phải cạ các khớp ngón vào thành giếng, cố nhớ mọi điều Mungo đã khuyên. Khi xuống tới đáy, tôi phải giật mạnh cái thang để hắn kéo nó lên. Rồi tôi phải làm cho

mình thoải mái ở dưới đáy giếng, nhắm mắt lại và cố làm cho tâm trí trống không. Theo lý thuyết, thì những cảnh tượng và hình ảnh từ thực tại của tôi phải bắt đầu tuôn vào, nhưng nếu chúng không vào, thì tôi phải buộc chúng trở thành hiện hữu.

Điều quan trọng nhất là tôi phải giữ mình sao để không bị cảm dỗ mong muốn những điều không thật. Tôi phải muốn trở thành chính tôi, Mungo McFall. Và từ từ, không ý thức được, dễ dàng như rơi vào giấc ngủ, tôi sẽ len trở lại vào thực tại của mình. Tiến trình đó không được vội vàng. Mungo nghĩ là trong lần trước hẳn đã không chờ đủ lâu, cho nên bây giờ hẳn sẽ chờ ít nhất là mười lăm phút trước khi thả cái thang dây xuống lại. Khi mở mắt ra, thì tôi chỉ cần leo trở lên và thế giới của Mungo McFall sẽ chờ tôi ở trên đó.

Khi xuống tới đáy giếng thì thoát đầu tôi đã không nghĩ gì về nước cả. Có khoảng năm hay sáu cen-ti-mét, đủ để ngập đôi giày thể thao khi tôi bước ra khỏi cái thang dây, nhưng sau cơn mưa thì phải vậy thôi nên tôi cũng không ngạc nhiên gì khi có một ít nước trong lòng giếng. Tôi có nhiều điều quan trọng hơn để nghĩ tới, như là: tôi hiểu thế nào về chính tâm trí của mình?

Tôi giạng chân ra dưới nước lạnh và dựa vào lớp đá vôi ấm ướt của thành giếng, một cánh tay cuộn quanh một thanh gỗ trơn nhớt của cái thang dây. Yên lặng. Bóng tối xám xịt và ngọt ngào. Khi tôi cử động đôi chân, nước trong đáy giếng vỗ nhẹ vào mắt cá chân. Từ từ, đôi tai tôi bắt được một thứ âm thanh khác, từ phía trên cao hơn. Tiếng nước nhều giọt. Tôi muốn gọi Mungo, để nghe giọng hẳn một lần cuối, nhưng tôi cưỡng lại được sự cảm dỗ. Đã tới lúc làm những điều phải làm. Tôi giật mạnh cái thang dây. Không có phản ứng gì cả. Tôi giật mạnh hơn nữa, và cái thang dây thành linh bị kéo mạnh dưới tay nắm của tôi và tuột lên mất hút. Tôi lắng nghe cho tới khi tiếng kéo thang ngừng hẳn, có nghĩa là cái thang đã lên tới miệng giếng. Tôi tưởng tượng Mungo cuộn nó lại và mang về cái kho đằng sau đồng ngói. Tôi tưởng tượng Mungo sẽ đi mất mãi mãi. Tôi thấy rất là cô đơn trong những giây đó, chìm đắm trong sự tĩnh lặng của đáy giếng. Không thật sự hoàn

toàn yên ắng: Tiếng nước nhều giọt vẫn còn đó và nghe như lớn hơn, khẩn thiết hơn trước đó.

Đến lúc rồi. Tôi nhắm nghiền mắt và nghĩ về thế giới của tôi và khao khát biết bao được trở vào đó lần nữa. Tất nhiên có má tôi. Cả Bickleigh, cả Ngôi Nhà Thung Lũng, cả chuyện ông Cá Chua bồm xồm má tôi và Talullah thò lò mũi là bạn thân nhất của tôi nếu cần phải thế. Chỉ cần hãy để tôi là Mungo McFall!

Trái tim đập dồn nhịp ru tôi ngủ. Khi tôi thức giấc, không biết tôi có là tôi hay tôi đang ở một nơi mơ hồ nào đó?

CHƯƠNG 19

Điều đầu tiên tôi nhận ra là mực nước đã lên. Tiếng nước nhều giọt đã góp lại thành dòng, bây giờ nước đang chảy đều vào giếng và đã ngập tới đầu gối tôi. Điều thứ hai tôi nhận ra là: không có cái thang dây. Mungo chưa bỏ nó xuống lại mặc dù chắc chắn mười lăm phút đã trôi qua. Tôi gọi vọng lên cái lòng giếng trống lạnh: “Mungooo ơi!”

Tôi chợt thấy lạnh căm. Đây chắc chắn là thực tại mới của tôi. Tôi chưa đòi lại được cuộc đời của Mungo McFall. Tôi sẽ trở thành một thằng nhãi mắc kẹt dưới một cái giếng, hết chuyện. Mà chưa phải hết chuyện.

Kiểu này, đoạn cuối của câu chuyện sẽ là tôi chết đuối.

Đột nhiên, có một tiếng động inh tai. Một tiếng kim loại loảng xoảng từ phía trên cao, giống như một cánh cửa nhà tù trượt đóng lại, tiếp theo là một màn đen tối như mực làm cho màu xám lúc trước cũng sáng như đèn pha. Hãy tưởng tượng như bị ướp xác trong khăn liệm, quần băng keo trong bao rác, ném vào chóp đầu của một hỏa tiễn và bắn vào vũ trụ. Đột ngột thấy tối tăm và cô đơn như thế đấy. Một tiếng động khác: tiếng mấy con gà. Tiếng quang quác từ hàng trăm và hàng trăm con gà công nghiệp động lên đầu tôi như một cơn mưa những mũi kim nóng đỏ. Nếu bạn muốn làm cho ai đó phát điên trong vòng năm giây, bạn có thể phát cho họ nghe bản thân âm của thứ tiếng động này.

Rồi cái giếng biến thành cái bụng của một con rắn rung chuông. Tiếng chuông rung dội lại từ trên miệng giếng và vọng xuống dưới cho tới khi có cái gì đó đập vào đầu làm tôi hụt chân lao đảo té xuống nước, miệng hợp cả một ngụm đầy. “Ái dzaaaaaaaa!” Tôi ú ớ và loạng choạng, cố lấy lại thăng bằng, và trong khi đó tay tôi bám được vào một vật gì đó. Cái thang dây.

Bình tĩnh, bình tĩnh. Tiếng nhỏ giọt đã hòa vào thành một dòng chảy rất đều. Giờ nước đã lên tới bụng tôi, tôi đứng nhón chân trong lúc nước vỗ nhẹ và làm nhột lỗ rốn. Nhưng điều đó không quan trọng. Cả cái tiếng inh tai quang quác không ngừng kia và cú đập vào trán của một thanh ngang của cái thang, cũng không quan trọng. Quan trọng là tôi vẫn là tôi và tôi có phương tiện để thoát khỏi đây. Tôi giữ vững cái thang, mò tìm cái nấc cuối của nó bằng chân phải và bắt đầu leo lên.

Lúc leo, tôi thấy càng lúc càng vui hơn, nhẹ nhàng hơn theo từng nấc thang. Giờ thì không còn xa nữa, và tôi sẽ trượt vào một cuộc đời mà có vẻ như tôi chưa từng khát khao đến vậy. Tôi hào hứng đến nỗi không để ý rằng ở phía bên trên giếng không có chút ánh sáng nào rọi xuống. Rồi sau đó, một giọng nói vang lên át những tiếng quang quác kia, nghe rất gần.

“Mungo ơi?” giọng nói la lên.

“Mungo đây nè. Đổi kế hoạch nghe. Tao đang leo xuống đó.”

Chính vào lúc đó thì đế giày thể thao của Mungo đập trúng đầu tôi. Tôi với tay lên nắm lấy cườm chân hẳn. “Tao nè.” tôi gọi lại. “Tao ở ngay phía dưới này. Tránh xa tao ra, Mungo. Tao ngán vụ này lắm rồi. Tao chỉ muốn về nhà thôi.”

“Mày đâu thể về được.” hẳn nói. “Tụi mình phải xuống dưới đây. Đó là cách duy nhất.”

“Tụi mình sẽ chết đuối dưới đó. Dưới đó ngập nước rồi. Tao không biết mày chơi trò lừa gì nữa đây nhưng hãy để tao yên thân à ngen.”

Chúng tôi đang ở đó, lạnh cóng trong bóng tối như lũ nhện trong rãnh nước. Cả ngàn con gà quang quác, bốn lá phổi khò khè, hai quả tim đập thành thịch. Chờ đợi điều gì đó xảy ra, để một trong hai đứa phải nhường. “Nghe nè,” cuối cùng Mungo nói, “mày phải tin tao.”

“Hả!” tôi nói. “Tao nghe vụ này quen quen à nghe.”

“Cái giếng bị lấp rồi. Mày không thấy sao? Đó là lý do tại sao không có chút ánh sáng nào. Trong thực tại của mày thì nó bị bịt kín lại rồi và nghe giống như là cái trại gà công nghiệp mà mày nói đến đã được xây ngay trên miệng đó. Mày không thể ra khỏi, Mungo à. Tao muốn nói như vậy. Lẽ ra

tao có thể bỏ rơi mày. Đây là thực tại của mày, chứ không phải của tao. Tao đang liều mạng mà đến đây nè. Nhưng tao biết được chuyện gì đã xảy ra thì tao phải cố gắng giúp mày.”

Tôi im lặng. Vì đâu có lựa chọn nào khác đâu. Có muốn chết không nào? Tôi bóp mạnh cổ chân của Mungo và trở xuống cái ngói mộ ngập nước của mình.

Nước đang cù vào nách tôi nhồn nhột. Mungo ở cao hơn tôi khoảng mười cen-ti-mét, nói: “Nè, đứng trên bàn chân tao đi.”

Tôi cảm thấy hơi thở lạnh ngắt của Mungo phả trên mặt khi hắn nói. Nhưng chúng tôi không thấy nhau. Chúng tôi vòng tay ôm lấy nhau, để giữ thăng bằng và để cho ấm. Nhưng tôi vẫn thấy lạnh cóng. Chân tôi đang bắt đầu tê cứng. Sau một lúc, Mungo phải nằm dưới cánh tay tôi và giữ cho tôi khỏi trượt xuống nước. Tôi thật sự chỉ muốn làm như vậy, buông trượt luôn, bất tỉnh không biết gì nữa. Nhưng Mungo bắt tôi nói chuyện.

“Ba của mày như thế nào?” hắn hỏi. “Ngoài chuyện dễ thương ra.”

“Chiến lắm,” tôi đáp. “Ông rất chiến. Có...” Tôi cảm thấy mình đang chìm xuống.

“Ông có những gì hả, Mungo?”

“Giày rất chiến. Bằng da báo,” tôi cười lớn. “Mày sẽ trông không chiến chút nào khi mang đôi giày đó. Nè, đây là thực tại của tao, đúng không? Vậy mày đang làm cái giống gì ở đây?”

“Tao không thể bỏ rơi mày, phải không?”

Nước đã dâng quá cằm tôi. Tôi phải ngửa đầu ra phía sau để nước không trào vô miệng. Không còn nhiều thời gian nữa. “Tụi mình phải làm gì bây giờ?” tôi hỏi.

Im re. Lần này Mungo không trả lời gì cả.

CHƯƠNG 20

Đó là hai ngày trước khi họ tìm ra tôi. Dấu hiệu sự sống của tôi chỉ còn leo lét, đó là điều người lính cứu hỏa đã lôi tôi xuyên qua cái đường hầm và vào trong hầm rượu, nói với má. Lúc đó nước đã rút hết và ông ta tìm thấy tôi ngồi sụp ở đáy giếng. Người ta nghĩ rằng một thứ sinh lực nào đó trong tôi đã giữ cho cơ thể cầm cự được đủ dài để tôi sống còn. Chuyện khác thì tôi không kể với họ. Tôi không kể với họ điều gì.

Má kể với tôi Tally là đứa có ý kiến nên tìm trong hầm rượu. Tally nói là tự nhiên nó nghĩ tới điều đó, nhưng không ai tin như thế. Má nghĩ là tôi và Tally đã lén lút bồ bịch với nhau, đã thám hiểm cái hầm rượu đó từ trước và tìm thấy cái đường hầm bí mật dẫn tới đáy giếng. Đó là nơi bọn buôn lậu dùng để giấu rượu lậu trong thế kỷ mười tám và không khó khăn gì để tìm ra chỗ ấy. Bạn chỉ cần đọc cuốn sách mỏng của Plunkett Strawberry về đề tài này, có bán ở mọi cửa hàng buôn bán hòm cổ có tiếng.

Dù sao đi nữa, má cũng kể cho tôi nghe những gì đã xảy ra. Mọi người cùng nhau ngồi quanh đống lửa ở ngôi nhà Hedge End Hall. Mọi người ở đây là má, Brian (tôi phải ráng nhớ để gọi ông ấy như thế), Felicity và Talullah. Họ đã lo phát bệnh, nhấp nhòm trên ghế, má nói vậy. Đã hai ngày trôi qua kể từ khi tôi mất tích.

Hệ thống điện thoại di động bị hỏng nhưng cảnh sát đã tìm được cách liên lạc hỏi người ở London và loại trừ khả năng tôi đã trốn lên đó lần nữa. Tuy nhiên, theo lời của má, làm sao tôi lên đó được, khi mà hệ thống giao thông cũng đã tê liệt luôn? Mấy đội cảnh sát với chó nghiệp vụ đã mất cả một ngày để lùng sục các cánh đồng và cánh rừng xung quanh Bickleigh. Có thể tôi đã bị mắc kẹt dưới một cái cây bị đổ nào đó (hay chết đuối trong ao nước lã,

điều mà họ đã không muốn nói ra). Trong lúc mọi việc này xảy ra, Brian và Felicity (thấy chưa, tôi đã quen vụ tên gọi đó rồi) đã đưa má lên Ngôi Nhà Hedge End Hall, nơi đó vẫn còn vũng vàng chống lại cơn bão – duy chỉ có một chỗ hư hại, ngoài việc một vài mảnh ngói trên mái nhà bị mất, là vài máng xối khắc hình đầu thú – và có máy phát điện riêng.

Tối ngày thứ nhì thì như thể mọi khả năng đều vô vọng, và má nói bà đã không còn hy vọng thấy tôi còn sống bằng xương bằng thịt lần nữa. Brian đã đốt một đồng lửa và mọi người uống trà và im lặng, rồi Tally chạy ào vào phòng với vẻ rất kích động. Má nói rằng cô nhỏ đã rất dịu dàng và lo lắng suốt, và giờ thì cô nói: “Tại sao mình không tìm trong hầm rượu?”

Cá Chua - ồ, xin lỗi, Brian chứ - nói: “Con nói cái gì vậy?”

Tally nói: “Ba biết mà, cái hầm rượu”. Cô nhỏ dậm chân trên sàn nhà. “Có một cái đường hầm bí mật dưới đây nè, phải không nào? Con vừa có một linh tính rất mạnh rằng ảnh ở dưới đó.”

Felicity nói: “Má đâu biết mình có một đường hầm bí mật”.

Brian nói: “Làm ơn đi mà, Talullah, nếu con muốn nói điều gì thì hãy chắc rằng nó có lý chứ.”

“Con nói thiệt mà,” Tally nói.

“Nghĩ kỹ lại coi cưng,” Brian nói. “Tại sao Mungo lại vô trong hầm rượu nhà mình và tìm một đường hầm bí mật? Nó chẳng hề biết có cái hầm rượu ở đó. Ngay cả má con cũng đâu biết nó ở đó nữa kìa.”

Má nói rằng Tally mỉm cười. “Có khi anh ấy không vô trong hầm rượu,” cô nói, “có thể anh ta tới đó từ cái giếng.” Tally rời căn phòng. Không ai nói gì. Đồng hồ tích tắc trên lò sưởi. Năm phút sau Tally trở lại, la ãm lên. “Con nghe tiếng ai đó đang rên! Gọi đội cứu hỏa mau!”

Họ để tôi ở lại Ngôi Nhà Hedge End Hall vì các bệnh viện đã quá tải những nạn nhân của cơn bão. Sau khi bác sĩ đã khám cho tôi, một y tá tới với bình nước biển và đặt một đường truyền vào mạch máu ở lưng bàn tay tôi trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Tôi từ từ tỉnh táo lại sau vài giờ. Không phải lần đầu tiên, tôi nghĩ rằng mình đã chết. Tôi không nhận ra căn phòng, và má đang đứng quay lưng ra ngoài cửa sổ, nên đầu của bà ngược

sáng và trông như đầu thiên thần. Má cúi xuống ôm tôi và nói: “Ô, cưng ơi, con tỉnh rồi.”

Và tôi biết mình còn sống, tôi trở lại là Mungo McFall. Nhưng sự nhẹ nhõm đó không kéo dài. Khi tôi nhớ lại những chi tiết trong vài phút trước khi tôi bất tỉnh, thì thắc mắc bây giờ là: Mungo Boland là ai và ở đâu?

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?” tôi hỏi.

Và đó là lúc má giải thích về Tally và cuộc giải cứu. “Hồi đó con cứ giả bộ là con ghét nói tới con bé ấy vậy mà hai đứa lại là bạn bí mật của nhau!” Má nói: “Con thật là một chàng trai lạ lùng và tuyệt vời quá ha.”

Chuyện này chẳng có lý chút nào. Tôi lắc đầu. “Vậy lúc người ta tìm thấy con, thì không có...” tôi ngập ngừng.

“Có gì kia?” Má hỏi.

“... có ai khác ở đó với con không?”

“Ai nào? Mungo, con đang nói với má là ở đó còn có ai khác đang mất tích nữa à? Bởi vì nếu như vậy thì mình phải báo cho cảnh sát biết ngay.”

Má đã đi được nửa đường đến cửa. “Không, không có đâu,” tôi vội vàng nói. Rồi tôi nói tiếp, rất nhỏ, biết lỗi nữa – “Ý của con chỉ là, má biết mà, cái người mà con có nói tới hồi trước.”

“Con muốn nhắc tới Mungo? Ôi cưng của má ơi.”

Mày là đồ khùng! Mày là đồ khùng! Chắc má đang nghĩ vậy.

Má tới bên giường ôm tôi một lúc lâu. “Hứa với má đi,” bà nói thì thầm trong tóc tôi, “dù cho con có tuyệt vọng hay buồn hay cô đơn đến mức nào đi nữa, thì con đừng bao giờ diễn cái trò giống như vậy nữa nghen.”

Da của tôi đã thành trắng bệch và nhăn nheo, tôi trông như một thằng đồng bóng. Nhưng không có tổn thương lâu dài. Hai ngày sau đó tôi không gặp một ai ngoại trừ má. Bà đem đồ ăn, thức uống, và giúp tôi đi vệ sinh khi cần, rồi ngồi ở cuối giường trò chuyện, nhưng rất thận trọng không nói về những chuyện thật nghiêm trọng mà cả hai má con đều biết là sau cùng thì cũng phải nói với nhau cho ra lẽ, khi nào tôi khỏe lại. Những điều cơ bản như ba chết và tôi bị tâm thần. Tóm lại, tôi thích cái ý nghĩ mình là một

thằng khùng, cái ý nghĩ tất cả mọi chuyện có liên quan với Mungo là sản phẩm của sự tưởng tượng quá mức và điên loạn của tôi. Thậm chí tôi cố tin vậy. Nhưng những bằng chứng sờ sờ kia chống lại tôi.

Tôi biết ngay rằng tôi ở đâu, tất nhiên là tôi biết. Sau khi má đã giải thích rằng chúng tôi đang ở tại Ngôi Nhà Hedge End Hall, là sở hữu của Brian và Felicity, tôi đã hiểu ra điều đó khá là nhanh. Tôi đang ở trong Ngôi Nhà Thung Lũng Hạnh Phúc. Cái lò sưởi trong phòng ngủ của tôi, cái lò sưởi có bình hoa khô trong đó và trông không giống như nó đã được sử dụng trong nhiều năm qua, là một trong những lò sưởi đã trông như thể đang treo lơ lửng giữa không khí. Cửa phòng là một trong những khung cửa đã mở vào hư không. Nhưng Ngôi Nhà Thung Lũng Hạnh Phúc không hiện hữu trong thực tại của tôi, giờ thì tôi biết điều đó. Tôi biết là Mungo đã nói sự thật, rằng hắn đã cứu mạng tôi, và rằng bây giờ thì chắc là hắn đang quay mòng mòng ở đâu đó, như một chiếc vớ trong tiệm Bosch.

Có lần, từ phía xa của ngôi nhà, tôi nghe tiếng búng đàn và âm vang của một cây đàn ghi-ta điện, theo sau đó là đoạn nhạc lặp đi lặp lại nghe như tiếng một đoàn xe lửa. Tally đó, má nghĩ như thế. “Nhưng con nghĩ là con bé chơi cello chứ,” tôi nói.

“Con nghĩ nhiều chuyện quá.” Má nói, rồi nháy mắt. Bà đang đứng bên cửa sổ nhìn ra những rặng cây xanh sậm và màn mưa phùn phủ nhòa lên chúng. “Tới đây ôm má cái coi.”

Chúng tôi đứng cạnh nhau bên cửa sổ. Phía ngoài đầu của má, cái máng xối có hình đầu sói hiện ra thật rõ. Đôi tai của nó trở lại và nó đang phun ra một xoáy nước vô tận. “Con nghĩ thế nào nếu mình dọn nhà trở lại London?” Má nói mà không nhìn tôi.

“A!” Tôi nhảy cẫng vì vui, một mình làm một màn ăn mừng làm bàn của đội bóng Arsenal.

“Mừng là ý kiến đó được chấp nhận”.

“Má không xí gạt con đó chứ?”

“Má không xí gạt con đâu, cưng. Má nghĩ mình bỏ thời gian về Bickleigh để rút kinh nghiệm và tiếp tục sống. Má trở thành một người tin vào việc bỏ

lại sau lưng quá khứ và tiếp tục đời sống mới.”

Tôi cảm thấy khoái lẫm, nhưng hơi có mặc cảm tội lỗi. Đột nhiên cuộc đời tôi có vẻ sáng sủa quá trong khi Mungo, người đã cứu vớt nó, chắc là đang phải lẩn lóc ở đâu đó. Làm sao tôi có thể biết được điều gì đã xảy ra với hắn?

Má ôm chặt lấy tôi. “Làm sao mà con lại nghĩ là ba của con không phải là ba ruột, hả? Con giống ông quá trời mà. Ông hay nói cái gì đây ta? “Tôi ghét miền quê. Tôi ghét cây cối.” Và cái gì nữa? “Cho tôi...””

“Những dây cao ốc. Và tiệm bánh mì thịt nướng, tiệm xăm mình và tiệm bán ủng và... và...”

“Con nghĩ gì về ba?”

“Rất chiến,” tôi đáp và má cau mày, không tin tôi.

“Thiệt đó. Con biết ba luôn luôn ở quanh đây theo cách riêng của ba và chỉ điều đó là quan trọng. Nè, sau cùng rồi con có thể làm món cà-ri rau tươi của Thái cho má ăn nghen. Má không thể tìm đồ nấu ở quanh đây đâu. Và con sẽ trả lại má món tiền mà con đã chôm. Con xin lỗi nghen.”

“Thôi bỏ đi Tám,” má nói và hai má con cùng cười.

“Ngộ hé, con biết đó,” má nói, “nhưng hầu như má không bao giờ rời Bickleigh. Khi má mười tám tuổi, thì má có được một chỗ trong khóa học căn bản ở London, rồi má lên đó một ngày để xem trường đại học như thế nào và má ghét nó ghê gớm. Má chưa bao giờ ở London trước đó và nó làm má sợ thấy mồ. Bọn mặt mũi láu cá ở khắp mọi góc phố. Má về, nói với bà ngoại, đừng hòng là má lên đó sống. Mình không sao biết được chuyện gì có thể xảy ra ở một nơi như vậy. Hừm!”

“Thiệt vậy à?” Tôi nói, giả vờ ngạc nhiên.

“Dù sao đi nữa, má vui khi nói rằng ông ngoại đã thuyết phục má cứ thử một chuyến xem sao, và tất nhiên má đã thích. Rồi má gặp ba và tất cả mọi chuyện còn lại đã xảy ra đó.” Bà sụt sịt khóc.

“Sẽ không giống như ngày xưa đâu, vậy nghen, khi mình trở lại London. Để khởi sự lại từ đầu, má không biết có nơi nào vừa túi tiền mình không?”

Mình có thể phải sống xa ra ngoài, con hiểu điều đó phải không, cưng?”

“Con hiểu điều đó. Mình có thể làm lại từ đầu. Con sẽ tìm bạn mới, con không quan tâm điều đó đâu.”

“Mình có thể tới Whipnade một ngày nào đó nếu con muốn. Tới thăm mấy con sói. Má sẽ đưa con tới đó.”

Tôi lắc đầu nói: “Không.”

“Không à?” Má có vẻ ngạc nhiên.

“Con tin vào chuyện bỏ qua quá khứ và tiếp tục đời sống mới,” tôi đáp và má làm bộ cú lên đầu tôi vì tội hỗn hào.

“À, dù sao đi nữa,” má nói, “con có thể vẫn gặp Vernon và Barry. Má đã quên hết mấy vụ đó rồi. Thật ra nó cũng mắc cười ha. Tụi con trai chúng mày, má không hiểu nổi.” Bà bật cười lớn.

“Con không nghĩ là con muốn gặp tụi nó. Tụi nó sẽ không bao giờ giống...” Tôi sắp sửa nói “Mungo.” “Vern là một thằng điên,” tôi nói tiếp: “Má không thể tin nổi những gì nó đã làm đâu. Có lần nó...”

Má bịt tai lại. “Má không muốn nghe đâu.”

“Đồng ý, đồng ý,” tôi nói và má buông tay ra khỏi hai tai. Rồi tôi nói: “VẬY còn chuyện giữa má với... Má biết con nói ai mà, ra sao rồi...” Tôi hất đầu về phía cửa, ám chỉ người chủ của ngôi nhà này.

Má trợn mắt, cảnh báo tôi đừng nói lớn quá và nói: “Ai vậy? À, ý con muốn nói ông CÁ CHUA!”

Rồi cả hai má con khúc khích cười.

Rồi má lắc mạnh đầu, nhắm mắt lại nói: “Má đã nghĩ cái giống gì vậy không biết nữa? Con có bỏ qua cho má không?”

“Hay quá,” tôi nói, “má có biết con đã học được cái gì trong mùa hè này không? Đó là thế giới này như là một...” Tôi làm bộ tìm lời để diễn tả cho đúng. “... như một cánh rừng, và đời người giống như một lối đi qua khu rừng này. Mình nghĩ nó như là một tuyến đường thẳng băng nhưng trên mỗi bước ta đi thì có vô số những bước khác mà mình có thể đi. Cho nên...” Tôi không nhớ được nên nói tiếp như thế nào.

Má cau mày. “Con học ý nghĩ đó từ đâu vậy? Má nghe quen quen.”

“À... a... đó là những điều mà ba thường hay nói.”

“Sao cũng được, nói tiếp đi,” má nói. “Má đang nghe nè. Nghe thú vị lắm đó.”

“Ô, con không nhớ nữa rồi,” tôi nói. “Mà coi chừng, tai vách mạch rừng đó.”

“Nghe thâm thúy lắm, má nghĩ vậy đó,” bà nói.

Trong buổi sáng ngày thứ ba khi tôi đang tịnh dưỡng, Tally ló đầu vô từ cánh cửa. Đó là lần đầu tiên tôi thấy con bé ở khoảng cách gần như vậy, và con bé nhìn hoàn toàn khác so với những gì tôi nghĩ về bề ngoài của nó. Mái tóc vàng óng của con bé có những vật ngộ nghĩnh cột vào: cái nơ, sợi dây, hạt nút, và cái kính nặng nề gọng đen của nó nhìn vậy mà rất oách và ngộ, không như một sách chút nào. Nó mặc đồ vải thô bạc màu, rộng thùng thình. Tôi làm bộ ngủ để hi hí mắt quan sát con bé. Bờ vai con bé nhìn hơi suôn. Tôi tưởng tượng mình đặt tay lên đó. Phần trên của đôi cánh tay của con bé vừa giống cánh chim vừa giống đồ sứ chưa tráng men, vừa cứng cáp mà cũng vừa mỏng manh.

Sau một phút, tôi mở hăn mắt ra và nói: “Chào em.”

Con bé nói: “Anh thấy trong người thế nào? Em cố vào thăm anh nhưng má anh lúc nào cũng kè kè như vệ sĩ đang làm nhiệm vụ ấy.”

Tôi kinh ngạc. Giọng con bé nói rất London. “À, đúng vậy,” tôi đáp. “Nè, cảm ơn nghe vì... em biết vì cái gì mà.”

Tally cười và nói: “Nè, không có gì đâu.” Rồi con bé thì thào. “Nghe nè, em chưa nói hết mọi chuyện với cảnh sát đâu và cả với ông cà chớn mà người ta gọi là cha em. Em đã gặp tay bồ tèo của anh và ảnh nhờ em chuyển cho anh một lời nhắn bí mật? Vậy tên ảnh là Mungo hả? Em đâu có hiểu chuyện đó bởi vì em tưởng anh mới là Mungo, nhưng chắc đây là một chuyện riêng của mấy ông con trai... Dù sao đi nữa, ảnh bảo nói với anh là ảnh rất ngon cơm. Ủ, ảnh không xài chữ đó nhưng đó là ý ảnh muốn nói.” Con bé thấy sự biểu lộ cảm xúc của tôi. “Đừng lo, em chưa nói với ai đâu.

Ảnh bảo tốt nhất là đừng bép xép, bởi vì có vẻ như má của anh ghét ảnh lắm?”

“Đúng vậy,” tôi nói. Tôi thấy hạnh phúc và sự nhẹ nhõm ngập tràn cơ thể như ánh nắng tỏa chiếu trên các cánh đồng. Mungo còn sống! Mungo thật là chiến! Vào giây phút đó không có điều gì khác là quan trọng, kể cả cái chết của ba tôi. Tôi cảm thấy như thể tôi hạnh phúc như thế này mãi mãi. “Ồ... đâu... em gặp hấn ở đâu?” Tôi hỏi, vẫn cố giữ vẻ mặt tỉnh bơ.

“Ồ, wow, thật là ớn, phải không? Em đang chơi đàn ghi-ta trong phòng mình và không nghe tiếng ảnh vào, ảnh làm em sợ muốn chết, em tưởng ảnh là ma...”

Và đó là cách tôi hiểu ra Mungo đã cứu tôi như thế nào. Hấn đã nói với Tally rằng hấn ít khi đường đột xông vào nhà người ta nhưng đây là trường hợp khẩn cấp bởi vì bạn của hấn đang rất là yếu ở dưới giếng. Hai người đã xuống đó từ dưới chuồng gà, rồi nước trong giếng dâng lên và họ không thể thoát ra được. Bạn của hấn ngất đi và hấn tưởng là cả hai sắp chết đuối. Rồi trong giây cuối - hấn nói hấn đang vùng vẫy, thử đủ mọi cách, tưởng đã tuyệt vọng - thì hấn tìm ra lỗ dưới nền của đáy giếng, và trong cái lỗ có một cái khoen. Hấn kéo mạnh cái khoen đó thì một cái cửa sập mở vào hầm bí mật của dân buôn lậu dẫn đến hầm rượu của nhà Tally. Trong lúc nước mưa đang chảy ra khỏi giếng, thì Mungo từ hầm rượu leo lên tìm người giúp. Tally xuống hầm rượu, nghe tiếng tôi rên rỉ thì chạy lên la làng chói lói. “Gọi 999!”^[28]

“Từ đó ảnh biến mất, bốc hơi mất,” Tally nói. “Nói là ảnh không thể lòng vòng quanh đây, ảnh có một đường về rất xa để trở lại nơi ảnh đã từ đó tới. Theo cái cách ảnh nói, thì như là ảnh đang sống ở Bắc Cực hay sao đó. Nè, có phải anh là người yếu thần kinh không?”

“Cái gì!” Tôi la lên. “Hổng có chuyện đó đâu! Chúa ơi! Ai nói với em như vậy?”

Tally nhún vai, cuộn cái nơ trên tóc quanh ngón tay. Rồi con bé chỉ tay vào tôi và cười to. “Lên dây thiều, lên dây thiều. Máy anh đã chạy ngon chưa? Em lên dây ngon không?”

Cửa chợt mở, má bước vào phòng. “Ô, xin lỗi...” bà nói.

“Không sao đâu bác,” Tally đáp lại, “cháu cũng tính đi đây.”

“Trước khi cháu đi,” má nói, “cô đang nghĩ vậy nè Tally. Có lẽ, khi Mungo và cô trở về London rồi, cháu có thích tới ở chơi với má con cô không?”

“Tuyệt quá.” Tally đáp.

“Mungo nè? Con nghĩ sao?”

“Sao cũng được,” tôi đáp, nhưng đôi mắt tôi sáng lên.

Tally bước ra cửa, đặt tay lên cái nắm cửa. Rồi cô quay lại đối diện với chúng tôi. “Ô, suýt nữa là quên mất.” Cô mò trong túi yếm của bộ đồ vải thô đang mặc. “Anh biết cái anh chàng mà em vừa mới kể với anh, anh cũng tên là Mungo đó?” Con bé nháy mắt với tôi và chìa ra một vật bằng kim loại rồi ném nó lên giường. “Ảnh biểu em đưa cho anh cái này nè.”

HẾT

• Chú thích •

[1] Nguyên văn: the Eighth Armoured Division - Binh Đoàn Thiết giáp Thứ Tám - một đơn vị thuộc quân đội Anh trong thế chiến thứ hai. Ở đây tạm dịch thoát là Đội Hiệp Sĩ Cứu Khốn Phò Ngụy.

[2] Deadsville: dịch theo từng chữ là Làng Chết Chóc, một lời mỉa mai.

[3] Trong cuốn sách này tác giả dùng chữ “Manure munchers” (những kẻ nhai phân bón) một cách miệt thị. Người dịch dịch thoát là những kẻ què mùa, nhà què, củ chuối... tùy vào các văn cảnh.

[4] Rastas: bọn giang hồ xứ Congo.

[5] Manuresville: tạm dịch là “làng phân bón”.

[6] Plunkett-Strawberry: là một cái tên có vẻ khôi hài. Có thể tạm dịch là “Dâu cà tưng”.

[7] Lasagne: món bột lát, sốt cà chua, và phó mát.

[8] Ciabatta: một loại bánh mì Ý rất phổ biến ở London.

[9] Kebab: là món ăn sử dụng thịt nướng, phổ biến tại Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Trung Á, Nam Á...

[10] The Happy Valley: tạm dịch là Thung Lũng Hạnh Phúc.

[11] Eric Clapton: Nhạc sĩ nổi tiếng.

[12] Kevin Spacey: Đạo diễn, tài tử nổi tiếng.

[13] Elvis Presley: Ca sĩ nổi tiếng.

[14] Erwin Schroedinger: Nhà khoa học người Áo đoạt giải Nobel năm 1933.

[15] Keith Richards: Nhạc sĩ, thành viên của ban nhạc Rolling Stones.

[16] Nguyên văn: Elvis the Pelvis, đọc trại tên danh ca Elvis Presley.

[17] Uroboros: là một biểu tượng cổ có hình con rồng uốn thân nuốt đuôi của chính nó và làm thành một vòng tròn.

[18] Boomerang: một loại vũ khí của thổ dân Úc, ném đi thì nó bay vòng trở lại với người ném.

[19] Fabregas: cầu thủ bóng đá Tây Ban Nha, đội trưởng câu lạc bộ Arsenal.

[20] UFO: unidentified flying object - vật thể bay không xác định, đĩa bay.

[21] You EFF oh (phát âm giống UFO): Mày BỤP.

[22] Đôi Giày Da Màu Xanh: Blue Suede Shoes. Ca khúc của nhạc sĩ Carl Perkins viết và ghi âm năm 1955.

[23] Lời bài hát Đôi giày da màu xanh. Tạm dịch:

Một là vì tiền

Hai là cho buổi diễn

Ba sẵn sàng

Nào, cưng, hãy đi thôi.

[24] Tạm dịch:

Làm bất cứ điều gì em muốn, nhưng uh uh

Cưng ơi tránh xa đôi giày anh ra.

[25] Funky cool ultra kinky: viết tắt của FCUK - một nhãn hiệu thời trang.

[26] Che Guevare: Nhà lãnh đạo phong trào cách mạng Cuba.

[27] Ribena: một hiệu nước trái cây.

[28] 999: số điện thoại khẩn cấp ở Anh.

Table of Contents

[CHƯƠNG 1](#)

[CHƯƠNG 2](#)

[CHƯƠNG 3](#)

[CHƯƠNG 4](#)

[CHƯƠNG 5](#)

[CHƯƠNG 6](#)

[CHƯƠNG 7](#)

[CHƯƠNG 8](#)

[CHƯƠNG 9](#)

[CHƯƠNG 10](#)

[CHƯƠNG 11](#)

[CHƯƠNG 12](#)

[CHƯƠNG 13](#)

[CHƯƠNG 14](#)

[CHƯƠNG 15](#)

[CHƯƠNG 16](#)

[CHƯƠNG 17](#)

[CHƯƠNG 18](#)

[CHƯƠNG 19](#)

[CHƯƠNG 20](#)